PHẬT HỌC

TỪ QUANG

Tập 37



PHẬT HỌC XÁ LỢI

Tỳ kheo Thích Đồng Bổn chủ biên

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

TỲ KHEO THÍCH ĐỒNG BỔN
Chủ biên

Phật học
TỪ QUANG

Tập 37

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Hội đồng biên tập
TS. BS. Đỗ Hồng Ngọc
PGS. TS. Phạm Anh Dũng
PGS. TS. Trịnh Sâm
PGS. TS. Hoàng Thị Thơ

Chủ biên
Tỳ kheo Thích Đồng Bổn

Biên tập
TS. Phạm Văn Nga
Nhà báo Vu Gia
Cư sĩ Minh Ngọc

Sửa bản in
Cư sĩ Trí Tâm

Trình bày
Khánh Lê

Văn phòng Ban Biên tập
89 Bà Huyện Thanh Quan,
P. 7. Q. 3, TP. HCM



PHẬT HỌC TỪ QUANG

Tập 37 - Tháng 7 năm 2021
(PL. 2565)

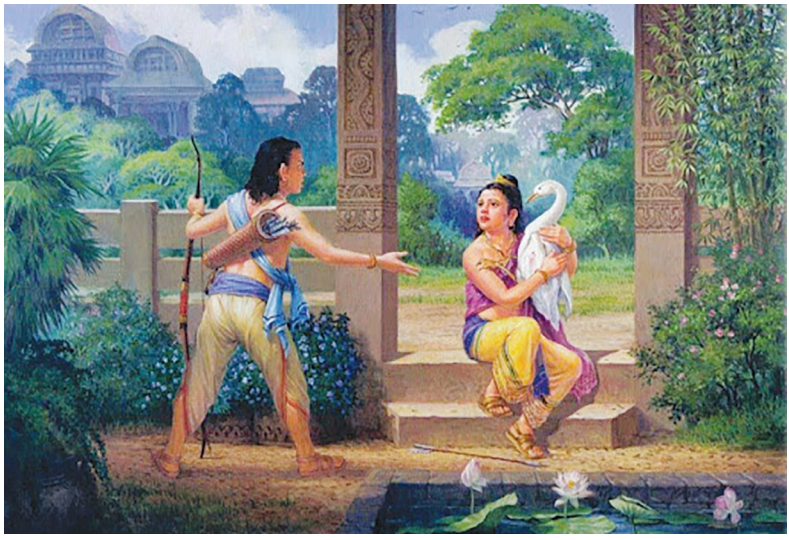
Trong tập này

Thích Thiện Đạo: Tinh thần nhân bản trong đạo Phật ..... *trang 4*
Trần Quê Hương (thơ): Đời người huyễn mộng 8

Đỗ Hồng Ngọc: Mười hạnh Phổ Hiền 12
Lê Hải Đăng: Bồ tát Quan Thế Âm - hiện thân của lòng từ bi 20
Chử Thị Kim Phương: Lễ Phật đản thời dịch bệnh Covid 25
Vu Gia: Từ những nét đặc trưng của Thiền tông, nghĩ về đạo và đời 31
Nguyên Cẩn: Vị Bồ tát mang dép ngược 37
Hoàng Văn Lễ: Gia phả và hành trì đạo pháp của Ni trưởng Diệu Không 43
Tuệ Nha (thơ): Chiều Vu lan 51
Nguyễn Đại Đồng - Ninh Thị Sinh: Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Thanh Hóa 52
Vân Hà (thơ): Công đức sinh thành 66
Tuệ Ân: Bài kinh Ratana nhiệm mầu ngăn ngừa dịch bệnh 67
Thích Vạn Ngộ: Thiền Đại thừa ở một số nước châu Á 81
Nguyễn Văn Thức (thơ): Nụ cười phiếm luận 96



Huỳnh Văn Ửu: Tự bảo vệ mình trước nạn đại dịch Covid-19 97
Huỳnh Văn Minh (thơ): Thanh tảo ca 101
Nguyễn Tấn Quốc: Dấu ấn Phật giáo trong di sản văn hóa ở Long An 103
Nguyễn Thanh Vũ: Mẹ là người phụ nữ tuyệt vời nhất 109
Tuệ Lạc: Đạo Phật nói gì về ô nhiễm môi trường 111
Viên Thắng: Mẹ có nghĩa là mãi mãi 123
Trần Đình Sơn: Lắng nghe di huấn của bậc danh tăng 127
Dương Thanh Mừng: Bước đầu tìm hiểu về Hội Phật Di Đà 132
Dương Kinh Thành: Mùa Vu lan nhớ về đoàn học sinh Phật tử mang tên Mục Kiền Liên 139
Lục Tiểu Thần Phong: Mùa lễ Tạ ơn lại về 144
Nguyễn Hải Hoành: Vài nét về công tác dịch thuật tại Liên Hiệp Quốc 150
Nguyễn Minh Huyền - Phạm Thị Chuyền: Nghi thức thực hành Phật giáo tại chùa Đình Quán (Hà Nội) hiện nay 156
Bảo Thắng - Đặng Xuân Xuyến: Phúc đức có phải là biến thể của luân hồi nhân quả 170
Trí Minh - Đặng Hùng Anh: Kinh Bách dụ (chuyển thơ) 175
Đặng Trung Thành: 365 ngày đều là Vu lan 176
Thích Huyền Lan: Mùa hoa báo hiếu 178
Mã Lam (thơ): Vu lan dâng mẹ mát màu nhớ thương 187
Cao Thăng Bình: Phật pháp giữa đời thường: Nhớ ba má ngày Vu lan, Chuyển đau khổ thành hạnh phúc 188
Hàng Châu: Di tích cấp quốc gia Đình thần Linh Đông 190
Trí Bá - Trí Tâm - Nhuận Kiên: Thông tin 194



Tinh thần nhân bản trong *ĐẠO PHẬT*

HT. THÍCH THIỆN ĐẠO

Đức Phật là vị giáo chủ duy nhất trên thế giới không nhân danh Thần linh hay Thượng đế mà chỉ nhân danh con người và chỉ con người mà thôi. Tất cả những gì Ngài đạt được không do thần linh ban thưởng, mà hoàn toàn do nỗ lực và trí tuệ của một con người.

Theo đức Phật, vị trí con người là tối thượng, là chủ nhân của chính mình. Con người có khả năng thánh thiện, có thể thành Phật. Ngài thường dạy các đệ tử: *"Ngươi là nơi nương tựa của chính mình, còn ai khác có thể là nơi nương tựa"*.

Phát xuất từ tư tưởng nhân bản trên, đạo Phật được xác nhận như là một học thuyết về con người tự chủ tự do tuyệt đối. Chính tư tưởng tự do này đã giải thoát con người ra khỏi sự ràng buộc của các thế lực thần quyền, vô minh tà kiến. Mặt khác, do vì xác định con người là tối thượng,

là tự chủ cho nên không có vấn đề gì mà con người không giải quyết được bằng vào sự nỗ lực vượt bực của chính mình.

Trên căn bản đó, đạo Phật không tán đồng thái độ hoài nghi hay ỷ lại. Do dự không quyết tâm trong việc thanh lọc thân tâm, không giúp gì cho việc tiếp cận chân lý. Đức Phật khuyên chúng ta phải quán triệt các pháp để thực nghiệm chân lý, và khi đã thực nghiệm, chúng ta không còn hoài nghi do dự, mà cần phải nỗ lực thanh tịnh nội tâm để có an lạc. Cuộc đối thoại giữa Đức Phật và những người Kalamas là một thực tế sống động. Một hôm những người ở bộ lạc Kalamas hỏi Đức Phật rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn! Giáo sĩ các giáo phái khác đều nói rằng chỉ có giáo pháp của họ là đúng. Đức Thế Tôn cũng nói giáo pháp của Thế Tôn là đúng. Vậy con nên tin vào ai?

Đức Phật dạy:

- Các ngươi chớ tin vào ai cả. Các ngươi cứ đem thực nghiệm những gì ta dạy, và khi biết đó là thiện, là tốt thì các ngươi hãy chấp nhận và tin theo.

Đối với những ai có thái độ do dự về chân lý, Đức Phật ân cần dạy:

- Người nào thấy được chân lý, đã đạt được chân lý, đã nhập vào chân lý, người ấy không còn do dự, đã vượt qua trạng thái hoài nghi. Với trí tuệ chân chính, người đó thấy sự vật như chính sự vật.

Ngoài ra, tinh thần bao dung tha thứ, biết chia sẻ quan điểm với người khác là một nét đặc thù nữa của Phật Pháp. Đức Phật thường dạy các đệ tử nên tôn trọng các tư tưởng, các lý thuyết khác với tư tưởng tôn giáo mình. Có lần một đệ tử tại gia của Phật, tên Ưu-Bà-Li, bỏ thầy cũ xin quy y Đức Phật. Thay vì bảo Ưu-Bà-Li chỉ tôn sùng mình, Đức Phật đã khuyên ông ta phải giữ lễ và tôn trọng thầy cũ của ông ta vâng theo lời dạy của Đức Phật. Vua A Dục, sau khi đã trở về với chánh pháp, vẫn ban hành những sắc lệnh tôn trọng bảo vệ các tôn giáo khác khắp lãnh thổ Ấn Độ.

Theo tinh thần bao dung này, con người không nên có thái độ nhân danh cái này để tiêu diệt

cái khác. Theo Đức Phật, chân lý không có nhãn hiệu, người đi tìm chân lý phải loại trừ các thành kiến cố chấp để tâm hồn không bị hạn chế vướng mắc, không có hàng rào ngăn cách giữa mình và người. Thái độ cố chấp tự tôn: *"chỉ có đây là chân lý, mọi cái khác đều sai lầm"* hoàn toàn trái ngược với giáo pháp của Đức Phật. Hành giả của đạo giải thoát phải là người có trí tuệ khai phóng, không bao giờ mang tâm niệm bảo thủ, bởi vì khi ôm giữ một cái gì ta không thể tiến bộ được.

Câu chuyện người cõng bè sau khi đã sang sông là một thí dụ sâu sắc. Qua thí dụ này, Đức Phật đã dạy:

- Hỡi các Tỳ Kheo, ta đã truyền dạy một giáo pháp tợ như chiếc bè, nó cốt để đưa người qua sông chứ không phải để mang theo.

- Hỡi các Tỳ Kheo, đã hiểu giáo pháp như chiếc bè, các ông cần phải từ bỏ, ngay cả những thiện pháp, huống nữa là những phi pháp, các ông lại phải càng xả bỏ biết chừng nào.

Như vậy, các chướng nạn cố chấp bảo thủ đã vượt qua, chúng ta cần có quan điểm thực tiễn trong cách sống. Đây là một khía cạnh nhân bản khác được chứa đựng trong giáo pháp của Đức Phật. Ngài không ru ngủ, không mê hoặc, không hứa hẹn viển vông đối với đệ tử. Ngài thường dạy:

- Giáo pháp của ta đến để thấy biết, chứ không phải để tin theo.

Những vấn đề vô hình viển vông, không có lợi cho sự giải thoát, hay chỉ thoả mãn nhu cầu của tri thức đều bị Đức Phật bác bỏ, bởi vì những vấn đề đó không thiết thực lợi ích cho con đường giải thoát tu chứng. Qua câu chuyện người bị trúng tên độc, Đức Phật đã nhắn nhủ:

- Những gì ta giải thích thì coi như đã được giải thích, và những gì ta đã không giải thích thì sẽ xem như là không được giải thích. Những gì ta không giảng giải vì chúng không ích lợi, không quan hệ đến đời sống thánh thiện. Còn những gì ta đã giảng giải bởi vì chúng có liên quan đến đời sống thánh thiện, đến sự khổ, nguyên nhân của khổ, sự chấm dứt khổ, an tịnh Niết Bàn.

Tóm lại, những ai dấn thân vào con đường học Phật, con đường suy tìm chân lý giác ngộ, hướng thiện cuộc đời, bước đầu tiên và cũng là bước quan trọng là phải hiểu toàn bộ hệ thống giáo lý của Đức Phật như là một phương pháp giáo dục, một nghệ thuật sống, nhằm phát huy đạo đức trí tuệ con người, một tiến trình giác ngộ hoàn toàn nhân bản và hữu ích lâu dài cho cá nhân cũng như cộng đồng xã hội.

Thật sai lầm nếu ta chỉ biết đi tìm các giá trị ngoại tại để làm nền tảng cho việc xây dựng và phát triển xã hội mà xem nhẹ yếu tố nội tại, tức con người hoàn thiện. Bao giờ con người còn hướng ngoại còn tha hóa, còn không làm chủ được mình thì xã hội chưa ổn định chưa tiến bộ. Tất cả cảnh khổ trong cuộc sống này ai chịu trách nhiệm, nếu không phải từ con người, do con người, con người của tham vọng hận thù si mê tà kiến?

Hạnh phúc thay con đường giác ngộ ta đang thực tập!

Hạnh phúc thay biết xả bỏ mọi thứ nhân danh!

Hạnh phúc thay an lạc cho mình và người!





Đời người huyễn mộng

Thơ **TRẦN THÁI TÔNG**
TRẦN QUÊ HƯƠNG chuyển ngữ

Xưa nay kiếp số phận người
Thân là gốc khổ, là nơi chứa phiền
Ngỡ lầm tưởng thật, đảo điên
Nhận giặc quý tử, trói duyên khổ sầu!
Các ông nên chín chắn nào
Sắc thân này lúc mới vào thai nhi
Là do niệm khởi duyên thì
Năm uẩn kết tụ tướng đi ngồi nằm
Quên thật, quên gốc nữ nam
Tướng đẹp, tướng xấu nhận làm tự thân
Nắm buông di lại nhầm đường
Tháng năm mất hẳn tánh chơn nẻo về
Chạy rong sanh tử lầm mê
"Bản lai diện mục" đề huề xa luôn
Bên ngoài giương mắt vấn vương
Làm sao biết được tận tường bên trong?
Sinh sinh, hóa hóa mê lòng
Trong mộng, nói mộng xoay vần trầm luân
Lăng xăng, lộn xộn mơ màng
Lấy giả làm thật trái ngang nghiệp đời
Đầu sọ cài giắt hoa chơi
Túi da xông ướp, huyễn thời hôi dơ
Lụa là che đậy xương khô
Phấn son phủ lấp phân trơ não nùng

Cố mà trang điểm hình dung
Không tàm không quý điên khùng mến yêu

Hết thảy các người ít nhiều
Giống như con rối, liêu xiêu tơ lòng
Đến đi mấy lượt long đong
Rốt cùng buông thật, ấy vòng tử sanh
Sáu giặc công phá hư danh
Già bệnh chết đến... thân đành rũ xuôi!
Sắc tài rượu thịt mê vui
Tình tiền danh lợi rã rời phù du
Ngày ngày chấp thủ hỷ ưu
Tối đến mộng tưởng phiền ưu dã tràng
Giếng sâu nghiệp dữ đa mang
Đến khi đầu bạc ngỡ ngàng sương mai
Một hôm bệnh hoạn u hoài
Trăm năm kết cuộc mộng dài phù tang
Tim gan đau đớn phũ phàng
Thân thể gầy guộc Dã tràng da xương
Oán thù quỷ đói vấn vương
Sát sanh hại mạng, nhiễu nhương quả sầu!
Ngỡ đời tùng bá sống lâu
Nào ngờ thân tựa chiêm bao thoáng buồn
Hồn phách đọa cõi Diêm vương
Thi hài lận đận thịt xương rã rời!
Máu me đàm dãi tiêu hôi
Tóc, lông, răng, móng lần hồi nát tan
Hơi xông trời đất rụa ràng
Xanh bầm, đen nám vô vàn gớm ghê
Chẳng luận giàu nghèo, chợ quê
Khi vào cõi chết ủ ê trăm chiều
Trong nhà dòi tửa đục tiêu
Ngoài đồng chó xé quạ diều mổ ăn

Người đời bịt mũi nhó nhăn
Con hiếu thì lấy chiếu chăn quấn mình
Chôn cất xương cốt trọng tình
Quan quách hiu quạnh hồn linh chập chờn
Mả mồ hoang dã đồng mông
Đất trời muôn dặm núi sông vô tình
Khi xưa tóc má ửng xinh
Ngày nay xương xám tro linh đẫm màu
Thảm thương mưa lệ mây sầu
Gió buồn hiu hắt, trăng thâu nhạt nhòa
Đêm vắng quỷ thần khóc la
Ngựa giày trâu đạp xót xa tháng ngày
Lập lòe đom đóm cỏ mai
Nỉ non tiếng dế u hoài hàng dương
Bia ghi rêu phủ chìm sương
Tiều phu giẫm đạp tiêu tương lối mòn
Văn chương cái thế nước non
Sắc tài danh phận hãy còn ngửa nghiêng
Rốt cuộc đâu có khác riêng
Cuối cùng cũng một lối thiêng đi về
Mắt dẫn trèo kiếm bén thề
Tai theo tiếng dữ tái tê đao đồ
Lỗ mũi ngửi nếm hôi thô
Trong lưỡi sắt nóng, nuốt đồ tội khiên
Thân khát nước đồng triền miên
Ý chua cay vạc dầu duyên phong trần
Nhân gian trăm năm xoay vần
Địa ngục sáng tối tự thân tác thành
Nếu người sáng mắt thị danh
Cần phải sớm quyết thoát nhanh nẻo trần
Vòng sanh tử, tự chuyển thân
Khảy tay cắt đứt ái ân nghiệp đời

Dù nam nữ, đã tu rồi
Trí ngu đều nhớ tài bồi phúc duyên
Phật tâm, Tổ ý còn thiêng
Hãy nương trì giới, hành thiền tụng kinh
Một khi - Phật cũng chẳng linh
Tổ cũng chẳng phải ý tình rỗng không
Tổ xưa chẳng phải Phật tông
Giới trì, kinh tụng thoát dòng kinh văn
Nơi sắc huyễn cũng là chân
Thân phàm ắt chuyển chân thân Phật truyền
Phá sáu thức, cắt trần duyên
Sáu thần thông dạo tám thiền thong dong
Thâm tâm tự tại sạch trong
Mỗi người một vẻ ấm lòng thiền gia
Dù rằng - khuôn nếp tăng già
Thậm thâm ý pháp cũng là lễ nghi
Tuy là phân tích thi vi
Đã thọ thân tướng dễ gì thoát nhanh
Hết thảy các người thị danh
Sắc thân giải thoát, kết thành thiền tâm
Nếu chưa giải thoát huyễn thân
Hãy nghe lời dạy chánh thân ấy là
Thịt đỏ vô vị chân hoa
Hồng hồng trắng trắng hương sa thế trần
Ai hay mây cuốn không toàn
Bên trời sương biếc, lối mòn núi xanh./.



TÔI HỌC PHẬT
Mười hạnh Phổ Hiền

ĐỖ HỒNG NGỌC

"Bốn lời nguyện rộng lớn" với *vô biên, vô tận, vô lượng*… gì gì đó chẳng qua cũng chỉ là nguyện, là ước, là mong… Nói khác đi, nó chỉ mới dừng lại ở "thái độ", phải chuyển thành "hành vi" (hành động) mới có thể thành… chánh quả được (Phật đạo *vô thượng* thệ nguyện thành)!

Con đường "thay đổi hành vi" từ Biết đến Muốn, rồi từ Muốn đến Làm không dễ chút nào (KAP = Knowledge/ Attitude/ Practice), rồi từ Làm đến… Duy trì… quả là gian khó. Mà Tu thì phải Hành, chớ không thì chỉ là cái "đãy sách".

Nhưng, ***hành*** cách nào?

Phần lớn các chùa hiện nay thường thấy nơi chánh điện có tượng Phật Thích-ca đặt ở giữa, bên trái có Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, cưỡi sư tử, tay cầm kiếm; bên trái có Bồ-tát Phổ Hiền, cưỡi voi sáu ngà, tay cầm đóa hoa sen.

Ai nghĩ ra các hình tượng tượng trưng này thật là hay để nhắc học Phật là con đường của Từ-bi và Trí-tuệ. Văn-thù (Manjusri) là Bồ-tát của Trí-tuệ, tay cầm kiếm chặt đứt phiền não, tiếng rống sư tử làm tắt ngấm vô minh. Phổ Hiền (Samantabhadra) là Bồ-tát của Từ-bi, cưỡi voi sáu ngà, chở bao nặng nhọc của bước đường thực hành và hoằng pháp. Tại sao voi 6 ngà? Tượng trưng cho Lục Ba-la-mật: Bố thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí huệ. Thú vị là tượng Văn-thù luôn ở bên trái còn Phổ Hiền thì luôn ở bên phải Phật Thích-ca. Khoa học bây giờ cũng thấy não trái là não của Trí tuệ, não phải là não của Từ

Bi. Hồi xa xưa đó không ngờ đã phát triển nền Khoa học não bộ (Neurosciences) đến vậy!

Phổ là rộng, phổ quát (Universal) còn *Hiền* là Đức hạnh (Great conduct, Virtue, Goodness). Bồ tát Phổ Hiền đã làm một bảng Hướng dẫn thực hành (Guideline in Practising Buddhism) gọi là *Mười Hạnh Phổ Hiền* rất cụ thể. Học 10 hạnh này, mỗi ngày một chút thôi cũng đủ rồi vậy.

1. Lễ kính Chư Phật
(To pay homage and respect to all Buddhas)

"Chư" Phật, chớ chẳng phải chỉ có một vị Phật duy nhất.



Phật nhiều vô kể. Phật khắp mười phương. Khắp tam thiên đại thiên thế giới, cả 3 thời quá khứ hiện tại vị lai, thời nào cũng có Phật, ở đâu cũng có Phật. Bởi ở đâu cũng có kẻ giác ngộ, lúc nào cũng có kẻ giác ngộ. Nhưng Phật Thích-ca vẫn là vị Phật lịch sử, vị đạo sư, kẻ dẫn đường, "bổn sư" của ta… Phật Thích-ca chẳng từng nói Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành đó sao? Phật Thích-ca cũng đã… không quên giới thiệu cho chúng ta các vị Phật khác ở khắp Đông Tây Nam Bắc để ta lễ kính.

Kinh Pháp Hoa có Bồ-tát Thường Bất Khinh là vị Bồ-tát rất dễ thương, ông luôn vái lạy mọi người và nói với họ rằng: "Xin kính lễ Ngài, vị Phật tương lai". Mặc cho người ta đánh mắng xua đuổi, ông cũng cứ lễ kính trân trọng chân thành như vậy, cho đến một hôm người ta giật mình nhìn lại, ừ đúng, sao không nhỉ? Nếu ta tu tập đúng con đường Phật dạy, ta cũng có thể trở thành Phật lắm chứ? Bài học: Đừng coi khinh mình, đừng coi thường mình, miễn là…

2. Xưng tán Như Lai
(To praise the Thus Come One - Tathagata)

Rất thú vị ở đây là không có chuyện "lễ kính" Như Lai mà chỉ là "xưng tán" (ca ngợi) Như Lai mà thôi. Nói khác đi, Như Lai không việc gì phải lễ kính! Phật thì "lễ kính" còn Như Lai chỉ "xưng tán". Lý do? Như Lai là Như Lai, không phải Phật. Như Lai "vô sở tùng lai diệc vô sở khứ" (chẳng từ đâu đến, chẳng đi về đâu!): Thus come one - Tathagata. Nó vậy là nó vậy. Nhiều khi ta lầm tưởng Phật với Như lai. Nhìn con chim đầy màu sắc kia xem. Nhìn thiên nga và bầy vịt kia xem. Nhìn mây trôi nước chảy kia xem. Như Lai đó. Con ong cái kiến là Như Lai. Đóa hoa muôn màu muôn sắc là Như Lai. Và Phật cũng là… Như Lai khi đã giác ngộ, đã "thấy biết" và từ đó sống trong Như Lai, sống cùng Như Lai, sống với Như Lai. Ta vẫn gọi Phật bằng nhiều danh xưng với lòng tôn kính: Như Lai, Bậc Ứng cúng, Thế gian giải, Thiên Nhân sư…

Kinh nói "vào nhà Như Lai, mặc áo Như Lai, ngồi tòa Như Lai" chớ không nói "Vào nhà Phật, mặc áo Phật…", cũng nói "Như Lai thọ lượng" chớ không nói "Phật thọ lượng" (Pháp Hoa).

Nhớ *lễ kính chư Phật* mà *xưng tán Như Lai* vậy.

3. Quảng tu cúng dường
(To make abundant offerings)

Quảng tu là rộng tu. Tu mà bó hẹp, bịt mắt chỉ thấy một góc, một phía thì uổng lắm. Phật dạy lúc trước, lúc sau hay lúc giữa cũng chỉ có một, nhưng tùy theo "căn cơ" của đối tượng mà ứng biến, gia giảm cho phù hợp, nên đôi khi dễ tưởng là khác, là "mâu thuẫn". Có lần trong một buổi thuyết giảng của Phật cả mấy ngàn người đã bỏ đi. Trước khi nhập Niết bàn, Phật còn dặn dò xưa nay Ta chưa hề giảng dạy điều gì cả, chưa hề giảng dạy cho ai cả. Hình như Phật biết trước, thời đại Internet, đầy những fake news. Cái thấy biết của Phật thì như cánh rừng Simsapa kia mà điều nói ra chỉ là nhúm lá trong tay. Phần không nói ra, rồi sẽ tự biết. Phật gợi ý để rồi tự ta phát hiện, tự chứng, tự nội.

"Nhất thiết chủng trí" rồi thì đã có Bình đẳng tánh trí, Diệu quan sát trí. Cúng dường là bố thí. Quảng tu cúng dường là bố thí rộng lớn. Bố thí là hàng đầu trong Lục độ (Bố thí, Trì giới…). Bố thí có tài thí, pháp thí và vô úy thí. Bố thí thân mạng mỗi ngày nhiều như cát sông Hằng… là tốt nhất (Thiền). Dược Vương Bồ-tát tự đốt cả thân mình, đốt cả hai cánh tay (đốt ở đây là dập tắt tham, sân, si, mạn, nghi, kiến… để có thân vô ngã, pháp vô ngã) được các vị Phật khen là "món thí hạng nhứt!".

4. Sám hối nghiệp chướng
(To repent misdeeds and evil karmas)

Chướng là trở ngại, gây phiền phức, gây rắc rối, không trơn tru. Cái gì gây trở ngại, gây chướng vậy? Nghiệp!

Nghiệp là gì? Phật dạy nghiệp là tài sản của ta. Ta là kẻ thừa tự của nghiệp. Nói khác đi, ta "lãnh đủ" nếu ta tạo nghiệp. Dĩ nhiên, đó là ác nghiệp. Thiện nghiệp thì sao? Thì ta không bị chướng, gì cũng thành tựu, tốt đẹp. Nhìn hôm nay biết nghiệp ngày xưa. *Nhân* hôm nay biết *quả* ngày sau. Nói khác đi, nó là kết quả, là nguyên nhân của đời sống ta, là hạnh phúc, là khổ đau của kiếp sống ta. Cải nghiệp được không? Được. Nghiệp do thân khẩu ý mà sinh. Hành vi chỉ là thân và khẩu. Có Thân nghiệp, Khẩu nghiệp, nguồn gốc của sanh sự. Nhưng Ý nghiệp mới thật là ghê gớm. Ý dẫn đầu các pháp. Nhưng Ý thường làm bộ vô can. "Tác ý" là yếu tố chính xác định nghiệp. Người ta có thể tha thứ cho một sự vô tình, nhưng cố ý thì rắc rối to. "Như lý tác ý", nghĩa là theo "lý" mà làm. Lý đây là cái thấy biết như thực, cái chánh kiến, chánh tư duy, từ đó mà có chánh ngữ, *chánh nghiệp*. Còn sám hối là hối lỗi, thấy biết chỗ sai quấy mà "từ nay xin chừa". Ta là chủ nhân của nghiệp. Sám hối cái sai quấy thì không đi vào ác nghiệp và từ đó, nghiệp hết… chướng!

5. Tùy hỷ công đức
(To rejoice in others' merits and virtues)

Là công đức do *tùy hỷ* mà có. Tùy hỷ là cái vui theo người. Người có chuyện vui thì mình vui theo. Dĩ nhiên, chuyện vui

đó phải là chuyện thiện. Nếu là chuyện xấu ác mà vui theo thì nguy. Tùy hỷ thực chất là để chữa trị bệnh đố kỵ, ghen ghét, là một trong những "bản năng" gốc của con người. Đố kỵ ghen ghét cũng vì tham, vì thấy thua sút người ta. Khi không còn tham sân si, khi *vô ngã* rồi thì không còn ganh ghét đố kỵ nữa. Tùy hỷ mà giả đò, tùy hỷ mà không thực lòng, tùy hỷ mà hùa theo thì không phải là tùy hỷ. Sẽ chẳng có "công đức" gì ở đây! Thứ tùy hỷ giả, nói theo, làm vui lòng người, khen bừa cho người vui thì chưa gọi là tùy hỷ. Nịnh càng không phải là tùy hỷ. Cho nên phải coi chừng tùy hỷ. Coi chừng lời tùy hỷ, kẻ tùy hỷ. Ái ngữ không phải là tùy hỷ. Chánh ngữ mới đúng. Có chánh kiến, chánh tư duy thì mới có chánh ngữ. Quả là không dễ.

6. Thỉnh Phật chuyển pháp luân (To request the Buddhas to continue teaching)

Pháp luân là "Bánh xe pháp". Bánh xe pháp vẫn phải luôn chuyển không ngừng bởi đời sống như dòng sông vẫn trôi chảy. Cũng vẫn *tham, sân, si, mạn, nghi, tà kiến* đó thôi, cũng vẫn *thất tình lục dục* đó thôi, nhưng đã mỗi thời mỗi khác. Xưa cung tên giáo mác nay hỏa tiễn hạt nhân… Xưa bệnh tật khu trú từng vùng, nay lan tràn trong nháy mắt… Thế giới trong lòng bàn tay. Trái đất nóng lên. Môi trường chết ngạt. Thức ăn đầy độc chất. Tin tức đầy fake news, deepfake… Xưa, lên núi cao tìm thầy, vào hang sâu tìm kinh sách, chỉ một câu một chữ thôi đủ *ngộ*. Nay bấm cái nút, thiên kinh vạn quyển, tẩu hỏa nhập ma. Sinh học tạo con người từ ADN, công nghệ gắn thêm AI (trí thông minh nhân tạo), robot điều khiển con người từ xa…

Duy-ma-cật nói: Phải nắm bắt thật đúng đối tượng thì "thuyết pháp" mới có hiệu quả. Phật dạy "Ta chẳng có pháp gì để thuyết cả!". Vì "Pháp thuận với *không*, tùy theo vô tướng, ứng với vô tác. Pháp lìa khỏi tốt và xấu, thêm và bớt, sinh và diệt… há thuyết diễn được sao?".

Lục tổ Huệ Năng nói: "Thiện tri thức, đạo cần phải linh động, chớ nên làm cho ngăn trệ. Tâm

chẳng trụ pháp thì đạo được linh động, tâm nếu trụ pháp, gọi là tự trói".

Cho nên vẫn phải *Thỉnh Phật chuyển pháp luân* thôi.

7. Thỉnh Phật trụ thế
(To request the Buddhas to remain in the world)

Người có "chứng ngộ" thường dễ thấy "phạm hạnh đã tròn đầy", muốn "đặt gánh nặng xuống, bước vào cõi vô sanh, niết bàn tịch diệt…". Nhưng, thế thì còn ai để lặn lội trong cõi Ta-bà đầy ô trược này mà "hóa độ" chúng sanh? Cho nên phải thỉnh Phật trụ thế.

Bồ-tát thì phải "bất tận hữu vi, bất trụ vô vi". Hữu vi thì vô thường, như mộng huyễn bào ảnh, như lộ như điện, giả tạm, hư vọng, dẫn đến nhàm chán, buông bỏ. Nhưng Bồ-tát thì không. Phải chịu khó ở lại giúp đời giúp người "hộ trì chánh pháp". "Vào sinh tử luân hồi như vào vườn cảnh, đức tánh vô niệm, trí huệ thực tướng, nhưng chẳng bỏ pháp thế gian. Từ bi hỷ xả mà không phóng dật, tu học lẽ Không mà không chấp không, quán vô thường mà không chán cội lành, quán phiền não mà không đoạn phiền não".

Trí bất đắc hữu vô/ Nhi hưng đại bi tâm.

8. Thường tùy Phật học
(To follow the teachings of the Buddhas at all times)

Phật không dạy nhiều và thậm chí còn nói "Ta chẳng có pháp gì để thuyết cả"! Nhưng chư Phật đều nhắc nhở *Chư ác mạc tác/ Chúng thiện phụng hành/ Tự tịnh kỳ ý (thị chư Phật giáo)*. Nghĩa là việc ác đừng làm, việc thiện thì làm. Quan trọng nhất là phải "tự tịnh kỳ ý". Cái mới khó! *Thanh tịnh bổn nhiên/ Tùy chúng sanh tâm/ Chu biến pháp giới,* ấy chẳng qua vì nghiệp mà thấy vậy, ra vậy. Phải làm cho tâm được trở về với cái "thanh tịnh bổn nhiên" ấy của mình vốn sẵn. Cái khó ở chỗ phải tự mình làm, tự mình "tịnh cái ý" của mình chớ không thể nhờ ai giúp được. Chỉ có thể quay về nương tựa chính mình thôi. Tuệ giác, Insight, là cái thấy bên trong. Tìm kiếm đâu xa. *Gia trung hữu bảo hưu tầm mích.* Tóm lại, *thường tùy Phật học*



là học chính mình, quay về bên trong mình. Luôn tự hỏi mình đang tham đó ư? đang sân (giận) rồi sao? mê muội đến vậy hả? Thôi nhé.

"Có bốn thứ ma, tám vạn bốn ngàn thứ phiền não làm cho chúng sanh nhọc nhằn, mỏi mệt, chư Phật dùng chính những thứ ấy mà làm Phật sự" (kinh Duy-ma-cật).

Học Phật được vậy thì "sự sự vô ngại".

Thiện Tài đồng tử trải qua 53 "cửa ải", ở đâu cũng học, cũng hành đúng pháp, sau cùng thì mới "thõng tay vào chợ" được vậy!

9. Hằng thuận chúng sanh

(To accommodate and benefit all living beings)

Chúng sanh bệnh thì mình cũng bệnh như Duy-ma-cật. Đồng bệnh tương lân, mới thấu cảm nhau. Bồ-đề-đạt-ma đã vội xua đuổi, bỏ rơi Lương Võ Đế cũng đáng tiếc.

Huệ Năng khi đã giác ngộ: "Bổn lai vô nhất vật" rồi, đã thấy *pháp thân* rồi mà cũng mất 15 năm theo cùng nhóm thợ săn, săn thú, uống rượu, bán buôn… Hay là… ông cố tình xâm nhập để quan sát, học hỏi, tu tập? Nghe nói tuy sống

chung với nhóm thợ săn 15 năm như vậy, ông chưa từng săn thú, ăn thịt, uống rượu? Biết đâu ông cũng đã "độ" được năm ba. Huệ Năng nói: "Ngoài không dính mắc là thiền, trong không lay động là định…".

Chúng sanh nào thì Bồ tát đó. Chúng sanh ở trong Bồ tát, Bồ tát ở trong chúng sanh. "Đồng nhi bất hòa". Quán Thế Âm có 32 *ứng hóa thân* để biến hiện tùy cơ. Gặp vua quan thì vua quan. Gặp ốm đau bệnh hoạn thì ốm đau bệnh hoạn… Mà bên trong vẫn là Bồ-tát Quán Thế Âm như như bất động, với bình cam lồ, với nhành dương liễu, với "vô úy thí"…

Tham vấn viên trong công tác xã hội ngày nay đóng vai kẻ mại dâm, người nghiện ma túy để hòa nhập với đối tượng, giúp họ giải thoát, bằng kỹ năng tham vấn với tôn trọng, chân thành, thấu cảm, lắng nghe…

10. Phổ giai hồi hướng
(To transfer all merits and virtues to benefit all beings)

"Hồi hướng" là chia sẻ. "Phổ" là cùng khắp, rộng lớn. Chia sẻ cái gì? Cái công đức. Phước đức cũng chia sẻ được, nhưng phước đức thì hữu lậu, như Lương Võ Đế đúc chuông lớn, xây chùa to, nuôi tăng đoàn… cũng chẳng có tí "công đức" nào bị Bồ-đề-đạt-ma quở. Có thể ông vua còn vênh váo, tự mãn, với cái ngã to đùng của mình thì càng đáng trách, trong khi *công đức* là cái tu bên trong, để có tuệ giác và vô ngã. "Tu tánh" là công. "Tu thân" là đức. Huệ Năng nói "chánh niệm không gián đoạn là công, tâm bình đẳng, chánh trực là đức".

Có người hỏi Phật vậy chia sẻ cái phước có làm giảm bớt phước của mình đi không? Phật nói không. Phước như ngọn đuốc, càng "mồi" cho trăm ngàn ngọn đuốc khác để cùng sáng lên vẫn không làm tổn hao ngọn lửa của đuốc.

Công đức cũng vậy. Càng hồi hướng càng thêm công đức.

"Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo".

(2021)

Lời dịch "10 Hạnh Phổ Hiền" *tiếng Anh, dựa theo en.wikipedia. org/wiki Samantabhadra*



BỒ TÁT QUAN ÂM - *HIỆN THÂN CỦA LÒNG TỪ BI*

LÊ HẢI ĐĂNG

Trong hệ thống đối tượng thờ tự Phật giáo, Quan Âm chiếm vị trí hết sức đặc biệt, thậm chí trở thành một điểm nhấn quan trọng trong điện thờ tín ngưỡng này. Tiếng Phạn gọi Quan Âm là Avalo Kite'svara, dịch nghĩa: "Quan Thế Âm", "Quán Thế Âm", "Quan Tự Tại", "Quan Thế Tự Tại", tôn hiệu: "Đại từ Đại bi Cứu khổ Cứu nạn Quan Thế Âm Bồ Tát".

Theo "Kinh Bi hoa" (Karunapundarika-sutram), Phẩm thứ tư, Phần I "Bồ Tát thọ ký", bản dịch Hán văn của Đàm Vô Sấm, bản dịch Việt ngữ của Nguyễn Minh Tiến viết: "Bấy giờ, các cõi thế giới nhiều như số cát sông Hằng trong khắp mười phương đều chấn động đủ sáu cách, hết thảy các chốn núi rừng đều phát ra vô số đủ mọi âm nhạc. Chúng sinh nghe âm nhạc ấy rồi liền lìa khỏi mọi tham dục. Chư Phật trong tất cả các thế giới ấy đều phát ra lời thọ ký rằng: Tại thế giới San đề lam trong kiếp Thiện Trì, con người có tuổi thọ tám vạn năm, có đức Phật ra đời hiệu là Bảo Tạng, có vị Chuyển luân Thánh vương tên là Vô Lượng Thanh Tịnh, cai quản Bốn cõi thiên hạ. Thái tử của vua ấy nay tên là Quán Thế Âm"[1].

Theo đó, Quan Âm vốn là một "thiện nam", con vua Vô Lượng Thanh Tịnh, kiếp trước từng được thọ ký là Vô Lượng Thọ Phật ở Thế giới Tây phương An lạc, tức Thế giới Tây phương Cực lạc của Phật A Di Đà. Còn "Chú đỉnh dư văn", quyển 4 viết: "Xưa Sư tử Kim Quang dạo chơi nước Như Lai. Trong nước ấy không có phụ nữ, vua Uy Đức nhập Tam muội trong vườn và từ hai bông hoa sen bên trái và bên phải của ngài sinh ra hai người con trai, người bên trái tên gọi Bảo Ý, tức Quan Thế Âm, người bên phải tên gọi Bảo Thượng, tức Đắc Đại Thế"[2]. Đoạn văn này dẫn từ "Kinh Quan Thế Âm Đắc Đại Thế thọ ký", bản dịch của Đàm Mô Kiệt. Như vậy, Quan Âm và Đại Thế Chí chính là hóa thân của hoa sen.

Ngoài ra, truyền thuyết Nhật Bản kể rằng: "Tảo Ly và Cập Ly vốn là hai anh em, sau khi cha mẹ mất bị bọn người ác vứt lên một đảo hoang, lúc sắp chết đói, người em Cập Lý mở lời oán thán. Người anh Tảo Ly bèn nói rằng: chúng ta bị người đời lừa gạt, chịu cảnh đói khát, khổ đau cùng cực thật đáng thương. Trải qua hoàn cảnh này, anh em mình mới thấu hiểu đạo lý, nếu có thể đầu thai

---

1. https://phatphapungdung.com/phap-bao/kinh-bi-hoa-nguyen-minh-tien-113482.html/3

2. 邢莉:"觀音信仰"學苑出版社,北京1995,第8頁.

trở lại chúng ta nhất định phải cứu vớt những người có hoàn cảnh bất hạnh. Tâm niệm như thế trong lòng, hai anh em thanh thản rời xa thế gian, cuối cùng trở thành hai vị Bồ tát Quan Thế Âm và Đại Thế Chí.

Truyền thuyết về Quan Thế Âm còn xuất hiện trong kinh điển Bà la môn, các loại tuồng tích, truyện kể dân gian… Trong quá trình dân gian hóa Phật giáo, Quan Âm là một trong những đối tượng được chuyển hóa sâu sắc, mang nhiều yếu tố văn hóa bản địa. Nổi lên trên hết, Quan Âm có hai chức năng căn bản, đó là Từ và Bi. Từ nhằm chỉ việc đem niềm vui đến cho người khác, còn Bi là cứu giúp người trong cơn hoạn nạn. Bởi vậy, ở bất kỳ nơi đâu, trong hoàn cảnh nào, Bồ tát vẫn từng phút, từng giây thị hiện qua nhiều hình tướng khác nhau để giúp đời, giúp người.

Như trên đề cập, Bồ tát ban đầu vốn là một "thiện nam", qua loại hình nghệ thuật thị giác, hình tượng Bồ tát bắt đầu chuyển hóa từ nam sang nữ. Bằng con đường dân gian hóa, đặc biệt với chức năng Từ bi, hình tượng Bồ tát dần dần định hình với thân thể phụ nữ. Cùng với sự phát triển của ngành Đồ tượng học Phật giáo, các tác phẩm nghệ thuật, bao gồm cả thính giác, thị giác không ngừng tô đậm giới tính của Bồ tát. Ở nước ta, Bồ tát được gọi là Phật Bà. Tuồng tích *"Quan Âm Thị Kính"* kể về thân phận một người phụ nữ trải qua nhiều oan trái, sau hóa thân thành Quan Âm Thị Kính. Ở Trung Quốc, hình tượng Bồ tát chuyển hóa từ nam sang nữ bắt đầu xuất hiện từ thời Tùy (thế kỷ 6-7). Trong các tác phẩm điêu khắc hang động Đôn Hoàng, hình tượng Bồ tát vẫn chưa định hình thể thức thống nhất, như động Mạc Cao số 276, Bồ tát xuất hiện dưới dạng tráng sĩ, thân hình thô ráp, mặt vuông, tai rộng, tay phải cầm cành dương liễu, tay trái cầm bình nước. Động Khánh Dương, tỉnh Cam Túc, lại tạc tượng Quan Âm nữ giới, đầu đội mũ, hở vai, choàng khăn ôm lưng, mặc váy… Tất cả các bộ phận trên cơ thể đều cân đối, trang nhã, đẹp đẽ. Còn động Tàng Kinh số 217, Quan Âm có khuôn mặt bầu bĩnh, đầy đặn, tóc vấn

cao, đội Phật quan, tay, chân, trước ngực đều mang đồ trang sức, điệu bộ đoan trang, thể hiện hình ảnh một thiếu phụ thiện lương… Hình tượng Bồ tát nữ giới tiếp tục được củng cố vào thời kỳ nhà Đường (thế kỷ 7-10), Tống (thế kỷ 12-13), thậm chí với sự sáng tạo của các loại hình nghệ thuật, hình tượng Bồ tát định hình qua những mô típ, như: "Quan Âm tống tử", "Phật Bà cầm giỏ cá", "Quan Âm cầm trên tay cành dương liễu và bình cam lộ", "Quan Âm ngự trên tòa sen", "Phật Bà và Thiện Tài Đồng Tử", "Phật nghìn mắt nghìn tay"... Bên cạnh đó, cùng với những yếu tố tương đồng, Quân Âm còn bị đánh đồng với Thiên Hậu Thánh Mẫu, một vị hải thần được thờ tự phổ biến ở vùng duyên hải khu vực Đông Nam Á. Xuất phát bởi quyền năng của Bồ tát Quan Âm và Thiên Hậu Thánh Mẫu có những yếu tố tương đồng, nên hai đối tượng này vô hình trung trở thành hai khía cạnh của một hình tượng. Theo đó, Thiên Hậu Thánh Mẫu có hai đệ tử là Thuận Phong Nhĩ và Thiên Lý Nhãn tượng trưng cho pháp lực quan sát và lắng nghe. Hai pháp lực này cũng chính là sở trường của Quan Thế Âm - "Quan" sát và lắng nghe (Âm) những tiếng kêu than nơi thế gian.

Trên đường hướng phát triển của nghệ thuật thị giác, hình tượng Bồ tát không ngừng được mỹ hóa, thậm chí trở thành một trong những vị nữ thần trong tín ngưỡng đa thần của người Việt và người Hoa. Trong môi trường tín ngưỡng dân gian, Bồ tát Quan Âm vừa có khả năng thờ tự độc lập, vừa phối tự cùng nhiều vị thần bản địa khác, từ Bà Chúa Xứ, Bà Chúa Tiên, Bà Chúa Động, Bà Thủy Long, Bà Thiên Y A Na, Thiện Tài Đồng Tử, Long Nữ, Thiên Hậu Thánh Mẫu, cho đến Vô Lượng Quang Phật, Hoan Hỷ Phật, Hồi Châu Đại Thánh, Lục Độ Mẫu…

Sự đa dạng trong các hình thức biểu hiện của Bồ tát Quan Âm xuất phát bởi tín lý của Phật giáo. Theo "Kinh Lăng nghiêm", quyển 45 "Phẩm nhập pháp giới" nói về việc Bồ tát giáo hóa, viết: "Lúc hiện sắc tướng Thanh Văn, lúc hiện sắc tướng Phạm Thiên, lúc hiện bộ dạng khổ hạnh, lúc hiện hình dáng vẻ lương

y, lúc hiện hình dạng thương nhân, lúc hiện sắc tướng Chính mệnh... hoặc hiện ra các loại sắc thân, âm thanh giáo hóa chúng sinh"[3]. Phật giáo lấy giáo hóa (chức năng giáo dục) làm trung tâm, trong đó giáo hóa chúng sinh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Quan Âm Bồ tát. Trên cơ sở đó, hình tượng Quan Âm trở nên quyền biến, đa đoan, thiên biến vạn hóa với vô số ứng thân (như Kinh Lăng nghiêm đề cập). Song, dù xuất hiện bằng hình tướng nào, nhiệm vụ căn bản của Bồ tát vẫn không thay đổi. Đó là triển khai, thực thi đạo hạnh thông qua hai nhiệm vụ Từ và Bi. Xét về quyền năng, Bồ tát Quan Âm chính là vị thần bảo hộ, đặc biệt đối với nhóm người yếm thế. Từ hai nhiệm vụ từ và bi, Bồ tát Quan Âm thị hiện giữa cuộc đời qua nhiều hình tướng khác nhau, thậm chí ẩn vào thế giới vô hình để cứu độ chúng sanh nhằm đem lại sự bình yên cho cuộc sống. Nói về điều kỳ diệu này, cư sĩ Dương Ninh, người Trung Quốc từng nói, khi chúng ta niệm "Quan Thế Âm" thì Ngài xuất hiện ngay trong "âm lưu", hiểu là sóng âm thanh đó. Bởi vậy, lúc hoảng sợ, niệm Quan Thế Âm giúp gia tăng lòng can đảm, khi tâm bấn loạn, niệm hồng danh Bồ tát khiến tâm dần bình an trở lại... Đó là một trong những cách đơn giản nhằm dẫn dắt tâm bị thất lạc trở về ngôi nhà thể xác của mình.

Theo quan niệm thế tục, đạo Phật là đạo từ bi, cửa Phật là cửa từ bi và đặc trưng ấy tập trung một cách đầy đủ ở bậc Bồ tát. Bồ tát đạo cũng là con đường duy nhất thông với cõi Tây phương Cực lạc. Trong khi đường về Tây phương xa xôi, Bồ tát hiện diện ngay giữa cuộc đời trở thành một chốn nương tựa cho chúng sinh. Mặc dù tu thành Chánh quả, nhưng Bồ Tát không nhận lấy quả Phật mà vẫn đi về chốn nhân gian để cứu giúp, hóa độ chúng sinh. Tinh thần từ bi, quả cảm ấy trở thành đức tính mẫu mực của đấng Bồ tát, một trong những vị sứ giả của nước Phật giữa cõi hồng trần.

3. 邢莉:"觀音信仰"學苑出版社,北京1995,第25頁.



LỄ PHẬT ĐẢN THỜI DỊCH BỆNH COVID

CHỬ THỊ KIM PHƯƠNG
Viện Nghiên cứu Tôn giáo

1. Ý nghĩa của lễ Phật đản

Cách đây hơn 2.500 năm, Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật ra đời vào một ngày tháng 4 Âm lịch tại khu vườn Lâm Tỳ Ni, xứ Ca Tỳ La Vệ thuộc miền Bắc Ấn Độ. Những người con Phật trên toàn thế giới hàng năm đã lấy ngày trăng tròn tháng 4 Âm lịch làm ngày Phật đản, hay còn gọi là Đại lễ VESAK kỷ niệm 3 sự kiện trọng đại trong cuộc đời Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đó là kỷ niệm ngày đản sinh, ngày thành đạo và ngày Ngài nhập Niết Bàn. Năm 1999, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đã ra nghị quyết công nhận Đại lễ Phật đản hàng năm là một lễ hội văn hóa, tôn giáo quốc tế của Liên Hiệp Quốc, vì hòa bình của nhân loại, nhằm tôn vinh giá trị giáo lý của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni để lại cho nhân loại trong quá trình tu tập, hoằng pháp và độ sinh. Kỷ niệm Đại lễ Phật đản của Phật giáo Việt Nam cũng là dịp để

tiếp tục phát huy tư tưởng giáo lý của Đức Phật trong sự nghiệp hoằng dương đạo pháp, lợi lạc quần sinh và bảo vệ hòa bình, góp phần xây dựng đất nước. Đây còn là dịp để cộng đồng xã hội có thêm hiểu biết và lan tỏa những giá trị đạo đức, văn hóa và tâm linh của Phật giáo. Vào ngày lễ, Phật tử thường vinh danh Tam bảo: Phật, Pháp, Tăng (qua các hình thức như dâng cúng, tặng hoa, đến nghe thuyết giảng), và thực hành ăn chay, giữ Ngũ giới, Tứ vô lượng tâm (từ bi hỷ xả), thực hành bố thí và làm việc từ thiện, giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn trong cộng đồng.

Ở Việt Nam, lễ Phật đản luôn được tổ chức trang trọng. Ngoài việc tổ chức buổi lễ chính vào ngày rằm tháng 4, Giáo hội các tỉnh thành còn tổ chức diễu hành, làm lễ, thả hoa đăng trên sông, tổ chức thuyết giảng về Phật pháp xen kẽ các buổi văn nghệ, đèn lồng, làm lễ đài tổ chức… Vào ngày Phật đản, các Phật tử không sát sinh, mọi người đều ăn chay, lau dọn vệ sinh nhà cửa và trang trí bàn thờ Phật thật đẹp để tưởng nhớ Phật. Các Phật tử có thể đến chùa để phụ giúp làm công quả, nghe các bài thuyết giảng về cuộc sống, tự chiêm nghiệm về hành động của bản thân để làm cho tâm hồn được thanh tịnh.

Tại các chùa, Phật tử thường dựng lễ đài lớn, trang trí các xe hoa. Tuy nhiên, tất cả những việc này đều được thực hiện sao cho không gây tốn kém nhiều, không phung phí, tất cả được thể hiện bằng tấm lòng thành vốn là đạo lý nhà Phật.

Một trong những nghi thức quan trọng nhất không thể thiếu chính là: *Tắm Phật.*

"Tắm Phật trong ngày lễ Phật đản là để những người con Phật tưởng nhớ kỷ niệm ngày Đức Phật ra đời. Ngài đã mang ánh sáng chân lý soi rọi vào cuộc sống, xóa tan những nỗi khổ niềm đau. Tắm Phật là tắm những phiền não ở trong lòng, gột rửa đi những sân hận để cho tâm được thanh lương mát mẻ hướng đến một đời sống an lạc".

2. Đại lễ Phật đản thời dịch Covid

Từ khi thành lập (1981), Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã tổ

chức đại lễ Phật đản hằng năm vào ngày Rằm tháng Tư một cách trang trọng, thành kính. Với lễ đài được trang trí trang nghiêm, các tăng ni, Phật tử dâng hương tưởng nhớ, tôn kính Đức Phật và thực hiện nghi lễ tắm Phật với sự cầu mong thân thể và tâm hồn luôn được trong sạch.

Ngoài việc tổ chức buổi lễ chính vào đúng ngày Rằm tháng 4, Giáo hội Phật giáo các tỉnh thành còn tổ chức xe hoa diễu hành trên các đường phố, làm lễ phóng sinh, thả hoa đăng trên sông, tổ chức văn nghệ chào mừng Phật đản, thuyết giảng Phật pháp, đèn lồng và cờ Phật giáo được treo khắp các chùa… với hàng nghìn tăng ni, Phật tử tham dự. Tuy nhiên, tất cả những việc này đều được thực hiện với tinh thần tiết kiệm, không tốn kém mà thể hiện bằng tấm lòng thành, vốn là đạo lý nhà Phật.

Từ cuối năm 2019 đến nay, thế giới đang đứng trước vấn nạn đó là dịch bệnh Covid lan rộng toàn cầu. Năm 2020, Đại lễ Phật đản diễn ra trong bối cảnh thế giới đang vất vả chống chọi với đại dịch Covid-19 và những tác động xấu từ đại dịch này. Khi dịch bệnh bùng phát tại Hà Nội, ngày 31/3/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị số 16/CT-TTg về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid-19. Theo đó, thực hiện cách ly toàn xã hội trong vòng 15 ngày kể từ 0 giờ ngày 01/4/2020 trên phạm vi toàn quốc. Đây cũng là khoảng thời gian sắp đến đại lễ Phật đản của Phật giáo, với tình hình dịch bệnh bùng phát trong cộng đồng, Hòa thượng Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch Hội đồng Trị sự GHPGVN ban hành Công văn số 068/CV-HĐTS (ngày 19/3/2020) gửi Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh, thành phố về việc chuẩn bị Đại lễ Phật đản PL.2564 - DL.2020 trước diễn biến của đại dịch Covid-19, thực hiện nghiêm biện pháp phòng chống dịch của Nhà nước, không tổ chức lễ đài tập trung, rước xe hoa, các chương trình nghệ thuật chào mừng, và các hình thức tập trung đông người. *"Hòa thượng Thích Thiện Nhơn nhấn mạnh: Mùa Phật đản PL.2564 sắp đến trong bối cảnh thế giới nói chung và Việt Nam chúng*

ta nói riêng, đang phải đối diện với cuộc chiến khốc liệt chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do vi rút corona chủng mới Covid-19 gây ra, đang diễn biến phức tạp từ nhiều nguồn lây nhiễm khác nhau trong cộng đồng. Ủy ban Tổ chức quốc tế Đại lễ VESAK Liên Hiệp Quốc (ICDV) đã chính thức công bố không tổ chức Đại lễ VESAK Liên Hiệp Quốc năm nay sau khi Tổ chức Y tế thế giới (WHO) công bố dịch Covid-19 là đại dịch và đã đưa ra nhiều khuyến cáo. Tại Việt Nam, thực hiện chỉ đạo của Ban Bí thư, Thủ tướng Chính phủ, cả hệ thống chính trị, Chính phủ, các bộ ngành, tổ chức xã hội và cả cộng đồng đang tập trung toàn bộ nguồn lực để chống đại dịch, bảo vệ sự an toàn tính mạng của mọi người dân. Do đó, Ban Thường trực Hội đồng Trị sự GHPGVN đề nghị các Ban Trị sự GHPGVN các tỉnh, thành phố lưu ý trong công tác chuẩn bị Đại lễ Phật đản PL.2564 không tổ chức lễ đài tập trung, rước xe hoa, các chương trình nghệ thuật chào mừng, và các hình thức tập trung đông người. Khuyến khích nghi lễ Kính mừng Phật đản bằng nghi thức tắm Phật, tụng kinh tại các cơ sở tự viện và tại tư gia của các gia đình mà không tập trung quá đông người tham dự"[1].

Lễ Phật đản được diễn ra theo hướng dẫn thông tư số 076/TT-HĐTS ngày 16/4/2020, Thượng tọa Thích Đức Thiện - Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký GHPGVN đã ký hướng dẫn các cấp, các chùa, cơ sở tự viện trong cả nước, tăng ni và đồng bào Phật tử trong công tác tổ chức lễ kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh.

Ban Trị sự GHPGVN cấp huyện và các chùa, tịnh xá, tăng ni, đồng bào Phật tử trên địa bàn tỉnh đã tổ chức Đại lễ với tinh thần tiếp tục phòng-chống dịch Covid-19 theo hướng dẫn của Hội đồng Trị sự Trung ương GHPGVN. Ban Trị sự GHPGVN các cấp từ trung ương xuống các địa phương, các chùa, tịnh xá, tư gia bà con Phật tử đều trang trí tôn nghiêm kính mừng Đức Phật đản sinh.

1. http://baoquangnam.vn/xa-hoi, Ngày 20/03/2020

Các nghi thức trong Đại lễ Phật đản được tổ chức gọn và phù hợp tình hình thực tế giãn cách xã hội để phòng-chống dịch Covid-19; không tổ chức lễ đài tập trung đông người, không tổ chức xe hoa và các chương trình nghệ thuật chào mừng, tránh các hình thức tập trung đông người.

Được sự hướng dẫn cụ thể việc tổ chức lễ Phật đản từ Trung ương GHPGVN, Ban Trị sự GHPGVN tỉnh và cấp huyện cử hành chương trình Đại lễ Phật đản với các nội dung chính gồm nghi lễ truyền thống của Phật giáo kỷ niệm ngày sinh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tuyên đọc Thông điệp Phật đản của Đức Pháp chủ GHPGVN, diễn văn Đại lễ Phật đản của Hòa thượng Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương GHPGVN, nghi thức cầu nguyện hòa bình quốc thái dân an, đồng thời cầu nguyện đại dịch Covid-19 sớm được tiêu trừ, đất nước Việt Nam sớm ổn định, phát triển kinh tế-xã hội và đời sống nhân dân.

Với phương châm "Phụng sự chúng sinh là thiết thực cúng dường chư Phật", tăng ni và Phật tử luôn tích cực với công tác từ thiện xã hội, hưởng ứng phong trào giúp đỡ hộ nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số khó khăn. Phật giáo cả nước thường xuyên vận động các nguồn lực hỗ trợ người nghèo, người neo đơn, tàn tật, cứu trợ đồng bào vùng bị thiên tai… trị giá nhiều tỷ đồng mỗi năm.

Nhân dịp lễ Phật đản, không chỉ tuyên truyền cho tín đồ chấp hành các quy định của Nhà nước về phòng chống dịch bệnh, Phật giáo cả nước đã chung tay, góp sức cùng với chính quyền trong công tác phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Phật giáo khắp các tỉnh thành đã tích cực vận động, quyên góp, tổ chức các hoạt động từ thiện sáng tạo, thiết thực giúp người dân có hoàn cảnh khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh. Trong các đợt bùng phát dịch bệnh Covid-19, đã có những mô hình, sáng kiến của các Phật tử như: "hộp cơm miễn phí lo cho người dưới đáy", "cây ATM gạo miễn phí", "Siêu thị 0 đồng",… giúp đỡ bà

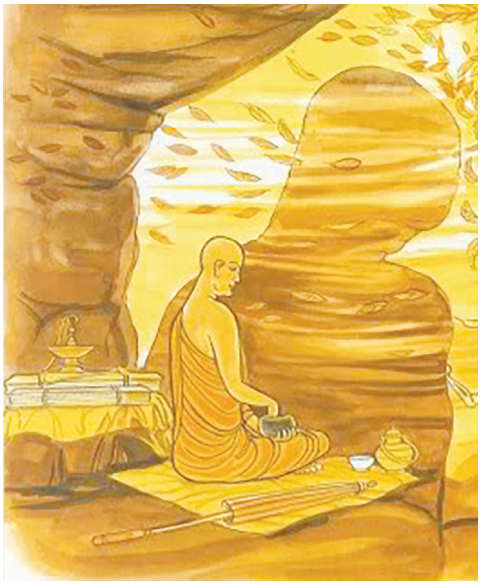
2. http://www.phattuvietnam.net/ Ngày 16/04.2020

con nghèo ở địa bàn vùng sâu, vùng xa. Lãnh đạo Phật giáo ở khắp các địa phương cả nước đã kêu gọi, quyên góp, trao tặng tài vật như những nhu yếu phẩm, thiết bị y tế cho các cơ sở y tế với trị giá rất lớn để tăng thêm trang thiết bị y tế đang còn thiếu thốn nhiều khi dịch bệnh bùng phát.

Với đại lễ Phật đản năm 2021, Hội đồng Trị sự GHPGVN đã có thông bạch số 69/TB-HĐTS, ngày 1 tháng 4 năm 2021 về việc tổ chức Lễ Phật đản năm 2021 của Phật giáo Việt Nam sẽ diễn ra cùng nhiều sự kiện đặc biệt như: trong không khí hoan hỷ chào mừng các sự kiện trọng đại của đất nước và của Giáo hội, đó là ngày hội toàn dân bầu cử Quốc hội khóa XV và Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; Kỷ niệm 40 năm thành lập GHPGVN (1981-2021); Đại hội Đại biểu GHPGVN cấp quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026. Ban Thường trực Hội đồng Trị sự đã có chương trình tổ chức gửi Ban Trị sự GHPGVN các cấp, các chùa, cơ sở tự viện trong cả nước, Tăng Ni, và đồng bào Phật tử trong công tác tổ chức lễ kỷ niệm ngày Đức Phật đản sinh lần thứ 2645 năm - Phật lịch 2565 trong bối cảnh toàn xã hội luôn luôn phải đề cao tinh thần phòng, chống dịch bệnh Covid-19.

Thời gian qua, Phật giáo đã có nhiều đóng góp tích cực tham gia phòng, chống dịch Covid-19 tùy từng giai đoạn của dịch bệnh mà đã tuân thủ những quy định của Nhà nước về phòng chống dịch, ngoài ra còn có nhiều hoạt động thiết thực như kêu gọi, quyên góp ủng hộ trang thiết bị y tế, bằng các hình thức quyên góp ủng hộ khác nhau để trao tặng tài vật như những nhu yếu phẩm giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn trong lúc dịch bệnh, góp phần quan trọng cùng cả nước kiểm soát hiệu quả, giảm sự lây lan của dịch bệnh trong cộng đồng. Các chức sắc tôn giáo bằng vai trò và uy tín của mình, tiếp tục đồng hành tích cực tham gia phòng, chống dịch Covid-19 theo đúng tinh thần "chống dịch như chống giặc" mà Đảng, Nhà nước, MTTQ kỳ vọng...

3. https://binhphuoc.gov.vn/ Ngày 7/05/2020



TỪ NHỮNG NÉT ĐẶC TRƯNG CỦA THIỀN TÔNG, *NGHĨ VỀ ĐẠO VÀ ĐỜI*

VU GIA

Muốn thành tiên, thành Phật, thành thánh, thành thần,... trước hết phải thành người. Làm người mà không thành người thì mọi ước mơ, mọi phấn đấu đều là hư ảo, mà muốn thành người, đi đầu là hiếu. Bất hiếu bất thành nhân. Một khi "Trực chỉ nhân tâm" thấy mình làm người mà không thành người thì làm sao "Kiến tính thành Phật"?

Những ngày giãn cách xã hội, tôi chẳng biết làm gì lại nghĩ về những nét đặc trưng của Thiền tông: *"Giáo ngoại biệt truyền/ Bất lập văn tự/ Trực chỉ nhân tâm/ Kiến tính thành Phật"* (Truyền giáo pháp ngoài kinh điển/ Không lập văn tự/ Chỉ thẳng vào tâm người/ Thấy chân tính thành Phật).

Có 16 chữ, mà bao đời qua, nhiều người luận giải đều… có lý và tiếp tục luận giải. Có người nói rằng một khi thấy đỉnh núi là không, vạn vật là không, Phật cũng là không, cần gì tu hành, một thoáng đốn ngộ, bờ giác đến rồi.

Thế nào là đốn ngộ? *Tự điển Phật học* dẫn tác phẩm *Đốn Ngộ Nhập Đạo Yếu Môn Luận,* cho rằng "Đốn tức là nhanh chóng dứt trừ vọng niệm, ngộ là ngộ cái không đạt được". Vậy tìm một thoáng đốn ngộ không dễ gì.

Đọc tác phẩm *Đại Huệ Phổ Giác Thiền sư ngữ lục,* tôi thấy có đoạn có thể giúp người đọc biết thêm một chút về Thiền tông với những câu hỏi và những câu trả lời… chẳng mấy ai hiểu ất giáp mô tê, nếu không phải người tu thiền: "Thế nào là câu thoại đầu? Thoại là lời nói, đầu là đầu đề. Đó là câu nói hoặc cơ ngữ của các bậc tông tượng trong Thiền lâm được đề khởi như một đầu đề để thiền giả thực hành tham thiền. Câu thoại đầu phần nhiều chỉ có một chữ hoặc một câu ngắn, như câu hỏi Triệu Châu: *"Con chó có Phật tính không?",* đáp: *"Không"*. Lời đáp *"Không"* trong câu đối thoại này chính là thoại đầu cần tham. Hoặc câu hỏi Vân Môn: *"Thế nào là Phật?"*, đáp: *"Que chùi cứt"*. Câu thoại đầu để tham thiền chính là *"Que chùi cứt""* (NXB Hồng Đức, H, 2012, trang 20).

Vậy "Bất lập văn tự" là như thế nào? "Giáo ngoại biệt truyền" làm sao chuẩn mực được? Có người cho rằng "Bất lập văn tự" không phải phế bỏ văn tự, mà không qua văn tự lời nói, gọi là pháp thiền trực tiếp; cho nên chỉ cần cái nghi tình (không biết). "Giáo ngoại biệt truyền" là ở ngoài Giáo môn, vì Giáo môn có giai cấp từ Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Thập địa và Đẳng giác, Diệu giác.

Pháp thiền trực tiếp do Phật Thích Ca đích thân truyền không có giai cấp, phàm phu ngộ và Thập địa Bồ tát ngộ bằng nhau, chỉ là cái dụng không bằng (cái lý thì bằng, cái sự không bằng). Cái dụng không bằng do phàm phu có tập khí thế gian và xuất thế gian còn nguyên. Thập địa Bồ tát hết tập khí thế gian, tập khí xuất thế gian còn ít, nên cái dụng lớn hơn nhiều, chỉ không bằng Phật.

Phàm phu bị tập khí phiền não nhét đầy nên không hiển bày cái dụng. Phàm phu kiến tánh, những tập khí dứt lần lần sẽ bằng dụng của Phật.

Có người lại nói Thiền tông không chủ trương phế bỏ kinh sách, nhưng cũng không khuyên chấp nhặt quá vào kinh sách, kinh sách được dùng làm phương tiện để tham khảo chứ không phải mục đích đến của các hành giả Thiền tông. Mục đích tối thượng của người tu tập theo Thiền tông là liễu ngộ Phật tính, thấu suốt bản tâm thanh tịnh của chính mình, thoát khỏi sinh tử luân hồi và sống với bản tâm thanh tịnh ấy, nếu có nhân duyên thì hoằng hóa giúp người cũng tu tập ngộ đạo như mình, làm lợi lạc. Trong tác phẩm Cư trần lạc đạo của ngài Trần Nhân Tông có viết: *"Gia trung hữu bảo hưu tầm mích/ Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền"* (Trong nhà có báu thôi tìm kiếm/ Đối cảnh vô tâm chớ hỏi thiền), nghĩa là trong người ai cũng có Phật tính, nên một khi không chạy theo, không dính mắc 6 ngoại xứ còn gọi là 6 trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp), đó là thiền, là cơ hội thấy được hòn ngọc báu của mình.

Ý này, ngài Trần Nhân Tông ngộ từ lời Phật dạy: "Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm", nghĩa là người muốn an trụ tâm, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đừng dính mắc chỗ sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đối với sáu trần không vướng mắc đó là an trụ tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Với tôi, muốn đốn ngộ phải có ngộ tính. Ngộ tính không phải tư chất, không phải trí lực mà là lĩnh ngộ được đại đạo từ tâm của mình. "Trực chỉ nhân tâm" là như thế. Thật thật giả giả ở đời cũng giống như uống rượu. Không say là vì không uống "quả"; không uống là không say "nhân". Có nhân ắt có quả. Có quả phải có nhân. Nhưng lắm lúc gieo nhân chưa hẳn gặt được quả, như người uống rượu chưa chắc lần nào cũng say và có lúc sung sướng vì được say.

Sống mơ mơ màng màng… Uống là "nhân" của say, say là "nhân" của mộng, mộng là "nhân" của tỉnh, tỉnh là "nhân" của

uống, nghịch lại chính là "quả"… Không rõ "nhân" làm sao hiểu "quả". Trên nhân quả là luân hồi. Thế gian vạn vật đều trong luân hồi, có ngày có đêm, có thiện có ác, có sống có chết,…

Nhưng nếu cô độc trên đường tìm đạo, dẹp bỏ thất tình lục dục để cầu đạo và cho là thành đạo thì có gì vui?

Vũ khí không thiện không ác. Thiện ác là do người sử dụng. Rượu cũng thế. Thế gian đau thương, thống khổ, rượu sẽ giúp hòa tan bi ai. Thế gian vui sướng, may mắn ập đến, rượu sẽ trợ hứng bầu không khí. Nhưng tại sao có người uống mãi không say, bi thương ngày một đầy? Tại sao có người chỉ nhấp một chén là say? Chung quy, rượu không thể thay đổi tâm tình người ta, mà say hay không tự do lòng người. Do vậy, mới có người say tâm, có kẻ say thân và chính họ mới biết nguyên nhân say của mình. Nếu tâm chết thì rượu không say người mà người tự say. Chết vào rượu chính là say, sinh ở rượu chính là tỉnh. Tỉnh tỉnh say say tựu ở lòng người. Hư hư thật thật, thật hư chỉ trong một ý nghĩ.

Muốn thành tiên, thành Phật, thành thánh, thành thần,… trước hết phải thành người. Làm người mà không thành người thì mọi ước mơ, mọi phấn đấu đều là hư ảo, mà muốn thành người, đi đầu là hiếu. Bất hiếu bất thành nhân. Một khi "Trực chỉ nhân tâm" thấy mình làm người mà không thành người thì làm sao "Kiến tính thành Phật"?

Sự tích truyền pháp của Sơ Tổ Thiền tông Trung Hoa cho Tổ Huệ Khả được truyền lại như sau:

Tổ hỏi: "Trong mọi thứ, thứ gì vô sắc?". Bồ-đề-đạt-ma đáp: "Vô sinh vô sắc". Tổ hỏi tiếp: "Trong mọi thứ, cái gì vĩ đại nhất?". Bồ-đề-đạt-ma đáp: "Phật pháp vĩ đại nhất".

Vậy Phật pháp là gì? Theo HT Thích Thanh Từ, "Phật pháp là những điều đức Phật chứng kiến được sau khi giác ngộ, đem chỗ chứng kiến ấy nói lại để cho mọi người hiểu biết để dứt sạch mê lầm và giác ngộ như Ngài", tức là Phật nói những gì mình thấy, mình biết, mình đã trải qua, đã chiêm nghiệm từ thực tế, nên cần phải tin.

Thực ra đúng, sai; phải, quấy; tốt, xấu; tài và bất tài… đều tùy thuộc vào sự uyển chuyển, tỉnh sáng của tâm. Phật pháp vốn là pháp bất định, nếu sống cứ chấp chặt một bên, ứng xử không hợp lúc hợp thời thì dễ chuốc lấy tai họa, khổ lụy. Bởi vậy, người trí tuy hay nhìn vào nội tâm, song ứng đối với ngoại giới luôn nhanh lẹ, khế cơ khế thời. Đôi lúc thấy như hay, đôi lúc nhìn như dở! Họ tùy duyên, song lại bất biến. Điểm chính là tâm tư phải bình an, tĩnh lặng thì mới có được sự hành xử sáng suốt, ít lỗi lầm.

Trong kinh A-hàm có đoạn kể Ma-ha-nam là em con chú bác của Thái tử Tất-đạt-đa, lúc Phật về hoàng cung giáo hóa, ông phát tâm rất mạnh tu hạnh cư sĩ, giữ 5 giới tu thập thiện, ông thắc mắc hỏi Phật như thế này:

- Thưa Thế tôn, bình thường con giữ 5 giới tu thập thiện, giả sử con bị tai nạn chết bất đắc kỳ tử thì con sẽ sanh về đâu? Đức Phật trả lời bằng một câu hỏi:

- Này Ma-ha-nam, có một cây thân đứng nghiêng, có người đến cưa thì cây ngã về đâu?

- Thưa Thế tôn, cây nghiêng chiều nào, khi cưa thân cây ngã theo chiều đó.

Phật dạy: "Cũng vậy, hằng ngày ông thường tạo nghiệp thiện, khi chết theo nghiệp thiện mà tái sanh vào cõi lành. Người thường ngày tạo nghiệp ác khi chết tái sanh vào cõi ác. Không phải chết bất đắc kỳ tử là đọa địa ngục".

Bất kỳ cái gì sinh linh cũng có hai mặt thiện ác, chứ không phải duy nhất thiện hoặc duy nhất ác. Phật môn cũng không ngoại lệ cho nên mới có thuyết pháp "nhất niệm thành Phật, nhất niệm thành ma". Thế gian không có gì là tuyệt đối cả, chỉ xem lúc nào, phương diện nào lấn át hơn. Nhà Phật có câu: "Phóng hạ đồ đao lập địa thành Phật", nghĩa là buông con dao đồ tể xuống, đứng ngay đó mà thành Phật. Phật là bậc Đại thiện. Chữ Phật được dùng ở đây là để chỉ cho tâm thiện, hoặc người tốt. Ý nói người làm ác chỉ cần quyết tâm bỏ ác hướng thiện là lập tức trở thành người tốt. Thiện tâm của người này không khác gì thiện tâm của Phật, lấy mặt thiện áp qua mặt ác.

Thiện ác do tâm, hoàn cảnh chỉ là đưa đến một cái tác dụng xúc tiến. Do vậy, tưởng ma chưa hẳn là ma, tưởng Phật chưa chắc là Phật. Phật quả là tu mới có chứ không phải kế thừa có được. Tu Phật chính là tu thân, như người leo núi, từng bước, từng bước đi lên,… Nhưng muốn cần thân tĩnh thì phải có tâm tự tại.

Người đời thường nói thiên đạo không bằng nhân đạo, nhân đạo không bằng tâm đạo. Trời có bất trắc phong vân, nhân tâm chìm nổi biến hóa, nhất niệm thành thần, chớp mắt nhập ma, nếu có tín niệm chắc chắn sẽ đạt được điều mình mong muốn.

Thế nào là đạo tâm? Nói trắng ra là khá mờ mịt, nhưng tôi nghĩ đơn giản là không thẹn với lương tâm chính là đạo tâm. Đại hùng, đại lực còn có tấm lòng đại từ bi mới thành đại sự.

Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật dạy rằng tam độc (tham, sân, si) là những nguyên nhân gây ra bất hạnh và phiền não, ưu tư cho con người. Thực tế cuộc sống bao đời qua cho thấy có tam độc (tham, sân, si) ắt có phiền não, nhưng một khi lấy tam độc làm niềm vui thì phiền não không còn là phiền não. Nếu ai cũng trừ được tam độc thì thế gian này thành Phật cả rồi. Nhân loại được tôn xưng là vạn vật chi linh, nhưng nếu thả vào nơi không có con người thì trí tuệ cũng dần bị kéo xuống, chỉ còn mỗi bản năng sinh tồn. Có con người là có đấu tranh, càng đấu tranh càng lộ ra tam độc. Quan trọng là sống đúng với bản tâm của mình. Người có việc nên làm, có việc không nên làm. Không ai nguyện ý chết, nhưng nếu chết vì bảo vệ người thân, bảo vệ xóm làng, bảo vệ đất nước thì cái chết chẳng tính là gì. Phật dạy không sát sinh, nhưng có những lúc cần phải phạm giới. Lịch sử dân tộc đã cho thấy điều ấy. Thượng hoàng Trần Nhân Tông cũng khoác chiến bào ra trận, dân tộc ta mới có ngày hôm nay./



Vị bồ tát mang dép ngược

NGUYÊN CẨN

Có lẽ người duy nhất trong cuộc đời này chấp nhận chịu đựng mọi thói hư tật xấu của ta,nhẫn nhịn tột cùng chỉ có thể là mẹ ta. Tôi đã từng quậy phá rất nhiều khi còn bé, từng thổi tắt đèn trung thu của bao nhiêu đứa trẻ trong xóm, giật dây pháo nhà người khác lúc đang nổ vứt đi trong đêm giao thừa và còn bao nhiêu trò nghịch ngợm khác. Những lúc ấy có ai mách, mẹ chỉ mắng: "Mày coi chừng ốm đòn đấy!". Cho đến khi đi học chữ để chuẩn bị vào lớp năm ngày ấy (tức lớp một bây giờ), tôi nhất định không đi. Và ngày đầu tiên đi học của tôi là một cảnh tượng khó quên trong trí nhớ nhiều người thân: bốn người gồm hai ông anh và hai thằng em con ông chú đô con khiêng tôi đi như một chú heo con ú ụ. Hồi đó, tôi sợ không được rong chơi, sợ phải khép mình trong bốn bức tường, sợ phải học bài, sợ… đủ thứ như tôi đã kể lại trong một bài thơ

Thưa thầy vắng một chỗ ngồi
Vì con mê ngắm khoảng trời thơ xanh
Nên con đi học chưa đành
Sử kinh, thưa mẹ, để dành mai sau…
…
Dẫu khiêng con đến tận nơi
Vẫn không đọc nổi một lời, thầy ơi!

(Vì sao học trễ)

Nhưng tuổi nhỏ dễ "dụ" nên thầy hứa nếu tôi chịu đi học, không phải khiêng đến, sẽ cho hai đồng (một số tiền đủ để mua

một món đồ chơi) và tôi cảm thấy đi học không quá căng như mình nghĩ. Sau hai bữa, thầy giảm xuống còn một đồng và hết tuần là không cho nữa. Lúc đó tôi cũng quen rồi, vui vẻ đi học thôi. Mãi về sau tôi mới biết chính mẹ là người đưa tiền cho thầy để khuyến khích tôi.

Và có những tình yêu vĩ đại trong cuộc đời mà ta không nhận ra, để rồi khi ta gặp nghịch cảnh hay bất trắc, lúc ấy ta mới biết mình thờ ơ biết mấy với một người luôn bên ta từ lúc còn nằm nôi, thậm chí cho đến khi người ấy qua đời, vẫn luôn dành cho ta tình yêu vĩ đại.

Bây giờ, mỗi đêm, khi giật mình tỉnh giấc vào lúc 3 giờ sáng, tôi vẫn bị ám ảnh vì những âm thanh như lúc mẹ chuẩn bị gánh hàng ra chợ bán. Chuyện mẹ bán hàng là từ thuở mới vào Nam nhưng ngày trước cuộc sống không đến nỗi quá cơ cực như những năm "bao cấp" sau ngày giải phóng. Những năm ấy cha lại ngã bệnh nằm một chỗ, hai em còn đi học. Tôi ra trường dạy mãi tận Nha Trang, lương quá thấp, sống còn không đủ lấy gì gửi cho gia đình được. Ông anh, cũng là nhà giáo, thì lo cho gia đình riêng với ba đứa con cũng tít mù cơm áo rồi. Không ai giúp mẹ được! Buồn nhất là những ngày



mùa hè từ Nha Trang trở về nhà, nằm trên gác, mỗi khi trời chưa sáng, lại nghe tiếng mẹ lục cục đem hàng ra chợ. Lúc ấy, một cảm giác bất lực đến khó chịu. Một hôm bức bối quá, tôi nói với mẹ: "Hay con dẹp cái hộ khẩu đi, không cần, bỏ về Sài Gòn đi bán thuốc tây ngoài chợ trời. Mấy đứa bạn con kiếm khá lắm". Mẹ lắc đầu: "Muốn làm thầy giáo hay muốn làm thằng chợ trời, suy nghĩ cho kỹ vào! Sông có khúc, người có lúc chứ!". Cha tôi thì nhấn mạnh: "Con sẽ hư vì những đồng tiền phi nghĩa ấy. Hãy trở lại trường tiếp tục công việc dạy học". Mẹ nhắc ngày cha làm thầu khoán ở Vũng Tàu cho Úc, có người khuyên cha mở mấy snack bar vì lúc đó quân viễn chinh nước ngoài rất nhiều, làm giàu nhanh chóng. Nhưng cha đã khẳng khái: "Tôi mở thì được, nhưng đám con trai của tôi thành ma cô hết, chẳng thành người được!" và ông từ chối không chút đắn đo. Tôi nghe lời khuyên, trở lại công việc giảng dạy và tiếp tục tìm thấy những niềm vui và... sự kính trọng! Mẹ luôn dặn dù buôn bán hay làm nghề gì phải lấy chữ tín và chữ tâm làm đầu. Làm ăn thiếu lương tâm thì sẽ thất bại. Hàng của mẹ được nhiều người mua vì họ thấy bà cụ thật thà, không gian dối, dù lời ít. Mặc cho chung quanh vẫn có những kẻ gièm pha, ghen ghét.

Một lần mẹ kể, hôm nọ mẹ đau một bên tai kinh khủng, tuyệt vọng quá, mẹ khấn Phật và hỏi: "Bao giờ mới hết khổ?". Mẹ đã nguyện rằng, nếu cha chết thì xin cho mẹ chết cùng. Đêm ấy mẹ nằm mơ thấy một cụ già râu tóc bạc phơ như ông Bụt trong truyện cổ đã cầm một bình nước đầy ắp đưa cho mẹ và nói rằng: "Con không chết được đâu. Con hãy lo cho chồng cho con. Của cải tiền nhân để lại cho con nhiều lắm, nhưng hãy còn ở ngoài khơi". Sau đêm đó, mẹ tôi vững tin hẳn lên. Mẹ như tiếp nhận năng lực vô hình từ cụ già trong giấc mơ ấy dù vẫn phải thức dậy từ 3 giờ sáng mỗi ngày để ra chợ, rồi sau đó về nhà chuẩn bị nấu nướng cho con, đem thức ăn cho chồng trong bệnh viện, và ở lại đó đến khuya mới về.

Cứ như thế, cha tôi qua cơn bạo bệnh với ý chí mãnh liệt cùng với sự nỗ lực tột cùng của mẹ. Gia đình tôi trong những ngày u ám

nhất đã lấy Phật pháp làm điểm tựa, để tìm trong đó một niềm tin mãnh liệt để mà sống, nhất là khi hiểu ý nghĩa sâu xa của nghiệp lực. Chính mẹ, luôn đặt niềm kính tín sâu xa vào Đức Quan Âm Bồ tát, và chú Đại Bi, đã soi sáng những góc tối của bi kịch, giúp anh em tôi vững tâm an nhiên trước những tai ương, oan khổ. Niềm tin ấy đã làm hành trang cho chúng tôi vào đời, vượt bao trở lực, có lúc tưởng như làm mình sụp đổ, hiện thực hóa những mơ ước của mình. Từ đó tôi mới hiểu vì sao đức Phật đã nhìn phiền não để thấy Bồ đề.

Rồi chúng tôi vượt qua sóng gió, có được những ngày tháng bình yên. Anh em tôi đều có danh phận. Tôi dù phiêu lưu sang lãnh vực kinh doanh vì lý do bất khả kháng, không đủ sức khỏe làm nghề giáo, nhưng vẫn luôn nhớ lời mẹ dặn. Không bán hàng gian, hàng giả, làm ăn gian dối, kiếm lợi bất chính trên sức khỏe hay sự ít hiểu biết của người khác. Cho đến nay sau hơn 30 năm trên thương trường, châm ngôn ấy vẫn là lẽ sống.

Một hôm nhìn mẹ, chợt giật mình khi hiểu mẹ đã dành cho con gần hết cuộc đời, chẳng có mùa xuân:

Có lời ru nào buồn như tiếng thở,
Mẹ quẩy truân chuyên quang gánh một đời,
Che kín gian nan, con lớn thành người,
Mẹ mỉm cười ngắm trời xanh, giấu lệ,

(*Mùa xuân nào cho mẹ* - NC)

Cách đây ba năm, khi nằm trong bệnh viện, chuẩn bị giải phẫu tim, tôi đã nằm mơ thấy mẹ, dù trong thực tế, mẹ đã không còn tỉnh táo như xưa.

Đêm bệnh viện con bay trên mái ngói
Thầy mẹ ngồi trong bóng tối cô liêu
Đừng âu lo tóc sẽ bạc thêm nhiều
Đêm bệnh viện con về như ngọn khói!

(*Đêm bệnh viện* - NC)

Nhưng rồi sau khi tôi giải phẫu được vài tháng, chính mẹ mới "về như ngọn khói". Mẹ đi nhẹ nhàng sau một ngày không ăn uống, bình yên, thanh thản... Và ta chợt hiểu ra thì đã muộn.

Có nghĩa gì một mai con thành đạt
Mẹ đã về trời như bóng mây?
Đóa hồng đau cắm ngập trái tim đầy
Những kỷ niệm một thời phiêu bạt,
...
Có nghĩa gì một mai con hạnh phúc
Mẹ lại nhạt nhòa sau khói hương bay?
Khoảng không nào trong ký ức hôm nay
Dành cho Mẹ chỗ ngồi trân trọng nhứt

(*Có nghĩa gì* - NC)

Hôm nay nhìn tờ lịch, biết rằng sắp đến Vu lan. Mẹ đã không còn trên cõi đời này nhưng nói như Thiền sư Nhất Hạnh: "Khi nhớ đến mẹ cha, con hãy nhìn đôi tay mình, trong đó có chủng tử, DNA của mẹ của cha". Người đã ban cho con thân xác và hình hài này, dạy cho con điều hay lẽ phải, vững bước làm người. Và khi tôi nhìn di ảnh mẹ, nhớ chuyện ông quan vào chùa tìm Phật, được vị hòa thượng dạy "Hãy về nhà, tìm ai mang nhầm dép trái sang chân phải thì đó chính là Bồ tát". Khi ông quan về thăm mẹ, bà mừng quá, xỏ nhầm dép chạy ra. Nhìn thấy mẹ, nhớ lời vị hòa thượng, ông bật kêu lên: "Ôi, mẹ chính là Bồ tát mà ta đi tìm bấy lâu!". Tìm đâu nữa? Các bạn hãy về nhà và tìm vị Bồ tát trong bếp của mình đi, nếu bạn may mắn còn mẹ trên đời. Đừng hững hờ như lời anh bạn Nguyễn Chinh của tôi chia sẻ bài thơ trên face book hôm qua:



Có lúc ta quên màu tóc mẹ
Đã một thời dãi nắng dầm mưa
Có lúc ta quên nhìn mắt mẹ
Còn chờ ta mỏi ngóng đêm sâu
Có lúc ta quên nhìn dáng mẹ
Chợt quạnh hiu ngày ta bước vào đời
... Mẹ thật gần sao ta quá xa!

(Nguyễn Chinh)



Riêng tôi, tôi sẽ ngồi một mình, yên lặng, nhìn đôi tay và nhớ… nhưng xin đừng ai hát bài "Mẹ tôi" (Nhị Hà) vì có người bạn, tuổi trên 70 khi tình cờ nghe bài hát ấy, đến câu "Nhưng nay con đã nên người, thì nay còn đâu bà mẹ hiền xưa. Chiều nay đốt hương tưởng niệm trước mộ, nhìn khói đau lòng tưởng nhớ năm xưa…". Anh đã đóng cửa phòng lại và khóc một mình, thật nhiều, nức nở.

Con hiểu từ nay xa vắng thật rồi
Một bóng hình - một tình yêu vĩ đại
Con trách mình sao không còn bé dại
Nép vai gầy áo mỏng mẹ như xưa
Căn nhà nhỏ chỗ mẹ nằm trang trọng
Mà bây giờ…
Mẹ không còn ở đó
Mênh mông sao - nơi chiếc giường thân thuộc
Cả buổi chiều lạnh ngắt… chẳng qua đi
Thân dẫu già mất mẹ hóa cô nhi
60 tuổi lòng đau như 6 tuổi!

(*Những điều không thể* - NC)

Hãy trở về thăm mẹ hôm nay, bây giờ, vì đó chính là cội nguồn phúc lạc của mỗi chúng ta.

Đâu có phải Vu Lan con mới về báo hiếu
Mất mẹ rồi mới hiểu mẹ bao la
Hiểu mẹ thiêng liêng hơn một mái nhà
Góp mọi thứ tình gom vào vẫn thiếu!

(*Đâu cứ là Vu Lan* - NC)

Hãy về ngay nhé!

Những câu thơ ghi NC được trích trong *"Sầu rụng thành hoa"* và *"Đối thoại với hư không"* của Nguyên Cẩn



Di ảnh Ni trưởng Thích nữ Diệu Không được tôn trí tại hậu tổ chùa Hồng Ân

GIA PHẢ VÀ HÀNH TRÌ ĐẠO PHÁP CỦA *NI SƯ DIỆU KHÔNG*[1]

(TƯỞNG NIỆM 24 NĂM NGÀY MẤT CỦA NI SƯ)

HOÀNG VĂN LỄ[2]

1. Phác thảo gia phả

Ni sư Diệu Không, thế danh là Hồ Thị Hạnh, sinh ngày 24-12-1905, viên tịch ngày 22-8-1997, thọ 93 tuổi, hạ lạp 53 năm. Như vậy, tuổi đời và hạ lạp rất cao, Ni sư đã đi vào cõi niết bàn tròn 20 năm.

Gia phả của vị nữ tu Phật giáo, được tôn kính là "Sư bà" này có nhiều điểm đặc sắc trong họ tộc và cuộc đời hành trì hạnh Bồ tát hiệu nghiệm. Bà là con gái út của cụ ông Hồ Đắc Trung và cụ bà

1. Soạn theo tài liệu của bác sĩ Hồ Đắc Duy, là người cháu ruột của Sư bà Diệu Không. Bác sĩ Hồ Đắc Duy vừa qua đời ngày 19-8-2018 vừa qua.

2. Tiến sĩ Sử học, Trung tâm Nghiên cứu Lịch sử Phật giáo Việt Nam (Chùa Xá Lợi, Thành phố Hồ Chí Minh).

Châu Thị Ngọc Lương, quê quán ở làng An Truyền, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên - Huế, hầu hết anh chị đều thành danh, nổi tiếng, cống hiến cho đời nhiều thành quả đáng kể. Gia phả như sau:

Thủy tổ là Hồ Quản Lãnh, một trong những người đầu tiên theo chân Đoàn Nhữ Hài vào phía Nam nước Đại Việt ngay từ khi hai châu Ô, châu Lý sáp nhập vào nước ta năm 1307 dưới thời vua Trần Anh Tông. Họ Hồ trải qua 9 đời trong biến động thời cuộc không lưu truyền được gia phả. Do đó, tộc họ Hồ Đắc sử dụng tên chung là Hồ Đại Lãnh ở các đời này. Và chọn phả ký từ đời Hồ Đắc Mười làm tổ đời I của dòng họ Hồ Đắc như sau:

Đời I: Hồ Đắc Mười
Đời II: Hồ Đắc Lộc
Đời III: Hồ Đắc Vinh
Đời IV: Hồ Đắc Năng
Đời V: Hồ Đắc Bình
Đời VI: Hồ Đắc Công
Đời VII: Hồ Đắc Đạo
Đời VIII: Hồ Đắc Khả
Đời IX: Hồ Đắc Chuyên

Các đời kể trên là thứ lớp dòng trưởng, con rất nhiều tông đồ theo các vị ngành thứ. Họ Hồ Đắc truyền thừa đến nay đời XII, XIII. Nếu tính từ cụ Hồ Quản Lãnh, được tôn là thủy tổ họ Hồ vào phương Nam từ đầu thế kỷ XIV; đã có hơn 20 đời nối tiếp trong lịch sử nước nhà.

Trong phả hệ Đời IX có cụ **Hồ Đắc Tuấn**, sinh ra các con Đời X:

Đời X: Hồ Đắc Trung, Hồ Đắc Mậu, Hồ Đắc Chi, Hồ Đắc Đệ

Đời XI: Cụ ông **Hồ Đắc Trung** kết hôn cụ bà Châu Thị Ngọc Lương sinh ra các con: Hồ Đắc Khải, Hồ Đắc Điềm, Hồ Đắc Di, Hồ Đắc Liên, Hồ Đắc Ân, Hồ Đắc Thứ, Hồ Đắc Hoài và các công nữ Hồ Thị Huyên (Thích nữ Diệu Huệ), Hồ Thị Sài, Hồ Thị Chỉ (Đệ nhất Ân phi của vua Khải Định) và ***Hồ Thị Hạnh*** (Ni sư Diêu Không).

Dòng họ Hồ Đắc là một trong sáu họ lớn của triều đình Huế lúc bấy giờ, Cụ Hồ Đắc Trung, một đại thần của Cơ Mật Viện, là một thượng thư hàng đầu được xưng tụng vào thời thực dân Pháp đã

"nuốt" gần trọn Việt Nam, tức có trách nhiệm của quan lại, song minh chứng quan điểm và hành xử của thượng quan Hồ Đắc Trung với ít nhất hai việc rất đáng nể trọng:

Một là việc làm "chánh án" xử vụ vua Duy Tân và nhóm Thái Phiên, Trần Cao Vân: Toàn thể Hội đồng cử quan Đại thần Thượng thơ Bộ Học Hồ Đắc Trung làm chánh án. Ông Hồ Đắc Trung vốn là bạn học của các ông Huỳnh Thúc Kháng, Trần Cao Vân, Thái Phiên. Trong phiên xử, thay vì tuyên án vua Duy Tân như trong bản án có sẵn của Pháp thì ông Hồ Đắc Trung làm ngược lại, ông tuyên bố tha bổng vua Duy Tân vì ông cho rằng nhà vua bị nhóm nổi loạn lợi dụng tuổi trẻ, hành động sơ suất, có lỗi với Chính phủ bảo hộ nhưng không phạm tội đối với nhân dân Việt Nam. Thực dân Pháp bất ngờ và vô cùng tức giận trước ngón "hồi mã thương" của quan chánh án, chúng không làm gì được, bèn lập tức bắt giam Hồ Đắc Trung cùng vua Duy Tân, nhưng cuối cùng thực dân Pháp phải duyệt y bản án, đày vua Duy Tân qua đảo La Réunion ngày 3.11.1916. Đến tháng 5 năm 1917, triều đình Huế dưới triều vua Khải Định được tổ chức lại, Hồ Đắc Trung được phục chức, cử làm Thượng thơ Bộ Lễ kiêm Bộ Học, tiếp tục đường quan lại trong tư thế kềm nén nỗi lòng với nước, với dân.

Việc thứ hai là việc giáo dục trong gia đình: Khi 5/6 con trai của ông được gởi du học tại Pháp và mỗi người, ông chọn cho mỗi ngành mũi nhọn trong tương lai với một ý định rất rõ ràng và chính xác, kết quả hơn mười mấy năm đầu tư cho các con học tập ở nước người: Hồ Đắc Điềm đậu Tiến sĩ Luật khoa, Hồ Đắc Di đậu Tiến sĩ Y khoa, Hồ Đắc Liên đậu Kỹ sư Khoáng học Địa chất, Hồ Đắc Ân đậu Tiến sĩ Dược khoa, Hồ Đắc Thứ chuyên ngành Ngân hàng tại Đại học Bách khoa Paris… Sau khi thành tài, ông gọi tất cả các con trở về nước. Và chúng ta đã biết Giáo sư Tiến sĩ Hồ Dắc Di, một trong số rất ít trí thức hàng đầu ngành Y của nước ta tận tuỵ theo Chủ tịch Hồ Chí Minh kháng chiến thắng lợi, xây dựng nước nhà sau ngày giải phóng, thống nhất đất nước.

Các con cụ Hồ Đắc Trung, tức anh chị của Ni sư Diệu Không (Hồ Thị Hạnh) là những nhân tài, đóng góp nhiều thành quả đấu tranh và xây dựng đất nước.

2. Hành trạng của Ni sư Diệu Không

Việc đời



Năm 1929, bà kết duyên với ông Cao Xuân Sang, thương tá Cơ Mật Viện (lúc này vợ ông chết đã 3 năm, để lại 6 con nhỏ). Vì nghĩa hơn vì tình. Năm sau, bà sinh con trai là Cao Xuân Chuân. Cùng trong thời gian này, chồng bà từ trần vì bệnh lao phổi. Mới 24 tuổi đã phải sống cuộc đời góa bụa với bảy đứa con (6 của bà vợ trước và 1 đứa con mới sanh). Bà trọn đạo thủ tiết thờ chồng nuôi con.

Bà đã hứa với gia đình chồng: Một đàn con bảy đứa, sáu đứa không mẹ, không cha. Chúng đã gọi mình bằng mẹ, thì không thể nào không làm tròn trọng trách; vả lại, những gương nữ lưu Việt Nam đã để lại cho chúng ta soi là "Tiết Hạnh Khả Phong", thì chắc chắn chúng tôi phải học theo cho bằng được.

Bà giáo dục con cái rất nghiêm với tình thương yêu của một người mẹ, không có sự phân biệt giữa con riêng, con chung. Các con rất kính phục và nhiều người hàng xóm hay trong tầng lớp giới thượng lưu danh gia vọng tộc đều ca tụng bà, bà cho rằng: *Tôi gắng làm được như vậy là nhờ tinh thần vô ngã vị tha của Phật giáo.*

Tinh thần dân tộc, đầu óc canh tân xứ sở rất cao. Bà đã lập ra cửa hàng Nam Hóa ở cửa Thượng Tứ (Huế) để kêu gọi quần chúng bản tỉnh nên dùng đồ nội hóa, lập hội đấu xảo tiểu công nghệ cho giới phụ nữ ở số 2, đường Lê Lợi. Các việc làm này gây ảnh hưởng sâu rộng trong quần chúng địa phương thời đó.

Hằng ngày, ngoài hoạt động xã hội từ thiện, công việc gia đình con cái, bà vẫn dành nhiều thời gian đến chùa lễ bái, làm công quả, học giáo lý.

Khi các con khôn lớn, bà từ từ bỏ cuộc sống thế tục để chuẩn bị cho việc xuất gia. Giao phó công việc gia đình cho cô con gái thứ năm và bước vào cửa thiền rất dõng mãnh.

Hành đạo

Mùa Xuân năm Nhâm Thân (1932), bà lên cầu pháp với tổ Giác Tiên ở tổ đình Trúc Lâm, được Hòa thượng truyền thập giới làm Sa di ni với pháp tự Diệu Không, pháp danh Trừng Hảo, thuộc dòng Lâm Tế chánh tông đời thứ 42.

Bà là vị ni sư độc nhất được tham dự vào lớp học ở chùa Trúc Lâm do ngài Phước Huệ dạy bảo, trong lớp chỉ toàn cao tăng là thầy Mật Khế, Đôn Hậu, Vĩnh Thừa, Mật Hiển, Mật Nguyện và Bác sĩ Lê Đình Thám...

Cuối năm 1932, bà ở chùa Khải Ân, làng Châu Ê, xã Thủy Bằng, quận Nam Hòa *(chùa này do bà Hồ Thị Chỉ, chánh thất của vua Khải Định và cũng là chị ruột của sư bà lập nên năm 1924, để cộng trú với sư bà Thể Yến, Hướng Đạo (tức sư bà Diệu Viên).*

Ở miền Trung, từ đầu đã có lớp học ni tại chùa Từ Đàm do phu nhân cụ Ưng Đàm tổ chức từ trước năm 1938, sau đó dời về chùa Diệu Đức. Đảm trách giảng dạy có ni sư Diệu Hương làm Đốc giáo và bà Hồ Thị Hạnh *(sau này là sư bà Diệu Không)* giảng dạy.

Sau khi thọ giới Sa di ni, bà góp công sức vào xây cất Ni viện Diệu Đức; đó là Ni viện đầu tiên cho nữ giới, góp phần sáng lập và trùng tu nhiều chùa ni và tịnh viện khác tại Thừa Thiên - Huế như Diệu Viên, Khải Ân, Hồng Ân, Kiều Đàm, Định Huệ, Đông Thuyền, Hồng Đức, Liên Trì, Liên Hoa; Bảo Thắng-Hội An, Bảo Quang-Đà Nẵng, Tịnh Nghiệm-Quảng Ngãi, Ni viện Diệu Quang-Nha Trang. Tại miền Nam, bà là người góp công thành lập Ni trường đầu tiên ở Sa Đéc, Ni viện Từ Nghiêm, Dược Sư, Diệu Giác, Diệu Tràng, Diệu Pháp tại Hố Nai, Long Thành,

Năm Đinh Hợi (1947), Hòa thượng Đôn Hậu cùng hai vị Hòa thượng Giác Nguyên và Giác Nhiên, tản cư về làng An Xuân, xã Quảng An, huyện Quảng Điền. Tại đây, Hòa thượng Đôn Hậu bị Pháp bắt giam 3 ngày rồi thả ra về chùa Linh Mụ được một thời gian ngắn, Hòa thượng bị bắt lại. Lần này, may nhờ có Sư bà Diệu Không và ông Tráng Đinh, can thiệp kịp thời với Hoàng Thái hậu Từ Cung và Hoàng hậu Nam Phương, nên khi sắp đem đi hành hình mới được lệnh tha về.

Năm 1952, Sư bà góp phần đắc lực trong việc sáng lập nhà in Liên Hoa để in kinh sách Phật giáo và nguyệt san *Liên Hoa*. Nguyệt san này do Hòa thượng Đôn Hậu làm Chủ nhiệm, Hòa thượng Đức Tâm làm Chủ bút, Sư bà làm quản lý và biên tập viên, là tờ báo Phật giáo sống lâu nhất tại miền Trung.

Năm 1963, chính quyền đàn áp Phật giáo, sư bà vào Nam tổ chức biểu tình trước dinh Độc Lập để đòi quyền bình đẳng tôn giáo, đã xin phép được tự thiêu để bảo vệ chánh pháp.

Ngày 23-7-1963, sư bà Diệu Huệ là chị ruột sư bà mở cuộc họp báo tại chùa Xá Lợi, cho biết bà sẽ tự thiêu để chống lại chính sách kỳ thị tôn giáo của chính quyền (tâm nguyện này chưa được Liên phái chuẩn thuận) và khi Hòa thượng Thích Quảng Đức vì pháp thiêu thân, bà đã ngất xỉu và vô cùng xúc động cảm phục.

Năm 1964, sư bà dựng chùa Diệu Giác ở Thủ Đức. Sư bà góp công rất nhiều trong việc xây dựng Viện Đại học Phật giáo đầu tiên của Việt Nam là Đại học Vạn Hạnh, cùng với Hòa thượng Trí Thủ, Hòa thượng Minh Châu, Hòa thượng Nhất Hạnh và cư sĩ Ngô Trọng Anh... là những vị khai sáng đầu tiên. Viện Đại học Vạn Hạnh nổi tiếng ở Sài Gòn trước 1975.

Năm 1965-1966, lại một lần nữa sư bà dấn thân cho cuộc tranh đấu đòi dân chủ dân quyền.

Năm 1967, tạo lập tịnh xá Kiều Đàm ở đường Công Lý (Sài Gòn). Sau đó, bà về Huế để lo phần ngoại hộ khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất Thừa Thiên - Huế, mở lớp chuyên khoa Phật học nội trú Liễu Quán bốn năm.

Năm 1968, xây cất cô nhi viện Bảo Anh ở Tây Lộc (Huế) và cô nhi viện Diệu Định (Đà Nẵng), để có nơi nuôi dưỡng con em mồ côi do cuộc chiến gây ra.

Năm 1970, sửa sang lại nhà in Liên Hoa thành tịnh xá Kiều Đàm để cho ni chúng học hành, bà cho thành lập chương trình đào tạo cán bộ y tế cấp tốc như trạm y tế Hồng Ân, Diệu Đế, Hòa Lương. Sư bà cho lập một đội y tế lưu động giao cho ni sư Minh Tú đến các trại tỵ nạn, các làng quê nghèo hẻo lánh để khám

bệnh, phát thuốc, cứu đói...; giải quyết trực tiếp cho đồng bào địa phương, chương trình này đã gây một tiếng vang tốt.

Dù tuổi già sức yếu, Sư bà không bao giờ chịu nghỉ, bà thường bảo với ni chúng: *"Ngày nào tôi thấy dân chúng quê mình được an cư lạc nghiệp, có trình độ học vấn cao thì tôi ngủ mới yên giấc, ăn mới ngon miệng".*

Sư bà luôn luôn học hỏi, tham cứu kinh sách Đại Tiểu thừa, và thường nhập thất tham thiền tại chùa Khải Ân, núi Châu Ê. Sư bà nguyện: *"Nguyện Phật chứng minh muôn vạn kiếp, con xin lăn lóc cõi Ta Bà".* Có lẽ do hạnh nguyện ấy mà đến đâu Sư bà cũng được phụ nữ, già trẻ lớn bé đều yêu mến. Và cũng nhờ am hiểu nhân tình, tùy cơ giáo hóa, có biện tài vô ngại. Nhưng trên tất cả, chính nhờ tâm hồn Sư bao dung quảng đại, bình đẳng đối với người thân cũng như sơ, xa cũng như gần.

Đối với ni chúng, Sư bà là bạn của tất cả mọi người, ai gần cũng kính mến như "bậc thầy" do bởi bản tánh bình dị, uy nghi khả kính. Tính bình dị của Sư bà quả là một tấm gương cho ni giới: xuất thân là một công nương, mà khi vào chùa, Sư bà đã sống một cuộc đời hoàn toàn buông xả, đối với bốn vật cần dùng là ẩm thực, y phục, sàng tòa và dược phẩm, Sư bà không chú trọng, có gì tốt đẹp đều đem cúng dường bố thí. Trước khi ngọa bệnh, nơi thường trú của Sư bà tại chùa Hồng Ân hay ở tịnh xá Kiều Đàm chỉ là một gian nhà nhỏ.

Năm 1978, sau một cơn bệnh, Sư bà tưởng như viên tịch, được chư tăng ni vây quanh tiếp dẫn. Nhưng khi thời kinh hộ niệm chấm dứt, Sư cô Bảo Châu đau đớn khóc thét lên, Sư bà bèn giật mình tỉnh dậy.

Kể từ đấy, Sư bà thường dạy: *"Khi đã thấy cảnh tịnh độ rồi thì tôi xem cảnh đời này toàn là giả".* Có lẽ nhờ thấy giả mà Sư bà kham nhẫn được mọi sự. Gần năm năm già yếu ngọa bệnh, Sư bà luôn luôn hoan hỷ với mọi người, đón nhận sự săn sóc chu đáo của tất cả các đệ tử, sự chữa trị tận tình của các bác sĩ Tây y như thầy Hải Ấn, bác sĩ Lê Văn Bách, và quý vị bác sĩ, y tá bệnh viện Trung ương Huế; Đông y như Sư Tuệ Tâm và quý vị y bác sĩ tại Tuệ Tĩnh đường Diệu Đế...

Mặc dù già bệnh, tuổi đời đã trên 80 mà tinh thần vẫn minh

mẫn. Công việc hành hoạt của Sư bà vẫn chạy đều, vừa dịch sách vừa chỉ bảo cho các môn đệ.

Năm 1986, Sư bà đứng ra vận động và trực tiếp trùng tu chùa Đông Thuyền. Chùa này được tạo lập dưới thời chúa Nguyễn, được trùng tu một lần năm 1803.

Cuộc đời của Sư bà lợi tha hơn tự lợi, Sư bà luôn luôn giữ đức khiêm cung với chư tôn thiền đức. Sư bà gìn giữ Bát Kỉnh Pháp đúng mức, bà có một đức tính hiếm thấy là rất kính trọng chư Tăng cho dù là các chú Sa di. Đức tánh mà bà thể hiện, chỉ có một không hai và rất khó có ở các vị Tỳ kheo ni khác.

Tinh thần Sư bà luôn minh mẫn cho đến giây phút cuối, mỗi khi ai có việc quan trọng đến thỉnh ý, Sư bà đều dạy những lời khuyên hết sức sáng suốt.

Lần thứ 2 Sư bà cũng bị hôn mê do bệnh tiểu đường tưởng đã viên tịch.

Cách 2 tháng trước khi qua đời, Sư bà còn phát tâm cúng dường cơ sở Hồng Đức cho Giáo hội để sử dụng.

Sư bà tạ thế vào lúc 2 giờ ngày 22 tháng 8 năm Đinh Sửu tức 23 tháng 9 năm 1997, hưởng thọ 93 tuổi đời, 53 năm hạ lạp.

Sư bà đã để lại những áng thơ hay, dịch thuật trước tác và cộng tác với nhiều tạp chí Phật giáo như *Viên Âm, Giác Ngộ, Từ Quang, Liên Hoa*... Các bộ kinh luận quan trọng do Sư bà dịch gồm có: *Thành duy thức luận, Du già Sư địa luận, Lăng-già Tâm ấn, Di lặc hạ sinh kinh, Đại trí độ luận, Trung quán luận lược giải* (của Long Thụ Bồ Tát), *Hiện thật luận* (của Thái Hư đại sư)... Ngoài ra, Sư bà còn sáng tác rất nhiều tập thơ văn khuyến tu và giáo dục phụ nữ.

Như vậy, tôn vinh một cuộc đời đạo hạnh có cả âm hưởng của dòng họ. Dòng họ Hồ Đắc đã hun đúc từng con người có cuộc sống đạo đức vì mọi người; do đó hàng ngàn các con cháu của họ Hồ Đắc đã xứng danh với dòng họ và tổ tiên của mình, liên tục cống hiến những người tài - trí - đức cho đất nước hôm nay, trong đó có những tăng ni, Phật tử thuần hành rất đáng nể trọng./.

8-2021

Chiều Vu lan

TUỆ NHA

Sáng nắng to, trưa mưa dầm, chiều tạnh
Trời Sài Gòn bừng lên trong gió thanh
Hẹn với nhau An Lạc về lễ Phật
Tấm lòng son dâng lên đấng sinh thành

Chiều Vu Lan dịu dàng con phố nhỏ
Tâm an nhiên bên trà kệ thiền hoa
Đạo từ Thầy ban con xin ghi nhớ
Hiếu kính Cha Mẹ vị Phật tại gia

Chiều lắng theo tiếng vĩ cầm réo rắt
Đoá Vu Lan chạm thắt tận đáy tim
Trong lòng người giờ đây không còn Mẹ
Tưởng làn hương hơi ấm Mẹ kiếm tìm

Con trở về lặng yên quỳ bên Mẹ
Ủ đôi tay gân guốc của Mẹ hiền
Đôi bàn tay cả đời cho con trẻ
Ôm lấy Mẹ ôi tình Mẹ thiêng liêng

Mẹ của con Mẹ của ngàn năm trước
Tới ngàn sau mặc chớp bể mưa nguồn
Mẹ Bồ Tát từ bi với nhành dương
Che chở đàn con giữa chốn vô thường



Mẹ ơi yêu Mẹ thiết tha
Con dâng lên Mẹ đóa hoa Chân Thường
Suối từ không cạn yêu thương
Tình Mẹ bất diệt vĩnh trường trong con...



PHONG TRÀO *CHẤN HƯNG PHẬT GIÁO* Ở THANH HÓA

NGUYỄN ĐẠI ĐỒNG
TS. NINH THỊ SINH

Vào đầu thế kỷ XX, Phật giáo Việt Nam lại bị phân hóa: Tăng đoàn rời rạc, đạo hạnh và sự học của các tu sĩ Phật giáo sa sút. Bên cạnh đó, ách nô lệ của thực dân Pháp cũng khiến cho chùa chiền, tăng đoàn không sao phát triển, lại còn công kích lẫn nhau. Sự xuất hiện của đạo Cao Đài (1926), thu hút tín đồ đạo Phật Việt Nam.

Bấy giờ, các nước trong khu vực (như Campuchia, Srilanca…) đã có nhiều hoạt động cách tân Phật giáo. Đặc biệt, Phật giáo Trung Hoa dưới sự lãnh đạo của Thái Hư Đại sư đã mở nhiều Phật học viện, ra tạp chí *Hải Triều Âm* kêu gọi Phật giáo thực hiện tam

đại cách mạng: *"Cách mạng Giáo lý, Cách mạng Giáo chế và Cách mạng Giáo sản"*. Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Trung Hoa đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến Phật giáo Việt Nam. Từ đó tăng sĩ và cư sĩ Việt Nam nhận thấy việc chấn hưng Phật giáo là nhu cầu bức thiết đối với Phật giáo nước ta lúc bấy giờ.

Sau nhiều năm đi khắp các tỉnh ở Nam Kỳ vận động, Hòa thượng Lê Khánh Hòa cùng các đồng chí của mình như Từ Phong, Huệ Quang, Thiện Chiếu đã thành lập *"Nam Kỳ Nghiên cứu Phật học hội"* (26 tháng 8 năm 1931) do Hòa thượng Từ Phong làm Hội trưởng, ngài Khánh Hòa và cư sĩ Trần Nguyên Chấn làm Phó Hội trưởng. Ít lâu sau, Hội ra tạp chí *Từ bi âm* (1 tháng 2 năm 1932) để truyền bá giáo lý Phật Đà bằng tiếng Việt. *Hội Nam Kỳ nghiên cứu Phật học* ra đời, không những đánh dấu địa vị hợp pháp của phong trào chấn hưng mà còn cổ động phong trào chấn hưng ở Trung Kỳ và Bắc Kỳ.

Tiếp đó, vào năm 1932 tại chùa Từ Đàm (Huế) *"An Nam Phật học hội"* ra đời, sáng lập viên gồm 5 tăng sĩ và 17 cư sĩ. Tuy được thành lập từ năm 1932, nhưng đến năm 1935, Hội An Nam Phật học mới sửa lại Điều lệ và Quy tắc của Hội và được nhà vua phê chuẩn.

Hội họp phiên Đại hội đồng bầu ra một Ban Trị sự gồm có Chánh Phó hội trưởng 2 người; Chánh, Phó Thư ký 2 người; Chánh, Phó Chưởng quỹ 2 người; Kiểm soát viên 3 người; Cố vấn 2 người. Tất cả Ban Trị sự có 11 người đều do Cư sĩ đảm nhiệm, bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám làm Hội trưởng. Hội lại thỉnh các vị Hòa thượng đức trọng đạo cao để lập Ban Chứng Minh Đạo sư do Hòa thượng Giác Tiên (1880-1936) làm Chứng minh Đạo sư, đồng thời thỉnh các tăng ni có nhiệt tâm chấn hưng sung vào Ban Giảng sư. Năm 1933, Hội ra báo *Viên Âm* để hoằng dương chính pháp và thỉnh Đại Tạng Kinh để làm tài liệu nghiên cứu. *An Nam Phật học hội* ra đời đảm nhiệm sứ mạng lãnh đạo phong trào chấn hưng Phật giáo ở Trung Kỳ. Từ năm 1932 đến năm 1945, Hội đã thành lập các Tỉnh hội Phật giáo ở khắp các Trung Kỳ, trong đó có Thanh Hóa.

Xứ Thanh lúc bấy giờ có tới hơn 300 chùa với nhiều tăng ni, nhưng mãi tới giữa năm 1936 mới thành lập được Ban Trị sự tỉnh hội để hướng dẫn phong trào chấn hưng Phật giáo tỉnh nhà.

1. Thành lập Ban Trị sự Tỉnh hội Phật giáo

Có thể nói, tài liệu lưu trữ về phong trào chấn hưng Phật giáo ở Thanh Hóa hiện nay còn lại rất ít. Tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia IV Đà Lạt - nơi đang bảo quản các tài liệu hành chính, Khối tài liệu bản đồ (với nhiều loại hình bản đồ khác nhau, phản ánh về địa dư các khu vực trên toàn Đông Dương và Việt Nam từ thời kỳ thuộc địa đến thời kỳ Việt Nam Cộng hòa giai đoạn 1881-1969), chúng tôi tìm thấy duy nhất một hồ sơ có tên *"Hồ sơ về việc thành lập Hội Phật giáo của sư tăng Thanh Hóa"* vào năm 1936, tại phông Tòa Khâm sứ Trung Kỳ. Hồ sơ này gồm 7 trang. Có thể tóm tắt lại một số nội dung của hồ sơ này như sau:

Bức thư số 1209 ngày 19 tháng 10 năm 1936 của viên Công sứ (tỉnh) gửi cho Khâm sứ Trung Kỳ, trong đó có đề cập đến việc *"các quan trong tỉnh Thanh Hóa vừa gửi tới viên Công sứ một bản Dự thảo Điều lệ do các sư tăng trong tỉnh soạn thảo mục đích thành lập một Hội Phật giáo để tập hợp Phật tử nhằm chấn hưng và phổ thông đạo Phật"*.

Lí do chấn hưng là do Phật giáo ở An Nam không thuần khiết và không được tổ chức chặt chẽ như Phật giáo ở Campuchia hay ở Lào. Phật giáo An Nam tồn tại một tình trạng lộn xộn, không có nguyên tắc cụ thể trong việc lựa chọn sư tăng, các mối liên hệ đạo đức của họ lỏng lẻo và xa rời với giáo lí Phật tổ đã dạy. Xuất phát từ lí do đó, ý muốn củng cố giáo lí và thay đổi cách thức lựa chọn trụ trì các chùa xuất hiện. Đó cũng là động cơ dẫn đến việc soạn bản Dự thảo Điều lệ với mong muốn chấn hưng đạo Phật.

Phía chính quyền thuộc địa nhận thấy, việc thành lập một hội Phật giáo, tập hợp chư tăng vào một tổ chức có trật tự và được kiểm soát theo cách nói của những người soạn bản Dự thảo Điều lệ, để kiểm soát và cấp danh hiệu chính thức là những phương tiện

hiệu quả để kiểm soát chư tăng trong tỉnh, vì hoạt động của hội sẽ không vượt qua khuôn khổ bản Điều lệ đã đệ trình. Tuy nhiên viên Công sứ nhận thấy, ý định này là ảo tưởng bởi lẽ hội Phật giáo không thể thu hút được toàn bộ chư tăng, sẽ có một bộ phận chư tăng ở ngoài hội. Do vậy viên Công sứ thấy không có nhiều lợi ích khi tập hợp một bộ phận chư tăng trong tỉnh vào một hiệp hội, mà nó còn có thể tạo ra những nguy hiểm đối với chính quyền.

Qua những thông tin bức thư đề cập, rõ ràng ở Thanh Hóa vào năm 1936, sư tăng trong bản tỉnh đã soạn thảo và đệ trình một bản Dự thảo Điều lệ để thành lập Hội Phật giáo nhằm mục đích chấn hưng đạo Phật. Nhưng nội dung cụ thể của Bản Dự thảo ấy ra sao và những vị sư tăng nào đã tham gia soạn thảo, thì đáng tiếc là tài liệu còn lại hiện nay không thể giúp chúng ta giải đáp được những thắc mắc nêu trên.

Tiếp theo trong bức thư 250R có ghi chú "mật" và "khẩn cấp" của Thượng thư Bộ Lễ Tôn Thất Quảng gửi cho viên cố vấn, có nhắc tới Thông tư số 740 ngày 15 tháng 5 năm 1936 về việc lập danh sách tên các chùa và chư tăng ở Thanh Hóa. Trái với các tỉnh khác đều lập và gửi về Bộ Lễ, riêng Thanh Hóa không những hiểu sai mà còn không tuân thủ quy định về thời gian. Thay vì gửi danh sách các chùa và chư tăng, Thanh Hóa gửi về Bộ Lễ dự trù ngân sách để trùng tu các chùa và hai Tăng cương đã soạn thảo bản Dự thảo Điều lệ.

Như vậy, trên địa bàn Thanh Hóa vào năm 1936, các sư tăng bản tỉnh có dự định thành lập một hội Phật giáo để chấn hưng đạo Phật nhưng đã không được chính quyền chấp thuận.

Tuy nhiên, theo nguồn tài liệu báo chí, nhất là báo *Viên Âm,* cơ quan ngôn luận của *Hội An Nam Phật học,* tại Thanh Hóa đã thành lập được Tỉnh hội Phật giáo. Tỉnh hội hoạt động dưới sự chỉ đạo trực tiếp của *Hội An Nam Phật học* do bác sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám làm hội trưởng. Sự thành lập Tỉnh hội Thanh Hóa có thể lý giải thông qua vai trò của Lê Đình Thám. Ông không những là người có trình độ Phật học uyên bác mà còn là người có địa vị, uy tín trong xã hội.

Năm 1916, Tâm Minh đỗ Thủ khoa khóa Đông Dương Y sĩ, sau đó năm 1930, ông đỗ thêm bằng Bác sĩ Y khoa ngạch Pháp (tức trường do Tây đào tạo). Rất có thể bằng uy tín, địa vị, trình độ kết hợp với mối quan hệ quảng giao, ông đã thuyết phục thượng thư Bộ Lại và thượng thư Bộ Lễ tâu lên vua Bảo Đại cho phép thành lập Tỉnh hội Phật giáo Thanh Hóa. Lại nữa, Lê Đình Thám đã gặp gỡ vận động viên Công sứ Thanh Hóa và Khâm sứ Trung Kỳ là Maurice Fernard Graffeuil đồng ý chuyện này. Chính quyền Pháp - Nam đều chuẩn theo ý ông và tháng 11 năm 1936, Tỉnh hội Thanh Hóa được thành lập[1]. Cơ cấu Ban Trị sự của Tỉnh hội lúc bấy giờ gồm:

1) Trần Hữu Lương - Chánh Hội trưởng
2) Đặng Ngọc Thụ - Phó Hội trưởng
3) Lê Vạn Xuân - Chánh Thư kí
4) Nguyễn Đức Tuấn - Phó Thư kí
5) Chánh Thủ quỹ - Vũ Văn Mĩ
6) Phó Thủ quỹ - Lê Thụ
7) Cố vấn Trị sự - Nguyễn Văn Nguyên
8) Kiểm soát - Trần Quy Quỳnh, Vũ Đan Quế

Hội quán đặt tại chùa Thanh Hà, phường Trường Thi, thành phố Thanh Hóa. Hội hoạt động theo bản Điều lệ của Hội An Nam Phật học ban hành.

Từ đây, dưới sự chỉ đạo, dẫn dắt của Ban Trị sự Tỉnh hội, Phật giáo Thanh Hóa đã có sự khởi sắc và đạt được nhiều thành tựu.

---

1. Ở đây cũng cần nhắc đến sự giúp đỡ của Thiền sư Đỗ Văn Hỷ, trụ trì chùa Bà Đá, sinh năm 1890, xuất gia năm lên 8 tuổi, quê ở làng Tân Hi, tổng Chi Nê, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Ngày 21 tháng 7 năm Quý Dậu (1933) niên hiệu Bảo Đại thứ 8, sư được vua Bảo Đại phong Tăng cương Hòa thượng, do có những đóng góp to lớn đối với đạo Phật, đặc biệt là trong việc trùng tu lại chùa Bà Đá, một danh lam thắng tích ở kinh thành Thăng Long xưa. Chùa Bà Đá (Linh Quang tự) được xây dựng từ đời Lê Thánh Tông 1460 - 1497 ở làng Báo Thiên. Ngài Đỗ Văn Hỷ quen biết với Hòa thượng Giác Tiên - Chứng minh Đạo sư và bác sĩ Lê Đình Thám - Chánh Hội trưởng An Nam Phật học, đã đề nghị Hội giúp đỡ Phật giáo Thanh Hóa trong việc thành lập Tỉnh hội Phật giáo.

2. Ban Trị sự tỉnh Hội Thanh Hóa qua các năm

Ngày 21 tháng 8 năm 1937, Tỉnh hội đã nhóm họp phiên Đại hội đồng bầu Ban Trị sự khóa 1937-1938. Nhân sự cụ thể gồm:

1) Hội trưởng: SE. Nguyễn Xuân Đàm, Thượng thư trí sĩ.

2) Phó Hội trưởng: SE Nguyễn Hữu Phái, Tuần phủ trí sĩ.

3) Chưởng quỹ: M Đặng Ngọc Thụ, y tá (Infirmier).

4) Phó Chưởng quỹ: Chưa cử.

5) Thư ký: M. Đặng Ngọc Sách, Thư ký kho bạc (Secrétaire Trésor)

6) Phó Thư ký M. Trần Cao Tiêu, Thư ký Sở Công trình công cộng (Secrétaire Travaux Publics).

7) Kiểm sát: M. Trần Đức Chương, Thư ký Kho bạc (Secrétaire Trésor), M. Lê Đình Huê, Thư ký Lưu trữ (Secrétaire archiviste TP).

8) Hà Thúc Tấn, Thừa phái.

Ngày 25 tháng 12 năm 1938, Tỉnh hội Thanh Hoá đã nhóm họp Đại hội đồng thường niên để công cử Ban Trị sự năm 1939, kết quả như sau:

Tăng già:

- Trị sự cố vấn: Thầy Nguyễn Văn Nguyện.
- Đạo hạnh cố vấn: Thầy Trần Văn Vinh (Thích Thanh Vinh).

Cư sĩ:

- Chánh Hội trưởng: Cụ Nguyễn Hữu Phái.
- Phó Hội trưởng: Ông Trần Hữu Lương.
- Chánh Thư ký: Đặng Ngọc Thụ.
- Phó Thư ký: Lê Văn Xuân.
- Chánh Thủ quỹ: Vũ Đan Quế.
- Phó Thủ quỹ: Trần Qúy Quỳnh.
- Kiểm sát: Nguyễn Đức Tuấn, Phạm Văn Hợp, Vũ Tiến Thư; Trương Tiến Nam, Lâm Văn Kiến, Ngô Huy San.
- Nữ Kiểm sát: Các bà Ngô Thị Dung, Vũ Thị Lân, Nguyễn Thị Ái, Lê Thị Sâm[2].

---

2. Tạp chí *Viên Âm,* số 35, tháng 2-3 năm 1939.

Ngày 8 tháng 12 năm 1940, Tỉnh hội đã nhóm họp Đại hội đồng thường niên và đã bầu các chức vụ trong Ban Trị sự năm 1941, kết quả như sau:

Tăng già:

- Chứng minh Đạo sư: Ngài Nguyễn Soạn, Tăng cương chùa Đào Viên;
- Đạo hạnh cố vấn: Ngài Trần Văn Vinh (Thích Thanh Vinh), trụ trì chùa Quảng Thọ.

Cư sĩ:

- Chánh Hội trưởng: M.M Trần Hữu Lương.
- Phó Hội trưởng: Đặng Ngọc Thụ.
- Chánh Thư ký: Lê Văn Xuân.
- Phó Thư ký: Nguyễn Đức Tuấn.
- Chánh Thủ quỹ: Vũ Văn Mỹ.
- Phó Thủ quỹ: Lê Thụ.
- Cố vấn Trị sự: Nguyễn Văn Nguyên.
- Kiểm sát: Trần Quý Quỳnh, Vũ Đan Quế, Vũ Tiến Thư, Vũ Đình Dinh, Lâm Văn Kiến, Ngô Huy San.
- Nữ Kiểm sát: Đỗ Thị Nguyệt, Đỗ Thị Dung.

Danh sách Ban Trị sự Tỉnh hội Thanh Hóa năm 1943 gồm có 19 người. Cụ thể:

Chức việc	**Họ và tên**	**Nghề nghiệp**	**Nơi ở**
Chánh hội trưởng	Trần Hữu Lương	Hiệu trưởng trường Đông Sơn	Phố Hôpital
Phó Hội trưởng	Vũ Đan Quế	Trưởng ga, hưu trí	Phố Lieutenant Chaveur
Cố vấn Trị sự	Nguyễn Đóa	Giám đốc các Trường Thanh Hóa	
Cố vấn Trị sự	Đặng Văn Khang	Buôn bán	Phố Paul Bert
Chánh Thư ký	Trần Quý Quỳnh	Trưởng ga, hưu trí	Phố Paul Bert
Phó Thư ký	Hoàng Ngọc Tiệp	Thư ký Ngân hàng Nông nghiệp	Phố Paul Bert

Chánh Thủ quỹ	Lê Văn Xuân	Thư ký hiệu thuốc Giao	Phố Bonheur Pigé
Phó Thủ quỹ	Tôn Thất Văn	Tú học	Phố Huế
Nam Kiểm sát	Nguyễn Đức Tuân	Chef de brigae, hưu trí	Phố Chùa
	Vũ Tiến Thủ	Buôn bán	Phố Thợ Thêu
	Vũ Đinh Dĩnh	Nt	Phố Bái Thượng
	Trần Đào Trị	Nt	Phố Machéral Joff
	Lê Thụ	Thừa phái hưu trí	Phố Thiệu Trị
	Lưu Đào Viên	Buôn bán	Phố Paul Bert
	Cao Bá Địch	Nt	Phố Thợ Thêu
Nữ Kiểm sát	Ngô Thị Lung	Buôn bán	Phố Rousseau
	Trần Thị Thanh	Buôn bán	Phố Paul Bert
	Trần Thị Quyên	Nt	Machéral Joff
	Đỗ Thị Bích Ký	Nt	Phố Hôpital Pigé

3. Sự phát triển của Tỉnh hội Phật giáo Thanh Hóa

Về số lượng hội viên của Tỉnh hội Thanh Hóa, nguyệt san *Viên Âm* cũng cho biết, vào tháng 8 năm 1937, Tỉnh hội có 64 hội viên. Gần một năm sau, số lượng hội viên tăng gần 3 lần (186 người, tháng 6 năm 1938). Đến năm 1940, sự phát triển của số lượng hội viên có phần chững lại. Số hội viên vào tháng 7 năm 1940 là 294 người. Trong một tháng, số hội viên tăng thêm được 1 người (tháng 8 năm 1940 - 295 người). Đây cũng là số liệu cuối cùng chúng tôi được biết về số lượng hội viên của Tỉnh hội Thanh Hóa[3].

3. Tờ trình tóm tắt về việc hoằng pháp ở các chi hội, *Viên Âm,* số 27, tháng 8 năm 1937. tr. 57; Tin tức, *Viên Âm,* số 30, tháng 6-1938, tr. 60; Tiêu tức, *Viên Âm,* số 40, tháng 9 năm 1940, tr. 31; Tiêu tức, *Viên Âm,* số 42, tháng 11-1940, tr. 20.

Thực ra con số này khá khiêm tốn so với tiềm năng của Phật giáo Thanh Hóa!

Trong sự phát triển của Tỉnh hội Thanh Hóa, chúng ta cũng ghi nhận một sự kiện quan trọng khác, đó là Tỉnh hội đã thành lập được Chi hội Phu Khê Thượng vào năm 1942[4]. Vào những năm 1940, tình hình chính trị hết sức phức tạp, việc hoạt động của các Hội Phật giáo nói chung gặp nhiều khó khăn, do vậy, đây là một thành tích rất đáng tự hào của Tỉnh hội Thanh Hóa. Ngoài Chi hội Phu Khê Thượng, còn có Chi hội Bái Thượng. Mặc dù tài liệu không cho chúng ta biết chi hội này thành lập vào thời gian nào, nhưng *Viên Âm* đã biểu dương "một nghĩa cử đáng khen" của một hội viên chi hội Bái Thượng. Đó là việc ông Đào Trọng Nhung trong lúc trời rét mướt đã quên mình nhảy xuống đập Bái Thượng để cứu một người có tên là Nhỏ. Chỗ đập ấy nước chảy cuồn cuộn mà dưới nước lại có nhiều hang đá.

4. Về công tác hoằng pháp

Thực hiện tôn chỉ của Hội An Nam Phật học "hoằng dương Phật pháp, lợi lạc hữu tình", nghĩa là đem các phương pháp giác ngộ của Phật truyền bá cùng khắp nơi nơi, cho người người đều hiểu biết và tu trì cho thoát ly các sự khổ não[5], Tỉnh hội Thanh Hóa thường xuyên tổ chức các buổi diễn giảng nhằm phổ thông giáo lý đạo Phật đến đông đảo giới Phật tử. Tin tức về các buổi diễn giảng cũng được *Viên Âm* đưa tin ở mục *Tin tức* hoặc *Tiêu tức*. Chủ đề diễn giảng tập trung vào một số vấn đề như giới thiệu về những nhân vật, ngày lễ của Phật giáo *"Sự tích đức La Hầu La", "Sự tích lễ Vu Lan",* cổ động chấn hưng Phật giáo *"Vì sao phải chấn hưng Phật pháp",* quan hệ giữa Phật giáo đối với các vấn đề xã hội, tôn giáo *"Quan hệ của Phật giáo đối với thanh niên", "Đạo Phật với*

4. Tin tức, *Viên Âm,* số 54, tháng 11 năm 1942, tr. 31.

5. Tôn chỉ của An Nam Phật học hội, *Viên Âm,* số 33, tháng 10-11/1938, tr. 26.

Tôn giáo". Diễn giả có thể là cư sĩ (ông Trương Thế Giám), có thể là Tăng sĩ từ Trung ương hội gửi ra hoặc tăng sĩ ở trong tỉnh Thanh Hóa. Tờ *Viên Âm* cho chúng ta biết Trung ương Hội An Nam Phật học đã từng cử hai thầy ra Thanh Hóa thuyết giảng, đó là thầy Thích Mật Nguyện, học sinh trường đại học và thầy Thích Đôn Hậu [Giác Thanh (1905-1992)] tốt nghiệp Đại học Phật giáo ở chùa Tây.

Thầy Thích Mật Nguyện, thế danh là Trần Quốc Lộc, pháp danh Tâm Như, sinh năm 1911, tại làng Phú Xuân, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên, và là con trưởng trong một gia đình có năm anh em. Ngài xuất gia năm 15 tuổi, thụ giới với Hòa thượng Giác Tiên ở chùa Trúc Lâm. Năm 18 tuổi, ngài thụ giới Sa di, pháp danh Tâm Như. Sau một thời gian tinh tấn tu học tại trường Sơn môn Phật học Tây Thiên, ngài đã tốt nghiệp Trung cấp Phật học và được cử làm giảng sư của *Hội An Nam Phật học*. Ngoài ra, ngài còn để tâm viết bài đăng trên các nguyệt san tạp chí Phật giáo xuất bản tại Huế như *Viên Âm, Giác ngộ, Liên hoa* v.v... để phổ biến giáo lý, hướng dẫn bao người quay về với chánh pháp để chung lo việc phục hưng và bồi đắp cho nền đạo giáo của dân tộc ngày một phát triển. Ngài còn dịch các kinh tạng như kinh *Giải Thâm Mật,* kinh *Vô Lượng Thọ, Tân Duy Thức Luận* (của Thái Hư). Thượng tọa Thích Mật Nguyện là một trụ cột quan trọng trong ngôi nhà Phật pháp, một vị hộ pháp đắc lực của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong những ngày đầu của phong trào phục hưng, một thành viên cơ yếu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất. Với đức hy sinh cao cả, ngài đã vượt qua mọi khó khăn để gánh vác những Phật sự lớn lao. Nhờ ý chí bền vững, cùng tâm hồn hỉ xả, vị tha, ngài đã khéo nhẫn nhục, dung hòa mọi dị kiến để hòa đồng với mọi tầng lớp trong Tăng giới cũng như hàng cư sĩ để hoàn thành sứ mạng *"Thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh"* của một Như Lai sứ giả.

Thầy Thích Đôn Hậu, thế danh là Diệp Trương Thuần, pháp danh Trừng Nguyên, thuộc đời thứ 8 dòng thiền Lâm Tế Liễu

Quán. Ngài sinh ngày 16 tháng 2 năm 1905, tại làng Xuân An, tổng An Đồn, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Ngài xuất thân trong một gia đình có truyền thống Nho học, nhưng lại quy ngưỡng Phật giáo. Năm 19 tuổi, ngài vào chùa Tây Thiên đảnh lễ tổ sư Tâm Tịnh, xin được xuất gia. Một năm sau, cũng đúng vào ngày vía Quan Âm (ngày 19 tháng 6 năm Giáp Tý - 1924), nhờ học hạnh kiêm toàn và chí nguyện xứng đáng, ngài được đặc cách cho thụ tam đàn Cụ Túc tại Giới đàn chùa Từ Hiếu, Huế, do chính Bổn sư làm đàn đầu. Thụ giới được hai năm thì Bổn sư viên tịch (1926), ngài bèn đến chùa Hồng Khê cầu pháp với sư huynh là Hòa thượng Giác Tiên. Năm 1927, ngài được 22 tuổi, trường Phật học Thập Tháp tại tỉnh Bình Định khai mở, do Tổ Phước Huệ - bậc danh Tăng nổi tiếng làm Giáo thụ, Ngài cùng một số vị khác như Hòa thượng Chánh Huy, Chánh Thống, Viên Quang vào đây tham học.

Năm 1932, *Hội An Nam Phật học* ra đời, trường Trung học, Đại học Phật giáo được mở tại Tây Thiên, Tổ Phước Huệ được cung thỉnh từ Bình Định ra làm Giáo thụ. Với tinh thần hiếu học cầu tiến không ngừng, ngài tiếp tục theo học chương trình đại học mở tại đây và được bầu làm Thủ chúng cả hai trường. Ngay từ lúc còn ngồi ghế đại học tại Tây Thiên, ngài được mời làm giảng sư của *Hội An Nam Phật học*. Năm 1936, tốt nghiệp Đại học Phật giáo, với tuổi 32, Ngài được mời làm giáo sư cho Phật học đường Báo Quốc và luật sư cho Sơn môn Thừa Thiên, từ đó ngài đã trở thành một hạt nhân tích cực của phong trào chấn hưng Phật giáo, và là giảng sư nòng cốt, tiền phong của Hội Việt Nam Phật học (hậu thân của Hội An Nam Phật học từ 1949). Ngài đã đi giảng dạy khắp các tỉnh Trung Kỳ, trong đó có Thanh Hóa.

Bên cạnh các giảng sư do Trung ương hội cử, tăng sĩ ở Thanh Hóa cũng tích cực tham gia vào hoạt động này. Tăng cương Nguyễn Soạn (chùa Đào Viên) là người đã đóng góp nhiều bài diễn giảng. Các buổi diễn giảng thường diễn ra ngay tại hội quán chùa Thanh Hà, hoặc tại chùa Đào Viên, nơi Tăng cương Nguyễn Soạn trụ trì.

Các buổi diễn giảng thu hút hàng trăm thính giả. Chẳng hạn như buổi diễn giảng của thầy Mật Nguyện tại chùa Đào Viên vào tháng 8 năm 1937 thu hút tới 700 thính giả hay buổi diễn giảng của ông Trương Thế Vinh tháng 7 năm 1940 có tới 200 người đến nghe. Đây quả là một con số không hề nhỏ!

Song song với việc giảng kinh, thuyết pháp, Tỉnh hội Thanh Hóa cũng tiến hành xuất bản những cuốn sách nhỏ, giới thiệu những đạo lý căn bản của đạo Phật tới dân chúng. Trong Thư viện Quốc gia Pháp, chúng tôi tìm thấy một cuốn sách nhỏ gồm 8 trang với nhan đề *"Phật giáo lược giảng",* in năm 1944 tại nhà in Đuốc Tuệ (của Hội Phật giáo Bắc Kỳ, đặt tại chùa Quán Sứ, Hà Nội) do Thanh Hóa Tỉnh hội ấn tống. Cuốn sách nhỏ gồm 8 mục giới thiệu những nội dung căn bản của đạo Phật.

Mở đầu cuốn sách tác giả nêu lên tình trạng *"nếu có người hỏi dân Việt Nam ta theo đạo nào, thời chín phần mười sẽ trả lời rằng theo đạo Phật. Song xét cho kỹ thời trong mười người tự nhận là Phật tử đó, đến chín người chẳng biết đạo Phật là gì và Phật là ai cả",* chính tình trạng đó đã dẫn đến hệ lụy *"Vì thế nên phần nhiều chỉ lạc vào đường mê tín"*. Từ đó, tác giả nhấn mạnh đến sự cần thiết việc phải hiểu tôn chỉ đạo Phật. Đó cũng là mục đích chính của cuốn sách.

Để giới thiệu một cách khái lược tới công chúng, cuốn sách tập trung vào 4 vấn đề căn bản gồm Đạo Phật là gì? Thế nào là Phật? Lược sử đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Phật pháp. Sau khi giải thích những nội dung căn bản, tác giả tiếp tục lý giải lý do vì sao phải tu học Phật và chỉ ra cách thức để tu học Phật.

Ở nội dung thứ nhất, cuốn sách giải thích một cách ngắn gọn, dễ hiểu về khái niệm đạo Phật. Đó là *"con đường sáng suốt, tuyệt đối, do đức Thích Ca Mâu Ny đã chứng ngộ và chỉ dạy cho hết thảy chúng sinh có thể tùy căn cơ noi theo để tâm chí được tiến hóa, giác ngộ, giải thoát tất cả khổ ách phiền não, và đời đời kiếp kiếp yên vui"*. Từ việc hiểu khái niệm đạo Phật, tác giả tiếp tục giảng giải cho chúng ta biết *Thế nào là Phật. "Phật là bậc đã*

hoàn toàn giác ngộ, nghĩa là đã thấu triệt chân lý vũ trụ, từ xưa đến nay, từ xa đến gần, bất kỳ sự vật gì đều hiểu biết thấu nguồn cội gốc. Phật là bậc hoàn toàn giải thoát, nghĩa là thường được yên vui, không bị hoặc nghiệp ràng buộc, trần lụy câu thúc, thoát khỏi tất cả khổ quả trong tam giới. Phật là đấng chí tôn, từ bi bình đẳng, công đức viên dung, thương xót muôn loài chúng sinh như con đỏ, dắt đường chỉ lối cho mà tiến hóa đến bờ giác ngộ giải thoát, lìa khổ nạn được yên vui". Nội dung thứ ba, tác giả khái lược về cuộc đời của Phật Thích Ca Mâu Ni, từ khi ngài sinh ra là một thái tử, khi ngài 4 tuổi nhìn thấy những cảnh khổ ở quanh thành, quá trình cầu đạo, đắc đạo và tuyên dương Phật pháp. Nội dung thứ tư, là nội dung rất quan trọng đề cập tới "Phật pháp", *"là những phương pháp Phật dạy để y theo đó mà diệt khổ nạn, đặng thường vui, ra khỏi bến mê, bước lên bờ giác"*.

Những lời Phật dạy được các đệ tử kết tập thành kinh điển, gồm ba tạng: Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng, gọi là Tam tạng thánh giáo. *"Kinh tạng ghi những giáo lý Phật dạy tùy theo căn cơ để rõ đường tu. Luật tạng ghi những luật giới Phật chế ra để người tu hành, tùy theo căn cơ phải giữ gìn cho tâm tánh khỏi xao lãng! Luận tạng ghi những lời Phật và các bậc Thánh tăng bàn giải Phật pháp, để người tu hành khỏi hiểu lầm tu lạc"*. Ở nội dung này cuốn sách cũng đề cập tới "lý nhân quả", là đạo lý của Phật giáo. *"Theo lý ấy thì làm lành gặp lành, làm dữ gặp dữ, cũng như giồng dưa được dưa, giồng đậu được đậu. Đời hiện tại là kết quả của công việc làm trong đời quá khứ; Đời tương lai lại là kết quả của công việc làm trong đời hiện tại. Vậy ai cũng nên tránh điều dữ, vì kết quả dữ sẽ trở lại cho mình; ai cũng làm điều lành, vì sẽ được phúc lành về tương lai"*.

Sau khi đã giảng giải 4 nội dung căn bản giúp độc giả hiểu đúng đắn về đạo Phật, cuốn sách lý giải lý do phải tu học Phật: *"Ngoài ra Phật không còn ai chỉ dạy cho ta rõ thấu nguồn gốc khổ, nguồn gốc sinh tử. Mà có biết nguồn gốc khổ mới mong dứt trừ được khổ, có biết nguồn gốc sinh tử mới mong ra khỏi nẻo luân*

hồi. Vì vậy ta phải học Phật tu Phật" cũng như cách thức để tu học Phật. Trước hết phải Quy y Tam bảo (Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo), phải *"giữ năm điều răn cần yếu Phật dạy cho người sơ cơ"* (không sát hại, không trộm cắp, không tà dâm, không điêu ngoa lừa dối, không rượu chè hút sách), bên cạnh đó *"còn để tâm tránh những điều ác, làm những điều lành"*. Ở những dòng cuối cùng cuốn sách giới thiệu một pháp môn dễ tu và mau hiệu quả, đó là pháp môn Tịnh độ *"Đức Phật A di đà có phát đại nguyện tiếp dẫn tất cả chúng sinh niệm danh hiệu Ngài về cõi Tịnh độ của Ngài. Tịnh độ là một cõi rất thanh tịnh, trang nghiêm, ở đó chỉ có vui không có khổ và mọi người đều sống lâu vô lượng vô số kiếp, lại đủ nhân duyên tu học cho mau giải thoát. Vậy chúng ta nên hằng ngày trì niệm danh hiệu đức Phật A Di Đà để về sau được vãng sinh về cõi Tịnh độ"*.

Cuốn sách nhỏ này tuy giản lược nhưng rất cần thiết cho những ai bước đầu tu học Phật!

Ngoài việc hoằng dương Phật pháp, Tỉnh hội Thanh Hóa cũng chú ý đến việc mở mang Hội quán. Báo *Viên Âm* cho biết vào năm 1940, hội cũng mua thêm một miếng đất để mở rộng chùa Hội quán. Trên *Viên Âm,* chúng tôi cũng tìm thấy nhiều độc giả Thanh Hóa đã đặt mua và gửi ngân phiếu trả tiền báo *Viên Âm,* chẳng hạn như các ông Tôn Thất Toại, Nguyễn Lương Bính, Lê Trọng Ngu, Hồ Công Thế, Nguyễn Thức, Phạm Văn Quảng.

Song song với việc chăm lo Phật sự trong tỉnh, Tỉnh hội Thanh Hóa cũng đã hai lần cúng tiền bất động sản cho Phật học trường (Huế). Lần thứ nhất là 500$[6], lần thứ hai là 1335$[7]. So với số tiền của các tỉnh hội khác ủng hộ trường Phật học được *Viên Âm* phương danh, thì số tiền Tỉnh hội Thanh Hóa cúng vào trường Phật học không hề nhỏ!

(Còn tiếp)

---

6. *Viên Âm,* số 68, 1944, tr. 31.

7. *Viên Âm,* số 72, 1944, tr. 24.



Công đức sinh thành

Kính tặng ông bà Nội của các cháu

VÂN HÀ (TTHA)

Cám ơn Bố Mẹ vô ngần
Đã cho con cháu một phần đời vui
Ngày xưa Bố cũng thảnh thơi
Mộng mơ hoài bão, một thời tuổi xuân
Quê người quyết chí lập thân
Làm nên đại cuộc thành nhân để đời
Miếng cơm, manh áo, nụ cười...
Bố cho con trẻ bao lời vàng son
Tuổi già ngày một héo hon
Bố truyền sức sống cho con nối đời
Mẹ xưa cũng đẹp rạng ngời
Nuôi con khôn lớn, một đời hy sinh
Nhiều đêm mẹ khóc một mình
Đứa còn, đứa mất, đứa tinh, đứa khờ
Cả đời mẹ cứ đợi chờ
Cơm canh dọn sẵn con giờ ở đâu?
Kiếp người giòng nước trôi mau
Con càng khôn lớn, bạc màu tóc ai
Để con có được tương lai
Cả đời bố mẹ ngày ngày lo toan
Để con mặc đẹp ăn ngon
Suốt đời bố mẹ hãy còn phiền lo
Ngày con khôn lớn đến giờ
Cho ông các cháu hầu cờ giải khuây
Cho bà quạt mát cầm tay
Sáng nghe kinh kệ, tối say giấc nồng
Bốn mùa xuân, hạ, thu, đông
Mong ông bà khỏe, vui lòng cháu con.



BÀI KINH RATANA NHIỆM MẦU *NGĂN NGỪA DỊCH BỆNH*

TUỆ ÂN *tổng hợp*

*"U*ggaṇhātha, bhikkhave, āṭānāṭiyaṃ rakkhaṃ. Pariyāpuṇātha, bhikkhave, āṭānāṭiyaṃ rakkhaṃ. Dhāretha, bhikkhave, āṭānāṭiyaṃ rakkhaṃ. Atthasaṃhitā, bhikkhave, āṭānāṭiyā rakkhā bhikkhūnaṃ bhikkhunīnaṃ upāsakānaṃ upāsikānaṃ guttiyā rakkhāya avihiṃsāya phāsuvihārāyā"ti. (Majjhimanikāya, Pāthikavaggapāḷi, bài kinh số 9, trang Myanmar 173).

"Này các Tỳ-khưu, hãy học Kinh hộ trì Āṭānāṭiya! Hãy học thuộc lòng Hộ Kinh Āṭānāṭiya! Hãy nắm giữ Hộ Kinh Āṭānāṭiya! Này các Tỳ-khưu, liên quan đến lợi ích là Hộ Kinh Āṭānāṭiya cho các vị Tỳ-khưu, các Tỳ-khưu ni, các cận sự nam và các cận sự nữ được bảo vệ, được hộ trì, không có bị xâm hại, được sống an vui".

Những lời này được đức Phật sách tấn các hàng đệ tử hãy học Hộ Kinh Āṭānāṭiya để được bảo vệ. Do vậy, truyền thống tụng Kinh bắt đầu để được bảo vệ và mang lại kết quả tốt. Những bài kinh được tụng đọc gọi là Kinh Hộ Trì hay "Parittapāḷi"; có nghĩa

là "Kinh Paritta sẽ hộ trì cho những ai tụng đọc và lắng nghe kinh này để tránh xa những sự nguy hiểm, nạn đói khát,... tất cả mọi điều rủi ro".

Xuyên qua thời gian, những bài kinh Paritta được thêm vào thành "Kinh Tụng". Do đó, chúng ta có thể tìm thấy trong Kinh Milindapañha và các bản chú giải (Aṭṭhakathā) của Ngài Buddhaghosa có đề cập về 9 bài Kinh như sau: Ratanasutta, Mettāsutta, Khandhasutta, Morasutta, Dhajaggasutta, Āṭānāṭiyasutta, Aṅgulimālasutta, Bojjhaṅgasutta và Isigilisutta.

Ratanasutta là một trong những bài Kinh có oai lực lớn; nếu được tụng đọc và lắng nghe một cách đúng đắn thì sẽ tránh khỏi tất cả mọi nguy hiểm và mang lại kết quả tốt.

Bài kinh Ratanasutta được tụng lên để cầu nguyện cho chúng sinh dứt khỏi các sự nguy hiểm do bệnh tật (roga), phi nhân (amanussa) và sự đói khát (dubbhikkha). Điều quan trọng là bài Kinh này được tụng đọc hay lắng nghe một cách đúng đắn. Có một vài điều kiện để thành tựu cả việc tụng đọc và lắng nghe nhằm mang lại những lợi ích của Kinh Ratanasutta. Thật vậy, về người tụng đọc cần phải đầy đủ ba điều kiện và về người lắng nghe cũng có ba điều kiện sau:

I. Ba điều kiện cho người tụng đọc là:

1. Họ phải được học và tụng đọc bài Kinh Hộ Trì Ratanasutta này một cách chính xác và đầy đủ mà không bỏ sót.

2. Họ phải hiểu được ý nghĩa của bài Kinh Hộ Trì Ratanasutta khi được tụng lên.

3. Họ phải tụng đọc với tất cả trái tim đầy hoan hỷ và với từ tâm.

II. Ba điều kiện cho người lắng nghe Kinh là:

1. Là người không phạm một trong năm trọng tội:

- Giết mẹ (Mātughātaka);
- Giết cha (Pitughātaka);
- Giết bậc A-la-hán (Arahantaghātaka),

- Làm chảy máu Phật (Lohituppādaka).
- Và chia rẽ Tăng chúng (Saṅghabhedaka).

2. Là người không có "Tà Kiến - Micchādiṭṭhi" như việc không tin Nghiệp (Kamma) và Nghiệp quả (Kammavipāka).

3. Là người lắng nghe những bài Kinh bằng sự tự tin ở kết quả từ việc nghe Kinh, thì sẽ tránh khỏi các sự nguy hiểm và mang lại kết quả tốt.

Chỉ khi những điều kiện này được đầy đủ, thì người này mới thành tựu những lợi ích của Kinh Hộ Trì Ratanasutta. Do vậy, điều quan trọng là khi Kinh Ratanasutta được tụng đọc và mọi người nên lắng nghe với niềm tin, sự kính trọng và bằng sự chú tâm. Hơn nữa, việc tụng Kinh Ratanasutta được phát sinh 2 lợi ích. Những ai tụng đọc như những người cho một cái gì đó; và những người lắng nghe giống như những người tiếp nhận một điều gì đó đã được cho. Nếu họ không nhận lĩnh những gì đã được cho thì họ không nhận được gì. Nói rõ hơn, nếu người nào không lắng nghe việc tụng đọc, mặc cho những người khác tụng lên và người này làm các việc khác; thì họ chắc chắn không nhận những gì đã được cho, do vậy họ sẽ không thành tựu được từ những lợi ích của việc nghe kinh.

Nguồn gốc của bài Kinh hộ trì Ratanasutta được kể lại như sau:

Thuở đức Phật còn tại thế, năm nọ, mạn phía Nam sông Gaṅgā trời đổ mưa liên tục từ ngày này sang ngày khác; nhưng suốt bốn năm tháng đó, mạn phía Bắc lại không có một giọt mưa. Một thảm họa từ đó đã phát sinh với các tiểu quốc ở vùng này, nhất là kinh thành Vesāli. Đất đai thì nứt nẻ, đồng ruộng, nương vườn khô cháy; mùa màng thất bát, lúa gạo dự trữ không đủ sức cầm hơi, rau cỏ không có mà ăn... Thế là đói khát trầm trọng (dubbhikkhantarakappa) đã xảy ra. Đó là nạn thứ nhất. Vì đói nên người chết rất nhiều, người sống không còn đủ sức mang xác ra nghĩa địa hoặc hỏa thiêu; họ chỉ việc quăng xác ra ngoại thành, mùi hôi thối tỏa khắp mọi nơi. Ác dạ-xoa lộng hành quậy phá làm khổ dân chúng. Đó là nạn thứ hai. Vì xác chết, vì hôi thối nên dịch bệnh lan tràn càng làm cho người chết nhiều thêm nữa. Đó là nạn thứ ba!

Các vua quan khẩn trương hội họp, đề cử một viên đại thần, tên là Mahāli – làm trưởng đoàn sứ giả, mang lễ phẩm trọng hậu đến Rājagaha, nhờ đức vua Bimbisāra giúp đỡ, trình lên đức Phật, mong ngài đến vùng Licchavī, kinh thành Vesāli để cứu khổ cho đại chúng. Đức vua không dám nhận hậu tình, bảo rằng đoàn sứ giả nên đến đảnh lễ đức Phật, dâng lễ phẩm và tường trình mọi sự lên Ngài, hiện Ngài đang an cư ở Veḷuvana với đại chúng tỳ-khưu!

Tôn giả Moggallāna đứng một bên, sau khi nghe viên đại thần Mahāli trình bày ba thảm nạn tại Vesāli, rồi khẩn cầu đức Phật giải họa, tự nghĩ: "Trong con mắt của thế gian, đức Thế Tôn không những thuyết giáo con đường giác ngộ, giải thoát – mà bây giờ ngài còn là một bậc Đại Siêu Nhân (Mahāpurisa), có thể có khả năng điều động thiên nhiên, kêu gió gọi mưa như các bà-la-môn phù thủy! Tuy nhiên, không những đức Tôn Sư làm được, mà các vị thượng thủ A-ra-hán cũng làm được. Đấy chỉ là sự vận hành tâm-sinh-vật lý tương quan, tương tác lẫn nhau! Trong trường hợp này, năng lực của tâm là tăng thượng - có thể dẫn dắt, điều động các năng lực khác!".

Lúc phái đoàn sứ giả ra về rồi, Đức Phật nói với vị đại đệ tử:

– Này Moggallāna! Con nghĩ đúng đấy! Tuy nhiên, ba thảm nạn của Vesāli xảy ra là do ba nguyên nhân tương tác lẫn nhau mà không phải ai cũng thấy rõ, biết rõ: Thứ nhất là do nắng nóng khô hạn, thứ hai là do ác pháp phát sinh từ các vua chúa, thứ ba là do chư thiên, thiện thần, thiện dạ-xoa bỏ đi. Bây giờ, con hãy gọi Ānanda đến đây!

Sau đó, đức Phật dạy cho ngài Ānanda bài kinh hộ trì an lành có tên Ratanasutta; rồi ngài Ānanda lựa chọn thêm năm trăm vị tỳ-khưu trẻ có trí nhớ tốt cùng học thuộc…

Đúng ngày, khi đức Phật vừa đặt chân lên bờ Đông của tiểu quốc Licchavī thì một trận mưa rất lớn, tối trời tối đất như tự cổng trời mở ra, xối xả đổ xuống vùng đất đại hạn như đã chờ đợi đâu từ lâu lắm! (Tại nhân gian không biết, chứ lúc ấy, thiên chủ Sakka đã huy động Tứ đại thiên vương, thiên binh, thiên tướng, hội chúng

rồng, hội chúng dạ-xoa cùng theo hầu đức Phật. Ác thần, ác dạ-xoa sợ hãi trốn đi nơi khác; các thiện thần, thiện dạ-xoa đồng loạt tìm về!) Trận mưa lớn kéo dài nửa ngày, bao nhiêu xú uế tan mất. Nhân dân khắp nơi tràn ra đường, vui mừng hò reo, hát ca, nhảy múa… Các vua quan, hội đồng tướng lĩnh, quý tộc đến sụp lạy bên chân đức Phật, nghẹn ngào tri ân, chảy nước mắt, không nói được nên lời!

Đêm ấy, bài kinh Paritta được đọc lên…

Ôi! Bài kinh với âm giọng của năm trăm vị tỳ-khưu đồng cất lên suốt đêm trường, thật là trầm hùng khôn tả. Cả không gian rung rinh, chao đảo. Cả đất trời Vesāli như chìm ngập giữa biển âm thanh thẳm sâu, cao diệu… Chư thiên vân tập đầy đặc cả không gian, thành kính lắng nghe kinh rồi cất lên lời đại nguyện hộ trì Tam Bảo và hộ trì quốc độ - nếu các đức vua và hội đồng quan cận thần bỏ ác pháp mà sống theo chánh pháp.

Ngày hôm sau, rất nhiều người không hiểu chư Tăng đọc mật chú gì mà có uy lực kinh khiếp như vậy? Nó làm cho toàn bộ dân chúng kinh thành Vesāli phải kính cẩn lắng nghe, tất thảy lo âu, sợ hãi đều tiêu tan. Không những trong lòng người mà cả không gian xung quanh cũng cảm giác cả một bầu khí thanh bình và an lạc!

Các vị trưởng lão và các vị A-ra-hán với trí tuệ thâm sâu phải giải thích:

Chẳng phải là huyền chú, mật chú gì đâu. Đấy là bài kinh nói lên uy lực của Tam Bảo, ân đức của Phật, của Pháp, của Tăng làm cho chư thiên hoan hỷ, lòng người hoan hỷ. Uy lực ấy lại còn được hội tụ bởi uy lực của năm trăm vị tỳ-khưu đọc tụng, tạo thành năng lực của Tăng thượng tâm, có thể tác động toàn bộ nội tâm và ngoại giới đem đến sự bình yên và mát mẻ cho quốc độ này…

Ba thảm nạn tại kinh thành Vesāli được chấm dứt cũng do như vậy đó. Chính là do năng lực Tăng thượng tâm.

Virút Corona với rất nhiều biến chủng mới đang thực sự đe dọa sự bình yên của thế giới này, trong đó có cả gia đình mỗi chúng ta. Với niềm tin vững chắc nơi Tam Bảo, tin vào sự nhiệm màu

của Phật Pháp, Tuệ Ân xin chia sẻ bài Kinh này với ước mong sẽ có thật nhiều người học hiểu và tụng bài Kinh Hộ Trì này để trợ duyên cho đại chúng trong cơn nguy khốn. XIN HÃY HỌC TỤNG, HÃY BẬT YOUTUBE BÀI KINH NÀY, HÃY ĐỌC ĐỂ HIỂU NỘI DUNG BÀI KINH NÀY, HÃY CHIA SẺ BÀI KINH NÀY CHO THẬT NHIỀU NGƯỜI BIẾT VÀ TỤNG HÀNG NGÀY! Với năng lực không thể nghĩ bàn của Kinh Hộ Trì Paritta, chắc chắn những điều hung hiểm sẽ được tiêu tan và phúc lành sẽ phát sinh tràn ngập trên cõi Jampudipa này.

RATANA SUTTA

1 - Paṇidhānato paṭṭhäya Tathāgatassa;
Dasa pāramiyo/ dasa upapāramiyo/
Dasa paramatthapāramiyoti/
Samattiṃsa pāramiyo/ pañca mahāpariccāge/
Lokatthacariyaṃ/ ñātatthacariyaṃ/ buddhatthacariyanti/
Tisso cariyāyo/ pacchimabhave/ gabbhavokkantiṃ/
Jātiṃ abhinikkhamanaṃ/ padhānacariyaṃ/ bodhipallaṅke māravijayaṃ/
Sabbaññutaññāṇappaṭivedhaṃ/
Dhammacakkapavattanaṃ/ nava lokuttaradhammeti/
Sabbepime Buddhaguṇe āvajjetvā/
Vesāliyā tīsu pākarantaresu/ tiyāmarattiṃ;
Parittaṃ karonto/ āyasmā Ānandatthero viya/
Kāruññacittaṃ upaṭṭhapetvā/

Tôn giả Ānanda
Với tâm từ vô lượng,
Trì tụng Kinh châu báu
Suốt trọn cả đêm dài,
Ba vòng thành Vesāli.
Niệm tất cả ân đức
Của Như-Lai Đại Lực
Là 10 Ba-La-Mật,
10 thượng Ba-La-Mật,

10 thắng Ba-La-Mật.
5 pháp Đại thí xả.
3 Đại hạnh độ sinh.
Trong kiếp chót giáng trần.
Xuất gia tầm giải thoát.
Khổ hạnh đạo nhiệm màu.
Chiến thắng đạo ma quân.
Đại nhất thiết chủng trí.
Chứng 9 pháp siêu phàm.
Chuyển vận bánh xe Pháp

2 - Koṭīsatasahassesu, cakkavāḷesu devatā/
Yassāṇaṃ patiggaṇhanti, yañca Vesāliyā pure.

3 - Rogāmanussa-dubbhikkha/ sambhūtaṃ tividhaṃ bhayaṃ/ Khippamantaradhāpesi/ parittaṃ taṃ bhaṇāma he.

Chư Thiên khắp các cõi
Mười muôn triệu thế giới,
Đều vui mừng lĩnh hội
Kinh Châu Báu uy lực.
Tiêu trừ mọi tai ương,
Đói khát và bệnh tật,
Cùng phi nhân quấy nhiễu
Trong thành Vesāli
Thảy đều được tan biến.
Chúng con nay hết lòng
Trì tụng Kinh hộ niệm

4 - Yānīdha bhūtāni samāgatāni/bhummāni vā yāni va antalikkhe/ Sabbeva bhūtā sumanā bhavantu/ athopi sakkacca suṇantu bhāsitaṃ.

Chúng thiên nhân các cõi,
Dù thiên tiên, địa tiên.
Đã vân tập nơi này,
Mong khởi lòng hoan hỉ,
Thành kính nghe lời này

5 - Tasmā hi bhūtā nisāmetha sabbe/ mettaṃ karotha mānusiyā pajāya/ Divā ca ratto ca haranti ye baliṃ/ tasmā hi ne rakkhatha appamattā.

Rồi với lòng bi mẫn,
Năng hộ trì nhân loại,
Vốn đêm ngày hồi hướng
Phước lành đến chư Thiên

6 - Yaṃ kiñci vittaṃ idha vā huraṃ vā/
saggesu vā yaṃ ratanaṃ paṇītaṃ/
Na no samaṃ atthi tathāgatena/
Idampi Buddhe ratanaṃ paṇītaṃ/
Etena saccena suvatthi hotu.

Những tài sản trên đời
Chốn này hay nơi khác,
Cả châu báu cõi trời
Không gì sánh bằng được
Với Như-Lai Thiện Thệ.
Do vậy chính Phật Bảo
Là châu báu thù diệu.
Mong với chân ngôn này,
Tựu thành muôn hạnh phúc

7 - Khayaṃ virāgaṃ amataṃ paṇītaṃ/
yadajjhagā Sakyamunī samāhito/
Na tena dhammena samatthi kiñci/
Idampi dhamme ratanaṃ paṇītaṃ;
Etena saccena suvatthi hotu.

Pháp bất tử tối thượng
Ly dục diệt phiền não
Phật chủng dòng Thích-Ca
Chứng pháp ấy trong thiền.
Không gì sánh bằng được
Pháp thiền vi diệu ấy.

Do vậy chính Pháp Bảo
Là châu báu thù diệu.
Mong với chân ngôn này,
Tựu thành muôn hạnh phúc

8 - Yaṃ Buddhaseṭṭho parivaṇṇayī suciṃ/ samādhimānantarikaññamāhu/
Samādhinā tena samo na vijjati/
Idampi dhamme ratanaṃ paṇītaṃ/
etena saccena suvatthi hotu.

Đức Phật hằng ngợi khen,
Con đường thanh lọc tâm,
Là tu tập thiền định,
Chứng hiện các lạc trú.
Do vậy chính Pháp Bảo
Là châu báu thù diệu.
Mong với chân ngôn này,
Tựu thành muôn hạnh phúc

9 - Ye puggalā aṭṭha sataṃ pasatthā/
cattāri etāni yugāni honti/
Te dakkhiṇeyyā sugatassa sāvakā/
etesu dinnāni mahapphalāni/
Idampi saṃghe ratanaṃ paṇītaṃ/
etena saccena suvatthi hotu.

Thánh tám vị - bốn đôi,
Là những bậc Ứng cúng.
Đệ tử Đấng Thiện-Thệ
Được trí giả tán thán,
Cúng dường đến các ngài,
Hưởng vô lượng công đức.
Do vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu.
Mong với chân ngôn này,
Tựu thành muôn hạnh phúc

10 - Ye suppayuttā manasā daḷhena/ nikkāmino gotamasāsanamhi/
Te pattipattā amataṃ vigayha/ laddhā mudhā nibbutiṃ bhuñjamānā/
Idampi saṃghe ratanaṃ paṇītaṃ/ etena saccena suvatthi hotu.

Bậc tu hành thiểu dục,
Với ý chí kiên trì.
Khéo chân chánh phụng hành
Lời đấng Điều Ngự dạy,
Chứng đạt quả giải thoát,
Thể nhập đạo bất tử
Lạc trú quả tịch tịnh.
Do vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu.
Mong với chân ngôn này, tựu thành muôn hạnh phúc

11 - Yathindakhīlo pathavissito siyā/ catubbhi vātehi asampakampiyo/
Tathūpamaṃ sappurisaṃ vadāmi/ yo ariyasaccāni avecca passati/
Idampi saṃghe ratanaṃ paṇītaṃ/ etena saccena suvatthi hotu.

Ví như cột trụ đá,
Khéo chôn chặt xuống đất.
Dầu bốn hướng cuồng phong
Cũng không thể lay chuyển.
Ta nói bậc chân nhân.
Liễu ngộ Tứ Thánh-Đế
Cũng tự tại bất động
Trước tám pháp thế gian.
Do vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu.
Mong với chân ngôn này,
Tựu thành muôn hạnh phúc

12 - Ye ariyasaccāni vibhāvayanti/ gambhīrapaññena sudesitāni/
Kiñcāpi te honti bhusaṃ pamattā/ na te bhavaṃ aṭṭhamamādiyanti/
Idampi saṃghe ratanaṃ paṇītaṃ/ etena saccena suvatthi hotu.

Bậc thấu triệt Thánh Đế
Đã được khéo thuyết giảng
Bởi trí tuệ uyên thâm
Của đức Phật Chánh Giác.
Các ngài dù phóng dật
Thì cũng không bao giờ
Tái sinh hơn bảy kiếp.
Do vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu.
Mong với chân ngôn này,
Tựu thành muôn hạnh phúc.

13 - Sahāvassa dassanasampadāya/ tayassu dhammā jahitā bhavanti/
Sakkāyadiṭṭhī vicikicchitañca/ sīlabbataṃ vāpi yadatthi kiñci.

14 - Catūhapāyehi ca vippamutto/ chaccābhiṭhānāni abhabba kātuṃ/
Idampi saṃghe ratanaṃ paṇītaṃ/ etena saccena suvatthi hotu.

Nhờ chứng đạt chánh trí,
Đoạn trừ ba kiết sử
Thân kiến và hoài nghi
Luôn cả giới cấm thủ.
Thoát khỏi bốn đọa xứ. Bậc Nhập-Lưu không tạo
Sáu bất thiện trọng nghiệp.
Do vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu.
Mong với chân ngôn này,
Tựu thành muôn hạnh phúc

15 - Kiñcāpi so kamma karoti pāpakaṃ/ kāyena vācā uda cetasā vā/
Abhabba so tassa paṭicchadāya/ abhabbatā diṭṭhapadassa vuttā/
Idampi saṃghe ratanaṃ paṇītaṃ/ etena saccena suvatthi hotu.

Các bậc thánh Nhập-lưu
Dù vô tâm phạm lỗi
Bằng thân lời hay ý
Cũng không hề che giấu,

Được xứng danh hiền thánh.
Do vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu.
Mong với chân ngôn này,
Tựu thành muôn hạnh phúc

16 - Vanappagumbe yatha phussitagge/ gimhānamāse paṭhamasmiṃ gimhe/

Tathūpamaṃ dhammavaraṃ adesayi/ Nibbānagāmiṃ paramaṃ hitāya/

Idampi Buddhe ratanaṃ paṇītaṃ/ etena saccena suvatthi hotu.

Ví như mưa đầu hạ
Khiến ngàn cây đâm chồi.
Đức Thế Tôn thuyết giảng
Pháp đưa đến Niết-Bàn
Tịnh lạc và thù thắng,
Lợi ích chúng hữu tình.
Do vậy chính Đức Phật
Là châu báu thù diệu.
Mong với chân ngôn này,
Tựu thành muôn hạnh phúc



17 - Varo varañ̃ñū varado varāharo/ anuttaro dhammavaraṃ adesayi/
Idampi Buddhe ratanaṃ paṇītaṃ/ etena saccena suvatthi hotu.

Đức Phật bậc vô thượng
Liễu thông pháp vô thượng
Ban bố pháp cao thượng
Chuyển đạt pháp vô thượng.
Như vậy chính Đức Phật
Là châu báu thù diệu.
Mong với sự thật này,
Được sống chân hạnh phúc

18 - Khīṇaṃ purāṇaṃ nava natthi sambhavaṃ/ virattacittāyatike bhavasmiṃ/
Te khīṇabījā avirūḷhichandā/ Nibbanti dhīrā yathāyaṃ padīpo/
Idampi saṃghe ratanaṃ paṇītaṃ/ etena saccena suvatthi hotu.

Nhân quá khứ đã đoạn
Mầm tương lai không gieo,
Với tâm không ái chấp
Trong sinh hữu đời sau.
Bởi tham muốn đã đoạn,
Các chủng tử không còn.
Ví như ngọn đèn tắt.
Bậc trí chứng Niết-Bàn.
Do vậy chính Tăng Bảo
Là châu báu thù diệu.
Mong với chân ngôn này,
Tựu thành muôn hạnh phúc

19 - Yānīdha bhūtāni samāgatāni/ bhummāni vā yāni va antalikkhe/
Tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ/ Buddhaṃ namassāma suvatthi hotu.

Chúng thiên nhân các cõi,
Dù thiên tiên, địa tiên.

Đã vân tập nơi đây
Hãy chí thành đảnh lễ
Đức Phật - bậc Như-Lai
Được chư Thiên nhân loại
Đảnh lễ và cúng dường.
Mong với chân ngôn này,
Tựu thành muôn hạnh phúc

20 - Yānīdha bhūtāni samāgatāni/ bhummāni vā yāni va antalikkhe/
Tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ,
Dhammaṃ namassāma suvatthi hotu.

Chúng thiên nhân các cõi,
Dù thiên tiên, địa tiên.
Đã vân tập nơi đây
Hãy chí thành đảnh lễ
Chánh Pháp - đạo như chân
Được chư Thiên, nhân loại
Đảnh lễ và cúng dường.
Mong với chân ngôn này, tựu thành muôn hạnh phúc

21 - Yānīdha bhūtāni samāgatāni/ bhummāni vā yāni va antalikkhe/
Tathāgataṃ devamanussapūjitaṃ/ Saṃghaṃ namassāma suvatthi hotu.

Chúng thiên nhân các cõi,
Dù thiên tiên, địa tiên.
Đã vân tập nơi đây
Hãy chí thành đảnh lễ
Tăng Bảo - bậc như đức
Được chư Thiên, nhân loại
Đảnh lễ và cúng dường.
Mong với chân ngôn này,
Tựu thành muôn hạnh phúc

Ratanasuttaṃ niṭṭhitaṃ.



Thiền đại thừa Ở MỘT SỐ NƯỚC CHÂU Á

THÍCH VẠN NGỘ

Thiền[1], vốn dĩ là giá trị trải nghiệm đối với con đường tâm linh của hầu hết những người Ấn Độ xưa nay. Phương pháp này, đã có mặt trước khi đức Phật thị hiện ra đời khá lâu. Nhưng ban đầu, pháp tu ấy chỉ phù hợp với những người ẩn sĩ muốn xa lánh với cuộc đời nhiều bận rộn và ràng buộc ở thế gian, để trải nghiệm với chính mình trong môi trường của núi rừng vắng vẻ, hoang vu. Bởi vì họ nhận thức rằng, chỉ có cảnh vật thiên nhiên như vậy, mới có thể giúp cho tâm thức của họ đạt đến những cảnh giới cao nhất, mà một người bình thường khó đạt được các trạng thái siêu việt như thế. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc hành Thiền, không chỉ dừng lại ở góc độ tu tập và chuyển hóa nội tâm của con người, mà phương pháp

[1]. Theo HT. Thích Thiên Ân giải thích, Thiền được mọi người biết đến với tên gọi "Zen", là một lối tu luyện của Bà La Môn giáo và ở trong phái Du Già (Yoga) của 6 phái triết học ở Ấn Độ cũng đã có Zen. (trích sách của HT. Thích Thiên Ân, (2004), *Triết học Zen,* tập 1, 2, *(Tư Tưởng Phật Giáo Nhật Bản và Các Nước Châu Á),* Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, tr. 16). Đến khi Phật giáo Đại Thừa ra đời, Thiền được hiểu là một trạng thái tĩnh lặng của thân và tâm, được diễn ra trên từng hơi thở ra vào của con người chúng ta đang có mặt với thực tại. Phương pháp ấy không bị ràng buộc ở bất cứ một phạm trù hay lý luận nào trong cuộc sống. Vốn dĩ Thiền là thực tại vắng lặng từ xưa nay. Trong *Thanh Tịnh Đạo* cũng có viết: "Vì chuyên tâm tư duy nơi một cảnh sở duyên và đồng thời dùng phương pháp tư duy ấy để diệt trừ nguồn gốc "ngũ cái", nên gọi là Thiền.

này còn giúp cho các thiền sinh, tự rèn luyện được sức nhẫn nại của mình trước những tác động do nghịch cảnh từ bên ngoài đưa đến. Hơn thế nữa, Thiền là một trong ba phương pháp (Giới - Định - Tuệ), vô cùng quan trọng của những người tu sĩ Phật giáo nói chung và những ai muốn tự mình đi trên con đường giác ngộ giải thoát như đức Phật đều phải trải qua các bước này. Bởi vì, chỉ có phương pháp này mới có thể giúp cho họ chinh phục được các phiền não, vô minh và lậu hoặc, nhằm đạt đến trí tuệ vô lậu giải thoát Niết Bàn ngay trong hiện tại. Do đó, khi xưa chính đức Phật cũng đã từng khẳng định rằng: *"Giáo Pháp của ngài hợp với người thích độc cư, chứ không phải với những người ham quần chúng, ngài tuyên bố như vậy."*[2] Như vậy, Thiền là chìa khóa vạn năng để mở ra các cánh cửa trong kho tàng năng lượng của mỗi người, nhưng nguồn năng lượng này đang tồn tại dưới dạng tiềm ẩn, mà xưa nay chúng ta chưa một lần được khám phá hay tận mắt được nhìn thấy chúng. Nếu nhìn từ góc độ Tục đế, thì đây là phương pháp duy nhất để có thể mang lại sự an lạc và giải thoát cho tâm hồn con người. Đồng thời cũng là giải pháp tốt nhất, để tháo gỡ mọi xung đột và căng thẳng cho mọi người trong cuộc sống hiện nay, nhưng lại nhiều rủi ro và nguy hiểm. Ngược lại, nếu nhìn dưới góc độ Chơn đế, Thiền chỉ là "phương tiện" giúp cho con người đạt đến cảnh giới Niết Bàn[3] tịch tịnh của những tâm hồn vắng lặng và không bị mắc kẹt ở bất cứ một phạm trù nào trong nhận thức.

---

[2]. H.W. Schumann, (1982), Trần Phương Lan dịch, *Đức Phật Lịch Sử,* (1997), Nxb TP. HCM, 2000, tr. 185.

[3]. *Phật Quang Đại Từ Điển,* quyển 3, HT. Thích Quảng Độ dịch, (2000), Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc xuất bản, tr. 3650. Giải thích chữ Niết bàn như sau: *"Phạn: Nirvàịa, Pàli: Nibbàna, Niết bàn nguyên nghĩa chỉ cho sự thổi tắt, hoặc biểu thị trạng thái thổi tắt, về sau được chuyển dụng để chỉ lửa phiền não thiêu đốt đã bị dập tắt, là cảnh giới hoàn toàn giác ngộ. Cảnh giới này vượt ngoài sinh tử (mê giới), cũng là mục đích thực tiễn cuối cùng của Phật giáo, cho nên được xếp vào 1 trong những pháp ấn, gọi là Niết bàn tịch tĩnh".*

Bằng chứng vào năm 544 TCN[4], sự ra đời của Thái tử Tất Đạt Đa (Siddhārtha Gotama) tại đất nước Ấn Độ cổ đại, đã làm cho pháp môn này trở nên gần gũi và hiện thực hơn với tất cả mọi người chúng ta. Do phương pháp tư duy và quán chiếu các pháp một cách logic, nên ngài không những chinh phục được nội tâm của chính mình, mà còn tìm thấy được mối tương quan, tương duyên lẫn nhau của các pháp, vốn dĩ tồn tại được là do yếu tố *"Duyên Khởi"*[5]. Từ ý nghĩa trên, giúp cho chúng ta thấy rằng không có một pháp nào (sự vật và hiện tượng) đang tồn tại ở hình thức riêng biệt, mà không có sự liên hệ qua lại với nhau. Phải chăng, phương pháp Thiền định đã minh chứng với tất cả mỗi người rằng, kết quả của Trí Tuệ Bát Nhã vô lậu giải thoát, mà khi xưa đức Phật đã tìm thấy trong thế giới hữu hạn này, đều không nằm ngoài phương pháp quán chiếu đến những giá trị thực tại? Do vậy, pháp môn này đã tồn tại một cách độc lập, thậm chí không bị lệ thuộc theo bất cứ một mô tiếp nào của nhận thức con người đặt ra. Phương pháp ấy, đã lan tỏa và thu hút sự tìm kiếm của hầu hết các giới trong xã hội đương thời. Đặc biệt là các nhà luận sư nổi tiếng tại Ấn Độ lúc bấy giờ, kể từ khi đức Phật thành đạo dưới cội Bồ Đề, họ đã tìm đến để chinh phục ngài bằng những học thuyết hiện hữu của chính Tôn giáo mình. Nhưng phần lớn, các nhà luận sư này đã được soi sáng qua phương pháp Thiền định của đức Phật. Bởi vì, ngoài sự cảm hóa đầy sức thuyết phục qua con đường trí tuệ giải thoát mà đức Phật đã trải nghiệm, họ còn được nhìn thấy và có thể sờ mó những giá trị thực tiễn, mà chỉ có chính người thực tập Thiền định; mới có thể cảm nhận hết được sự mầu nhiệm của phương pháp này mang lại. Chính vì phương pháp Thiền định, đã mang lại những giá trị đặc trưng

[4]. Tham khảo trang <https://vi.wikipedia.org/wiki/Phật_lịch>. Ngày 15/05/2020.

[5]. HT. Thích Thiện Hoa soạn, (2015), *Phật Học Phổ Thông,* q. 1, khóa IV, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, tr. 535.

và nhiều sự lợi ích cho tâm thức con người như thế, mà các tôn giáo khác chưa có thể tiếp cận được những cảnh giới cao siêu như vậy. Cho nên, Thiền rất cần được ứng dụng vào cuộc sống hàng ngày của mỗi người chúng ta, với mục đích không chỉ tạo ra sự cân bằng đối với cơ thể vật lý - mà quan trọng hơn hết, đó chính là soi sáng được các bóng tối đang bị che khuất bởi vô minh và tham ái. Chắc chắn rằng, giá trị mà những người sống bằng phương pháp Thiền định, luôn luôn có mặt của sự tỉnh thức và không bị những ảo ảnh do tham, sân, si làm mê hoặc tâm hồn của họ.

Do vậy, ở thế kỷ thứ VI TCN tại đất nước Ấn Độ cổ đại, với danh nghĩa là "Phong trào đi tìm giải thoát trong Đạo giáo"[6], có hai vị thiền sư khá lỗi lạc đó là: Alāra Kālāma và Uddaka Rāmaputta (phiên âm từ tiếng Pali)[7], với hai cảnh giới Thiền định siêu việt "Vô sở hữu xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ". Đã được Thái tử Tất Đạt Đa (Siddhārtha Gotama) tìm đến tham học và thể nhập vào hai cảnh giới Thiền định này một cách dễ dàng, đã khiến cho hai người thầy của mình không khỏi ngạc nhiên. Không bao lâu sau, Thái tử Tất Đạt Đa cho rằng, cả hai cảnh giới Thiền này cũng chỉ đóng một vai trò như một "phương tiện", đối với những bước đầu tìm đạo của ngài. Nhưng cả hai phương pháp này vẫn còn chỗ hạn chế của nó, vì vậy chưa có thể giúp cho tâm thức của ngài vượt qua khỏi vòng luân hồi sanh tử và chứng ngộ Niết Bàn một cách rốt ráo. Do đó, ngài cần phải nỗ lực hơn nữa, mới có thể thành tựu được các pháp Thiền định cao hơn. Nếu xét từ góc độ khách quan, cả hai cảnh giới Thiền định này, đã mở ra cho Thái tử Tất Đạt Đa một cái nhìn mới mẻ hơn về nội tâm của ngài với thế giới xung quanh.

---

[6]. H.W. Schumann, (1982), Trần Phương Lan dịch, *Đức Phật Lịch Sử,* (1997), sđd, tr. 29.

[7]. T. W. Rhys Davids & Hermann Oldenberg, (1990), *Sacred Books Of The East Vinaya Texts, The Patimokkha, The Mahavagga I-IV,* Nxb Atlantic Publishers & Distributors, Nơi xuất bản: 4215/1 Ansari Road, Darya Ganj, New Delhi, tr. 89.

Như những đường nét phác họa ban đầu, của một bức tranh tuyệt mỹ trong tâm thức của mỗi người chúng ta, mà chỉ có chính bản thân họ mới nhìn thấy hết được bằng con mắt của trí tuệ.

Trong kinh Tương Ưng, đức Phật cũng đã dạy rằng: *"Ở đây, này Hiền giả, vượt qua hoàn toàn Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tôi chứng đạt và an trú Diệt thọ tưởng định. Nhưng này Hiền giả, tôi không khởi lên ý nghĩ: "Tôi đang chứng nhập Diệt thọ tưởng định"*, hay *"Tôi đã chứng nhập Diệt thọ tưởng định",* hay *"Tôi đã ra khỏi Diệt thọ tưởng định"*[8]. Thật ra, cả hai cảnh giới Thiền định trong đoạn kinh vừa nêu, nếu đem áp dụng đối với một người học trò bình thường, mà không phải là Thái tử Tất Đạt Đa, thì chắc chắn rằng những người học trò ấy, sẽ rất khó mà lĩnh hội được cả hai cảnh giới Thiền định cao siêu như thế. Nhưng với hạnh nguyện ban đầu của Thái tử Tất Đạt Đa, ngài đã vượt qua một cách rất dễ dàng đối với hai cảnh giới Thiền định này. Bởi vì, trong vô lượng kiếp của quá khứ, ngài đã từng thành tựu "Phật quả"[9] bằng chính con đường tu tập Thiền định[10]. Cho nên, ở cõi Ta bà này (chỉ trái

---

[8]. *Kinh Tương Ưng,* tập 3, (1991), HT. Thích Minh Châu dịch, Thiên Uẩn, Chương VII Tương Ưng Sàriputtà, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam xb, TP. Hồ Chí Minh, tr. 386.

[9]. *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa,* Phẩm Như Lai Thọ Lượng thứ mười sáu, (2000), Tan Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập Hán dịch, HT. Thích Trí Tịnh Việt dịch, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, tr. 560. Có đoạn đức Phật dạy rằng: *"Các ông lóng nghe! Sức bí mật thần-thông của Như-Lai, tất cả trong đời, trời, người và A-tu-la đều cho rằng nay đức Thích-Ca Mâu-Ni Phật ra khỏi cung họ Thích, cách thành Già-da chẳng bao xa, ngồi nơi đạo tràng được vô-thượng chính-đẳng chính-giác. Nhưng, thiện-nam-tử! Thực ta thành Phật nhẫn lại đây, đã vô-lượng vô-biên trăm nghìn muôn ức na-do-tha kiếp".*

[10]. *Tiểu Bộ Kinh,* tập 1, (1999), HT. Thích Minh Châu dịch, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam xb, TP. Hồ Chí Minh, tr. 54.

> *"Ai sống một trăm năm,*
> *Ác tuệ, không thiền định.*
> *Tốt hơn sống một ngày,*
> *Có tuệ, tu thiền định*" (Pháp Cú kệ 111).

đất của chúng ta đang sống) đối với đức Phật Thích Ca Mâu Ni mà nói, đây chỉ là một "phương tiện" của sự thị hiện ra đời, để tìm ra con đường cứu khổ cho tất cả chúng sanh. Vì thế, sau này Thái tử Tất Đạt Đa chứng đắc cảnh giới Thiền "Diệt thọ tưởng định", đó cũng là lẽ đương nhiên mà tất cả chúng ta không cần phải bàn luận gì thêm nữa. Cảnh giới Thiền Diệt thọ tưởng định, mà đức Phật đã thành tựu theo dòng lịch sử của nhân loại, là cảnh giới Thiền định hoàn toàn siêu việt so với hai cảnh giới Thiền định của hai vị thiền sư mà Ngài đã từng tu học trước đây. Cho dù bản thân của đức Phật, đã đi vào cảnh giới Thiền Diệt thọ tưởng định, nhưng ngài vẫn không có một chút bám trụ vào sự chứng đắc đối với cảnh giới Thiền định ấy. Ngài đạt được như vậy, đó mới chính là sự thể nhập vào "Thể tánh chơn như" nơi các pháp, mà không bị sự chi phối của bất cứ một pháp nào đang hiện hữu. Tuy sự kiện này, đã diễn ra cách đây hơn 26 thế kỷ[11] dưới cột Bồ Đề tại đất nước Ấn Độ cổ đại, nhưng cho đến ngày nay phương pháp ấy vẫn còn sống động với tất cả mỗi người chúng ta khi được tự mình trải nghiệm qua hạnh phúc này.

Sau này, phương pháp Thiền định của đức Phật, hay nói một cách khác là phương pháp Thiền định của Phật giáo, được các vị Tổ sư truyền thừa một cách xuyên suốt kể từ khi đức Phật nhập Niết Bàn năm 483 TCN[12], cho đến Tổ Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma). Và chính ngài, đã đem nội dung và yếu chỉ của Thiền Phật giáo tại Ấn Độ truyền bá sang đất nước Trung Quốc. Mặc dù, trước đó Phật giáo đã được du nhập vào đất nước này rồi, nhưng pháp môn Thiền chưa được phát triển thành một tông phái riêng biệt. Bằng chứng sau: "The beginnings are said to go back to somewhere between 70 and 50 BC, and the religion slowly spread under

[11]. Căn cứ vào ngày Đại Lễ Phật Đản năm 2020, có thể tính được năm đức Phật đản sanh cách đây hơn 26 thế kỷ.
[12]. H.W. Schumann, (1982), Trần Phương Lan dịch, *Đức Phật Lịch Sử,* (1997), sđd, tr. 240.

the Han dynasty" Nguyễn Minh Tiến dịch: "Điểm khởi đầu được cho là trong khoảng thời gian từ năm 70 đến 50 trước Công nguyên, và Phật giáo dưới đời nhà Hán dần dần được truyền rộng ra các nơi"[13]. Mãi cho đến thế kỷ thứ VI SCN[14], Thiền của Phật giáo Ấn Độ, được chính thức truyền bá sang Trung Quốc dưới thời của Nam Bắc triều, cụ thể là dưới triều đại vua Lương Võ Đế, năm 520 SCN[15]. Trong các sử liệu của Phật giáo, đều xác định rằng Tổ Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) là một trong 28 vị Tổ Thiền tông Ấn - Hoa (Ấn Độ và Trung Hoa). Có thể một phần, do bối cảnh xã hội phong kiến Trung Quốc lúc đó đang trong thời kỳ hưng thịnh, cho nên hầu hết các vị vua, chúa ở nơi đây đều rất sùng bái Nho giáo và Đạo giáo. Bên cạnh đó, các vị hoàng đế cũng muốn sử dụng tín ngưỡng bản địa, như một công cụ đắc lực để có thể giúp họ cai trị đất nước một cách hiệu quả nhất. Vì thế, Phật giáo ban đầu du nhập vào đất nước này cũng chịu ảnh hưởng một phần bởi nền văn hóa bản địa. Cho nên, một người truyền Thiền như Tổ Bồ Đề Đạt Ma, ngài đã nhanh chóng đưa ra những giải pháp để có thể làm cho các thiền sinh dễ dàng tiếp cận đến pháp môn này. Sự uyển chuyển của Tổ Bồ Đề Đạt Ma, đã làm ảnh hưởng tích cực đến quá trình truyền bá tư tưởng Thiền tại đất nước Trung Quốc nói

---

[13]. EDWARD CONZE, *A Short History of Buddhism,* (2005), Nguyễn Minh Tiến dịch và chú giải, *Lịch Sử Phật Giáo,* Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 155.

[14]. Theo cách giải thích của dịch giả Nguyễn Nam Trâm trong cuốn sách *"Lịch Sử Thiền Tông Trung Quốc",* được đăng tải trên trang thuvienhoasen.org, ở mục *Phật giáo thế giới,* đăng ngày 17/04/2011. Có viết rằng: *"Vào tiền bán thế kỷ thứ 6, dưới thời Nam Bắc Triều, với việc Bồ Đề Đạt Ma từ Ấn Độ sang, sinh hoạt Phật giáo ở Trung Quốc đã nhận được một kích thích lớn và những người có đầu óc suy nghĩ cách tân, khi đón tiếp ông, đã biết kết hợp hai luồng tư tưởng đã có và mới đến, chỉnh lý, tổ chức lại. Nhờ thế, họ đã phát huy được tư tưởng Thiền Tông."*

[15]. HT. Thích Thanh Từ dịch, (2007), *Sử 33 Vị Tổ Thiền Tông Ấn Hoa,* Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, tr. 56.

riêng và một số nước khác trong khu vực châu Á nói chung. Ở đất nước Trung Quốc, tuy Phật giáo có vay mượn tư tưởng của Nho giáo và Đạo giáo, để truyền bá tư tưởng của mình ngay giữa một xã hội phong kiến. Nhưng mục đích chính, vẫn là dùng cách gì để có thể chuyển tải được nội dung cốt yếu của đức Phật đến với tất cả mọi người; không phân biệt chủng tộc hay màu da cũng đều có cơ hội để giác ngộ giải thoát được tâm mình ra khỏi các khổ đau. Do vậy, việc áp dụng câu nói "tùy duyên bất biến" trong Phật giáo, đã trở thành kim chỉ nam đối với những bước đầu truyền bá chánh pháp. Việc làm này mặc dù rất mạo hiểm và không ít khó khăn, nhưng bắt buộc các vị Tổ sư phải thực hiện ngay trước mắt, để cho Phật giáo không chỉ riêng tại Trung Quốc được tồn tại và phát triển lâu dài, mà ở hầu hết các nước khác cũng được phát triển giống như vậy. Do đó, mọi người thường tìm thấy ý nghĩa này ở hầu hết những cuốn sách viết về lịch sử Phật giáo Trung Quốc, mỗi khi nhắc đến câu "Tam Giáo Đồng Nguyên", chính là ý nghĩa và mục đích lớn lao như vậy. Đối với các nhà truyền giáo lúc bấy giờ, xem đây là một lợi thế để cho Phật giáo Trung Quốc ngày càng được phát triển lâu dài hơn trong lòng của mọi người. Nhưng dưới cái nhìn của một thiền sư truyền Thiền như Tổ Bồ Đề Đạt Ma, thì đó là một trong những nhược điểm trong quá trình tu tập cần sớm được chấn chỉnh, tránh kéo theo các hệ lụy sau này. Bởi vì, họ đã hiểu sai phương pháp và mục đích khi hành Thiền, điều đó cũng đồng nghĩa với việc phương pháp tu tập và thời gian mà họ đã bỏ ra, chỉ gặt hái một kết quả của sự vô vọng đáng tiếc. Ngược lại, còn gây thêm nhiều rắc rối trong nhận thức và ngay cả việc thực hành cũng dễ bị sai lạc tông chỉ; mà đức Phật đã từng dạy trong kinh điển. Với ý nghĩa và mục đích vô cùng quan trọng như thế, cho nên khi Tổ Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc truyền Thiền, ngài đã phải ngồi trong hang đá suốt chín năm (Cửu niên diện bích), chờ khi thời cơ đến truyền Thiền mới thật sự có hiệu quả.

Bằng chứng là, sau cuộc tiếp đón nồng hậu của các thiền sinh Trung Quốc, Tổ Bồ Đề Đạt Ma không giảng thêm bất cứ một chủ đề kinh nào khác ngoài sự im lặng và trầm tư. Tự ngài đi tìm một gốc cây, trong khuôn viên Thiền viện để ngồi quán chiếu. Bỗng chốc, có một nhóm thiền sinh tình cờ đi ngang qua chỗ ngồi của ngài, họ đã cố ý muốn tranh luận với ngài về chủ đề Thiền định. Có một sư huynh lớn tiếng nói rằng:

- Các người nghe đây:

Trong bùn nhơ cũng có thể mọc ra được một loại hoa sen tinh khiết, cho nên các người chỉ có thể hái cành hoa tinh khiết đó thôi, và nhớ đừng bao giờ để cho các bùn nhơ đó vấy lên áo của mình nha! (…)[16].

- Tổ Bồ Đề Đạt Ma bèn đáp:

Bất biến tùy duyên, tùy duyên bất biến, bùn nhơ có thể mọc được hoa sen đó cũng là bùn tốt… tuy nhiên vạn vật vốn không tốt không xấu, do mỗi người mà có dị biệt[17].

Qua đoạn đối thoại ngắn gọn, giữa Tổ Bồ Đề Đạt Ma và nhóm thiền sinh, được diễn ra trong không gian của khuôn viên Thiền viện, họ rất ngạc nhiên khi nghe sự giải thích thấu tình đạt lý của Tổ sư. Trong nhất thời, họ chưa thể lĩnh hội được Thiền cơ của Tổ. Nhưng chúng ta đều biết rằng, "Phật Tánh"[18] vốn dĩ không có một hình thái nào nhất định, cho nên Thiền

---

[16]. Phim *Tổ Bồ Đề Đạt Ma,* công chiếu trên trang: <https://www.youtube.com/watch?v=Y9g_pbl4n2g>. Ngày 22/12/2018, có khoảng 1.719.454 lượt xem.

[17]. Cũng trong phim này và như dẫn chứng 16.

[18]. Tham khảo bài viết *"Phật Tánh"* của tác giả Thị Giới, đăng tải trên trang Thư Viện Hoa Sen ngày 04/10/2015 theo đường link sau: <https://thuvienhoasen.org/a23888/phat-tanh>, Nội dung bàn về nguồn gốc của chữ "Phật Tánh" có từ đâu. Có đoạn tác giả cho rằng: *"Nói về Phật tánh, nó không liên hệ gì đến đạo hạnh và cung cách của một người trong bộ y vàng trên đường đi khất thực. Chữ Phật trong Phạn ngữ được dịch theo nghĩa đen là "bậc giác ngộ". Nếu được coi là một danh hiệu, chữ này thường được chỉ cho Đức Tất-đạt-đa Cồ Đàm, người đã đạt được giác ngộ tối thượng 2.500 năm trước dưới cây bồ đề."*

cũng không phải nhất định chỉ áp dụng vào tư thế ngồi mới gọi là hành Thiền. Trong khi đó, các trạng thái khác như: nằm, đi, đứng… cũng có thể khiến cho tâm thức của mình chuyển hóa được các khổ đau và an lạc hạnh phúc như tư thế ngồi Thiền vậy. Có sao các thiền sinh, chỉ chú trọng đến duy nhất một tư thế ngồi, mà bỏ qua hết tất cả những tư thế khác trong sinh hoạt hàng ngày của mình. Nếu như mọi người không nắm bắt những phương pháp căn bản trước khi thực hành Thiền định, thì làm sao có thể thông qua pháp môn này mà thấy được "Phật tánh" của chính mình? Trong kinh Pháp Cú đức Phật có dạy rằng:

"Ý dẫn đầu các pháp,
Ý làm chủ, ý tạo,
Nếu với ý thanh tịnh,
Nói lên hay hành động,
An lạc bước theo sau,
Như bóng, không rời hình"[19].

Nội dung của bài kệ này, đức Phật muốn nhấn mạnh đến tác dụng và mục đích của Ý (nghĩa là Tâm), là nền tảng để sinh ra mọi công đức và các tội lỗi. Như vậy, cũng giống như chúng ta đã nắm rõ được phương pháp hành Thiền, cho dù ý nghĩa và mục đích được nhìn dưới góc độ nào đi chăng nữa, lúc đó ứng dụng vào tư thế ngồi, nằm, đi, đứng… cũng đều có sự hiện diện của Thiền; mà không cần phải tìm kiếm ở bất cứ một nơi nào khác.

Với cương vị là một người truyền Thiền như Tổ Bồ Đề Đạt Ma, ngài đã chứng kiến một thực trạng đáng buồn của Phật giáo tại Trung Quốc vào thời điểm đó, giữa cái hiểu biết và thực hành của các thiền sinh còn nhiều sự vướng mắc, nhưng chưa được tháo gỡ một cách thông suốt. Tất nhiên, chúng ta cũng không nên chê trách các thiền sinh này, bởi vì họ đều chưa nắm vững được tư tưởng Thiền của đức Phật. Vì thế, những gì mà thiền sư Daisetsu Teitaro

[19]. *Tiểu Bộ Kinh,* tập 1, (1999), HT. Thích Minh Châu dịch, Kinh Pháp Cú kệ số 2, Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt Nam xb, TP. Hồ Chí Minh, tr. 32.

Suzuki (D. T. Suzuki (1870-1966) Nhật Bản (鈴木大拙貞太郎 Linh Mộc Đại Chuyết Trinh Thái Lang), muốn nhắn gửi đến các thế hệ hành Thiền sau này, trước khi ngài truyền bá Thiền tông sang phương Tây. Ngài đã nhận định trong cuốn *Thiền Luận* của mình rằng, mọi người đừng nên mắc phải những lỗi lầm như các thiền sinh ở Trung Quốc khi xưa chỉ biết: *"Hiểu theo danh số, hành theo sự tướng"*[20]. Dĩ nhiên, Tổ Bồ Đề Đạt Ma (Bodhidharma) nhanh chóng đứng ra tuyên bố bốn yếu chỉ của Thiền trong Phật giáo, là mang ý nghĩa và mục đích này. Mặt khác, qua đó Tổ Bồ Đề Đạt Ma cũng muốn lèo lái con thuyền Phật giáo tại Trung Quốc, theo một hướng đi mới mà không bị lệ thuộc vào bất cứ hình thức nào so với trước đây, cũng như trong tư tưởng "Tam Giáo Đồng Nguyên" từ khi Phật giáo mới du nhập.

Đây là bốn yếu chỉ của Thiền Phật giáo Ấn Độ, mà Tổ Bồ Đề Đạt Ma đã tuyên bố sau khi đến đất nước Trung Quốc truyền Thiền:

a. Chữ Hán:

"教外別傳
不立文字
直指人心
見性成佛".

b. Âm Hán Việt

"Giáo ngoại biệt truyền
Bất lập văn tự
Trực chỉ nhân tâm
Kiến tánh thành Phật"

c. Dịch nghĩa:

"Truyền riêng ngoài giáo
Chẳng lập văn tự
Chỉ thẳng tâm người
Thấy tánh thành Phật".[21]

Danh xưng "Thiền Phật giáo Đại Thừa" chính thức có mặt từ đây. Chúng ta vẫn biết rằng trước đây, giá trị cốt lõi của Thiền từ đức Phật truyền đến Tổ Bồ Đề Đạt Ma là không có gì thay đổi. Nhưng vì sao, tên gọi này đến lúc Tổ Bồ Đề Đạt Ma đến Trung Quốc truyền Thiền mới xuất hiện? Đó là bởi vì các vị truyền giáo muốn cho phù hợp với nhận thức và văn hóa của mọi người ở nơi đây,

[20]. Daisetz Teitaro Suzuki (2015), Essays in Zen-Buddhism, 3 tập, Trúc Thiên – Tuệ Sĩ dịch, *Thiền Luận,* 3 tập, Nxb Hồng Đức, Hà Nội, tr. 16.
[21]. *Thiền Luận,* sđd, tr. 15-16.

đồng thời cũng muốn chỉ rõ được những giá trị của hai chữ "phương tiện" trong phương pháp truyền bá Chánh Pháp. Vì thế, phương pháp của Thiền, cho dù có truyền thừa đến quốc gia nào, ngôn ngữ nào, hay đối tượng nào đi chăng nữa, cũng chỉ mang một hương vị giác ngộ thuần khiết mà thôi. Do đó, Tổ Bồ Đề Đạt Ma hay các vị thiền sư sau này như: Phật Hoàng Trần Nhân Tông (1258-1308) của Việt Nam[22] và Thiền sư D. T. Suzuki của Nhật Bản, đều có sự chứng ngộ "Phật Tánh" giống nhau không khác. Từ góc độ lịch sử cho thấy, phương pháp truyền Thiền của các vị Tổ sư tuy có khác, nhưng cuối cùng vẫn nhắm thẳng vào giá trị cốt lõi mà pháp môn này đã mang lại.

Cũng có nhiều nhận định cho rằng, liệu Tổ Bồ Đề Đạt Ma, đưa ra bốn yếu chỉ của Thiền Đại Thừa như vậy, phải chăng ngài không muốn có sự liên hệ qua lại, hay những ràng buộc gì từ góc độ truyền thống và văn hóa của đất nước Trung Quốc, đã làm cản trở bước đường tu tập đối với các thiền sinh sau này? Và cũng có thể là dấu hiệu của sự đột phá trong phương pháp truyền Thiền của ngài tại Trung Quốc? Cho dù Thiền được truyền bá dưới bất cứ một hình thức nào, thì cốt tủy của Phật giáo vẫn không bị mất đi bản chất trong mỗi pháp môn tu tập. Các vị Tổ sư đã làm được như vậy, tất nhiên phương pháp ứng dụng của Thiền Đại Thừa, đã không bị ảnh hưởng bởi nhận thức và văn hóa của từng quốc gia khi Phật giáo du nhập vào. Mà thậm chí phương pháp ấy, còn vượt ra ngoài cả phạm vi trải nghiệm và đối tượng tư duy. Có như vậy, phương pháp này mới ngày càng được chỉn chu hơn và uyển chuyển hơn khi tiếp cận. Đó cũng là nhờ vào sự thay đổi nhanh chóng của Tổ Bồ Đề Đạt Ma. Sau này, trong pháp môn Thiền thường hay đề cập đến con đường tắt, mà không cần phải vòng vo

[22]. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư,* (2013), Ngô Sĩ Liên soạn, Cao Huy Giu dịch, Đào Duy Anh hiệu đính, chú giải và khảo chứng, Nxb Thời Đại, tr. 298.

làm mất nhiều thời gian nhưng chẳng gặt hái được kết quả gì như mong muốn. Miễn là sau này, bất cứ một thiền sinh nào có thể "thấy tánh", tất nhiên là thành Phật.

Yếu chỉ Thiền Đại Thừa, không bị hạn chế trong phương pháp truyền thừa, đồng thời còn phát triển thành một tông phái riêng biệt ở Trung Quốc cho đến đời của Lục Tổ Huệ Năng. Có thể nói rằng, "ngọn đèn Chánh pháp" vẫn được các vị Tổ sư truyền thừa xuyên suốt không để bị gián đoạn, mặc dù ngọn đèn ấy khi được thắp sáng ở các quốc gia khác như: Việt Nam, Triều Tiên, Hàn Quốc, Nhật Bản… cũng đều lấy ánh sáng Từ bi và Trí tuệ của đức Phật, để xóa tan màn vô minh u tối đang che khuất Phật tánh của chúng sanh.

Chẳng những thế, sau khi Thiền Đại Thừa được truyền bá đến các quốc gia này không bao lâu, đã nhanh chóng hòa nhập vào nền văn hóa bản địa và phát triển một cách rộng rãi hơn so với Thiền ở tại Ấn Độ và Trung Quốc. Cụ thể Thiền Đại Thừa tại Nhật Bản, sau khi truyền từ Trung Quốc sang, đã thâm nhập qua nhiều hình thức và đa dạng về nội dung như: Thiền và Mỹ thuật, Thiền và Nho giáo, Thiền và Võ Sĩ đạo, Thiền và Kiếm đạo, Thiền và Trà đạo, hay Thiền và Tình yêu Thiên nhiên…

Xét về hình thức, Thiền Đại Thừa sau khi được các vị Tổ sư truyền bá sang Nhật Bản và Việt Nam, đã tạo ra những bước đột phá mới không thua kém gì sự đột phá ở Trung Quốc dưới thời của Tổ Bồ Đề Đạt Ma và Lục Tổ Huệ Năng. Bằng chứng ở tại Việt Nam dưới triều đại nhà Trần, có Thiền sư Tuệ Trung Thượng Sĩ (1230-1291[23], một người cư sĩ tại gia đã giác ngộ được "Phật Tánh" của mình, nhờ phương pháp tư duy qua Thiền định. Trong các giai thoại Thiền của Tuệ Trung Thượng Sĩ, có đoạn Thiền sư Tuệ Trung Thượng Sĩ khi tranh luận về việc hành Thiền với người em gái

[23]. Nguyễn Lang (1994), *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận,* tập I, Nxb Văn Học, Hà Nội, tr. 211.

của mình là Hoàng hậu Thiên Cảm, cũng chính là Hoàng hậu đương triều:

"Anh tu Thiền mà ăn thịt cá thì làm sao mà thành Phật được? Ông cười đáp: "Phật là Phật, anh là anh; anh không cần thành Phật. Phật không cần thành anh." Em chẳng nghe cổ đức nói "Văn Thù là Văn Thù, giải thoát là giải thoát đó sao?"[24].

Xuyên qua nội dung của cuộc tranh luận về Thiền học giữa hai người, có thể giúp cho chúng ta hiểu rằng, phương pháp hành Thiền không nằm ở phạm trù của nhận thức mang tính đối đãi, mà làm thế nào để có thể nhìn thấy rõ được Phật tánh của mình mới là quan trọng. Điều này đã khiến cho mỗi người trong xã hội lúc bấy giờ, từ vua, chúa đến thứ dân, đâu đâu cũng đều có thể tiếp cận và ứng dụng pháp môn Thiền vào cuộc sống hàng ngày, với mục đích có thể làm chủ được tâm mình giữa vạn vật luôn luôn ở trạng thái vô thường và không ngừng thay đổi.

Qua đó, chúng ta một lần nữa lại khẳng định rằng, những lời Phật dạy trong kinh *Diệu Pháp Liên Hoa,* là hoàn toàn không nằm ngoài mục đích và ý nghĩa của pháp môn Thiền định. Bởi vì: *"Đức Như-Lai cũng như thế, không có hư dối, ban đầu nói ba thừa dẫn dắt chúng sanh sau rồi chỉ dùng Đại-thừa mà độ giải thoát đó"*[25]. Tuy đức Phật dùng phương tiện nói Tam thừa giáo (Thanh Văn, Duyên Giác, Phật thừa), nhưng cuối cùng ngài chỉ đem Phật thừa để nói cho các chúng sanh nghe. Ý nghĩa của Thiền Đại Thừa giống như phương tiện thiện xảo, mà trong Thiền gia luôn luôn đề cao giá trị này. Nghĩa là: *"dùng ngón tay giúp chỉ mặt trăng, sau khi thấy trăng rồi phải quên ngón tay; dùng nơm bắt cá, được cá phải quên nơm"*[26],

---

[24]. *Việt Nam Phật Giáo Sử Luận,* sđd, tr. 212.

[25]. *Kinh Diệu Pháp Liên Hoa,* Phẩm Thí Dụ thứ ba, (2000), Tan Tạng Pháp Sư Cưu Ma La Thập Hán dịch, HT. Thích Trí Tịnh Việt dịch, Nxb Tôn Giáo, Hà Nội, tr. 150.

[26]. Ý này được người viết tham khảo trong cuốn *Thiền Luận,* tập 1, sđd, tr. 14.

nếu như chúng ta cố chấp vào ngón tay và cho đó là mặt trăng, thì hỏng hết đại sự của Thiền. Cũng như một người muốn được qua sông, phải cần có thuyền hoặc bè mới có thể từ bờ bên này qua bờ bên kia được, nhưng khi qua tới bờ bên kia rồi không nên nắm giữ chiếc bè ấy nữa làm gì.

Bên cạnh đó, Thiền Đại Thừa khi truyền sang Nhật Bản, đã được thiền sư D. T. Suzuki (1870-1966) giác ngộ thiền cơ, và điều này chẳng khác nào Thiền sư Tuệ Trung Thượng Sĩ tại Việt Nam, đã giác ngộ được tâm mình thông qua phương pháp Thiền định. Mặc dù Thiền sư D. T. Suzuki của Nhật Bản, không phải là một người xuất gia thực thụ, nhưng giá trị giác ngộ nơi các pháp của Ngài, không có gì ngoài sự giác ngộ của các vị Tổ sư trước đây. Điều đáng quan tâm ở đây, không phải là vấn đề hình thức của một người xuất gia hay tại gia, mà vấn đề cần được bàn luận một cách sâu sắc, đó chính là sự giác ngộ "Phật Tánh" trong mỗi con người chúng ta. Dù rằng giữa hai vị thiền sư này, không sinh cùng thời, không sống chung một đất nước, không ảnh hưởng bởi truyền thống tư tưởng văn hóa và giáo dục, không cùng học đạo với một thầy. Nhưng cả hai thiền sư, đều đã giác ngộ được đạo lý vi diệu nơi các pháp, bằng sự trải nghiệm qua Thiền định.



Nụ cười phiếm luận

NGUYỄN VĂN THỨC

Có những nụ cười
giai nhân tuyệt sắc
say đắm lòng người
nghiêng thành đổ nước
phiền lụy nhân gian
sâu dầy nghiệp chướng

Nụ cười Di Lặc
sảng khoái hồn nhiên
không vương tạp niệm
viên mãn tự tại
xóa tan ưu phiền

Trên đỉnh Linh San
đức Phật thuyết pháp
nâng cành hoa sen
hội chúng ngơ ngác
Ca Diếp mỉm cười
nụ hoa hàm tiếu
hiển lộ chơn tâm
vô thượng bồ đề
*Phật truyền y bát**



* Đức Phật thuyết pháp trên núi Linh San, nâng cành hoa sen im lặng nhìn hội chúng, mọi người còn đang ngạc nhiên chưa hiểu chỉ có Ma Ha Ca Diếp mỉm cười như nụ hoa hàm tiếu, được đức Phật truyền thừa y bát.



TỰ BẢO VỆ MÌNH *TRƯỚC NẠN ĐẠI DỊCH COVID 19*

HUỲNH VĂN ƯU

Làn sóng dịch Covid-19 ngày càng bùng phát mạnh mẽ trên thế giới và khu vực như Campuchia, Lào, hai nước láng giềng này có chung đường biên giới biển và nhiều đường mòn lối mở với Việt Nam, nên việc kiểm soát vô cùng phức tạp. Trước tình hình khó khăn dịch Covid-19, việc bảo vệ sức khỏe cho con người là tuyệt đối tự nguyện, tự giác không lơ là, chủ quan, phải thực hiện nghiêm túc phòng chống dịch theo hướng dẫn của Bộ Y tế. Về bản thân cũng phải có cách riêng nhằm ngăn ngừa để tự bảo vệ mình, bảo vệ chúng sinh (bảo vệ cộng đồng). Đó cũng là sự chung tay, góp sức nhằm đẩy lùi đại dịch bệnh Covid-19.

Thực hiện theo chủ trương của Chính phủ, trước tình hình đại dịch diễn biến phức tạp, người dân phải ý thức tự nguyện, tự giác khi bước ra đường phải đeo khẩu trang đó là một trong số 5K cần phải nghiêm túc thực hiện; kế đến là khử khuẩn, giữ khoảng cách, không tập trung sau cùng là khai báo y tế. Hết lòng ủng hộ và thực hiện Nghị quyết Chính phủ về việc mua vaccine để tiêm phòng cho toàn dân. Bởi đây là sự quan tâm hết sức của lãnh đạo Chính phủ, đây còn là giải pháp quan trọng để chủ động chống dịch Covid-19.

Như đã nói trên Việt Nam phía Bắc giáp Trung Quốc, phía Tây Nam giáp Campuchia, Lào, đây là những nước có nhiều bệnh dịch xảy ra, nên số người muốn trốn đi nước khác là điều không tránh khỏi. Các chiến sĩ, bộ đội, dân quân ngày đêm canh giữ nơi biên cương để chúng ta có được nơi êm ấm, ở hậu phương chúng ta phải quan tâm yêu thương người tiền tuyến bằng nhiều cách, trong đó điều quan trọng nhất là không tiếp tay môi giới đưa người nước ngoài nhập cảnh vào Việt Nam với khẩu hiệu "Mạng sống hay lợi nhuận".

Về bản thân chúng ta cần phải giữ tâm thanh tịnh trước nạn đại dịch, đừng hoang mang sợ sệt thái quá mà mất đi sự chủ động phòng dịch, tâm thanh tịnh giúp ta có nhiều năng lượng, có nhiều tế bào giúp thân thể khỏe mạnh mới có cơ hội chống chọi dịch, đạt phần thắng lợi đẩy lùi dịch bệnh. Ví như thời tiết thay đổi bất thường lại có người nóng sốt, phong hàn, cảm mạo… đó là những người mất chất đề kháng chống dịch (nói theo ông bà xưa) từng dạy con cháu trước thời tiết giao mùa đừng đi mưa, về nắng. Còn nói theo tôn giáo thì tâm thanh tịnh sinh ra trí tuệ, có trí tuệ thì nhìn mọi vấn đề đều minh bạch rõ ràng không dính mắc phiền não nhiễm ô, đồng thời cũng sinh ra nhiều năng lực ứng phó trước giông bão sự thế khó lường. Còn như vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, rồi dính chặt vào lo nghĩ thì sự việc sẽ sinh ra, bởi "do tâm tương sinh" chiêu cảm mà có. Cho nên tâm thanh tịnh ở trong đạo ngoài đời đều phải đặt lên hàng đầu trong đời sống. Ví như, trước sự việc nhỏ như để quên mắt kính mà tâm không thanh tịnh thì chạy đôn chạy đáo lục tung cả nhà mà không tìm được, chi bằng tâm thanh tịnh ngồi nghĩ thì nhớ ra liền. Việc lớn như cả hai người đều sắp chết, nhưng người tâm không thanh tịnh thì nghĩ ngợi, lo sợ lung tung, sau khi chết không biết hướng đi, còn người tâm thanh tịnh, đứng trước cái chết luôn hướng về cõi Tây phương niệm Phật cầu về Cực Lạc và một lòng tin chắc chắn sẽ được Phật Di-đà hộ trì dẫn đi... Rõ ràng tâm thanh tịnh rất lợi ích lúc sống cũng như lúc chết.

Đứng trước nạn đại dịch Covid-19 mỗi người trong chúng ta đều có cái suy nghĩ riêng về nguyên nhân cũng như cách làm thế nào thoát khỏi nạn dịch. Riêng cá nhân mình cũng đã nghĩ là phải giữ gìn sức khỏe để có chất đề kháng (tế bào), tế bào mình mạnh thì dịch Covid 19 khó mà xâm nhập. Bệnh dịch đã từng xảy ra từ nhiều thế kỷ trước, ông bà ta đã có cách ngăn ngừa riêng của họ, đa phần là dịch xảy ra theo thời tiết, mùa vụ thời gian. Trước cảnh thiên tai, dịch họa nhiễu nhương, trên từ vua quan dưới đến hàng thứ dân ai nấy đều một lòng cầu khấn nạn dịch sớm bình an. Đó cũng là cách.

Năm 1503, vào lễ Tết Đoan ngọ có lễ ban quạt cầu "phúc lành, sức khỏe, bình an" với bài thơ của vua Lê Hiển Tông viết trên quạt kích thước (2,4m). Ý của bài thơ là nhà vua muốn khuyên răn văn

võ bá quan trong triều nên để ý thiên tai địch họa chăm lo đời sống nhân dân. Thiên tai dịch họa là mối lo của người đứng đầu thiên hạ. Thiết nghĩ qua đó nhằm nhắc nhở trách nhiệm, bổn phận của mỗi người trong chúng ta từ trên xuống dưới, chẳng phải riêng ai.

Vào triều Nguyễn có lễ tế Đàn Nam Giao, Giao tức là lễ tế trời đất, được khởi công xây dựng 25-3-1806, lần đầu tiên tổ chức tế lễ 27-3-1807. Sau lễ Đàn Nam Giao là Đàn Xã Tắc là vị thần quan trọng nhất trong năm vị thổ thần. Tắc là lúa duy nhất trong ngũ cốc; Xã tắc còn tượng trưng cho đất đai và Tổ quốc, ý nghĩa càng thiêng liêng những ngày lễ này cũng không nằm ngoài ý nghĩa cầu mưa thuận gió hòa, làm ăn thuận lợi, mọi việc bình an… Vào triều Minh Mạng, bệnh dịch bùng phát từ mùa thu sang mùa đông nhà vua đã lấy Bạch đậu khâu trong kho và phương thuốc chữa bệnh dịch, sai người ban cấp; Sắc cho các địa phương mỗi nơi đặt một đàn tế lễ, lại còn sai bố thí cho các nhà chùa làm đàn trai cầu đảo… Thật cảm thương tâm sự trước lời than thở của Ngài mà lấy làm quý mến kính trọng: "(Thấy nhiều người ốm chết) Trẫm lấy làm thương, Trẫm từ khi lên ngôi đến giờ, nau náu, nơm nớp, chỉ sợ chưa hợp ý trời, nay đại hạn và ôn dịch làm tai vạ, có lẽ là trời răn ta bất đức chăng"?

Với lòng mong mỏi nạn đại dịch Covid-19 sớm qua mau, gia đình tôi ngày hai thời sáng tối luôn cầu nguyện chư Phật và chư Bồ-tát mười phương Từ bi cứu khổ chúng sanh cõi Ta-bà sớm được bình an trong cuộc sống. Nói theo nhà Phật thì tất cả chúng sanh hữu tình hay vô tình đều có sự sống. Nên chăng, chúng ta thử dùng biện pháp hóa giải với dịch Covid-19 hơn là tìm cách đối đầu tiêu diệt, tiêu diệt chỉ kết oán thêm, cho nên tôi luôn tìm mọi phương cách để hóa giải. Từ ngày bệnh dịch xảy ra, mới đầu tưởng chừng vài tháng sẽ qua khỏi, nào ngờ đến nay đã hơn một năm. Dịch bệnh không giảm mà có chiều hướng phức tạp, khó lường thêm, dịch bệnh lại sinh ra nhiều biến chứng mới, lây lan diện rộng hơn, nhanh hơn.

Dịch Covid-19 xảy ra trên toàn thế giới, đây là báo hiệu sự cộng nghiệp không riêng cho nước nào, vùng nào. Như vậy, cộng nghiệp này phải có nguyên nhân chung, mà trên thế giới này nghĩ mãi chẳng thấy có cái chung nào xấu để bệnh dịch hoành hành đau khổ

như thế này. Nhớ lại những năm gần đây, trên thế giới đều quan tâm đến môi trường, và gọi nhau đừng phá hoại môi trường. Có lẽ đây là nguyên nhân không tốt, bởi môi trường bị hủy diệt tàn sát như phá rừng, chặt cây, bao nhiêu sinh vật nhỏ như, muỗi, kiến, côn trùng, chim bay, thú chạy đều không có chỗ nương tựa (vì đó cũng là chúng sinh) rồi cuộc sống nó sẽ ra sao, đó là nói về đất liền rừng rậm, còn biết bao môi trường chung quanh khác như ô nhiễm không khí, ô nhiễm nguồn nước, nạn khai thác cát, đất làm tiêu diệt biết bao sinh linh trong lòng đất, trong không khí, đó là chưa nói đến khí thải từ nhà máy, xí nghiệp, trong sinh hoạt thì đâu đâu cũng thấy hóa chất tiêu diệt chúng sinh, một dòng sông chỉ cần cho chút hóa chất xuống thì tôm cá đều chết sạch. Vì lợi dưỡng cuộc sống cá nhân mà giết hại muôn loài, những việc làm trên là nhân của nhiều đời, nhiều năm, nhiều tháng tích tụ lại mà có quả như ngày hôm nay.

Với những suy nghĩ từ cuộc sống tận đáy lòng, hàng ngày thấy nghe đâu đâu cũng có bàn tay con người phá hoại môi trường không hối tiếc, vì lối sống ích kỷ tạo nhân nay đành chịu nhận quả lụy thân. Tôi thật sự quá sợ, và đau đáu nghĩ đến tương lai, biết các nhà khoa học tài ba lỗi lạc có sớm tìm giải pháp nào cứu thế giới này không, còn biết việc gì xảy ra nữa, lành hay dữ đây! Trong khi chờ đợi không gì hơn là cầu nguyện và hóa giải mọi chướng ngại. Đó là tôn trọng môi trường, bảo vệ môi trường sống cho muôn loài. Nói theo Thủ tướng Chính phủ: "Chống dịch như chống giặc", chống giặc là chống giữa người với người, đôi khi còn hòa giải, ngồi lại bàn với nhau để tìm cách hóa giải cho đôi bên đều có lợi. Thì ở đây, ta cũng dùng cách nầy hòa giải với dịch Covid-19 bằng cách chúng ta không phá hoại môi trường mà còn bảo vệ môi trường sống của các (loài) nữa, được như vậy tin chắc mọi việc trước sau sẽ êm thấm. Ai có nhà nấy, như vậy có tốt hơn không, hai bên khỏi tốn công, tốn sức, khỏi mất thời gian, "vạn sự dĩ hòa vi quý".

- Nam-mô Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật
- Nam-mô A-di-đà Phật
- Nam-mô Đại-từ Đại-bi cứu khổ cứu nạn Quảng đại, Linh cảm Quán Thế Âm Bồ-tát.

清 掃 歌



HUỲNH VĂN MINH

疫 菌 嚴 厲 耶
人 世 怕 姑 娜
把 身 心 清 掃
危 途 轉 回 過

隔 言 無 隔 面
相 隨 念 河 沙
疫 癘 能 俱 罷
歡 笑 又 如 何

Phiên âm:

THANH TẢO CA

Dịch khuẩn nghiêm lệ da!
Nhân thế phạ cô - na.
Bả thân - tâm thanh tảo,
Nguy đồ chuyển hồi qua.

Cách ngôn vô cách diện,
Tương tùy niệm hà sa.
Dịch lệ năng câu bãi,
Hoan tiếu hựu như hà.

Diễn xuôi:

BÀI CA VỀ VIỆC GIỮ THÂN - TÂM SẠCH SẼ

Dịch khuẩn quả thực là nguy hiểm!
Người đời, ai cũng sợ vi rút cô - rô - na.
Hãy giữ thân - tâm cho thật sạch sẽ,
Thì những hiểm nguy rồi cũng vượt qua.

Nói năng giữ khoảng cách, tương ái vẫn bao la,
Trong mọi lúc giao tiếp, luôn chân niệm hà sa.
Dịch bệnh rồi đến lúc cũng sẽ hết,
Thì niềm vui khi ấy không biết là sẽ như thế nào!

Diễn vần:

Dịch khuẩn nghiêm trọng a!
Người đời sợ cô - na.
Thân - tâm giữ sạch sẽ,
Nguy đồ rồi cũng qua.

Nói năng, giữ khoảng cách,
Tương ái, tựa hà sa.
Dịch bệnh rồi cũng khỏi,
Vui sướng, biết như là…



DẤU ẤN PHẬT GIÁO TRONG DI SẢN VĂN HÓA Ở LONG AN

THS. NGUYỄN TẤN QUỐC

"Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông"
(Huyền Không)

Theo dòng chảy Nam tiến, Phật giáo là tôn giáo có mặt sớm nhất ở Long An, với tư tưởng bao dung đã dung nạp thêm các yếu tố mới bản địa, qua thời gian đã kết tụ, trở thành một phần quan trọng của di sản văn hóa ở địa phương.

Trong văn hóa tinh thần

Buổi đầu khai phá vùng đất mới gian khổ, hiểm nguy, để vượt qua khó khăn, người ta chú tâm vào tư tưởng *"Phật tại tâm"* (cứu nhân độ thế), đề cao *"tứ ân"* (ân phụ mẫu, ân quốc gia, ân tam bảo, ân chúng sinh). Tư tưởng, đạo lý ấy của Phật giáo đã tạo ra một chất keo liên kết trong cộng đồng, góp phần hun đúc nên tính cách quan niệm của con người Long An gắn bó, yêu thương và tương trợ lẫn nhau, vượt qua mọi khó khăn để sinh tồn và đứng vững trên vùng đất mà *"… chim kêu cũng sợ, cá vùng cũng kinh"*.

Phật giáo đi vào ca dao, tục ngữ rất gần gũi mà sâu sắc, là quan niệm nhân - quả: *"Ở hiền gặp lành"*, là lòng từ bi: *"Một nắm khi đói bằng một gói khi no"*, là tình yêu đôi lứa: *"Tay bưng quả nếp vô chùa, Thắp nhang lạy Phật xin bùa em đeo"*… Phật giáo phản ánh những chặng đường lịch sử của vùng đất này qua truyền thuyết

dân gian, như sự tích Chùa Thiên Mụ (xã Tân Trạch), Chùa Bà Khai (xã Long Định), Cầu Chùa (xã Mỹ Lệ), địa danh Xóm Chùa (xã Tân Lân, huyện Cần Đước), Chùa Mục Đồng (xã Long Trạch, huyện Cần Đước), sự tích ông Tăng Ngộ (xã Mỹ Lộc, huyện Cần Giuộc), chùa Kim Cang (huyện Thủ Thừa)…

Dưới ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu trong áng văn bất hủ *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc,* Phật giáo với hình ảnh ngôi chùa Tôn Thạnh, đại diện cho những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc hiện lên sáng ngời và vững chãi giữa giai đoạn đầy biến động của lịch sử dân tộc vào nửa cuối thế kỷ XIX:

Chùa Tôn Thạnh năm canh ưng đóng lạnh, tấm lòng son gửi lại bóng trăng rằm;

Đồn Lang Sa một khắc đặng trả hờn, tủi phận bạc trôi theo dòng nước đổ.

Tinh thần từ bi, bác ái, bao dung khiến cho Phật giáo chiếm giữ vai trò quan trọng trong đời sống cư dân nơi đây từ những ngày đầu, mà Trịnh Hoài Đức ghi trong sách *Gia Định thành thông chí,* mục *Phong tục chí: "… họ sùng đạo Phật…"* . Các tập tục trong dân gian hòa quyện với nghi lễ Phật giáo như: *Phật đản, Vu Lan, Cúng trăng, Rằm tháng 10, Bố thí, Phóng sanh, Ăn chay, Cúng sao giải hạn, Coi ngày tốt xấu, Hái lộc, Trai đàn, Cầu an, Cầu siêu...* cũng cho thấy điều đó.

Phật giáo khơi nguồn hình thành một số lễ hội dân gian, như Lễ hội làm chay (thị trấn Tầm Vu, huyện Châu Thành) - vốn có nguồn gốc từ lễ Trai Đàn. Trong Lễ hội Miếu Bà Ngũ Hành Long Thượng (xã Long Thượng, huyện Cần Giuộc), Đại lễ Kỳ Yên Đình Thần Tân Phước Tây (xã Tân Phước Tây, huyện Tân Trụ), ngoài các nghi lễ cúng thần bảo hộ cộng đồng..., còn có nghi thức cầu an của Phật tử địa phương. Dấu ấn đậm nét trong 3 lễ hội dân gian tiêu biểu trên cho thấy Phật giáo ảnh hưởng và có sự giao thoa với tín ngưỡng dân gian, tạo nên một sắc thái về đời sống tâm linh, về tín ngưỡng, về phong tục tập quán và các luồng văn hóa của cộng đồng địa phương Long An.

Phật giáo hòa quyện vào trong suy nghĩ, tình cảm, đi vào tâm thức của người dân, vì vậy mà hình ảnh ngôi chùa hết sức gần gũi, gắn bó và đi vào đời sống thường nhật, hòa nhập vào làng xóm, thành tên đất, tên làng, nên tên chùa được dân gian hóa, gắn liền với tên đất, tên người. Người ta có thể không biết chùa Phước Tường nhưng không ai lạ gì Chùa Đất (huyện Đức Hòa), tương tự như vậy, là Chùa Thầy Miêng (Phước Lâm Tự ở Cần Đước), chùa Núi (Linh Sơn Tự ở huyện Cần Giuộc), chùa Nổi (Cổ Sơn Tự), Chùa Bà Khai (Long Phước Tự, huyện Cần Đước), Chùa Bà Quan (huyện Đức Hòa)… Tương tự như vậy, cho nên mới có Xóm Chùa, Cầu Chùa (huyện Cần Đước)… Người ta vẫn thân quen với tên Chùa Cây Trôm (Diêu Quang Tự) gắn liền với cây trôm trên 300 năm tuổi chứng tích của lịch sử khai phá vùng đất Giồng Cai Én (thành phố Tân An). Sự thân quen đến nỗi cứ hễ nơi nào thờ phụng thì với người dân cũng đều là chùa, như: Chùa Bà Long Thượng thay vì Miếu Bà Ngũ Hành Long Thượng (huyện Cần Giuộc), Chùa Bà Thiên Hậu thay vì Thiên Hậu Miếu (huyện Thủ Thừa), Chùa Ông thay vì Miếu Quan Thánh, Chùa Ông Bổn thay vì miếu (thờ các vị thần theo văn hóa dân gian người Hoa) ở rất nhiều nơi trong tỉnh. Thậm chí, người ta gọi Thánh Thất Cao Đài là Chùa Thất, nên ở Ấp 5, xã Phước Tuy, huyện Cần Đước, người ta gọi là chùa Cao Đài, rồi định danh luôn xóm này là Xóm Chùa Thất...

Và tương tự như vậy, còn rất nhiều, nhiều nữa thật khó mà thống kê hết được, nhưng tất cả là đằng sau đó phản ánh sinh động sự đồng hành, gắn bó và hòa quyện của Phật giáo trong quá trình khai cơ, lập nghiệp xây dựng và bảo vệ quê hương của biết bao thế hệ trong dòng chảy lịch sử, văn hóa dân tộc.

Trong văn hóa vật chất

Toàn tỉnh Long An hiện có 9 ngôi chùa được xếp hạng Di tích Lịch sử - Văn hóa, trong đó có 3 Di tích cấp quốc gia là Chùa Tôn Thạnh (xã Mỹ Lộc), Chùa Núi (tức Linh Sơn Tự, xã Đông Thạnh, huyện Cần Giuộc), Chùa Phước Lâm (xã Tân Lân, huyện Cần

Đước); 6 Di tích cấp tỉnh là Chùa Thạnh Hòa (xã Đông Thạnh), Chùa Thới Bình (xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc), Chùa Linh Nguyên (xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa), Cụm Di tích Chùa Ông và Đình thần Nhựt Tảo (xã An Nhựt Tân, huyện Tân Trụ), Chùa Kim Cang (xã Bình Thạnh, huyện Thủ Thừa), Chùa Nổi (tức Cổ Sơn Tự, xã Tuyên Bình, huyện Vĩnh Hưng).

Kiến trúc chùa ở Long An tương đối đa dạng, song phổ biến nhất là kiểu hình chữ tam (三) với kết cấu chính điện và các gian theo kiểu thức tứ trụ điển hình của kiến trúc đình, chùa Nam Bộ vào thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Đặc biệt, Chùa Phước Lâm được tạo tác bởi bàn tay tài hoa của nghệ nhân chạm gỗ cánh họ Đinh ở Cần Đước được giới nghiên cứu đánh giá là *"... tiêu biểu cho hình ảnh một ngôi chùa cổ ở Nam Bộ…"*. Bên trong chùa là hệ thống bao lam, hoành phi, câu đối, mộc bản, tượng Phật, chuông đồng và các tác phẩm điêu khắc khác,... có giá trị nghệ thuật và tư liệu về lịch sử - văn hóa Phật giáo, cổ văn Hán tự…, được bố trí hài hòa trong không gian kiến trúc truyền thống đậm nét văn hóa Phật giáo Nam Bộ. Tiêu biểu như tượng Lo Đời ở Chùa Phước Lâm - một tác phẩm "biến thể" độc đáo thể hiện sự sáng tạo và tư tưởng nhập thế mang yếu tố dị biệt địa phương mà chưa thấy ở nơi khác. Chùa Tôn Thạnh còn lưu giữ pho tượng đồng Địa Tạng Vương Bồ Tát do Thiền sư Viên Ngộ đúc vào khoảng năm 1813, tượng A Di Đà bằng đất nung có niên đại đầu thế kỷ XIX, tượng Tiêu Diện và Đại hồng chung thế kỷ XIX, mộc bản *Bảng Lưu Ký* của Tri huyện Phước Lộc Võ Văn Kiết viết về tiểu sử sư Tăng Ngộ. Chùa Kim Cang còn lưu giữ nguyên vẹn 299 mộc bản chữ Hán được tạo tác rất sắc sảo để khắc các loại kinh Phật như *Kim Cang, Bát Nhã, Ba La Mật Kinh, Tân San Bổ chính yếu đại đoàn*…, chứng tích đây là ngôi Tổ đình của dòng Lâm Tế, Thiền phái Liễu Quán, xưa kia là trung tâm Phật giáo của đất Gia Định, in ấn phát hành kinh sách Phật giáo, đào tạo tăng tài ở Long An và Nam Bộ. Chùa Thiên Mụ (Cần Đước) còn lưu giữ những hiện vật có giá trị tư liệu lịch sử liên quan đến vua Gia Long thời còn tiềm đế, như phổ đà, trống sấm,

mõ, câu đối... là chứng tích của một trong những ngôi chùa Phật có mặt sớm nhất ở miền Nam (1790)...

Phát hiện khảo cổ học tại Di tích Bình Tả (huyện Đức Hòa) với sưu tập hiện vật vàng gồm: những mảnh vàng lá hình chữ nhật, tứ giác, ngũ giác, lục giác chạm hình những linh vật như rùa, rắn, voi, hình người, hoa sen, chiếc nhẫn và mề đay nạm đá quý và một bản minh văn Sanskrit-Pali gồm 5 dòng có nội dung Phật giáo (Pháp Thân Kệ và Kinh Pháp Cú) và thần chú Mật tông, cùng với các kiến trúc tôn giáo Phật giáo, bắt nguồn từ Ấn Độ là những chứng tích văn hóa Phật giáo cho biết nơi đây trung tâm chính trị - quyền lực - tôn giáo của người xưa có niên đại 1.588 - 65 năm cách ngày nay. Sưu tập hiện vật khảo cổ đậm giá trị văn hóa Phật giáo này đã được công nhận là bảo vật quốc gia và từng có mặt trong cuộc trưng bày đầu tiên về nghệ thuật cổ và truyền thống của Việt Nam được tổ chức tại Houston và New York (Hoa Kỳ) năm 2010.

Do điều kiện tiếp cận, nghiên cứu và khuôn khổ của bài viết, những gì nêu trên đây là rất khiêm tốn, chưa thể nào nói lên hết giá trị, vị trí vốn có của Phật giáo trong di sản văn hóa ở Long An.

*

* *

Không chỉ để lại dấu ấn trên bình diện văn hóa mà với tư tưởng nhập thế mạnh mẽ, Phật giáo ở Long An luôn đồng hành cùng dân tộc, đóng góp lớn lao vào sự nghiệp yêu nước chống ngoại xâm mà áng văn bất hủ *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* của nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu ra đời ở chùa Tôn Thạnh như là tiếng chuông khởi nguồn cho truyền thống. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân, đế quốc, nhiều chùa chiền, tăng ni, Phật tử đã trở thành những cơ sở cách mạng, đóng góp quan trọng vào thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc. Đóng góp của Phật giáo ở Long An trong tiến trình lịch sử - văn hóa của đất Nam Bộ và của cả nước góp phần làm sáng ngời tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: *"Nước có độc lập thì đạo Phật mới dễ mở mang. Đối với con người Việt Nam, Phật giáo đã đóng góp phần hoàn thiện đạo đức cá nhân, lành*

mạnh hóa quan hệ xã hội, hình thành phong cách, lối sống thuần hậu bao dung. Có thể nói, thái độ ứng xử và giá trị tư tưởng, triết lý của Phật giáo đã hòa quyện với truyền thống văn hóa dân tộc, trở thành di sản, bản sắc quý báu của dân tộc Việt Nam"./.

Vài hình ảnh về Di tích khảo cổ học Bình Tả và Sưu tập hiện vật được công nhận bảo vật quốc gia (Bảo tàng Long An).



Khung cửa đá - di tích Gò Xoài.



Hố thờ - di tích Gò Xoài (1987).



Những lá vàng chạm hình voi.



Lá vàng chạm hình bông sen.



Bản minh văn Gò Xoài.

MẸ là người phụ nữ tuyệt vời nhất

NGUYỄN THANH VŨ

Sắp đến ngày giỗ mẹ, ba ở quê gọi lên hỏi: "Năm nay, con thu xếp về được không để ba tính?". Ba hỏi thế chứ ba biết chắc là tôi trả lời "có". Dửng dưng sao được khi đó là giỗ của đấng sinh thành. Dù bận công việc cách mấy tôi cũng xin phép để về bên cha già làm bữa cơm giỗ mẹ.

Không phải lễ tết hay sự kiện gì, nhưng cứ nghĩ đến việc về quê là lòng tôi nao nao một cảm xúc khó tả. Suốt chuyến hành trình dài, ngồi trong xe, tôi cứ nghĩ về điều đó. Dù sau một ngày làm ca đêm uể oải, nhưng sao tôi vẫn không thể nào chợp mắt được. Tôi nhớ cha già, cả nhớ mẹ trong trí tưởng tượng trẻ con của tôi. Lòng nôn nóng trông cho chuyến xe nhanh chóng xịch đỗ chỉ để chạy vào nhà và ôm chầm lấy cha. Thật ra, tôi không phải là kẻ thờ ơ, bất hiếu, bỏ mặc cha già một mình nơi quê nhà. Tôi lưu lạc chốn phồn hoa cũng vì muốn kinh tế gia đình khá hơn, có tiền lo cho cha an hưởng tuổi xế chiều. Nhà nghèo, lại thiếu nợ, nợ chồng nợ, vì chuyện kinh doanh của cha thất bại. Cha buông. Mẹ cũng vì thế mà lo rầu, bệnh tật rồi ra đi. "Làm sao để trả nợ cho cha ở cái quê nghèo khó này?", câu hỏi ấy đã buộc tôi phải ra đi. Mưu sinh ở xứ người không dễ, nhưng biết dành dụm thì cũng có dư. Vì lẽ đó mà tôi đã trả nợ cho cha mình cũng gần hết. Và tôi luôn cố gắng từng ngày để xóa sổ những món nợ ngày xưa mà về phụng dưỡng cha già. Nhiều đứa bạn bảo: "Sao mày không giật cho rồi. Trả quá vốn quá lời bao nhiêu năm qua rồi còn gì". Thật ra, tôi cũng có xin chủ nợ nhưng họ không đồng ý. Chịu thôi. Nợ thì trả cho xong

để nhẹ lòng cha, mà nơi phương xa mẹ cũng mãn nguyện.

Rồi xe cũng xịch đỗ trước cửa. Cha nheo mắt trông ra. Bỏ mặc các túi đồ, tôi chạy vào nhà ôm lấy cha như chưa từng được gặp. Hai cha con trò chuyện giây lát thì cha bỏ đi làm cơm. Cha bảo: "Bàn thờ mẹ bây bụi bặm nhiều quá nhưng cha không dám bắc ghế lên leo. Con lau giùm cha cho sạch để mai cúng giỗ". Cha không nhắc thì tôi cũng phải làm việc đó. Tôi nhớ mẹ và muốn ngắm nhìn di ảnh với nụ cười hồn hậu, nhân từ của bà. Lớp bụi dày minh chứng cho việc thời gian trôi đi nhanh quá. Mới đó thôi đã thêm một cái giỗ nữa rồi. Đời người thật ngắn ngủi. Trăm năm chắc có vẹn tròn? Nghĩ về mẹ, rồi nhìn về cha, tôi lại sợ. Một nỗi sợ mơ hồ.

Tối, tôi thức mãi đến tận khuya mà không sao ngủ được. Cha đã đi ngủ sớm để mai ra chợ mua đồ làm mâm cơm giỗ mẹ. Riêng tôi, cứ nằm đưa võng cùng tập album ảnh của mẹ thời con gái. Cũng chiếc võng này, mẹ đã đưa tôi ngủ ngay từ lúc còn tấm bé. Và trong buổi tối này, tôi dường như đang sống lại không gian đó. Ba thường nhắc, hồi đó, những lần tôi khó ngủ là mẹ phải cực thân bế tôi ra võng đưa suốt đêm. Qua lời ru ngọt ngào và sự dỗ dành trìu mến, tôi mới chìm vào giấc ngủ sâu. Chắc cũng vì thế mà tôi quen hơi mẹ, quen cánh võng đong đưa. Lên cấp II mà tôi vẫn còn bắt mẹ phải đưa võng cho tôi ngủ. Lúc mẹ bệnh, hai mẹ con vẫn nằm chung. Thực ra, không phải tôi giành võng với mẹ, với người bệnh héo hon, mà mẹ muốn tôi nằm chung để tìm chỗ dựa tinh thần. Rồi mẹ ra đi, cũng trên cánh võng này... Nghĩ đến, mắt tôi lại đỏ hoe, những giọt nước nóng hổi lăn dài trên má.

Từng trang ký ức về mẹ dường tôi đã đọc đi đọc lại nhiều lần, nhưng mỗi lần nhớ lại có một cảm xúc khác nhau không tả xiết. Là bởi, mẹ đối với tôi, hay với bất kỳ đứa con nào trên khắp thế gian này, luôn là người phụ nữ tuyệt vời nhất.





ĐẠO PHẬT NÓI GÌ VỀ *Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG?*

(Phát biểu trực tuyến của Cư sĩ Tuệ Lạc, Pháp quốc)

TUỆ LẠC

Trước tiên, chúng tôi yêu cầu quý vị hãy ấn định lại 2 "chi đề":

- ***"Ô nhiễm môi trường"*** và
- ***"Đạo Phật nói gì về thực trạng ấy"***.

* Ngày nay, đề cập đến "Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG" là báo động SỰ SỐNG CHỨA ĐẦY NGUYÊN NHÂN ĐỘC HẠI, hay KẾT QUẢ XẤU của thực tại "y tế nguy hiểm". Nghĩa là trình bày cái giai đoạn *"tuy văn minh nhưng có nhiều bệnh hoạn rình rập"!*

* Còn bàn về "ĐẠO PHẬT NÓI GÌ TRƯỚC THỰC TRẠNG ẤY" là chân thành chỉ ra các *nguyên nhân GẦN lẫn XA* của sự ***ô nhiễm cuộc sống***, tìm thấy trong giáo lý nhà Phật.

<> *Chi đề thứ nhất,* đang được một số lớn trí thức trong xã hội "tân tiến" phân tích và luận giải. Đề tài này cần đến những thống

kê chính xác hay gần đúng, của những chuyên gia nghiên cứu sinh thái trên toàn thế giới, để báo động và tạm thời giải quyết trên nguyên tắc (hình thức), những thực tế ô nhiễm đang đe dọa sự sống. Chúng ta có thể theo dõi và biết được các mức độ ô nhiễm (thay đổi từng ngày), qua các nguồn báo chí, phát thanh, hay truyền hình, để tùy nghi nhận xét.

<> *Chi đề thứ hai,* cần những giáo lý của bậc Giác Ngộ, để KHUYẾN THIỆN, giải quyết về mặt nội dung, những ***nguyên nhân sâu xa***, đưa đến tình trạng ô-nhiễm.

- Hôm nay chúng tôi xin cống hiến đến quý vị buổi nói chuyện này, trong tinh thần của chi đề thứ II.

Sau đây là "cái sườn" trình bày những điểm chính.

A- Vào bài

- Định nghĩa 3 nhóm từ:

"ĐẠO PHẬT", "Ô NHIỄM", "MÔI TRƯỜNG", như sau:

- ***Đạo Phật*** là "con đường" hay "nếp sống trong sạch, tỉnh thức", hướng đến Giác Ngộ (biết được nguyên nhân *thật*). Chữ "Phật" (Buddha) có thể dịch là *Giác Giả*, tức là bậc biết đúng thực tại lẫn phi thực tại, hay bậc không vướng chấp, mắc dính thực tại, bậc *toàn xả* (upekkha upaparami) thanh tịnh vượt qua mọi thực tại, dù thuận hay nghịch. Còn theo quan niệm thông thường, thì *"Đạo Phật là tôn giáo do Đức Phật lập ra"*.

- ***Ô nhiễm*** là tình trạng tinh thần và vật chất bị "biến hóa", xuống cấp một cách suy đồi, theo thực tại xấu.

- ***Môi trường*** là toàn bộ cảnh sống, vừa đa dạng vừa *tùy thuộc* và *không tùy thuộc* lẫn nhau.

B- Thân bài

Nội dung nêu một số gợi ý về *Sống Trung Đạo*:

* ***Sống trung đạo*** là sống trong *phạm hạnh thuần thục,* thanh tịnh và tích cực của bậc Giác Ngộ. Ấy là sống tiến hóa, lành mạnh, sáng suốt, biết rõ khung cảnh sống, hay MÔI TRƯỜNG đó *sạch*

xen kẽ với dơ như thế nào, mà tri thức con người không bị khung cảnh ấy lôi kéo, lung lạc, ràng buộc, hay cầm tù.

* Phật giáo gọi chung tất cả các MÔI TRƯỜNG là DUYÊN (paccaya). Trong Phật giáo, ***DUYÊN*** đóng một vai trò tối quan trọng. NÓ là cái "thông số" (paramètre) muôn đời, không thể thiếu để xác nhận mọi liên hệ giữa *hành động* và *kết thành* của 2 chiều sinh hoạt (vận hành=sankhara), gọi là NHÂN và QUẢ. Nó thường xuyên hoán vị nhau, tạo ra những *hỗn hợp chu kỳ* (samsara) trong một cảnh giới.

* Khi ý thức rõ cái DUYÊN hay thực trạng MÔI TRƯỜNG như thế, con người (nếu giác ngộ) sẽ hết thắc mắc trước ***sự sai biệt*** giữa nhân quả ba thời, tạm gọi là *nghiệp quá khứ, nghiệp hiện tại,* lẫn *nghiệp vị lai,* vốn liên quan chặt chẽ với MÔI TRƯỜNG SỐNG (hay cảnh giới). Trong trường hợp này, chúng ta có thể gọi DUYÊN là "hệ thành tố", đã được "nhân cách hóa" hay *"quyền lực hóa",* để đóng vai trò *"Thượng đế"*.

* Các nhà nghiên cứu môi trường, hay "sinh thái học" (Écologiste) chỉ mới báo động trong khoảng năm bảy chục năm gần đây, về sự ô nhiễm môi trường, có thể làm *tiêu diệt dần dần,* hay *tiêu diệt hàng loạt* các sinh vật sống trên quả đất.

* Đầu tiên phải kể là từ xưa, môi trường nhân loại đã bị ô nhiễm vì chậm tiến (ngu dân, thiếu vệ sinh). Rồi khi có "văn minh", nó bị ô nhiễm vì phóng xạ chất nổ, đối với loài người và đối với mọi động vật, lẫn thực vật trên địa cầu. Hiện tại là bị ô nhiễm vì hóa học, và từ trường không khí luôn luôn bị rối loạn.

* Nhưng đức Phật đã nói ra điều này dưới một dạng khác, cách nay non 2.600 năm. Phật vẫn xem sự làm ô nhiễm môi trường, là *"SỐNG VÔ PHÁP"* (adhamma) hay *"sống phản sinh hệ"*. Nhóm từ *"sống vô pháp"* hay *"sống phản sinh hệ"* có ý nghĩa tương đương với *"SỐNG BẤT THIỆN PHÁP"* (akusala dhammà).

- Tiếng Pali gọi *PHÁP thuận với sinh tồn* là ***"dhamma"***, còn *PHÁP nghịch với sinh tồn* là ***"adhamma"***.

* Và theo các tôn giáo khác, thì quả đất (hay môi trường) này do

một đấng "Toàn Năng" tạo ra. "Đấng Toàn Năng" đó, tự Ngài đã có cách "giải quyết sự ô nhiễm", trên "tác phẩm" của mình. Chẳng hạn như trong kinh sách của các tôn giáo ấy, chúng ta thường thấy một số đoạn nói về "ngày tận thế" như…. là "giải pháp" (?!)

* Nhưng Đức Phật thì khám phá MỘT SỰ THẬT (Sacca) hoàn toàn khác. Ngài thuyết minh rằng *"quả đất mà chúng ta đang sống, vốn do NGHIỆP (kamma) và TÂM THỨC Ô TRƯỢC (akusala vinnana) của chúng sanh gây ra"*. Do đó, chính chúng sanh phải tự thanh lọc thân tâm, và "tự sửa chữa bất thiện nghiệp", để giải quyết ô nhiễm.

* *Thanh lọc thân tâm* và *sửa đổi bất thiện nghiệp* chính là thường xuyên "tu hành" bằng thân, bằng khẩu, và bằng ý, mà chúng ta đã thường nghe và cũng từng muốn làm.

* Hai chữ TU HÀNH thực ra chẳng mới mẻ gì. Chúng thường ám chỉ một số *hành động phổ thông* mà ai cũng từng nghe nói. Đại khái như ăn chay, niệm Phật, đi chùa, cúng bái, và tùy khả năng làm việc thiện, nhất là không nên coi thường Thần, Thánh, Phật, Trời…

* Nhưng xuyên qua "chi đề" này, chúng tôi hôm nay không phải chỉ giản dị nhắc lại "hai chữ TU HÀNH có hình thức" như vừa nói trên đây, mà là để chúng ta cùng nhau tham khảo sâu hơn, vào nội dung 2 chữ "tu hành", một cách hữu hiệu, hay thảo luận sát với chủ đề "LÀM SAO HÓA GIẢI ĐƯỢC Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG, không phải chỉ trên phương diện vật chất, mà còn cả trên phương diện tinh thần (mana), tâm thức".

* Vấn đề Ô NHIỄM là một thực trạng, đang mỗi ngày một trở thành trầm trọng, rõ rệt, và đe dọa hẳn đời sống bình thường của con người, từ địa phương đến quốc gia, từ châu lục đến toàn cầu.

* Quả thật, hiếm ai có thể nghĩ rằng, sự vất bỏ đồ phế thải, dơ dáy, độc địa… trên mặt đất, vào trong nước (khắp sông biển, ao, hồ) hay trong không khí… và không ngừng khai thác tài nguyên thiên nhiên, tận dụng nhân lực một cách bất kể, vượt quá giới hạn… là một hành động ***phản sinh hệ*** *(adhammà)*, hay *phản văn hóa* trong đạo Phật.

* Đọc kinh, chúng ta tuy không thấy Đức Phật cảnh cáo, hay trực tiếp nêu ra những phương pháp bảo vệ môi trường. Và chúng ta cũng không thấy Ngài "phê phán gắt gao" hành động làm ô nhiễm khung cảnh sống, trong đó chứa vô số chúng sanh, *người gây ô nhiễm sẽ nhận quả xấu như thế nào*. Nhưng chúng ta biết rất rõ rằng, Đức Phật trong suốt 45 năm giáo hóa, độ đời, cho chí giờ nhập diệt, Ngài đã không ngừng nhấn mạnh ***căn nguyên*** (hetu) của suy đồi con người, là tâm thức đã ***"ô nhiễm"*** bởi THAM, SÂN, SI.

* Mặt khác, khi chúng ta đọc kỹ các phần luật nói về trú sở, vật dụng, sinh hoạt hằng ngày của các tăng sĩ (đệ tử xuất gia thuộc nhà Phật), ngụ tại tự viện hay giữa rừng sâu, chúng ta mới thấy được những điều khuyên ấy của Đức Phật, chứa đầy ý nghĩa *TU là phải giữ sạch môi trường tinh thần, cũng như môi trường vật chất!*

* Từ đó suy ra, sinh hoạt của các hàng tu Phật tại gia cũng nằm trong chiều hướng này. Nếu có khác với các hàng xuất gia, thì đó chỉ là sự giản dị hóa, vì người cư sĩ giữ phạm hạnh còn phải sống chung với xã hội, gồm nhiều loại người, bất đồng sinh kế.

* Theo Phật giáo, trong tất cả tình trạng ô nhiễm, thì ***ô nhiễm tinh thần*** là *nguồn gốc* của tất cả các ô nhiễm khác. Và ngoài *"kỷ luật vật chất"* để giữ cho THÂN và KHẨU (miệng) ít tạo xung đột xã hội, thì *"kỷ luật tinh thần"* hay THIỀN PHÁP (bhavana) chính là *"kỷ luật tâm linh"*, giúp thanh lọc tâm tánh, làm cho "nó" ít (hay khỏi) bị ô nhiễm bởi các *pháp thế tục*, nói rõ ra là bởi ***tham sân si***.

* Nếu THAM SÂN SI có thể làm cho tinh thần ô nhiễm, suy đồi như thế nào, thì *tinh thần sau khi đã bị ô nhiễm* bởi các thứ ấy, cũng có thể làm cho đời sống vật chất hay MÔI TRƯỜNG (đặc biệt là thân thể những kẻ luôn luôn hướng về ngũ dục, không thấy cái hại trong tương lai), cũng bị ô nhiễm… như thế ấy!

Nghĩa là nếu cá nhân và xã hội bị ô nhiễm thói quen, một cách phản tiến hóa, phản sinh hệ, thì sẽ làm đen tối cảnh sống!

* Tuy nhiên, là người tin Phật, chúng ta cũng luôn luôn cố gắng hành động theo TRUNG ĐẠO. Chúng ta không thể cực đoan, phủ

nhận hết các tiện ích thực tế của khoa học. Vì đó là thành quả do trí tuệ mang lại. Nhưng khi xét kỹ, chúng ta thấy, sự *suy đồi* bởi tham, sân, si lôi kéo… không nhất thiết "chỉ vì sự hấp dẫn" của phát minh khoa học, mà còn vì tật ***"dính mắc"*** vào *đời sống*, dù cho vẫn rất lạc hậu, hay chậm tiến.

Tức là, ô nhiễm không phải luôn luôn quy "trách nhiệm" về khoa học, mà rõ ràng là cũng do tình trạng LẠC HẬU, *phản khoa học* nữa!

* Như vậy, những phát minh khoa học không phải là *"thủ phạm duy nhất"*, làm ô nhiễm tinh thần, mà *yếu tố chính* làm ô nhiễm tinh thần, là *"TÍNH ÍCH KỶ"* nơi mỗi con người, đã bao kiếp dính mắc vào sự say mê hưởng thụ ngoại trần, dù lúc đó CHƯA có phát minh khoa học tân tiến nào cả, đồng thời cùng với ảnh hưởng bao trùm thường xuyên của 3 nhân bất thiện THAM SÂN SI.

Hoa trái của khoa học tân tiến ngày nay chỉ mới đến với loài người trong khoảng non hai thế kỷ qua thôi!

* Công tâm mà nói, phát minh khoa học tự nó thì *vô thưởng vô phạt,* nhưng xuyên qua ***dụng tâm*** sử dụng của con người, nó đã trở thành *khác hẳn*, nếu không muốn nói là *"nguy hiểm"*. Chúng ta có thể xem Phát minh khoa học khi BỊ SỬ DỤNG bởi loài người đầy tham-sân-si, như con dao hai lưỡi: *Tích cực* và *Tiêu cực* như thế nào.

* Phía TÍCH CỰC, sự "sắc bén" của con dao hai lưỡi ấy, quả thực không thể phủ nhận, chúng ta có thể kể ra một số tiện ích cụ thể là:

- Về văn minh vật lý (cơ khí nhẹ hay nặng) có thể vận dụng dễ dàng nhiều trọng lượng khổng lồ, mà sức con người và gia súc xưa nay không thể làm được, nhất là trong việc xây dựng nhà cửa, cầu đường, và vận tải giữa không gian, dưới nước, trên bờ.

- Về văn minh hóa chất, đa số giúp ngành canh nông có kết quả nhanh chóng, thu lợi nhiều hơn ý muốn. Nó có thể chế tạo hàng hóa, tân trang vật dụng, giảm thiểu hư hỏng trải qua một thời gian tương đối dài. Đây là phương diện hữu dụng thường xuyên trong đời sống, thiên về sản xuất và tiêu thụ hằng ngày.

- Về văn minh năng lượng ở cấp bực vĩ mô, như khi được *"cọ xát thoát nhiệt"* nguyên tử có thể biến thành điện năng siêu đẳng, đa dạng (thắp sáng nhiều màu), hay "quang tuyến tàng hình", để sử dụng trong nhiều lãnh vực, nhất là y khoa (nội soi), và dùng tia sáng thám hiểm *"không gian kín, không gian hở, và vô tận lẫn viễn ly"*, v.v.

* Về phía TIÊU CỰC, *phản dụng rõ ràng* của văn minh khoa học cũng ngược lại là nguy hiểm không kém. Lắm khi các tác hại của nó (khoa học), xem ra còn hơn hẳn mặt tiện dụng là đàng khác. Thử nêu:

- Kỹ nghệ nặng (vật lý) thì gây nhiều tiếng động "siêu tần số", xáo trộn tĩnh trường (champ statique), vốn rất cần thiết cho sức khỏe hệ thống thần kinh. Tiếng động hằng làm căng thẳng não bộ, gây náo loạn, và mất quân bình tâm lý. Sóng tiếng động (hay âm ba) là một loại áp lực bất lành, tương đương với sóng điện làm què quặt sinh thái, và rất nguy hiểm. Cả hai tình trạng vừa nêu, dĩ nhiên là vô hình. Người bình dân không thể nào biết được mà tránh.

- Còn hóa chất thì đa dụng, nếu kể lợi điểm của nó là giúp canh tác thu hoạch cao, là bảo trì cho vật chất tốt, là làm cho thực phẩm *"biến hóa chậm"*, lâu hư, v.v... nhưng sau khi hấp thụ hoa màu vào bụng, thân thể con người sẽ tàng chứa nhiều mầm bệnh bất thường, khó trị, như suy nhược "hót-môn" hay ung thư chẳng hạn.

- Riêng nhiệt năng mới nhất do khoa học tìm ra, thì về mặt vĩ mô có thể chuyển động máy móc hạng nặng, cơ khí hay điện tử cực kỳ tối tân, phức tạp, và tạo nên ánh sáng cực mạnh (siêu quang), nhằm thực hiện những thí nghiệm thần kỳ. Những năng lượng này lại có đặc tính *đốt cháy vật chất* tận đơn vị cơ bản (như hạch tâm), và được gọi là "phóng xạ". Nó hằng hủy diệt mọi mạch sống hữu cơ (từ sơ cấu), và làm rối loạn từ trường.

* Ngoài ra, theo Phật giáo *ô nhiễm tinh thần* và *ô nhiễm vật chất,* vốn là hai mặt của một ***tập khí*** hay ***tập ấm*** (uẩn=khandha), để tạo "vật liệu" cơ bản cho các "hệ sinh diệt luân hồi", rồi từ đó NGHIỆP tái sinh xoay vần mới bắt đầu hoạt động. Hai mặt cơ bản

ấy hằng tương tác, xây dựng *bộ máy nghiệp quả* thăng trầm một cách liên tục.

* Hiện tượng ***"đồng tánh khí"*** của một số người, vốn đến từ "mẫu số chung" của *môi trường sống* trong quá khứ, để "họ" phải tái sinh vào một *môi trường hiện tại giống nhau (cộng nghiệp), ít hay nhiều ô nhiễm.* Nghĩa là trên mặt đất này, cũng có những nơi ô nhiễm tinh thần lẫn vật chất ***nhẹ hơn***. Và đó sẽ là cảnh giới (tái sinh) của một số sinh linh có *tập khí* ô nhiễm ít nghiêm trọng, một cách tương xứng.

* Đối với Phật giáo, nhóm từ ***"ô nhiễm môi trường"***, ngoài cái nghĩa là "khung cảnh sống bị thấm độc", còn có nghĩa là ***xã hội thiếu đạo đức, thiếu trật tự… thiếu quân bình tinh thần***.

* Trong 32 tướng tốt của Đức Phật, đã có một *"hiện tượng quý"* là bàn chân của Ngài (hay nói chung là *làn da bao toàn thân Phật*), không có tật hút ngoại trần, và không bị bụi bám như phàm nhân, dù cho Ngài đi giữa vùng khói đất, hay lội trong vũng bùn. - VÔ NHIỄM.

- Hiện tượng độc đáo này có thể làm cho chúng ta hoàn toàn ngạc nhiên, cho là vô lý chăng? Nhưng trên phương diện tiến hóa, nó chỉ nói lên cái *quả phúc*, rằng trong vô lượng kiếp sống…trước khi thành Phật, Ngài đã *giảm thiểu và chấm dứt tạo ô nhiễm môi trường,* trên cả hai phương diện tinh thần và vật chất.

Nghĩa là các chất dơ không thể tác động nơi một con người, đã từ nhiều kiếp luân hồi luôn luôn có tâm linh cao thượng, tinh khiết! *Khi tinh thần trong sạch thì thân thể không bao giờ bị thúc đẩy để làm ô uế môi trường,* dưới bất cứ hình thức nào.

* Còn "chủ trương" của Phật giáo, trong trường hợp chế tài, hay trừng phạt những cá nhân vung vãi các vật phế thải dơ dáy, độc địa khắp nơi, tuy vẫn cần thiết tương đương với tôn trọng luật vệ sinh quốc gia. Nhưng *tận gốc hơn nữa*, là đạo Phật đề nghị phải hướng dẫn quần chúng ý thức, và làm theo Phật ngôn giữ sạch môi trường, để từ đó tâm linh họ được lành mạnh, tích cực trong việc giải trừ ô nhiễm do THAM, SÂN, SI gây ra… mới là thiết yếu.

* Với tính tự giác trong từng con người, nếu mỗi cá nhân thường xuyên nghĩ rằng *"giữ sạch môi trường là duy trì pháp tiến hóa nơi mình",* thì nó sẽ làm cho khung cảnh sống của cá nhân lẫn cộng đồng được sạch sẽ trong chiều sâu, để lành mạnh hóa và bảo tồn sinh thái lâu dài trên bề mặt, chứ không phải chỉ dụng tâm tẩy màu (nhuộm trắng), làm đẹp hình thức giả tạo một thời gian ngắn, như cái "mốt", vốn chạy theo thị hiếu!

* Như trên đã gián tiếp trình bày, *"MÔI TRƯỜNG (hay cảnh giới) chính là ngoại duyên cần thiết luôn luôn có hai mặt TỐT (sạch) và XẤU (dơ), để con người nói riêng, cũng như động vật nói chung sống tiến hóa, hay thoái hóa".*

Dù cho môi trường đang bị một ***thiểu số*** làm ô nhiễm, nhưng ***đa số*** trong xã hội có tinh thần lành mạnh, sáng suốt, quyết tâm giữ sạch khung cảnh sống, thì *Phật ngôn chỉ ra cách thăng hoa cuộc sống cho cả thân lẫn tâm, sẽ có cơ được thực hiện.*

Khi cảnh sống sạch sẽ, trong lành… thì kết quả tích cực đó còn làm cho "thiểu số vô ý thức" được thuyết phục, cải hóa, bắt chước hướng thiện, như một "kỳ diệu" của HIỆU LỰC dân chủ!

- Trường hợp, nếu ***đa số*** vô ý thức, ích kỷ, không ngừng vì mình mà tung ô nhiễm ra môi trường, và chỉ có một ***thiểu số*** với tinh thần lành mạnh, *dù chưa khuyến thiện được phần đông,* thì họ tuy đang sống trong môi trường suy đồi, nhưng nhờ quả lành, họ cũng ít nhiễm độc hơn những kẻ ích kỷ, tối tăm, lầm lạc. Nói theo khía cạnh *"tâm quả học"* (vipaka sankhara) trong Phật giáo!

<> Theo nhà Phật, loài người vốn có *căn cơ và phúc duyên bất đồng, n*ên trên thực tế, có những đại nhân đầy đủ tài đức, đang nắm giữ nhiều quyền lực quốc gia, như ở địa vị tổng thống (hay chủ tịch nước) chẳng hạn. Nhân vật này nếu biết dùng uy lực của mình, để *áp đặt thiện pháp* lên những quần chúng lầm lạc, mê muội, hướng dẫn họ từ chỗ tối ra nơi sáng, thì sự ô nhiễm khung cảnh sống, vật chất lẫn tinh thần, sẽ được dần dần cải thiện, hóa giải. Tiêu biểu là Hoàng đế A-Dục (Asoka) ngày xưa, trong lịch sử Phật giáo.

C- Kết luận

GỢI Ý và PHÁP HÀNH:

<> Chúng tôi nêu ra phần ***"Đạo Phật và ô nhiễm môi trường"*** ở đây, là nhắm vào *ô nhiễm tinh thần,* hôm nay cần được xem là một chủ đề thuần túy pháp thoại, hướng đến *nhiệt tâm đóng góp,* và *đa nguyên khuyến thiện.* Nó không thuộc loại có "triết học xã hội", hay có "tiêu chuẩn công lý", nên phần ***thân đề*** (khai triển nội dung) và phần ***kết luận*** (tóm tắt các điểm chính), xin được thay thế bằng hai đoạn "GỢI Ý" và "PHÁP HÀNH".

Như chúng tôi đã trình bày *"Ô nhiễm môi trường vốn đến từ sự* ***ô nhiễm tinh thần*** *của những người đang sống trong môi trường ấy, bởi 3 nguyên nhân xấu là THAM SÂN SI".*

* Xin nhấn mạnh rằng, THAM (lobha) phối hợp với SI (moha) mới là hai "động cơ" chính. Còn SÂN (dosa) chỉ là phản ứng của con người khi THAM và SI không được tự do khuynh đảo tâm thức.

* Nói đại khái như thế thì hóa ra *"huề vốn"*. Tất cả chúng ta cần một pháp hành dễ hiểu cụ thể, để cùng nhau nghiệm chứng. Chúng tôi xin mạo muội dựa theo Phật ngôn, nêu ra vài đoạn trình bày như sau:

"Làm cho tâm thức trở thành xấu xa, thì gọi là ô nhiễm. Nhưng làm cho tâm thức trở thành thanh cao, tốt đẹp, thì gọi là thanh lọc hay tô điểm nhân tính. Thanh lọc hay tô điểm cũng có nghĩa là loại bỏ các cái xấu và thay vào đó bằng các cái tốt".

Như công việc của một người làm vườn vậy:

- Hãy ví tâm thức như một mảnh đất. Người canh tác chăm sóc ngôi vườn nên thông minh, lúc nào cũng tìm kiếm, tiêu diệt những hoa độc, cỏ dại, và thường xuyên gieo trồng các hoa thơm, cỏ đẹp.

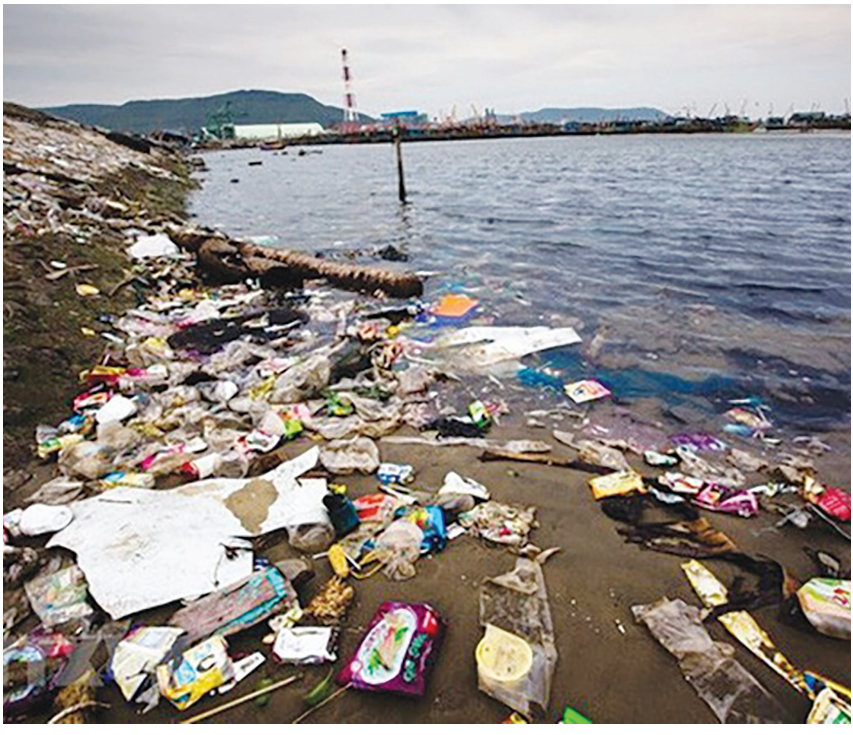
"Hoa độc, cỏ dại" và *"hoa thơm, cỏ đẹp"* ấy không phải tự nhiên mà có. Chúng vốn từ vô thỉ đã sinh ra, do 3 nhân ác là THAM, SÂN, SI, và chúng "hiện hữu" trong mảnh đất hiện tại như những *trần cấu* (asava), đã xâm nhập, tích tụ, huân tập, và sinh sôi nảy nở, từ rất lâu trong tạng thức của con người.

Vậy hành động cụ thể để giải trừ *ô nhiễm thân và tâm,* nhất là giải trừ ô nhiễm ý thức, là *trong bước đầu* chúng ta phải bình tĩnh, cẩn thận gạn lọc, chỉ tiếp thu những đối tượng lành mạnh của lục căn, từ bên ngoài đưa vào, để tô điểm "tâm thức". Rồi giai đoạn tiếp theo là tu tập GIỚI ĐỊNH TUỆ, cần phải được học hỏi và thực hành song song!

*Nghĩa là hằng ngày, xuyên qua sáu căn môn: ***Mắt***, ***tai***, ***mũi***, ***lưỡi***, ***thân*** và ***ý***, chúng ta phải sáng suốt, chỉ dùng những *hình ảnh, âm thanh, mùi, vị, xúc chạm,* và *văn học, giáo lý hướng thiện,* để trang trí ngôi vườn tâm thức. Chúng ta tuyệt đối không nên dễ ngươi, để cho sáu trần ác độc xâm nhập, làm ô nhiễm tinh thần.

Nói cách khác, một sách áp dụng là:

1- Thay vì NHÌN các hình ảnh ngoại trần suy đồi, thấp hèn, thì chúng ta hãy nhìn các hình ảnh, hay những đối tượng lành mạnh. (Hoa lành, cảnh đẹp, nét từ bi trên khuôn mặt Thánh nhân chẳng hạn).



2- Thay vì NGHE những âm thanh khích động, dâm dật, chúng ta có thể chú ý đến tiếng chuông chùa, lời kinh cầu khuya sớm, hay nghe những bài giảng đạo đức, nằm trong tầm hiểu biết, tiếp thu của mình.

3- Thay vì NGỬI những mùi thơm gây khích động, thèm thuồng trần tục, chúng ta có thể gần gũi với khói thơm nhang trầm, hay không khí tĩnh mịch nơi cửa thiền.

4- Thay vì NẾM những vị làm say sưa, kích thích (như rượu, thuốc phiện… chẳng hạn), chúng ta có thể dùng trà đạo, nước tinh khiết... làm cho vị giác ổn định, thanh tịnh, lành mạnh, hướng thiện.

5- Thay vì VA CHẠM với những cảm xúc vuốt ve, êm ái trên làn da, đầy hưởng thụ nhục dục, làm cho tâm tư ngây ngất thấp hèn, chúng ta có thể bình tĩnh… dùng làn da các đầu ngón tay, tinh tấn lần tràng hạt, giữ cho tâm an tịnh.

6- Thay vì SUY TƯ về chuyện đời trần tục (hờn giận lo buồn, bồng bột tự cao), chúng ta có thể nghĩ đến triết học lành mạnh, hay lời Phật dạy và ngẫm nghĩ một cách sâu sắc về lý đạo, cũng như về hiệu lực soi sáng tâm trí của các danh ngôn hướng thiện.

* Sáu pháp hành CƠ BẢN ***ngăn chặn ô nhiễm tâm hồn*** nêu trên, khi đã thuần thục thì một người tự nhiên sẽ yêu thích, kính trọng giữ 5 giới, 8 giới, hay 10 giới. - Xin thưa, giữ giới cũng *"giải trừ ô nhiễm"!*

* Và người ấy sẽ không thể nào vất bỏ bừa bãi các vật phế thải ra xung quanh. Từ đó, *môi trường sống chung thuộc về vật chất* (dù tân tiến) cũng sẽ không bị ô nhiễm, song song với *"môi trường tinh thần thanh tịnh, có giới hạnh, có thiền pháp, có tuệ nhãn"* thì tính tinh khiết trong sinh hệ sẽ gia tăng và củng cố, làm cho khung cảnh sống cõi người mỗi ngày một thêm tốt đẹp.

Cám ơn toàn thể thân hữu xa gần đã trực tuyến lắng nghe! Và xin chia sẻ *"phần phước pháp thoại"* này đến tất cả quý vị.

Chủ Nhật 4/4/2021



Mẹ có nghĩa là MÃI MÃI...

VIÊN THẮNG

Có lẽ trên đời này, không có lời nào đẹp bằng hai tiếng "Mẹ ơi". Người ta gọi mẹ khi hạnh phúc, lúc cất tiếng nói đầu đời con gọi mẹ, hay khi sóng gió cuộc đời ập đến, con như gục ngã, chỉ cần vùi đầu vào lòng mẹ, con gọi mẹ là bao phiền muộn trong con tan biến. Hàng ngày, con có muôn ngàn lí do nên cứ gọi mẹ mãi. Ngay cả khi mẹ không còn hiện hữu trên cuộc đời này, con vẫn mãi gọi 'Mẹ ơi!'. Bởi vì tình mẹ dành cho con bao la quá, nên ca dao có câu:

Mẹ hiền như thể trăng sao.
Một mai trăng lặn đất trời lung lay!

Thật vậy, người nào từng nếm nỗi đau mất mẹ thì mới cảm nhận được đất trời lung lay. Mẹ tôi mất cũng đã bảy năm rồi. Vậy mà mỗi mùa Vu Lan về nhìn mọi người chung quanh cài trên ngực đóa hoa hồng đỏ thắm, còn trên ngực mình cài đóa hoa hồng trắng thì nước mắt tôi cứ mãi tuôn rơi. Hình ảnh người mẹ quê mùa hiền từ chất phác lại hiện về trong con.

Mẹ tôi vẫn giống như muôn ngàn người mẹ ở miền quê, suốt cuộc đời chỉ biết quanh quẩn sau lũy tre làng. Từ công việc nhà như nấu ăn, dọn dẹp, giặt giũ, nuôi gà, nuôi heo v.v… rồi đến việc đồng áng, dường như suốt cả ngày, cả tháng, cả năm mẹ làm quần quật không bao giờ nghỉ ngơi. Mẹ làm hết việc này thì moi việc khác ra làm. Còn đối với chồng, con, cháu thì bao giờ mẹ cũng thầm lặng hi sinh lo cho mọi người được đầy đủ ấm no hạnh phúc còn mình luôn chịu phần thua thiệt.

Điều tôi nhớ nhất, đó là hình ảnh mẹ tôi cũng như muôn ngàn người mẹ khác ở thế giới này là *'lời nói dối dễ thương'*. Tôi còn nhớ rõ thời bao cấp kinh tế còn khó khăn, nên phần đông là mọi người hay ăn cơm độn với khoai lang, khoai mì, bắp v.v… Ban đầu, lũ trẻ chúng tôi còn háo hức ăn, lâu ngày ngán đến tận cổ. Cho nên mỗi bữa ăn, mẹ thường bới cơm trắng cho các con ăn trước, còn các thứ độn như khoai củ, bắp để lại phần mình. Hiếm khi nhà có thức ăn ngon, nên mỗi khi có cá, thịt thì tôi nhớ mãi câu mẹ nói: *"Mấy đứa con cứ ăn cho no đi, mẹ ngán thịt cá lắm, thích ăn rau thôi!"*. Nhưng rồi mẹ cũng phải thích ăn thịt cá, vì khi đám con ăn ngán rồi, mẹ mới ăn sau cùng.

Tôi vẫn còn nhớ ở nhà chú hàng xóm rất đông con tới bảy đứa mà đang tuổi ăn, tuổi lớn; cho nên bữa nào cũng vậy, khi vừa dọn cơm ra, lũ con nhao nhao đưa chén bới vì sợ hết. Thằng Tí hơi ma lanh nên nó cố tình chan mắm vào cơm cho mặn, ăn chưa được nửa chén, nó lại đòi bới cơm thêm vào lý do bị mặn. Mẹ nó biết đàn con háu ăn nên thường nói dối: *"Mẹ no rồi, mấy đứa ăn cho no đi!"*.

Thật sự lúc ấy, lũ chúng tôi còn ngây thơ, đâu hiểu được nỗi lòng hi sinh của mẹ nhường cho con, nên cứ vô tư ăn cho đầy bao tử mình, mà không biết cái bụng mẹ xẹp lép. Đến khi trưởng thành, tôi mới hiểu *"Mẹ no rồi!"* không chỉ là lời nói dối kinh điển nhất, có lẽ bất kỳ đứa con nào cũng từng nghe mà còn là hình ảnh người mẹ hạnh phúc ngồi lặng lẽ nhìn các con ăn ngon lành, đến khi vét sạch nồi cơm mà vẫn nghe câu mẹ nói: *"Mẹ no rồi, các con ăn đi!"* đã khiến bao người xúc động. Ai cũng nhìn thấy

mình trong hình ảnh đứa con của ngày xưa và kỷ niệm ùa về... Thật đúng là:

"Mẹ! Có nghĩa là mãi mãi, là cho đi không đòi lại bao giờ!"

Tôi bảo đảm chắc rằng, cho dù là thời đại ngày nay, cuộc sống vật chất quá đầy đủ, nhưng vẫn còn rất nhiều người mẹ chưa bao giờ ngừng chịu thiệt thòi, họ dành hết mọi điều tốt đẹp cho con, gom hết khó khăn thiếu thốn về mình. Suy nghĩ 'làm mẹ phải biết hy sinh vì con' ăn sâu vào đầu, khiến các bà mẹ mỗi ngày thêm nhường nhịn, chỉ biết 'vì chồng vì con'. Thế nên thành ngữ Việt Nam ta hay nói: *"Nước mắt chảy xuôi"*. Chỉ có cha mẹ cứ mãi lo cho con cái mà không bao giờ nghĩ tới bản thân mình. Vì vậy, ca dao cũng nói:

"Chim trời ai dễ đếm lông
Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày"

Thật sự mỗi lần nghe câu ca dao này, tôi đều cảm thấy mắt mình ươn ướt. Trên đời này, hiếm có tình yêu nào là bao la và vĩ đại như của cha mẹ dành cho chúng ta. Họ cho đi và hạnh phúc vì điều đó, họ cho đi mà không cần nhận lại gì. Tôi biết, cho dù có bứt hết lá rừng cũng không thể đếm hết công lao người mẹ. Nếu phải tìm một từ ngữ nào đó để ca ngợi tình mẹ, tôi đành bất lực vì ngôn từ không tải hết tình thương.

Vậy mà, những đứa con ấy khi còn nhỏ luôn được mẹ bảo bọc chở che, hi sinh tất cả vì con, nhưng đến khi trưởng thành chúng nó như những cánh chim tung bay khắp phương trời. Ngày nay, chúng ta thấy bất cứ ở đâu nơi miền quê, phần đông các con đi vào thành phố làm ăn, lập nghiệp, ở chốn quê nhà chỉ có cha mẹ già mòn mỏi chờ mong con. Thậm chí, cha mẹ già có gọi điện hỏi thăm, con chỉ trả lời qua loa với lý do vì bận. Thậm chí, có người chẳng hỏi thăm sức khỏe cha mẹ ra sao? Ăn uống, ngủ nghỉ có được không?

Trước đây, có em Phật tử lên chùa tâm sự với tôi. Ba em mất sớm, mẹ em vẫn ở vậy làm tất cả mọi việc; từ việc đồng áng cho đến đi phụ hồ v.v… miễn có tiền để nuôi các con ăn học đến nơi đến chốn. Khi các con trưởng thành đi làm rồi lập nghiệp ở xa, mẹ em sống một mình. Bình thường, em ghé về nhà thăm mẹ, mua ít

sữa bánh, thuốc bổ để đó rồi lại đi, chẳng kịp ăn cùng mẹ một bữa cơm. Cho đến một ngày, em về vào lúc chập choạng tối, thấy mẹ già lọ mọ ăn cơm dưới bếp. Bữa cơm chỉ có một ít cơm nguội và một cá rô kho đầy kiến. Nhìn bát cơm mẹ đang ăn dở mà nước mắt em trào ra, cổ họng đắng ngắt. Từ đó, mấy anh em của em mới nhắc nhở nhau về thăm và ở lại với mẹ thường xuyên hơn.

Buồn hơn nữa là có những gia đình vì tranh giành đất đai, hay cha mẹ không có tài sản để lại nên con cái bỏ bê, không chịu nuôi cha mẹ già. Ở tuổi gần đất xa trời, họ phải chịu sống trong cảnh thiếu thốn mà con cái chẳng quan tâm. Ở gần chùa tôi có cụ bà hơn 90 tuổi mắt mù, tai điếc bị con cái bỏ mặc; vì cụ không có tài sản để lại cho chúng nó. Tình cảnh của bà cụ thật giống như bài thơ *Con Cò* đã nói lên giùm cho tất cả những bà mẹ bị con cái bỏ rơi:

Con cò lặn lội bờ sông
Cò ơi sao lại quên công mẹ già
Hỏi rằng ai để cò ra
Mà cò lại bỏ mẹ già không nuôi…
… Nhớ khi còn bé cỏn con
Bây giờ cò lớn, có còn nhớ không?
Vì đâu có cánh có lông
Mà cò đã vội quên công mẹ già[1]*…*

Mùa Vu Lan lại về, như nhắc nhở đến những người con ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ. Dẫu biết rằng cha mẹ già như bóng đèn trước gió, rồi sẽ có lúc có bao nhiêu tiền bạc và thời gian cũng chẳng thể còn được ăn một bữa cơm cùng cha mẹ nữa. Thế nhưng không mấy ai gạt bỏ và sắp xếp được công việc bộn bề để trở về bên cha mẹ. Vì thế, tôi mong rằng tất cả người con trên thế gian này hạnh phúc nhất khi còn cha mẹ, tùy theo hoàn cảnh mà chúng ta cố gắng báo đáp thâm ân cha mẹ, đừng để một ngày cha mẹ không còn rồi mình cứ mãi hối tiếc hai từ '*giá như*' thì lúc đó đã muộn màng rồi.

1. Bài thơ *Con Cò* , tác giả Dương Văn Cường.

LẮNG NGHE DI HUẤN *CỦA BẬC DANH TĂNG*

TRẦN ĐÌNH SƠN

Hòa thượng Tuệ Tạng Thích Tâm Thi (1889-1959) xuất thân trong gia tộc họ Trần tại làng Quần Phương trung, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Ngài xuất gia năm 1903, thọ giới Cụ túc giới tại Đại giới đàn Phước Lâm năm 1914. Sau đó, ngài tham học tại tổ đình Vĩnh Nghiêm, thiền viện Tế Xuyên, nổi tiếng về Luật học và nghiêm trì giới luật bậc nhất trong tăng chúng đương thời.

Năm 1920, ngài cùng các bậc tôn túc thành lập hội *Tiến Đức cảnh sách* để hướng dẫn Tăng, Ni tu học tại miền Bắc. Đến thời kỳ phát động phong trào Chấn hưng Phật giáo khắp đất nước, Hòa thượng Tuệ Tạng đã cùng hai vị danh tăng Tố Liên và Trí Hải cùng cư sĩ Nguyễn Hữu Kha (Thiều Chửu) sáng lập Hội Bắc kỳ Phật giáo ngày 06 tháng 01 năm 1934, đặt trụ sở tại chùa Quán Sứ, Hà Nội.



Hòa thượng Tuệ Tạng Thích Tâm Thi

Năm 1951, sáu tập đoàn Tăng-già, cư sĩ toàn quốc họp tại chùa Từ Đàm - Huế tuyên

bố thành lập Tổng hội Phật giáo Việt Nam, cung thỉnh Trưởng lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Hội chủ. Hòa thượng Tuệ Tạng được suy cử vào Ban Chứng minh Đạo sư của Tổng hội.

Ngày 07 tháng 9 năm 1952 (tháng 8 năm Nhâm Thìn), Đại hội Tăng-già toàn quốc họp tại chùa Quán Sứ - Hà Nội đồng lòng suy tôn Hòa thượng Tuệ Tạng lên ngôi vị Thượng thủ Giáo hội Tăng-già Việt Nam. Để kỷ niệm Phật sự đặc biệt quan trọng này, Đại sư Bích Phong (Ôn Quy Thiện) - thành viên phái đoàn Phật giáo Thừa Thiên đã viết bài thơ chữ Hán dâng tặng Hòa thượng Thượng thủ:

涅槃會上奉遺音
戒行嚴持契妙心
智月秋光澄海印
法同春日煦禪林
人天共仰無南北
文軌咸通冠古今
願啟慈悲常住世
轉迷為作指南針.

Niết-bàn hội thượng phụng di âm
Giới hạnh nghiêm trì khế diệu tâm
Trí tuyệt thu quang trừng hải ấn
Pháp đồng xuân nhật hú thiền lâm.
Nhân thiên cộng ngưỡng vô Nam Bắc
Văn quỹ hàm thông quán cổ câm
Nguyện khải từ bi thường trụ thế
Chuyển mê vị tác chỉ nam châm.

Dịch nghĩa:

Trên hội niết-bàn kính vâng lời Phật dạy
Cần gìn giữ giới hạnh mới khế hợp tâm đạo
Trí tuệ như ánh trăng thu rọi in trên biển trong lặng
Đức độ tựa nắng xuân lan toả làm rừng thiền ấm áp.
Trời người Nam Bắc tất cả một lòng kính mến

Văn chương phép tắc đều tỏ tường thông suốt xưa nay
Xin ngài mở lòng từ bi sống lâu dài ở thế gian
Làm kim chỉ nam để đưa người mê muội qua bờ giác.

Dịch thơ:

Niết-bàn trên hội nhận di âm
Giới hạnh trang nghiêm hợp đạo tâm
Trí tựa trăng thu in biển lặng
Đức như xuân nắng toả thiền lâm.
Trời người Nam Bắc đều cung kính
Văn thức tường thông suốt cổ câm
Nguyện mở lòng từ thường trụ thế
Chuyển mê xin hoá chỉ nam châm.

(Trần Đình Sơn dịch)

Sự biến năm 1954, đất nước bị phân chia sau Hiệp định Genève, Hòa thượng Tuệ Tạng rời chùa Quán Sứ trở về chùa Vọng Cung ở quê nhà Nam Định tu dưỡng. Nhân duyên đã mãn, ngài an nhiên nhập diệt vào ngày mồng 03 tháng Tư năm Kỷ Hợi (1959), sau 70 năm hóa thân ở cõi ta-bà.

Nhân mùa Vu Lan, chúng tôi đọc lại di cảo của bậc cao tăng, nhận thấy trong tập sách *Phật tử tại gia tu hành thường thức,* Hòa thượng viết bằng thể thơ lục bát rất giản dị, dễ hiểu nhằm phổ biến giáo lý căn bản cho quần chúng cách đây đã gần 70 năm. Đáng quan tâm là các vấn đề sau:

1. Giữ tròn đạo Hiếu với cha mẹ, tổ tiên

Tại gia những bậc người hiền
Đã quy Tam Bảo phải chuyên giữ mà
Một là hiếu thuận ở nhà
Tổ tiên, cha mẹ, ông bà mọi ngôi
Hiện còn hiếu thảo dưỡng nuôi
Sáng thăm tối định, vâng lời thừa hoan
Ở sao đạo hiếu hoàn toàn

Ấy là chư Phật hỷ hoan hộ trì.
Hoặc khi người đã mất đi
Dốc thành tôn kính tụng trì kệ kinh
Mong cho sớm được siêu sinh
Báo đền tính chút công trình dưỡng nuôi.
Kìa ai sẵn có hai ngôi
Ở nhà cha mẹ đôi người rất thân
Đấy là vị Phật riêng phần
Ai mà thờ được ắt gần Như Lai.
Đây là lời Phật dạy đời
Trong nhà sẵn có hai ngôi Phật đà
Ai hay thờ đó được a
Cũng là Di Lặc, Thích Ca khác nào!
Đi về kính cẩn hỏi chào
Của ngon vật lạ tơ hào dâng thân
Phải coi hơn bậc thánh thần
Mới là trọn đạo nhân luân ở đời.

2. Tu học phải chánh tín Tam Bảo

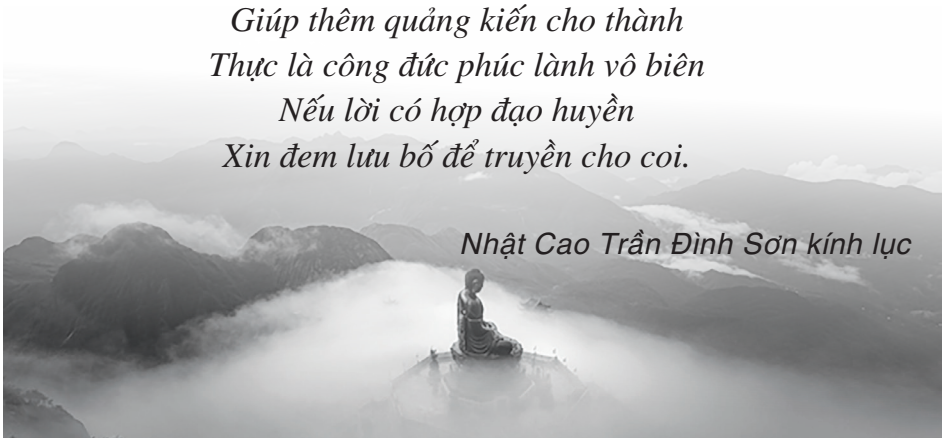
Ở nhà chu đáo mọi môn
Chánh tín Tam Bảo để vun gốc lành
Tới chùa lễ Phật nghe kinh
Chào Sư hỏi bạn để sinh phúc dầy.
Hương hoa nến sáp dâng nay
Cùng là quả phẩm kính bầy trang nghiêm
Còn như vàng mã đừng đem
Các đồ rượu thịt chớ kèm lẫn đưa
Tỏi hành kia cũng phải chừa
Thức gì Hiền Thánh không ưa chớ dùng.
Áo xiêm nghiêm chỉnh thung dung
Dép giày không sạch chớ xông bước vào
Lễ thời nên tránh tòa cao
Những nơi Tăng lễ đừng trèo lễ chung

Thắp hương đừng có quá xông
Một ba năm nén đủ dùng tôn nghiêm.

3. Bài trừ mê tín dị đoan triệt để

Ta là đệ tử trung thành Phật gia
Phải là cẩn thận nết na
Đem gương Năm giới để mà noi theo
Không nên tin nhảm những điều
Ông đồng bà cốt nói liều nói quanh.
Lại còn kẻ giả tu hành
Mượn mầu Phật pháp mưu sinh đó mà
Người kia ta phải tránh xa
Đừng nên thân cận nữa đà uổng công.
Còn người rượu thịt nói dông
Thuốc phiện, cờ bạc, đắm vòng trần duyên
Làm cho nhục nhã cửa thuyền
Thấy ai ta phải can liền mới hay.
(…)
Đầu năm Quý Tỵ tăng-già Vọng Cung
Sa-môn Tuệ Tạng ngu trung
Lược bầy nhòm ống thủy chung mấy lời
Ấy là thiển kiến đó thôi
Cúi xin Phật tử những ngài cao minh
Giúp thêm quảng kiến cho thành
Thực là công đức phúc lành vô biên
Nếu lời có hợp đạo huyền
Xin đem lưu bố để truyền cho coi.

Nhật Cao Trần Đình Sơn kính lục



BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU VỀ *HỘI PHẬT DI ĐÀ*

TS. DƯƠNG THANH MỪNG*

1. Bối cảnh ra đời

Năm 1931, Hội Nam Kì Nghiên cứu Phật học thành lập tại chùa Linh Sơn, Sài Gòn, chính thức mở đầu cho phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam. Từ miền Nam, phong trào nhanh chóng lan ra miền Trung (1932), rồi miền Bắc (1934). Với tinh thần chung là chấn chỉnh các phương thức tu tập và sinh hoạt truyền thống đã làm cho Phật giáo suy yếu, các tăng ni, Phật tử, các nhà trí thức mến mộ đạo Phật đã tích cực hưởng ứng bằng nhiều phương cách khách nhau.

Xu hướng phổ biến nhất là lựa chọn các tổ chức Phật giáo có đường lối chấn hưng phù hợp với tâm nguyện, với hoàn cảnh địa lí để cùng tham gia thực hiện cải cách, sửa đổi. Các tổ chức Phật giáo quen thuộc, thường được các tăng ni, Phật tử lựa chọn và các công trình lâu nay cũng hay đề cập đến là Hội Nam Kì Nghiên cứu Phật học, Hội Lưỡng Xuyên Phật học, Hội Thiên Thai thiền Giáo tông Liên hữu, Hội Phật học Kiêm Tế, Hội Phật học Tương Tế, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội ở miền Nam; Hội An Nam Phật học và Hội Phật học Đà Thành ở miền Trung; Hội Phật giáo Bắc Kì và Hội Phật giáo Bắc Kì Cổ sơn môn ở miền Bắc.

Xu hướng tiếp theo là ủng hộ tinh thần cải cách của tất cả các tổ chức Phật giáo. Những người này không thiên trọng về bất cứ tổ chức nào. Với họ, việc bóc tách những hạn chế mà Phật

* Học viện Chính trị Khu vực III, Đà Nẵng.

giáo đang gặp phải, đồng thời, xây dựng một tinh thần hòa hợp, thống nhất giữa các tăng ni, Phật tử chính là đích mà các nhà vận động chấn hưng cần phải hướng đến.

Xu hướng còn lại là không đồng tình với chủ trương chấn hưng của các tổ chức hoặc muốn khởi sự theo một phong cách riêng của mình. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến sự xuất hiện của nhiều tổ chức Phật giáo mới như: Hội Phước thiện nhà Phật (1935, Sài Gòn), Hội Phật giáo Thiện hữu (1936, Long Xuyên), Kim Liên xã Cư sĩ lâm (1937, Sài Gòn), Hội Phật giáo Quan Âm Tịnh độ (1940, Long Xuyên), Hội Thiện sinh Trung Kì (1942)... Gần như các tổ chức Phật giáo mới này đều ra đời ở Nam Bộ. Duy chỉ có Hội Thiện sinh Trung Kì, một đoàn thể Phật giáo mang màu sắc tươi trẻ của các thế hệ thanh thiếu niên là được thành lập ở Nghệ An. Các tổ chức này thường có thời gian tồn tại tương đối ngắn và phạm vi hoạt động cũng tương đối hẹp. Tuy nhiên đây cũng chính là những thành quả khá quan trọng mà phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam đã tạo nên. Và rất tiếc là cho đến hiện nay, các tổ chức Phật giáo này lại chưa được quan tâm nghiên cứu và đề cập một cách đầy đủ.

Riêng đối với Hội Phật Di Đà, đây cũng là một tổ chức khá mới mẻ đối với nhiều nhà nghiên cứu. Hội được thành lập vào ngày 5/9/1936, tại chùa Linh Nguyên, chợ Đũi, Sài Gòn. Chủ chùa kiêm Hội trưởng là ông Nguyễn Văn Ngọc. Cho đến hiện nay, tìm hiểu về lịch sử ngôi chùa Linh Nguyên cũng như việc xác định vị trí chính xác của chợ Đũi cũng đang gặp phải rất nhiều khó khăn. Một số ý kiến cho rằng, trước năm 1945, do bom đạn của thực dân Pháp tàn phá nên chợ Đũi bị xóa sổ và ngôi chùa này cũng phải chịu chung số phận. Một số quan điểm khác lại cho rằng, trước sự tàn phá khốc liệt của bom đạn, ngôi chùa này đã được dời về quận 6, Sài Gòn. Trên các website, có đăng tải thông tin về một ngôi chùa cũng có tên là Linh Nguyên. Ngôi chùa này được Thiền sư Hải Tịnh khởi công xây dựng từ năm 1820, tại

ấp Bình Tả 1, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Dù chưa có nhiều nguồn tài liệu để chứng minh, song nếu căn cứ vào việc các thành viên đăng kí địa điểm sinh hoạt của Hội thì quả đúng là đã có sự tồn tại của chùa Linh Nguyên ở Chợ Đũi. Đây cũng là một thông tin khá thú vị và rất cần được các nhà khoa học và các Phật tử tiếp tục quan tâm, làm rõ để làm phong phú hơn bức tranh Phật giáo Gia Định - Sài Gòn trong nửa đầu thế kỉ XX.

2. Cách thức tổ chức và hoạt động của Hội Phật Di Đà

Rất tiếc cho đến hiện nay, các tài liệu liên quan đến tổ chức này còn rất hạn chế, do đó, chỉ có thể tìm hiểu cách thức tổ chức và hoạt động thông qua bản Điều lệ tạm thời mà Hội đã ban hành. Bản Điều lệ này dù chưa được chính quyền thực dân Pháp công nhận nhưng đã được các thành viên biểu quyết thông qua vào ngày 9/10/1936, với 10 điều khoản.

Điều 1, tại chùa Linh Nguyên sẽ thành lập một tổ chức sinh hoạt theo đúng tôn chỉ của đạo Phật, lấy tên là Hội Phật Di Đà. Những người muốn tham gia vào Hội phải thành tâm tin tưởng trời Phật, trau dồi đức hạnh, giữ gìn mối đạo. Những người ăn nói tùy tiện, lỗ mãng hoặc đã vi phạm hình sự sẽ không được Hội nhận làm hội viên. Vào các dịp rằm tháng giêng, rằm tháng bảy, rằm tháng mười và các ngày lễ vía như: Vía Thập Điện (ngày 22/4 âm lịch), vía Đức Phật Thích Ca Mâu Ni (6/4), vía Địa Tạng (30/7), vía Quán Thế Âm Bồ Tát (19/9), vía Đức Phật A Di Đà (17/11) thì tất cả các hội viên phải tập trung về chùa hội quán Linh Nguyên sắm sửa hương hoa, nhang đèn để cùng nhau lễ Phật.

Điều 2, Hội sẽ thành lập một Ban Trị sự 12 người để quản lí và theo dõi các công việc chung trong toàn Hội, gồm: 1 Chánh Chủ trưởng cùng 1 Phó Chủ trưởng, 1 Chánh Chủ hội cùng 1 Phó Chủ hội, 1 Chánh Chủ sự cùng 1 Phó Chủ sự, 1 Thư kí, 1 Thủ quỹ cùng 4 Nghị viên. Hội được thành lập dựa trên lòng thành tâm tín ngưỡng của các hội viên, mục đích là để gìn giữ tâm tính cho trong

sạch, phát huy được các hạnh từ bi, hỉ xả giống như Đức Phật A Di Đà. Các hội viên lúc mới tham gia sẽ phải đóng 6 cắc tiền nhập Hội.

Điều 3, những người có lòng thành kính đức Phật thì đều có quyền tham gia vào Hội trên tinh thần tự nguyện chứ không phải là bắt buộc. Để trở thành hội viên thì phải làm đơn gửi Hội trưởng và trong đó nêu rõ là sẽ chấp thuận các điều khoản mà bản Điều lệ đã quy định. Trên cơ sở xem xét lí lịch cá nhân, Hội sẽ chấp thuận hay bác bỏ việc tham gia. Sau khi vào Hội thì mỗi hội viên sẽ phải đóng tiền hội phí hàng tháng là 3 cắc. Tiền hội phí chỉ thu trong năm đầu, các năm còn lại sẽ không thu. Các trường hợp vi phạm điều lệ, trễ hạn đóng tiền hội phí trong ba tháng liên tiếp hoặc làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của Hội sẽ bị gạch tên và trục xuất.

Điều 4, số tiền 6 cắc nhập Hội là tiền dự phòng. Để tránh trường hợp mất quá nhiều thời gian bàn luận, chờ đợi các hội viên đóng góp (làm trễ ngày) hoặc các hội viên vì bận công việc không thể đến chùa hội quán tổ chức các ngày lễ vía Phật hay ngày rằm theo đúng thời hạn đã quy định thì Hội sẽ sử dụng số tiền phòng bị này. Mục đích là để mua hương, hoa, trái cây, đồ chay,... làm lễ. Tùy theo quy mô của ngày lễ mà mức kinh phí có thể chi nhiều ít khác nhau. Sau khi buổi lễ kết thúc, Ban Trị sự sẽ cân đối các khoản thu chi rồi báo cáo cho các hội viên được biết. Các hội viên sẽ tham gia đóng góp để bù lại khoản tiền mà Hội đã ứng trước đó.

Điều 5, số tiền 3 cắc hội phí được Hội dùng để chuẩn bị các lễ dâng lên tứ ân, phụ mẫu của các hội viên khi họ ốm đau, già yếu hay qua đời. *"Bởi Hội Di Đà cũng muốn làm cho tròn bổn phận hai mối giềng là thờ trời Phật và trong nhà thì phải thờ kính mẹ cha nên Hội lo gom góp số tiền ít ỏi này để lo lắng đền đáp lễ hiếu thảo"*[1]. Các

1. Hội Phật Di Đà (1936), *Điều lệ tạm thời,* Nhà in Chân Thành, Sài Gòn, tr. 1-8.

hội viên nào có đủ điều kiện về mặt vật chất để chăm lo cho bố mẹ thì Hội sẽ chuẩn bị lễ theo nghi thức thông thường của Phật giáo. Còn hội viên nào có hoàn cảnh khó khăn thì ngoài lễ thông thường Hội sẽ hỗ trợ, chu cấp thêm một khoản kinh phí khác. Muốn có đầy đủ các quyền lợi này thì các hội viên phải đóng đầy đủ tiền hội phí một năm là 3,6 đồng. Người nào đóng không đủ thì chỉ được hưởng ¼ quyền lợi. Đối với các trường hợp vi phạm một trong mười điều khoản mà bản Điều lệ đã quy định thì sẽ không được hưởng bất cứ quyền lợi nào.

Điều 6, liên quan đến vấn đề tổ chức nghi lễ hiếu sự hoặc tang tế cho các hội viên, Hội quy định như sau: 1/Không được cho người khác thay thế mình nhận lễ của Hội; 2/Những người hai vợ thì chỉ một trong hai người được hưởng lễ; 3/Những người có vợ nhưng không tổ chức cưới hỏi thì phải báo cho Hội và sau một năm mới được hưởng lễ; 4/Hội không cho phép nhận lễ khi tên họ của người đó không đúng với danh sách đã đăng kí (từ ban đầu) hoặc không đúng với giấy báo tử; 5/Những người ở xa phải gọi điện thông báo tên họ của người mất trực tiếp với Hội và tên họ của người đó phải đúng với danh sách đã đăng kí (không được chuyển lời hay gửi thư); 6/Những người vào Hội nếu làm trái điều lệ, trễ nại việc đóng tiền hội phí được Ban Trị sự nhắc nhở nhiều lần nhưng không thay đổi thì sẽ không được nhận lễ.

Điều 7, các hội viên nếu gây rối tại các kì họp, gây mất đoàn kết trong nội bộ Hội, ăn nói thô lỗ, làm mất lòng chủ chùa thì sẽ bị Ban Trị sự nhắc nhở và nếu tiếp tục vi phạm thì Hội sẽ giao cho các cơ quan chức năng xử lí. Ban Trị sự sẽ không chịu trách nhiệm với các vi phạm của hội viên, dù đó là các vi phạm bên trong hay bên ngoài Hội. Ý nghĩa của bản Điều lệ mà Hội muốn hướng đến chính là: Dạy người ăn ở hiếu thảo, thuận thành với mẹ cha; dạy người thành tâm mộ đạo; dạy người hiền đức, thuần lương, biết sợ nhân quả, tội phước; dạy người biết cách thờ phụng, cúng bái trời Phật; dạy người biết quý trọng thể xác lẫn tâm hồn; dạy

người biết kính trên nhường dưới; dạy người có trách nhiệm với các hoạt động của Hội và luôn tuân thủ pháp luật của chính quyền.

Điều 8, hàng tháng các hội viên phải đến chùa hội quán vào ngày mồng một và ngày rằm để tham gia các hoạt động Phật sự do Hội tổ chức. Tất cả các hội viên của Hội đều phải có trách nhiệm thờ phụng đức Phật. Tùy theo khả năng của mình mà tổ chức các ngày lễ (chủ yếu là ở tấm lòng thành, không quan trọng lớn hay bé). Những người bỏ bê việc thờ cúng, lơ là việc thực hành đời sống đạo, lơ là các công việc chung của Hội thì sẽ không còn được xem là hội viên.

Điều 9, Ban Trị sự của Hội muốn bàn luận các công việc thì phải có mặt ít nhất là 6 thành viên trong Ban mới được tổ chức nhóm họp. Cuối mỗi năm, Hội sẽ tổ chức đại hội thường niên. Các thành viên tham gia phải giữ gìn trật tự, nếu có ý kiến thắc mắc hoặc góp ý thì sẽ dong tay phát biểu theo sự điều phối của chủ tọa. Hội sẽ thông qua các quyết nghị, các kế hoạch hoạt động bằng hình thức biểu quyết. Nếu được số đông chấp thuận thì xem như đã thông qua. Cuối mỗi kì họp, thư kí phải có trách nhiệm lập thành các biên bản để lưu trữ và báo cáo với chính quyền sở tại. Ngoài ra, Hội còn phải chuẩn bị các loại sổ sách để ghi chép lại quá trình hoạt động, danh sách hội viên, những người qua đời, tài sản của Hội... Khi được yêu cầu thì Hội phải trình tất cả các loại giấy tờ, sổ sách liên quan để chính quyền thuộc địa kiểm tra, xem xét.

Điều 10, trước khi nhận được sự công nhận chính thức từ phía chính quyền thuộc địa, Hội sẽ in cuốn điều lệ tạm thời này để phổ biến trước cho các hội viên tìm hiểu và thực hiện. Sau khi sinh hoạt của Hội lẫn các hội viên đi vào quy củ thì Ban Trị sự sẽ trình Thống đốc Nam Kì phê duyệt và công nhận tính chính danh cho Hội[2].

2. Hội Phật Di Đà (1936), *Điều lệ tạm thời,* Nhà in Chân Thành, Sài Gòn, tr. 1-8.



Như vậy, có thể thấy rằng, Hội Phật Di Đà ra đời, với mục đích chính là quy tụ các hội viên để cùng nhau sinh hoạt đời sống đạo và thực hiện một số nghi lễ Phật sự. Hội không hướng nhiều đến các hoạt động chấn hưng, cải cách cũng như không thể hiện rõ quan điểm, lập trường của mình đối với đường hướng hoạt động của các tổ chức Phật giáo đương thời. Thay vào đó, các hoạt động chủ đạo mà Hội hướng đến là giáo dục nhân cách cho các tín đồ dựa trên những nền tảng giáo lí căn bản của đức Phật; giúp cho các tín đồ thành thạo hơn trong việc tổ chức các nghi lễ; đồng thời, giúp họ hoàn thành tốt trách nhiệm, bổn phận của một người Phật tử lẫn một người công dân trong xã hội. Bên cạnh việc bày tỏ sự tín ngưỡng đối với đức Phật, Hội còn xem "Trời" là một đối tượng thờ phụng khác. Và đây cũng chính là điểm khác biệt lớn nhất của Hội so với các tổ chức Phật giáo đương thời. Dù chưa có nhiều đóng góp thực sự cụ thể, song sự ra đời của Hội Phật Di Đà đã góp phần tạo nên những màu sắc mới cho phong trào chấn hưng Phật giáo ở miền Nam.

MÙA VU LAN BÁO HIẾU, NHỚ ĐOÀN HỌC SINH PHẬT TỬ MANG TÊN MỤC KIỀN LIÊN

Giác đạo - **DƯƠNG KINH THÀNH**

(Kính tưởng nhớ Anh Huỳnh Bá Huệ Dương,
các anh chị em cựu huynh trưởng,
đoàn sinh một thời sát cánh bên nhau
vì lý tưởng Phật đà với cả tấm lòng
trong sáng nhất)

Trong quá trình tu học, đây cũng là giai đoạn đặc biệt nhất của anh chị em chúng tôi với quãng đời thanh xuân rất đẹp. Ngày ấy, hăng hái và tận tụy trong các công việc Phật sự, ai cũng luôn đặt nặng tinh thần phụng sự đạo pháp và dân tộc lên trên hết, hoàn toàn không hề có một tơ tưởng lập công, đua tranh để có một chức vụ hay cấp bậc nào. Vì thế, những khi ngồi nhớ lại, anh chị em chúng tôi luôn tự hào với mặt bằng trang giấy trắng chỉ có lung linh hình ảnh Phật đà sáng rực.

Đoàn Học Sinh Phật Tử (HSPT) Mục Kiền Liên ra đời trong tinh thần ấy - một tinh thần tuy rất tươi trẻ mà chín chắn trong từng bước trưởng thành. Chọn ngày Vu Lan Báo Hiếu với danh xưng Mục Kiền Liên, một vị đại đệ tử đệ nhất thần thông của đức Thế Tôn làm kim chỉ nam phấn đấu để đi lên.

Ra đời đúng giữa lúc phong trào Sinh viên, học sinh Phật tử khắp nơi phát triển mạnh mẽ, không chỉ trong khuôn viên các ngôi chùa mà điểm phát triển chính yếu vẫn là các trường đại học, trung học khắp miền Nam theo như chủ trương của Vụ HSPT.

Đoàn HSPT Mục Kiền Liên so với các đoàn bạn khi ấy là một đoàn thuộc hạng "em út", phát triển muộn màng nhưng do chính anh Tâm Thị - Huỳnh Bá Huệ Dương (1940-2015) Vụ trưởng HSPT Vụ trực thuộc Tổng Vụ Thanh Niên ngày ấy, đích thân thành lập cùng các vị có tâm huyết phát triển đa dạng các hình thức sinh hoạt, tu học của giới trẻ.



Huy hiệu Đoàn HSPT MKL
Ảnh: TƯ LIỆU TÁC GIẢ

Chọn ngày Vu Lan Báo Hiếu để đặt dấu mốc lịch sử và là chứng sinh cho sự ra đời của mình, đoàn HSPT Mục Kiền Liên với anh chị em chúng tôi ngày ấy chưa có ai bước qua tuổi 20. Rất trẻ, rất thanh xuân để vượt qua rất nhiều khóa huấn luyện huynh trưởng, chi đoàn trưởng cấp tốc. Vì thế, khi chọn danh xưng Mục Kiền Liên cũng là để nhắc nhở chính ban huynh trưởng, đoàn sinh về một công ơn to lớn nhất, khó bề báo đáp, đó là sự hiếu thảo, bởi phần lớn anh chị em tham gia đều có hoàn cảnh thiếu vắng tình thương gia đình, mất mẹ hoặc cha hay những người thân gần gũi nhất. Từ sự định danh này, theo hệ thống, mỗi đoàn đều phải có các chi đoàn. Nên khi đoàn mình là Mục Kiền Liên thì các chi đoàn phải là Xá Lợi Phất (ngành Nam), Liên Hoa Sắc (ngành Nữ), những vị có ít nhiều liên quan đến cuộc đời của Tôn giả Mục Kiền Liên, và các chi đoàn đồng ấu cũng tương tự như La Hầu La, A Nan Đà…

Chọn danh xưng Đoàn HSPT Mục Kiền Liên, với nhiều yếu tố thuận duyên trong thực tại cũng như mơ ước định hướng trong mai sau, đoàn đã chọn "tiếng reo" là Trung Hiếu! Tiếng reo này sẽ được vang lên vào mỗi khi chào cờ đoàn hay các nghi thức khác, khi huynh trưởng có trách nhiệm hô "Mục Kiền Liên" tất

cả đồng thanh: Nghiêm! "Mục Kiền Liên", tất cả đồng thanh hô vang: Trung Hiếu! Tiếng hô vang dội cả một góc trời đầy tự hào và hãnh tiến!

Điều này nói lên chủ trương gần gũi và thuần chất đạo Phật hơn của đoàn HSPT Mục Kiền Liên so với các đoàn bạn, đặc biệt các đoàn phát triển từ trường học như đoàn HSPT Tây Sơn, đoàn HSPT Dương Bá Trạc, đoàn HSPT Lê Lợi, Quang Trung v.v… Trong nội dung sinh hoạt cũng thế, ngoài các chương trình theo hệ thống HSPT, còn lại đoàn HSPT Mục Kiền Liên sử dụng nhiều bài ca và lối sinh hoạt thuần chất Phật giáo.

Là một đoàn HSPT ra đời muộn và chỉ toàn nhân tố trẻ, các anh chị em vừa tham gia xây dựng, sinh hoạt cũng vừa tham gia các khóa huấn luyện các cấp để từng bước định hình và củng cố địa vị đoàn HSPT Mục Kiền Liên theo quy định. Tinh thần năng nổ ấy đã nhận được những lời ca ngợi của các đoàn bạn và sự tán dương của chư tôn đức quan tâm.

Với nội lực của mình, ban huynh trưởng đoàn HSPT Mục Kiền Liên luôn chú trọng đến điều kiện, hoàn cảnh sống của từng thành viên, kể cả những đoàn sinh mới tham gia và chưa được đeo khăn choàng (theo quy định mỗi đoàn sinh khi tham gia phải sinh hoạt trên ba tháng mới được làm lễ phát nguyện và được phép đeo khăn quàng). Mỗi mùa Vu Lan Báo Hiếu, ban huynh trưởng đều cố gắng



Đại diện các đoàn HSPT về dự ĐH, chụp với lãnh đạo Tổng Vụ
Ảnh: TƯ LIỆU TÁC GIẢ

có những phần quà ý nghĩa gởi đến phụ huynh đã tin tưởng giao phó con em mình đến tham gia tu học, sinh hoạt và có buổi lễ cài hoa hồng dành riêng cho chính các phụ huynh, các em mồ côi. Những hoạt động này gây được nhiều hiệu ứng thuận lợi, đến các em từ Quận Phú Nhuận, Quận 4, Quận 6, Quận 3 cũng được phụ huynh đưa đến tận nơi để con em mình được hòa nhập vào tập thể những người con Phật theo tinh thần Trung - Hiếu của đức Mục Kiền Liên. Và cũng có thể, các vị phụ huynh này nhận thấy một tập thể lãnh đạo chưa đầy tuổi 20 mà biết quán xuyến, lo lắng cho đàn em cũng như trung thành với lý tưởng phụng sự chánh pháp! Thành quả đó trả lời được vì sao đoàn HSPT Mục Kiền Liên là một đoàn thể mới phát triển, mới đến nỗi nhiều vị chưa biết HSPT là một trong 6 Vụ trực thuộc hệ thống của Tổng Vụ Thanh Niên thời ấy, và phát triển rất nhanh.

Với bên ngoài xã hội, một đoàn thể thanh niên Phật giáo trẻ như Mục Kiền Liên vẫn ung dung ôm các thùng lạc quyên đi khắp chốn thị thành để hỗ trợ đồng bào bị thiên tai, hỏa hoạn hay vì chiến cuộc. Đi đến đâu, chúng tôi cũng được trọng thị, ân cần hỗ trợ và ủng hộ. Nhớ nhất là phụ huynh anh huynh trưởng Nguyễn Văn Quý (Tổng Thư ký đoàn HSPT Mục Kiền Liên) giới thiệu vào tận tòa nhà hãng CARIC phía bến Bạch Đằng (gần KS Majestic), đi đến từng tầng lầu với những thùng lạc quyên đầy ắp ân tình ủng hộ khi trở về.

Trong các kỳ trại cũng thế, của Liên Đoàn HSPT hay của đơn vị, đoàn HSPT Mục Kiền Liên vẫn chu toàn trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, luôn được đánh giá cao trong mỗi chương trình sát hạch. Với lịch sử phát triển cũng như tu học của mình, đoàn HSPT Mục Kiền Liên đã ghi tên mình vào những dòng sử năng động, tươi vui nhất của một thời tuổi trẻ tu học trong tinh thần Phật giáo rất đẹp.

Đoàn HSPT Mục Kiền Liên kết thúc sự có mặt của mình vào đầu mùa mưa năm Đinh Tỵ 1977 với kỳ trại cuối cùng được tổ chức tại Chùa Diệu Giác (đường Trần Não, Quận 2 - TPHCM



Tác giả trong bộ đồng phục HSPT năm 18 tuổi

bây giờ). Nhưng trước đó một năm, đoàn cũng đã hoàn thành hai nhiệm vụ của mình, đó là có mặt làm hàng rào danh dự đón tiếp khách mời trong buổi lễ mừng ngày sinh Cụ Hồ Chí Minh ngày 19 tháng 5 năm 1975 (nhằm ngày mùng 9 tháng 4 năm Quý Mão) tại lễ đài trước chùa Ấn Quang, Quận 10(*). Tại buổi lễ này có sự hiện diện của cố H.T Thích Thiện Hào (1911-1997). Và nhận lãnh vai trò tiếp đón và hộ tống đại biểu các tỉnh về dự đại hội kỳ 7/ Phật lịch 2520 tại Trường Bồ Đề Chợ Lớn (chùa Giác Ngộ, số 92 đường Nguyễn Chí Thanh, Phường 3, Quận 10 hiện nay). Tại đại hội này, Hòa thượng Thích Trí Quảng chính thức được suy cử làm Tổng Vụ trưởng Tổng vụ Thanh Niên, chấm dứt một chuỗi thời gian biến động dài không có Tổng Vụ trưởng mà chỉ có Quyền Tổng Vụ trưởng.

Ngày xưa, mỗi mùa Vu Lan Báo Hiếu cũng là ngày truyền thống, ngày sinh nhật của đoàn HSPT Mục Kiền Liên, anh chị em chúng tôi tất bật lo liệu bấy nhiêu, giờ đây chỉ còn là ký ức, nhưng những ký ức rất đẹp, chưa hề bị hoen ố vì tất cả đã dành trọn vẹn tuổi thanh xuân của mình cho đạo pháp, cho một thế hệ đàn em khi ấy vui tươi; vẫn tròn vẹn như tấm gương xưa Ngài Mục Kiền Liên còn ngời sáng và vẫn tự hào với tiếng hô "Trung-Hiếu" vang dội ngày nào của tập thể tổ chức mang tên vị Tôn giả mà lời ngợi ca đến cả thiên thu.

Mùa Vu Lan báo Hiếu 2565/2021

(*) Có thể lễ kỷ niệm này được tổ chức ngày chủ nhật hôm trước đó - 18/5 cho thuận tiện nhiều mặt. Ngày 19/5 là ngày thứ hai đầu tuần.



MÙA LỄ TẠ ƠN *lại về*

TIỂU LỤC THẦN PHONG

Tháng mười phương ngoại lá đã chớm vàng, bí ngô ngập tràn khắp nơi nhưng nhiều nhất vẫn là những món đồ trang trí và hoá trang cho lễ Halloween: những mặt nạ, áo quần các nhân vật trong phim horrors, mạng nhện, dơi, mèo đen, phù thuỷ, lồng đèn O' Jacl lanten… đầy khắp các chợ. Nhịp đời dường như tưng bừng hơn, âm dương đồng mở hội, người và ma cùng hoan hỷ trong cuộc chơi này. Thế gian vốn nhiều đau khổ, cách biệt, chia chẻ. Lòng người hẹp hòi, ích kỷ nhưng cũng có lúc mở lòng ra với người cõi âm. Lễ Halloween tháng mười có chút gì đó giống như tháng bảy cô hồn (quan niệm dân gian) của xứ mình. Ngày lễ này, con nít hoá trang thành những: Dracula, Frankenstein, người nhện, người dơi, người sói, phù thủy… để đi xin kẹo. Tự nhiên chợt nhớ một thời xa xưa của xứ mình, những đêm trung thu thuở ấy, con nít đi theo những đoàn lân để xin bánh kẹo, chè, trái cây… Con nít rước đèn ông sao, cá chép, đèn bươm bướm, đèn lon… tung tăng theo nhịp thì thùng của trống

múa lân. Ngày ấy múa lân rất nghiệp dư, ngây thơ, rất vui, rất lãng mạn. Múa lân ngày nay đã chuyên nghiệp rồi, trở thành công việc chuyên môn để làm tiền, múa lân ngày nay chỉ múa khi có khách đặt hàng, múa mừng khai trương, tân gia, đình, chùa, đám ma… Còn trong đêm trung thu thì chỉ múa cho những nhà nào chịu trả tiền.

Qua tháng mười một, đất trời phương ngoại vàng ươm trong sắc lá, muôn sắc gấm hoa bừng lên, những gam màu: vàng, cam, đỏ, nâu… như cháy sáng dưới ánh nắng vàng, như muôn triệu bướm bay. Bí ngô bày biện khắp phố thị cho đến thôn quê, những bành rơm khô, những hình nộm bù nhìn bằng thân bắp trông ngộ nghĩnh làm sao, những chùm bắp khô treo lủng lẳng, hình tượng chú gà tây hiền lành dễ thương… tất cả như biểu trưng cho một mùa màng bội thu, tất cả đã sẵn sàng cho mùa lễ tạ ơn.

Mùa lễ Tạ Ơn về lại với đất trời Bắc Mỹ. Mấy trăm năm trước, khi những người di dân đầu tiên đến xứ sở này, họ đã trải qua một mùa đông khắc nghiệt, số người chết hơn quá nửa. Những người sống sót đã được người bản địa (American Native) giúp đỡ lương thực, chỉ dẫn canh tác, săn bắt… Năm sau đó, họ đã gặt được vụ mùa bội thu. Từ đó, họ mới bày ra lễ tạ ơn trời đất, mùa màng bội thu, tạ ơn những điều tốt đẹp đã đến với cuộc sống. Dần dần theo năm tháng lễ tạ ơn được chính thức trở thành ngày lễ lớn của quốc gia. Người Âu - Mỹ có những ngày lễ rất thiết thực, rất nhân bản như: Lễ mẹ, lễ cha, lễ tình nhân, lễ tạ ơn… Có nhiều người thắc mắc: "Tại sao diệt xong phát-xít, chấm dứt Chiến tranh thế giới lần thứ 2, một số nước có công không làm cuộc lễ vui mừng chiến thắng?". Không, không hề có cái lễ nào để mừng trên nỗi đau của một nửa đồng loại, không có cái lễ nào để vinh danh kẻ thắng nhục mạ người thua, bởi tất cả đều là con người, vì con người.

Lễ Tạ Ơn là ngày lễ lớn nhất, quan trọng hơn cả lễ giáng sinh và lễ mừng năm mới. Người lao động được nghỉ dài ngày nhất. Ngày lễ này, người ta sum họp gia đình, thăm viếng họ hàng, gặp mặt những người thân yêu… ai ai cũng hoan hỷ. Ngày lễ Tạ Ơn thường diễn ra với những bữa ăn thịnh soạn, món không thể thiếu

ấy là gà tây, đây là truyền thống của người Mỹ. Người ta nói có đến mấy mươi triệu con gà tây bị giết để làm thức ăn cho ngày lễ Tạ Ơn. Trong khi mình tạ ơn trời đất, tạ ơn mùa màng nhưng lại giết mấy mươi triệu sinh mạng để phục vụ cho ngày lễ này, xem ra đây là một điều thật trớ trêu thay!

Khi nói đến lễ Tạ Ơn, nhiều người trong chúng ta sẽ liên tưởng đến tứ trọng ân trong nhà Phật. Thật tình mà nói thì tứ trọng ân sâu sắc hơn, toàn diện hơn và cao cả hơn. Đầu tiên phải nói đến ơn Phật, Phật là bậc giác ngộ, là bậc phước trí nhị nghiêm, có đủ tam thân, tứ trí, ngũ nhãn, lục thông. Phật là đấng thiên nhơn chi đạo sư, từ bi vô lượng, trí huệ vô biên. Phật đã khai sáng con đường giải thoát cho chúng sanh. Trời, người, phi nhân chìm đắm trong ngũ dục, trong đau khổ, trong luân hồi sanh tử đã lâu. Phật đến vườn Nai ba lần chuyển pháp luân, giảng tứ diệu đế, bát chánh đạo, mười hai nhân duyên, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sau đó thì giảng Pháp hoa, Bát Nhã, Lăng nghiêm… truyền trao tất cả bí quyết tu tập để thoát khổ, thoát luân hồi sanh tử… Không có Phật thì chúng sanh mãi mãi trôi lăn trong sanh tử luân hồi, mãi mãi chìm trong tăm tối, vô minh. Ơn Phật như trời biển, bởi vậy mà trời người quy ngưỡng Phật, tôn xưng phật là "Thiên nhơn chi đạo sư". Dưới Phật thì nhớ ơn thầy tổ, không có thầy tổ thì ai giữ gìn mạng mạch Phật pháp? Ai truyền thừa ngọn đèn chánh pháp? Thầy tổ hướng dẫn chúng ta tu học, giảng kinh, thuyết pháp, dịch kinh, viết sách… Thầy tổ là gạch nối giữa Phật và hậu sinh, giữa pháp và Phật tử. Thầy tổ từng đời nối dòng truyền thừa, xây chùa, đúc chuông, hành đạo, độ sanh…

Ơn cha mẹ, điều này thì dễ hiểu rồi. Con người sanh ra ai mà không biết ơn cha mẹ mình, ai mà không thấy công lao to lớn của cha mẹ. Sách vở văn chương bác học, văn học dân gian đã có không biết bao nhiêu bài ca tụng công ơn cha mẹ. Người đã mang nặng đẻ đau, đã nuôi dưỡng ta từ tấm bé cho đến khi nên người. Người đã rứt ruột tạo cho ta hình hài này, gây dựng sự nghiệp để dành cho con. Công ơn cha mẹ to lớn lắm, không làm sao nói hết được. Những áng văn, bài thơ, bản nhạc, bức tranh… chỉ tả được

phần nào công lao của cha mẹ, làm sao có thể miêu tả cho đầy đủ, trọn vẹn được, tất cả chỉ là tương đối, chỉ là cái bờ mé thôi. Truyện cổ Phật giáo có tỷ dụ rằng: "Ví như có người gánh cha mẹ trên hai vai đi khắp thế gian này cũng không làm sao đền đáp được công ơn cha mẹ". Kho tàng ca dao Việt Nam cũng có câu:

Công cha như núi Thái sơn
Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra
Một lòng thờ mẹ kính cha
Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con

Bài ca dao ngắn gọn này miêu tả một cách khái quát và đầy đủ về mức độ to lớn thâm sâu của công lao cha mẹ, về cách hành xử của con cái. Công cha nghĩa mẹ như núi Thái, như biển lớn biết bao giờ mới có thể báo đáp cho tròn. Hiếu là đạo con, đạo làm người, cũng là đạo lý ngàn đời của dân tộc ta. Hiếu không chỉ ảnh hưởng sâu rộng ở nước ta mà còn ở nhiều nước khác, nhất là những nước chịu ảnh hưởng văn hoá Nho giáo và Phật giáo. Trong nhà Phật thường nói: "Hiếu hạnh vi tiên", hiếu mà không có thì đừng nói chi đến việc học Phật, vì đạo Phật là đạo hiếu, muốn học Phật thì trước hết phải là người có hiếu đạo. Biết ơn cha mẹ, không phải chỉ cung phụng vật chất là đủ mà còn phải quan tâm đến tinh thần nữa, phải tạo cách nào cho cha mẹ sống thân an tâm lạc. Nếu cha mẹ biết Phật pháp thì quá tốt, còn như chưa biết thì phải tạo mọi cách để cha mẹ gieo duyên với Phật pháp, phát triển tín tâm với Phật pháp. Điều này vô cùng quan trọng vì nó không chỉ ảnh hưởng ở hiện tại mà còn ảnh hưởng đến nhiều đời sau. Gieo duyên và trồng căn lành trong Phật pháp, nếu giữ được năm giới thì tái sanh làm người, còn như giữ được mười giới thì sanh thiên. Điều này quả là quan trọng và lợi lạc to lớn, bởi vậy hướng dẫn cha mẹ đến với Phật pháp là cách báo hiếu to lớn và hữu hiệu.

Ơn quốc gia, con người ta sinh ra và lớn lên trong một cộng đồng, một quốc gia cụ thể, ngoài trách nhiệm và nghĩa vụ của công dân ra mình còn có lòng yêu nước, lòng biết ơn quốc độ cưu mang mình, dung dưỡng mình, ấy cũng là lẽ thường tình. Ở thế

gian này có không ít những con người không có quốc gia. Người Do Thái (Israel) đã lang thang hai ngàn năm, mãi đến 1947 mới tái lập được quốc gia. Người Digan, người Rohingya, người Kurd… đều là những người không có quốc gia. Họ chịu biết bao đau khổ, cả thể xác lẫn tinh thần. Họ bị truy sát, bách hại của những quốc gia mà họ đang sống tạm. Những quốc gia lân cận nơi họ sống cũng săn đuổi và tàn sát họ. Những quốc gia ấy sợ họ chiếm đất lập quốc (cho dù chính đất ấy là của tổ tiên xa xưa của họ). Lịch sử từ cổ chí kim, từ đông sang tây có biết bao những tấm gương anh hùng dũng sĩ hy sinh đền nợ nước. Đó là những tấm gương báo ơn quốc gia một cách cao cả, là biểu tượng cho đời sau. Bên cạnh đó cũng có không ít những kẻ phản bội, vong ơn… đem quốc gia dâng cho giặc, hoặc nối giáo làm nội gián cho giặc. Quốc gia vốn thiêng liêng, con người không biết ơn quốc gia thì thua cả cầm thú, vì cầm thú còn biết quyến luyến lãnh địa của nó, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ lãnh địa của nó.

Ơn đàn na tín thí, nói cách khác là ơn cộng sinh giữa người và người, người với muôn loài. Con người không thể tồn tại độc lập một mình được, phải có tương tác qua lại. Cái nguyên lý tương tức tương sinh là thế, cái này có thì cái kia có, cái này diệt thì cái kia cũng diệt. Tỷ như mình có miếng ăn, ấy là nhờ công của người nông phu làm ra hạt lúa, rồi bao nhiêu người trồng rau, dưa, hoa quả. Cái áo mặc là nhờ người dệt vải, may đo. Mình sống được là nhờ dưỡng khí của cây lá, nhờ nông sản phẩm vật của mùa màng… mình đã thọ nhận, mình phải biết ơn tất cả đã cho mình sự sống. Hiện tại, không ít người vì vô minh, vô ơn mà cào sạch rừng, xẻ nát núi, lấp sông rạch, chặn biển, xây đập, xả chất thải độc hại ra biển cả, ao hồ… tàn phá thiên nhiên, để rồi hôm nay lũ chồng lũ, đất lở, núi sập, nước dâng… vô cùng bi thảm. Tiếc thay những kẻ vô minh, vô ơn vì quyền lợi cá nhân, vẫn dày mặt lu loa ngụy biện cho việc họ gây ra. Âu cũng là cộng nghiệp của cộng đồng vậy.

Mùa lễ Tạ Ơn lại về, cơn dịch Corona vẫn hoành hành khắp thế giới. Người ta vẫn loay hoay chưa chế được thuốc ngừa hay

thuốc trị, tất cả vẫn còn đang thử nghiệm. Bởi thế mà mùa lễ năm nay không tưng bừng như những năm trước. Nhiều quốc gia, nhiều thành phố vẫn tiếp tục đóng cửa, tiếp tục giãn cách. Dù lễ Tạ Ơn năm nay có ảm đạm và hạn chế thế nào đi nữa thì số phận mấy chục triệu con gà tây vẫn phải chết, màn biểu diễn tha tội cho gà tây thật phù diễn tắc trách. Gà tây nó đang sống bình yên, chẳng hại ai, cớ sao bắt nó rồi lại làm lễ tha tội nó? Nó có tội gì đây? Đây quả thật là một sự vô minh, một sự "Cường khắc phục nhược" (chữ trong kinh Vô Lượng Thọ) của con người. Những người Phật tử ăn chay, những nhóm Vegan phương Tây từ chối ăn thịt cũng là một cách cụ thể hoá việc biết ơn cộng sinh, biết ơn đàn na tín thí. Người Phật tử không tin có đấng sáng tạo, thượng đế (God, Creator) mà tin ở nhân quả nghiệp báo. Mình gieo cái gì sẽ gặt cái ấy (reap what you sow). Cái quả hôm nay là do cái nhân quá khứ, cái quả mai sau là từ cái nhân hôm nay. Những người ăn chay, không còn vay nợ máu xương, giải oán kết với muôn loài, trải tình thương đến vạn vật tức cũng là đang tạo cái nhân lành. Người ăn chay đã buông xuống một phần cái tôi, không còn vui sướng hưởng thụ thịt xương máu huyết của loài vật.

Mùa lễ Tạ Ơn lại về, đất trời Bắc Mỹ đã lạnh lắm rồi. Thử tưởng những ngày xa xưa, khi những người đầu tiên đến khai phá mảnh đất này, chao ơi! cả một trời gian khổ và máu xương cũng đã đổ ra, kế tiếp là những thế hệ lần lượt xây dựng nên xứ sở này. Nhân mùa lễ Tạ Ơn, xin nói một lời cảm ơn nơi chôn nhau cắt rốn, cảm ơn mảnh đất nuôi ta lớn được từng ngày, cảm ơn tất cả những mối quan hệ tương tác qua lại, cảm ơn sự cộng sinh giữa người với người, người với vạn vật muôn loài, nhưng trên hết là cảm ơn cha mẹ đã cho con cái hình hài này, cho con sự sống này. Cảm ơn Phật đã khai sáng con đường giải thoát, đã đem ánh đạo vàng đến thế gian này. Cảm ơn thầy tổ đã giữ gìn và truyền thừa ngọn đèn chánh pháp.

Ất Lăng thành, 11/2020

Vài nét
VỀ CÔNG TÁC DỊCH THUẬT *TẠI LIÊN HIỆP QUỐC*

NGUYỄN HẢI HOÀNH

Liên Hiệp Quốc (LHQ) quy định dùng *6 ngôn ngữ chính thức* (official languages) là tiếng Anh, Pháp, Tây Ban Nha, Nga, A Rập và Trung Quốc. Các đại biểu hoặc khách mời họp LHQ đều sử dụng một trong 6 ngôn ngữ đó. Các văn kiện của LHQ đều in bằng 6 thứ tiếng, nhưng Ban Thư ký chủ yếu dùng tiếng Anh và Pháp để làm việc nội bộ. Hiện nay, cả 6 ngôn ngữ này đều được coi là *ngôn ngữ làm việc* (working languages - NNLV) của LHQ, nhưng năm 1946 chỉ có tiếng Anh và Pháp được coi là NNLV.

Hầu hết diễn giả tại LHQ đều dùng 1 trong 6 NNLV, các phiên dịch viên (PDV) có nhiệm vụ chuyển thành 5 NNLV còn lại. Nếu không dùng NNLV thì diễn giả phải tự mang theo PDV dịch lời diễn giả ra 1 trong 6 NNLV. Sau đó, PDV của LHQ lại dịch tiếp ra 5 NNLV còn lại. Cách dịch chuyển tiếp (relay) này rất dễ xảy ra sai sót, vì thế trong trường hợp đó, LHQ chỉ cho phép dùng một ngôn ngữ trung gian.

PDV LHQ thuộc loại nhân vật đặc biệt: họ chẳng những giỏi nhiều ngoại ngữ mà còn có tài chịu đựng sức ép tâm lý rất lớn và giỏi giao

Liên Hiệp Quốc (LHQ) là tổ chức quốc tế lớn nhất thế giới, gồm 193 quốc gia hội viên. Cơ quan LHQ có Hội sở chính (Headquarter) đặt tại New York, và 3 cơ quan (Office) đặt tại Geneva (Thụy Sĩ), Vienna (Áo) và Nairobi (Kenya).

tiếp. Họ phải thành thạo ít nhất 2 trong số 6 NNLV - 2 ngôn ngữ này được gọi là *ngôn ngữ nguồn* (source languages) của PDV đó. Ngoài yêu cầu kỹ năng dịch xuất sắc ra, PDV còn phải hiểu biết rộng về các lĩnh vực chính trị, nhân quyền, kinh tế, xã hội, tài chính, pháp luật, v.v… PDV phải có khả năng dịch bất cứ từ ngữ nào của diễn giả ra 2 NNLV khác nhau. Đây là một nhiệm vụ khá phức tạp, đòi hỏi PDV phải thường xuyên học hỏi nghiên cứu và cố gắng nắm bắt các sự kiện trên thế giới. PDV phải có tinh thần hợp tác, biết lắng nghe ý kiến của người khác, và phải không ngừng học hỏi vươn lên.

Dễ thấy là nếu không có bộ máy phiên dịch nhiều thứ tiếng thì LHQ không thể hoạt động được. Nói văn vẻ, khi ấy LHQ chỉ là một tòa Tháp Baben[1] Bởi vậy, LHQ rất coi trọng công việc dịch thuật. Đại hội đồng LHQ ngày 24/5/2017 thông qua quyết nghị số 71/288 chính thức quy định lấy ngày 30 tháng 9 hàng năm làm *Ngày Dịch thuật quốc tế* - International Translation Day, nhằm nhấn mạnh vai trò quan trọng của công tác dịch thuật trong việc bảo vệ tôn chỉ và các nguyên tắc của Hiến chương LHQ[2]. Nghị quyết 71/288 của LHQ đã đem lại sự công nhận toàn cầu cho Ngày Dịch thuật quốc tế.

Tiếng Anh gọi việc dịch viết là *translation,* người làm việc dịch viết là *translator,* việc dịch miệng (dịch nói) là *interpretation,* người dịch miệng là *interpreter.* Chi tiết hơn còn chia làm dịch miệng luân phiên *consecutive interpratation* (diễn giả nói xong

---

1. Tower of Babel: Theo Kinh Thánh, sau trận đại hồng thủy, loài người nói cùng một thứ ngôn ngữ và di cư về phía Tây, đến vùng Shinar họ chung sức xây dựng tòa tháp Babel có thể chạm tới thiên đường. Chúa Trời đã làm cho họ nói các ngôn ngữ khác nhau, do đó không còn hiểu nhau, vì thế việc xây tháp thất bại.

2. Thực ra từ lâu trước đây, Hội Phiên dịch quốc tế đã quy định lấy ngày 30/9 (là ngày sinh St. Jerome – người đã dịch Kinh Thánh ra chữ Latin) làm Ngày Phiên dịch quốc tế; đến ngày này, họ tổ chức cuộc Thi phiên dịch St. Jerome để chúc mừng.

một câu, PDV mới dịch câu đó) và dịch miệng đồng thời (dịch đuổi) *simultaneous interpratation* (diễn giả nói, PDV đồng thời dịch đuổi theo).

Phương thức dịch đồng thời đòi hỏi PDV trong khi nghe câu tiếp theo đã phải nói to lời dịch câu trước đó. Thông thường, PDV ngồi trong phòng cách âm gọi là booth, đeo tai nghe, trước mặt có micro, vừa nghe, vừa dịch trong óc và nói lời dịch của mình. Từ chỗ ngồi, PDV nhìn thấy đoàn chủ tịch và diễn giả. Trong bất cứ tình huống nào, công việc dịch đều đòi hỏi phải tập trung tư tưởng cao độ, vì sự chú ý của họ bị phân tán bởi 3 nhiệm vụ nghe, dịch, nói. Bởi thế, PDV của LHQ phải được đào tạo trong nhiều năm. Người dự thi làm PDV LHQ phải trải qua ít nhất 200 ngày làm công tác dịch, biên tập hoặc dịch miệng tại các cuộc họp.

Dịch từ tiếng nước ngoài ra tiếng mẹ đẻ là nội dung chính trong công tác dịch miệng của PDV. Nói chung, LHQ có rất ít PDV dịch miệng tiếng A Rập và tiếng Trung đạt yêu cầu.

Như đã nói, PDV của LHQ phải giỏi 3 ngôn ngữ: ngoài tiếng mẹ đẻ ra còn phải hiểu biết sâu sắc và dùng thành thạo 2 ngôn ngữ nguồn. Nhưng các đại biểu hoặc diễn giả dự họp LHQ lại có thể không giỏi 2 ngôn ngữ ấy; khi đó PDV sẽ gặp nhiều khó khăn.

Khối lượng công việc của các PDV LHQ khá nhiều, hiện nay nhiều nhất mỗi tuần họ phải dự 7-8 cuộc họp, thời gian mỗi cuộc họp là 3 giờ. Theo quy định, cứ dịch được 20-30 phút, lại có người khác dịch thay luân phiên, nhằm để họ theo kịp tốc độ nói của diễn giả và để tránh do mệt nhọc mà dịch sai. Năm 2009, tại phiên họp Đại hội đồng LHQ, từng xảy ra chuyện người phiên dịch riêng của Muammar Gaddafi (lãnh đạo Libya) ngã lăn quay sau khi dịch được 75 phút (Gaddafi nói cả thảy 96 phút).

Các PDV dịch viết đều làm việc một cách thầm lặng. Dịch thuật động chạm tới những vấn đề quốc tế rất nhạy cảm, đòi hỏi thận trọng cân nhắc từng chữ từng câu, phải tra cứu và thảo luận về

bối cảnh của mỗi văn kiện, bảo đảm trong thời hạn quy định phải đưa ra bản dịch có chất lượng cao nhất. Chẳng những dịch phải chính xác, mà còn phải không mâu thuẫn với các bản dịch trước đây. Cho nên trước khi dịch, phải tra cứu xem trong hơn 70 năm tồn tại LHQ, đã có văn bản nào cùng loại với văn bản cần dịch không. Chính xác và kịp thời là hai yêu cầu hàng đầu đối với việc dịch viết ở LHQ.

Hiện nay, công tác phiên dịch đã được cơ khí hóa nhiều, như dùng máy tính đánh chữ, dùng phần mềm dịch hỗ trợ và tiến tới dùng trí tuệ nhân tạo để dịch. Nhưng máy không thể thay cho PDV giỏi, nhất là ở LHQ, nơi văn bản dịch có tính nhạy cảm cực cao.

Viên chức LHQ chia 3 loại: D, P và G. Ở đây D là Director (viên chức quản lý cấp cao), P là Professional (nhân viên chuyên nghiệp), G là General, tức nhân viên sự vụ, hành chính, thường dùng người bản xứ.

Nhân viên loại P là lực lượng chính của LHQ, chia làm 5 bậc từ P-1 đến P-5. Trong đó, P-1 và P-2 tuyển công khai từ công chúng, qua đợt thi YPP (Young Professional Programme) do LHQ tổ chức nhằm lựa chọn các ứng viên trẻ. Kết quả thi chỉ có giá trị



trong 2 năm; trúng tuyển quá 2 năm mà chưa được nhận vào làm việc thì phải thi lại.

Ví dụ, tốt nghiệp đại học nếu trúng tuyển thì xếp bậc P-1, thạc sĩ xếp P-2. Trúng tuyển rồi phải tập sự 2 năm mới được làm việc. Ba loại P-3, P-4 và P-5 không qua thi tuyển mà qua đề bạt khi có vị trí trống, như khi có người nghỉ hưu hoặc thôi việc. Khi ấy, ai có ít nhất 5 năm thâm niên công tác thì có thể làm đơn xin nâng bậc. Nói chung, ở LHQ có rất ít cơ hội thăng tiến. Ví dụ, để từ P-2 tiến lên P-5, trường hợp thuận lợi nhất cần ít nhất 12 năm.

Theo số liệu của LHQ, thi YPP năm 2013 có 22.662 thí sinh ghi tên, qua sàng lọc, 3.039 người được dự thi viết rồi thi vấn đáp, cuối cùng 110 người trúng tuyển.

Bậc P-2 hưởng mức lương hàng năm là 46.730 USD (tương đương 1,1 tỷ VNĐ), nếu làm việc ở New York sẽ được hưởng phụ cấp đắt đỏ bằng 65,5% lương chính, tức 30.608 USD, như vậy tổng thu nhập hàng năm là 77.338 USD (1,8 tỷ VNĐ), đều được miễn thuế. Theo điều tra năm 2013 của Pew Research Center, 70.000 USD tương đương thu nhập của một hộ 4 người tầng lớp trung lưu ở New York. Tại đây, cảnh sát thâm niên 5 năm có mức lương 69.000 USD, giáo viên thâm niên 5 năm - 50-60 nghìn USD, phó GS - 80. 000 USD, đều là trước thuế. Bậc P-3 có mức lương chính là 133.262 USD. Ngoài lương cao, viên chức LHQ hàng năm được nghỉ phép một tháng có lương, được trợ cấp tiền nhà, trợ cấp nuôi vợ (chồng) và con, trợ cấp tiền học của con, được hưởng chế độ bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội.

Nhưng không phải ai cũng gặp may, có trường hợp nhân viên LHQ được cử đi làm việc tại những nơi có chiến tranh, loạn lạc hoặc nghèo đói, có dịch bệnh.

PDV thuộc loại P. Để trở thành PDV LHQ, các ứng viên phải qua kỳ thi YPP. Đây là nơi sát hạch có tính cạnh tranh nhất. Ứng viên phải có vốn ngôn ngữ vững, trước hết là tiếng mẹ đẻ, bởi lẽ nói chung công việc chính của PDV là dịch từ ngoại ngữ sang tiếng mẹ đẻ.

Tổng số nhân viên LHQ trên toàn thế giới là 41.000 người, trong đó có vài trăm PDV. Riêng Vụ Phiên dịch Trung văn tại Hội sở LHQ ở New York có 71 người (2017), trong đó 60 PDV, chủ yếu dịch viết.

Cơ quan LHQ ở Geneva có 101 PDV, chưa kể 50 PDV tự do sẵn sàng hỗ trợ họ khi cần. Mỗi cuộc họp ở đây cần tới 14 PDV làm công tác dịch đồng thời, gồm 3 PDV tiếng A Rập, 3 PDV tiếng Trung; riêng tiếng Anh, Pháp và Nga mỗi loại cần 2 PDV. Nói chung, LHQ thiếu PDV tiếng A Rập và tiếng Trung loại giỏi. PDV làm việc khá căng thẳng, như hôm 23/12/2010, họ phải làm việc từ 10g sáng hôm nay tới 4g45 sáng hôm sau. Ở đây, ai cũng biết bà Rebecca Edgington, phụ trách bộ phận dịch tiếng Anh gồm 18 nhân viên. Edgington người gốc Anh, có tài dịch lưu loát với tốc độ rất nhanh tiếng Pháp, Nga, Đức sang tiếng Anh. Bà học tiếng Pháp từ năm 11 tuổi, tiếng Đức từ 12 tuổi và tiếng Nga từ 17 tuổi. Edgington từng có 9 năm là PDV tự do làm thuê cho một số cơ quan thuộc Ủy ban EU, từ năm 2004 bắt đầu làm cho LHQ. Năm 2004, bà mẹ 43 tuổi có 2 con nhỏ này từng mặc áo chống đạn, đội mũ sắt, đi trực thăng cùng một phái bộ ngoại giao đến công cán tại Chechnia. Máy bay bị phiến quân bắn nhưng không trúng. Theo bà, dịch tiếng Nga rất thú vị, nhưng áp lực lớn, vì diễn giả người Nga hay theo dõi lời dịch, họ phản ứng tức thời với PDV, lập tức vạch ra những từ họ cho là dịch không đúng.

NGUỒN:

- www.un.org;
- https://www.swissinfo.ch/eng/heard--not-seen_the-interpreters-who-make-the-un-s-work-possible/38641178;
- http://clearwordstranslations.com/7-interesting-facts-about-un-interpreters/
-http://expatch-swiss.blogspot.com/2014/05/without-them-united-nations-couldnt-work.html
- một số nguồn khác.

THỰC HÀNH PHẬT GIÁO *TẠI CHÙA ĐÌNH QUÁN (HÀ NỘI) HIỆN NAY*

NGUYỄN MINH HUYỀN*
PHẠM THỊ CHUYỀN**



Chùa Đình Quán (Hà Nội) hiện nay là một trong những cơ sở Phật giáo có bề dày lịch sử và có những đóng góp đáng kể về phương diện thực hành ở Hà Nội. Bài viết này lấy thực hành Phật giáo ở đây là đối tượng nghiên cứu như một đáp ứng cho nhu cầu tìm hiểu về sự thực hành Phật giáo ở Hà Nội nói riêng, ở Việt Nam hiện nay nói chung. Từ góc nhìn thực thể tôn giáo, với tư liệu bi ký, tư liệu từ quan sát tham dự và phỏng vấn sâu, chúng tôi đi tới hai nhận định: Thứ nhất, cộng đồng Phật giáo chùa Đình Quán đã thực hành với sự kết hợp khéo léo giữa tiếp nối truyền thống và tiếp thu hiện đại; Thứ hai, những thực hành thuần túy Phật giáo và hướng đích xã hội ở đây đang đáp ứng được những nhu cầu thiết thực của cá nhân và cộng đồng ở đây.

---

* Cử nhân K61 Tôn giáo học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, sưu tầm tư liệu, quan sát tham dự và viết bản thảo.
** Tiến sĩ, giảng viên Bộ môn Tôn giáo học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội, hướng dẫn Nguyễn Minh Huyền nghiên cứu, hiệu đính và chỉnh sửa bài viết.

Chùa Đình Quán là tên mà người Hà Nội thường gọi hiện nay. Chùa vốn có tên chữ Hán là "Phúc Quang tự". Chùa tọa lạc trên địa bàn thôn Đình Quán, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm. Tên chữ Nôm của ngôi cổ tự này là "Chùa Bà Bông". Tương truyền, thời xưa có một nàng công chúa con vua Trần ra đây xây dựng ngôi chùa này rồi tu ở đó đến khi mất. Đến khoảng thời Lê Sơ (thế kỷ 15) có một bà vãi quê làng Bông Cời, huyện Thanh Oai, Hà Tây lên ở chùa, bỏ tiền ra tu sửa chùa, mua 3 mẫu ruộng của làng hiến cho chùa rồi cũng ở đó đến khi mất. Nhân dân địa phương nhớ ơn bà, đổi tên là chùa Bà Bông, tạc tượng bà thờ phụng ở phía Bắc trong Tam bảo[1]. Giới thiệu về lịch sử và kiến trúc chùa Đình Quán đã có một số tác giả như: Đỗ Thỉnh[2], Song Yên[3], Lan Khuê và Khánh Minh[4], nhóm tác giả của Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội[5] đề cập đến. Những thông tin khái quát và cơ bản được đăng tải trên trang Web của chùa. Về thực hành Phật giáo tại chùa Đình Quán đã được Hoàng Văn Nam[6], Hoàng Văn Chung và Phạm Thị Chuyền[7] nhắc đến trong các bài viết của mình, khi nói về vấn đề giáo dục đạo đức của Phật giáo đối với thanh niên Việt Nam hiện nay. Trong đó, Hoàng Văn Nam nói đến CLB "Về

1. https://www.chuadinhquan.com/

2. Đỗ Thỉnh (1993), *"Chùa Đình Quán và văn bia Trạng Bùng"*, Tạp chí *Hán Nôm* số 2.

3. Song Yên (1996), *"Chùa Đình Quán và chùa Hà đón nhận quyết định xếp hạng di tích Lịch sử - Văn hóa"*, Tạp chí *Nghiên cứu Phật học* số 3, tr. 69.

4. Lan Khuê, Khánh Minh sưu tầm, biên soạn (2009), *Đình, Đền, Chùa Hà Nội,* Hà Nội, Nxb Thanh Niên.

5. Nhiều tác giả, (2011), *Danh bạ những ngôi chùa Việt Nam,* Hà Nội, Tạp chí *Khuông Việt* thuộc Học viện Phật giáo Việt Nam.

6. Hoàng Văn Nam (2010), *Ảnh hưởng của giới luật Phật giáo trong giáo dục đạo đức thanh niên Việt Nam hiện nay,* Luận án Thạc sĩ Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

7. Hoàng Văn Chung, Phạm Thị Chuyền, (2016), *Giáo dục đạo đức và lối sống của Phật giáo trong xã hội Việt Nam hiện nay,* Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo* số 3(153).

nguồn" của chùa Đình Quán là một trong số các CLB trên toàn quốc có vai trò quan trọng trong việc phổ biến rộng rãi các kiến thức về giáo dục và điều chỉnh hành vi đạo đức của thanh niên đối với xã hội. Tác giả Hoàng Văn Chung và Phạm Thị Chuyền nhắc đến Chùa Đình Quán là một trong những nơi thường xuyên diễn ra các nghi lễ lớn nhỏ trên địa bàn Hà Nội. Đặc biệt trong bài viết này chùa Đình Quán được nhắc đến là một trong các ví dụ về nơi tổ chức lễ Hằng thuận (lễ cưới theo nghi thức Phật giáo) hiện nay tại Hà Nội. Thực tế, thực hành Phật giáo ở đây phong phú và đa dạng hơn nhiều những gì các tác giả trên đã đề cập. Chúng tôi muốn trả lời cho những câu hỏi như: chùa Đình Quán đã và đang dựa vào những điều kiện gì để duy trì những thực hành Phật giáo hiện nay? Những thực hành Phật giáo truyền thống nào được tiếp tục duy trì? Và những thực hành Phật giáo nào mang tính hiện đại được tiếp thu ở đây?

Điều kiện cho sự thực hành Phật giáo tại chùa Đình Quán (Hà Nội) hiện nay

Sự thực hành Phật giáo ở một ngôi chùa hình thành và tồn tại cần có rất nhiều điều kiện. Những điều kiện thiết yếu có thể bao gồm: sự thực hành chùa đã được duy trì trong lịch sử, đặc trưng cộng đồng Phật giáo đang sinh hoạt tại chùa và phương thức thực hành phù hợp với nhu cầu của cộng đồng đó.

Theo một số tư liệu bi ký hiện còn[8], chùa Đình Quán vốn là một ngôi cổ tự được xây dựng từ khoảng đầu thời Mạc trở về trước. Tính đến nay, chùa đã trải qua ba lần trùng tu lớn. Về lần tu sửa đầu tiên, khởi công năm 1588, khánh thành năm 1592 tại phủ Thường Tín, huyện Thanh Trì, xã Cổ Điển, do huyện Thừa Minh Luân và con trai trợ giúp. Sau khi trùng tu, có mời Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan viết văn bia. Ông không chỉ nói về vị trí ngôi

8. Ba đá bia mang niên hiệu vua: Quang Hưng (1678-1599), Chính Hoà (1680-1705), Gia Long (1802-1819) ghi lại lịch sử trùng tu của chùa hiện còn lưu giữ tại sân chùa. Nội dung dịch do Phạm Thị Chuyền thực hiện.

chùa mà còn nói về triết lý đạo Phật, về Tam giáo đồng nguyên và biểu dương những người đã giúp góp tiền trùng tu ngôi chùa lần thứ hai. Khi đó, nhà sư trụ trì chùa là Lê Pháp Đăng, tự Mậu Hoá, quê ở huyện Quảng Xương, phủ Tĩnh Gia, Thừa Tuyên Thanh Hóa, xuất gia cùng tổ chức cộng đồng thiện nam tín nữ trong thôn Đình Quán, dốc tâm làm điều thiện, mở rộng lòng từ[9]. Lần trùng tu thứ hai vào năm Chính Hòa năm thứ 13 tháng 10, cộng đồng Phật tử lại bầu ra hậu Phật để đời cúng giỗ. Đến đời Gia Long (1819), chùa được tu sửa lần thứ ba, khi đó còn cho đúc quả chuông cổ vẫn còn lại đến nay. Với một bề dày lịch sử như thế, chùa Đình Quán đã được Bộ Văn hóa - Thông tin xếp hạng Di tích Kiến trúc nghệ thuật ngày 27/8/1996, được Nhà nước công nhận là Di tích Lịch sử văn hóa theo Quyết định 310-QĐ/BT ngày 13/12/1995. Năm 1998, nhà chùa cùng dân làng đổ con đường bê tông từ quốc lộ 32 vào cổng chùa dài 440m. Đây là một công trình kiến trúc cổ, mang bản sắc văn hoá độc đáo trong cụm di tích lịch sử văn hoá phía Tây Thăng Long. Một cơ sở Phật giáo tồn tại lâu đời ắt có những nội dung thực hành mang tính hồn cốt. Tuy trong bi ký, không có sự trình bày rõ về phương thức thực hành Phật giáo tại chùa Đình Quán trong lịch sử, nhưng theo những phỏng vấn sâu mang tính hồi cố của chúng tôi, phương thức thực hành Tịnh Độ hiện nay ở chùa được duy trì từ nhiều đời Sư Tổ.

Mặt khác, nhìn vào tượng thờ ở chùa Đình Quán, chúng tôi thấy tại Chánh điện có nhiều lớp tượng, tuy nhiên hai lớp tượng quan trọng nhất là lớp thứ hai dưới lớp Tam Thế là Lớp tượng A Nan - Thích Ca Niêm Hoa - Ca Diếp. Lớp thứ ba là Đại Thế Chí Bồ Tát - Phật A Di Đà - Phổ Hiền Bồ Tát. Tại Tổ đường, chúng tôi thấy có sự hiện diện của Bồ Đề Đạt Ma là Sơ Tổ Thiền tông Trung Hoa ở ban chính giữa, hai bên là các Tổ Tăng và Tổ Ni thời cận hiện đại. Kết hợp với tư liệu phỏng vấn hồi cố, chúng tôi có thể nhận

9. Đỗ Thỉnh (1993), *"Chùa Đình Quán và văn bia Trạng Bùng"*, Tạp chí *Hán Nôm* số 2.

định rằng, trong lịch sử đã có sự thực hành theo pháp môn Thiền và thực hành theo pháp môn Tịnh Độ từng tồn tại ở đây. Việc hai pháp môn có cùng tồn tại ở đây trong một giai đoạn lịch nào hay không vẫn còn là một câu hỏi lớn. Nhưng chúng tôi đều thấy rằng, sự xuất hiện phương thức thực hành thiền và phương thức thực hành Tịnh Độ trong lịch sử là một trong những điều kiện quan trọng đưa tới sự lựa chọn phương thức thực hành của cộng đồng Phật giáo hiện nay ở đây.

Về đặc trưng cộng đồng thực hành Phật giáo ở chùa Đình Quán hiện nay, với sự quan sát tham dự trong hơn 6 tháng (ba tháng cuối năm 2019, ba tháng đầu năm 2020), chúng tôi đã thấy rằng, cộng đồng thực hành Phật giáo hiện nay ở chùa Đình Quán có thể khu biệt thành hai nhóm cơ bản. Thứ nhất là đạo tràng gồm chủ yếu những vị Phật tử lớn tuổi. Đó là nhóm cư dân cư trú tại thôn Đình Quán nhiều năm, thậm chí có vị có nhiều đời tổ tiên ở đây. Họ tới đây sinh hoạt như một nếp sống văn hóa truyền thống của thôn làng. Do đó, định hướng về nếp sinh hoạt Phật giáo truyền thống. Nhóm thứ hai chủ yếu gồm những người trẻ tuổi, bao gồm thành viên của Câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử và một số Phật tử trẻ. Nhóm này cư trú rải rác trên địa bàn Hà Nội, do nhân duyên mà hội tụ ở đây cùng sinh hoạt Phật giáo. Nhóm này có xu hướng thực hành Phật giáo hiện đại.

Đó là hai điều kiện căn bản đưa tới sự thực hành Phật giáo ở chùa Đình Quán hiện nay. Còn điều kiện thực hành thứ ba là phương thức thực hành, chúng tôi sẽ trình bày cụ thể trong mục 2 và 3 phía sau.

Thực hành Phật giáo truyền thống tại chùa Đình Quán (Hà Nội) hiện nay

Chùa Đình Quán đã trở thành không gian sinh hoạt chính của Đạo tràng[10] Tịnh Độ thôn Phú Diễn từ nhiều năm qua. Đạo tràng

10. Đạo tràng là nơi hội tụ những người con Phật, có cùng một ý hướng chuyên tu, theo một pháp môn tu hành nào đó đã được lựa chọn.




Tịnh Độ thường xuyên sinh hoạt vào chủ nhật của tuần thứ nhất và tuần ba hằng tháng. Số lượng người của đạo tràng tầm hơn 100 người, chủ yếu là những người lớn tuổi, và hầu như đều đã quy y Tam bảo. Tuần một là tụng giới, tuần ba là tụng kinh niệm Phật.

Hoạt động của tuần thứ nhất là nghi thức tụng giới: tụng lại các giới luật mà mình đang giữ. Mục đích trong một tháng vừa qua, kiểm điểm xem mình đã phạm phải lỗi nào, chưa giữ được giới nào. Các Phật tử phải sám hối cho thanh tịnh trước, sau đó mới được tham gia vào nghi thức tụng giới, và cũng không được nghe tụng giới. Người phạm lỗi phải hướng đến một người thanh tịnh nói rõ tội danh mình phạm mà xin sám hối. Sau khi sám hối, các Phật tử sẽ trở thành người thanh tịnh và tham gia vào nghi thức tụng giới. Đối với các Phật tử của đạo tràng sau khi quy y giữ gìn 5 giới. Vì vậy, nghi thức tụng ngũ giới được diễn ra như sau: sáng ngày chủ nhật, 8 giờ 30 phút, đại chúng vân tập về chùa để thực hiện thời khóa tu tập. Bắt đầu là thời khóa ngồi thiền, tụng kinh, thiền hành, nghe giảng pháp và ăn cơm trong chính niệm. Sau đó, đầu giờ chiều 14 giờ, chuẩn bị sẵn sàng cho nghi thức tụng giới. Sau khi đảnh lễ chúng tăng ba lạy, sẽ thực hành ngồi thiền trong khoảng 30 phút thì bắt đầu nghi thức sám hối sáu căn là: Nghiệp của mắt, nghiệp của tai, nghiệp của mũi, nghiệp của lưỡi, nghiệp của thân, nghiệp của ý. Sau đó, thầy trụ trì sẽ đọc lần lượt năm giới phải giữ đối với các Phật tử là: Không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối và không uống rượu. Trong khi đọc các giới, nếu ai vi phạm phải thành tâm sám hối cho thanh tịnh rồi mọi người đồng thanh niệm Phật, quy y và hồi hướng công đức.

Vào tuần thứ ba của tháng, đạo tràng sẽ cùng nhau tụng kinh và niệm Phật. Thông thường, đạo tràng hay tụng kinh A Di Đà, tụng chú đại bi,... Hoạt động này diễn ra vào buổi sáng, do các thành viên của đạo tràng tự tu tập với nhau và không có sự hướng dẫn của các ni trong chùa. Ngoài hai buổi sinh hoạt chính thức của đạo tràng, một số người dân ở quanh chùa thuộc đạo tràng vào các buổi tối hằng ngày, nếu có thời gian rảnh sẽ đều về chùa, để thực hiện tới khóa công phu tối cùng tăng chúng trong chùa.

Quan sát sinh hoạt của Đạo tràng Phật tử lớn tuổi tại đây, chúng tôi thấy rằng: việc tổ chức tụng giới hàng tháng là một sự phục hồi rõ nét sinh hoạt của chùa trong lịch sử, mà ít chùa làng ở đồng bằng Bắc bộ hiện có thể thực hiện. Trong tu tập Phật giáo, Giới được xem là thực hành rất quan trọng, do đó việc tụng giới hàng ngày, hàng tuần và hàng tháng là việc vô cùng cần thiết. Theo những chia sẻ của các bác Phật tử ở đây, cá nhân mỗi Phật tử hàng ngày vào đầu giờ sáng thực hiện tụng Tam Quy và Ngũ Giới ở nhà để cả ngày nhớ tới việc quy y Tam Bảo và giữ 5 giới. Vào đầu mỗi tháng, họ cùng nhau tới chùa Đình Quán, cùng nhau tụng giới trước Chánh điện để nuôi dưỡng thêm đức tin với Tam Bảo và bồi dưỡng nguyện lực thực hành giới vững vàng hơn. Một số bác cũng chia sẻ, khoảng vài năm gần đây, thầy trụ trì khôi phục lại thực hành này đã khiến cho định hướng thực hiện 5 giới của họ ngày một rõ ràng và thường xuyên hơn.

Điều đáng chú ý, Đạo tràng Phật tử lớn tuổi ở chùa Đình Quán vẫn tụng kinh A Di Đà và tụng chú Đại Bi, nhưng có sự khác biệt về cách thức tụng niệm. Trước khi tụng niệm, họ thường dành vài phút ngồi yên tĩnh tâm, đưa sự chú ý trở lại thân mình. Mỗi người đều ngồi vững chãi khi tụng niệm. Điều dễ nhận thấy là họ tụng niệm với âm hưởng thong thả, rõ ràng, trầm bổng theo nhịp điệu như một diễn xướng âm nhạc tôn giáo. Tiếng chuông mõ cũng khoan thai, nhẹ nhàng. Do đó, buổi tụng giới hay tụng kinh đều trở thành những buổi sinh hoạt tôn giáo mang đầy tinh thần "trở về nương tựa" (quy y). Họ không chỉ nương tựa vào Tam Bảo, mà

còn nương tựa nơi chính mình. Có thể nói, ngay trong thực hành Phật giáo có tính truyền thống tại chùa Đình Quán hiện nay, pháp môn Thiền đã có những ảnh hưởng ít nhiều đến những người thực hành pháp môn Tịnh Độ, làm cho thực hành truyền thống không trở nên khô cứng và hình thức, mà vẫn trở thành sự thực hành đi sâu vào tinh thần và phù hợp với nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo của một bộ phận Phật tử lớn tuổi.

Thực hành Phật giáo theo hướng hiện đại hóa tại chùa Đình Quán (Hà Nội) hiện nay

Bên cạnh các hoạt động tu tập hằng ngày của các tu sĩ Phật giáo, và sinh hoạt hàng tuần của Đạo tràng Tịnh Độ, chùa Đình Quán còn tổ chức một câu lạc bộ thanh thiếu niên Phật tử sinh hoạt thường xuyên vào tối thứ hai và tối thứ bảy hằng tuần. Trong tình hình Phật giáo cả nước đang thiếu những nơi sinh hoạt Phật giáo dành cho các bạn trẻ, khiến cho số lượng người trẻ ít đến chùa. Đặc biệt là ở miền Bắc, phần lớn các chùa chỉ đảm nhiệm vai trò thờ Phật, diễn ra các nghi lễ tôn giáo mà thiếu đi sinh hoạt Phật giáo mang tính hiện đại hóa và hướng đích cộng đồng. Còn một số ít khác đã có hình thức mở ra các câu lạc bộ sinh hoạt dành cho các thanh thiếu niên, nhưng với hình thức nhỏ, và ít thu hút đối với các bạn trẻ. Nhận thấy được rằng thanh thiếu niên Phật tử là tương lai của đạo pháp, góp phần chính trong việc hoằng pháp sau này. Chính vì vậy, Chùa Đình Quán quyết định tổ chức một câu lạc bộ dành cho thanh thiếu niên Phật tử, có tên là câu lạc bộ "Về nguồn" thành lập năm 2010. Sau này, đổi tên thành "Câu lạc bộ Thanh thiếu niên Phật tử chùa Đình Quán".

Từ khi mới được thành lập, câu lạc bộ đã thu hút được số lượng lớn các bạn thanh thiếu niên tham gia[11]. Bởi vì trước đó trong thành phố Hà Nội rất khó để có thể tìm thấy nơi sinh hoạt. Mục đích thành lập câu lạc bộ là giúp cho các bạn trẻ có một sân chơi

11. Tư liệu phỏng vấn sâu nam Phật tử, Huynh trưởng CLB Thanh thiếu niên Phật tử chùa Đình Quán, tháng 01/2020, người thực hiện: Nguyễn Minh Huyền.



lành mạnh, có cơ hội được tiếp cận học hỏi và thực hành giáo lý của Phật, vận dụng vào cuộc sống hằng ngày để có thể chuyển hóa, chế ngự được những thói hư tật xấu của bản thân, góp phần phát triển đạo pháp của dân tộc.

Câu lạc bộ gồm 1 huynh trưởng - là người phụ trách chính, lên kế hoạch tổ chức các hoạt động sinh hoạt tại câu lạc bộ, và 2 huynh phó. Trong các buổi sinh hoạt hằng ngày của câu lạc bộ, số lượng người tham dự đông nhất có lúc lên đến 80 - 90 người, các buổi ít hơn tầm 30 người. Đa số là nữ, độ tuổi từ 15 đến 35 tuổi, một số người lớn tuổi hơn đều là các bác trong làng. Đối với những người mới tham gia, đa phần đều chưa từng quy y, nhưng sau một thời gian tu tập số lượng người quy y lên đến 80-90%[12]. Đặc biệt, một số các bạn thanh thiếu niên trong quá trình tu tập ở đây đã bén duyên với Phật giáo và xuất gia, trở thành những hạt giống trong các đoàn thể Phật giáo.

Hoạt động tu tập chính thức của câu lạc bộ là tu thiền (thiền Làng Mai). Gồm một lớp học giáo lý vào tối thứ hai, và một lớp thực hành vào tối thứ bảy hằng tuần với nội dung như sau:

Thứ nhất, hoạt động sinh hoạt của câu lạc bộ vào thứ bảy hằng tuần được bắt đầu lúc 19 giờ 30 phút và kết thúc vào lúc 21 giờ 30 phút, tùy ngày. Bắt đầu từ 19 giờ, mọi người đã có mặt tại chùa để chuẩn bị cho buổi sinh hoạt: chuẩn bị kinh sách, lấy kệ kê kinh, chuẩn bị mic và máy chiếu để giảng bài. Trước mỗi buổi sinh hoạt, mọi người sẽ được điểm danh để thống kê số lượng người tham gia của từng buổi. Sau đó, vào lấy áo tràng để mặc và ngồi vào vị trí để chuẩn bị bắt đầu thời khóa đầu tiên.

12. Tư liệu phỏng vấn sâu nam Phật tử, Huynh trưởng CLB Thanh thiếu niên Phật tử chùa Đình Quán, tháng 01/2020, người thực hiện: Nguyễn Minh Huyền.

Đúng 19 giờ 30 phút, thầy trụ trì và các ni trong chùa bước vào thiền đường, thời khóa ngồi thiền chính thức bắt đầu. Cũng giống như hoạt động ngồi thiền vào buổi sáng trong ngày, sư bác sẽ tụng một đoạn kinh ngắn, sau đó mọi người ngồi thiền trong im lặng và không có sự hướng dẫn. Sau 30 phút ngồi thiền, tiếng khánh vang lên, mọi người bắt đầu xả thiền. Xả thiền xong, sau khi nghe một tiếng khánh mọi người quay vào xá nhau, tiếng thứ hai mọi người quay lên xá Phật. Sau đó, mọi người ngồi xuống trong im lặng để bắt đầu các hoạt động tiếp theo.

Thời khóa ngồi thiền được giữ nguyên trong tất cả các buổi sinh hoạt của câu lạc bộ vào tối thứ bảy. Còn những hoạt động sau đó, sẽ được thay đổi luân phiên nhau, mỗi tuần một chủ đề khác nhau: Tụng kinh, lạy sám pháp địa xúc, thực tập ba lạy, thực tập năm lạy, pháp đàm, thiền ca và nhiều hoạt động khác nữa.

Thông thường, phổ biến nhất là hoạt động *tụng kinh.* Sau khi ngồi thiền xong, kệ kê kinh và kinh sẽ được chuyển từ trên xuống dưới cho từng người. Khi kinh, kệ được truyền đến nơi, trước khi nhận phải chắp tay, xá một lần rồi mới nhận và đặt xuống vị trí của mình, sau đó tiếp tục truyền cho người khác. 8 giờ 15 phút, mọi người bắt đầu tụng, các bài kinh tụng được lấy trong sách "*Nhật tụng thiền môn*"[13]. Phía trên, các huynh lớn trong câu lạc bộ sẽ hướng dẫn mọi người tụng, khi tụng kinh có sử dụng chuông và mõ. Thầy và các ni khác sẽ tụng cùng với mọi người chứ không phải là người tụng chính. Trong khi tụng kinh, hai tay phải chắp trước ngực, ngồi thẳng lưng và giữ chánh niệm trong suốt quá trình để cảm nhận được ý nghĩa của từng câu kinh. Tụng kinh phải có nhịp điệu, không nên tụng mà như đọc. Tiếng chuông và mõ đều không vội vàng. Sau khi tụng hết bài kinh, mọi người cùng hồi hướng và quy y. Sau đó, chuyển kinh và kệ về lại vị trí ban đầu.

Kết thúc buổi tụng kinh, thầy trụ trì sẽ nhận xét lại toàn bộ về cách tụng của mọi người hôm đó: tụng đã đúng chưa, hay chưa,

13. Thích Nhất Hạnh (2010), *Nhật tụng thiền môn,* NXB Tôn giáo.

còn phải sửa gì không, nếu chưa đúng thì thầy sẽ hướng dẫn mọi người cách tụng như thế nào cho hay, cho đúng. Đặc biệt, đối với những người lần đầu đến tham gia sinh hoạt tại câu lạc bộ, thầy sẽ quan tâm và hướng dẫn kỹ càng hơn, giúp cho tất cả mọi người đều có thể hiểu và theo kịp bài giảng của thầy. Trước khi bắt đầu học nội dung bài mới, thầy sẽ kiểm tra lại bài cũ của mọi người. Mục đích của việc giao bài về nhà là giúp cho mọi người luôn luôn nhớ về bài học, có ý thức học tập thường xuyên để không xao nhãng việc tu tập. Bởi từng câu từng chữ của các bài kinh đều là lời Phật dạy, cần phải ghi nhớ và hiểu chính xác nhất để áp dụng vào cuộc sống một cách dễ dàng.

Sau khi kiểm tra bài cũ xong, thầy sẽ tiếp tục giảng các phần tiếp theo của bài kinh. Ở một số các chùa khác, hoạt động tu tập của câu lạc bộ thanh thiếu niên Phật tử chỉ diễn ra giữa các thành viên với nhau, mọi người tự đọc và chia sẻ kinh nghiệm của mình. Nhưng chùa Đình Quán lại khác, trong mỗi buổi sinh hoạt của câu lạc bộ, thầy trụ trì và ni trong chùa đều có mặt và tham gia. Thầy không chỉ giải thích ý nghĩa của từng câu kinh trong bài, mà còn mở rộng ra thêm, để giúp mọi người hiểu sâu sắc ý nghĩa của từng câu kinh trong bài.

Hoạt động cũng thường xuyên được diễn ra trong các buổi sinh hoạt là *Pháp đàm. Pháp đàm* là sự trao đổi và đàm luận về Phật pháp, những gì mới được nghe trong buổi pháp thoại, để hiểu sâu hơn nội dung của bài pháp, cũng như triển khai thêm về phương diện nhận thức cũng như phương diện tu tập. Mục đích của pháp đàm chia sẻ kinh nghiệm để học hỏi lẫn nhau, thấy được chính mình.

Nội dung của buổi pháp đàm là cùng nhau thảo luận về bài pháp thoại đã được nghe trước đó, hay những nội dung đã được học. Để buổi pháp đàm có chất lượng nhất thì số lượng người không được quá đông, để mọi người đều có đủ thời gian để chia sẻ. Người chủ tọa pháp đàm có thể là thầy trụ trì, cũng có thể là các sư huynh - người có nhiều kinh nghiệm trong tu tập.

Với chủ đề đã định mọi người sẽ cùng chia sẻ với nhau. Có người đã là một tu sĩ như sư bác Từ Tín, đã biết và thực hành điều này nhiều lần, thế nhưng vẫn không thể tránh khỏi những lần sai lầm. Theo sư bác chia sẻ, sư bác có ví phiền não đau khổ như là một hạt giống xấu. Những hạt giống xấu này sẽ gieo xuống đất (gieo vào những người thân xung quanh mình), nếu được tưới tẩm thì ngày càng phát triển không thể kiểm soát được. Nếu là con người có chánh niệm dù hạt giống xấu có gieo xuống đất, nhưng ta không cho nó nảy mầm, đơm hoa kết trái thì chúng cũng không thể phát triển lên được. Thế nên dù muộn cũng sẽ nhổ tận gốc, đừng để nó nở hoa kết trái. Trong mỗi người đều có hạt giống khổ đau, nên phải khởi lòng thương với đối phương vạn vật để không cho hạt giống xấu nảy mầm. Đối với những lầm lỡ của sư bác, được sự giúp đỡ của thầy và các huynh đệ đồng tu, hạt giống từng bước đã được loại trừ. Còn với một số người chưa từng được biết và thực hành điều này, thì đây là một chia sẻ hữu ích giúp họ trên con đường tu tập sau này.

Buổi pháp đàm không chỉ để mọi người chia sẻ về những điều đã học được từ nội dung của bài pháp thoại mà còn là nơi để chia sẻ về cuộc sống hằng ngày, những khó khăn trong quá trình tu học, hay cả những vấn đề gặp phải trong chính gia đình mình. Mọi người cùng lắng nghe và chia sẻ với nhau, có những vấn đề bản thân họ không thể giải quyết được thì thầy trụ trì và tăng thân sẽ giải đáp, và đúc kết lại.

Kết thúc buổi pháp đàm, người chủ tọa sẽ tổng kết lại toàn bộ buổi pháp đàm để buổi pháp đàm có nhiều lợi lạc. Và cảm ơn về sự đóng góp của tất cả mọi người có mặt trong buổi pháp đàm. Ngoài ra còn một số hoạt động khác: Thiền trà, học hát thiền ca, tổ chức sinh nhật, tổ chức chương trình lửa trại chào năm mới,...

Thứ hai, là lớp học giáo lý "Bát chánh đạo" vào tối thứ hai hằng tuần, bắt đầu từ 19 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút. Lớp học khai giảng vào ngày 13/8/2018, và đã duy trì được hơn 1 năm nay. Lớp giáo lý "Bát chánh đạo" được hướng dẫn bởi Đại đức Thích Hạnh Từ và Ni sư Thích Tịnh Quán - trụ trì chùa Đình Quán. Mục đích khai giảng

lớp học giáo lý này bởi Bát chánh đạo là một trong những giáo lý Phật giáo quan trọng mà bất kỳ ai cũng phải hiểu rõ để có cái nhìn đúng đắn trong việc thực hành tâm linh và hoàn thiện bản thân. Trong Kinh Pháp Cú, Đức Phật đã chỉ ra rằng, để giúp con người thoát ly khỏi khổ đau, phiền não tìm đến cuộc sống hạnh phúc thực sự nơi Niết Bàn thì chỉ có con đường Bát chánh, hay tám con đường chân chính.

Nội dung của các bài học không chỉ có Bát chánh đạo, mà còn là các giáo lý khác của Phật giáo: Thập thiện, Ngũ giới,... Từ khi mới được khai giảng, lớp học đã thu hút được số lượng lớn các Phật tử tham gia học tập. Hoạt động của lớp học bắt đầu lúc 19 giờ 30 phút, thường các Phật tử sẽ tụng kinh *"Nhật tụng thiền môn"* hoặc tụng *"Chú đại bi"* từ 5 đến 7 biến. Sau đó, sẽ bắt đầu vào nội dung bài học. Mỗi bài học các thầy luôn lấy những ví dụ trong cuộc sống hằng ngày, để mọi người ai cũng có thể hiểu, và vận dụng vào trong cuộc sống, hoặc đem những gì mình học được chỉ dạy cho những người xung quanh. Đối với những người ở xa, không có điều kiện đến chùa để tu học, nhà chùa cũng thường xuyên phát trực tiếp trên nhóm lớp để tất cả mọi người đều có thể tham gia học tập.

Chùa cũng thường xuyên tổ chức các buổi giao lưu giữa học tập giữa các câu lạc bộ với nhau. Ví dụ như chương trình giao lưu tổng kết cuối năm 2019 vừa qua, thầy Hạnh Từ tổ chức cho các khóa sinh trong lớp buổi ngoại khóa tại Đại Lải cùng các Phật tử ở nơi khác. Trong buổi giao lưu, mọi người được nghe thầy giảng pháp và tổ chức phóng sinh. Buổi chiều, mọi người được giao lưu với nhau với chủ đề *"Chia sẻ tâm đắc cùng học giáo dục truyền thống sinh viên ngày nay"*. Những buổi học ngoại khóa như vậy giúp mọi người thư giãn, tạo ra một không gian tu học mới giúp việc học đạt được nhiều thành tựu.

Sinh hoạt của câu lạc bộ thanh niên Phật tử ở đây nhìn chung có một chương trình bài bản, được các sư cô và huynh trưởng quan tâm và chăm sóc sát sao, đặc biệt hướng tới sự chuyển hóa tâm bằng sự biết mình và mở rộng hiểu biết và thực tập về văn hóa cũng như kỹ năng sống quân bình nội tâm. Một điều dễ nhận thấy

rằng, thông qua sinh hoạt này, những tu sĩ và cư sĩ Phật giáo thuần thành đã phát huy được vai trò đưa giá trị Phật giáo vào đời sống thực tế của từng cá nhân bằng việc tư vấn cho thanh thiếu niên giải quyết những vấn đề khó khăn trong cuộc sống của họ theo tinh thần thấu hiểu và mở rộng lòng bao dung. Đó cũng chính là con đường phát triển trí tuệ và từ bi của cộng đồng tu học Phật. Nhiều cá nhân, các bạn thanh thiếu niên khi được hỏi, đều nhận định rằng, họ đã được nhiều tư vấn bổ ích từ các buổi pháp đàm và nhiều vấn đề khó khăn của họ sau đó đã được giải quyết trên tinh thần đó.

Kết luận

Thứ nhất, chùa Đình Quán là ngôi chùa có tuổi thọ lâu đời. Thông qua hệ thống các hạng mục, tượng thờ và hoành phi câu đối có thể thấy rằng ngôi chùa mang những nét đặc trưng của Phật giáo Bắc truyền. Trải qua vài trăm năm tồn tại cùng với nhiều lần trùng tu, tôn tạo ngôi chùa đến nay vẫn giữ được những nét cổ kính, trang nghiêm và là nơi thực tập, sinh hoạt của tu sĩ và cộng đồng các Phật tử.

Thứ hai, cộng đồng Phật giáo chùa Đình Quán thực tập kết hợp giữa pháp tu Thiền và pháp tu Tịnh Độ trong thực hành thuần túy. Trong đó, Đạo tràng Phật tử lớn tuổi thực tập pháp tu Tịnh độ theo truyền thống có từ trước ở chùa này với phương thức tụng niệm trên nền tảng ngồi yên tĩnh tâm và thư thái của Thiền. Các Phật tử trẻ tuổi ở đây thực hiện pháp tu thiền chánh niệm với "thở và mỉm cười" tiếp thu từ pháp tu thiền của Làng Mai trong toàn thời khóa của họ. Và cả hai nhóm cộng đồng này đều tìm thấy nơi nương tựa thực sự từ ngôi Tam Bảo cũng như cộng đồng tu sĩ và cư sĩ thuần thành đang sinh hoạt tại chùa./.





PHÚC ĐỨC CÓ PHẢI LÀ BIẾN THỂ CỦA THUYẾT LUÂN HỒI - NHÂN QUẢ?

BẢO THẮNG
ĐẶNG XUÂN XUYẾN

Du nhập vào Việt Nam từ rất sớm, từ những năm đầu công nguyên, Phật giáo đã được tín ngưỡng truyền thống của người Việt tiếp nhận, dung hòa và uyển chuyển phát triển qua thời gian, trở thành một tôn giáo có ảnh hưởng sâu rộng nhất trong đời sống dân tộc.

Xưa tới nay, không ít người Việt Nam ta quan niệm Phúc Đức được hình thành từ thuyết Luân Hồi - Nhân Quả của Phật giáo. Nhiều người cho rằng Phật khuyên chúng sinh sống nhân đức để phúc ấm truyền đời cho con cháu, vì thế, người Việt ta mới thường nói: Gieo nhân nào gặt quả ấy.

Thực ra, quan niệm Phúc Đức đã manh nha hình thành từ thời An Tiêm với bãi An Tiêm ở Thanh Hóa. Người Việt xưa tin như bây giờ chúng ta tin là có nhân có quả, nhưng nhân quả chỉ được hiểu đơn giản là "đời cha ăn mặn, đời con khát nước", "ác giả ác báo" và quan niệm Nhân - Quả chỉ được xem như là một lời khuyên về luân thường đạo lý.

Chúng ta đều biết phúc và đức là hai phạm trù khác nhau: Phúc là cái ta đang được hưởng, đức là những điều tốt đẹp ta đang làm để (sẽ) được hưởng phúc ở mai sau. Phúc lớn có thể ảnh hưởng tích cực tới số phận của con người, thậm chí tới nhiều đời, đến khi phúc cạn thì cuộc sống sẽ xảy ra những họa hoạn liên tiếp, bất khả kháng trên nhiều lĩnh vực.

Mối quan hệ giữa phúc và đức như một quy luật tất yếu nên nhiều khi người ta gộp hai khái niệm này vào làm một mà đương nhiên hiểu nôm na rằng: Nếu anh sống có đức thì đời anh sẽ được hưởng phúc. Quan niệm như thế rất đúng về giá trị giáo dục đạo đức, nhưng có những trường hợp nếu quan niệm như vậy sẽ "lý giải" không được thỏa đáng. Chẳng hạn, có người gian tham, độc ác mà cả đời vẫn gặp may mắn, hạnh phúc, trong khi có người suốt đời chỉ lo làm việc thiện lại gặp nhiều oan trái, cơ cực. Trong những trường hợp như thế, người ta lại tách phúc và đức ra làm hai phạm trù để thốt lên câu than: "Ông ấy sống có đức mà không được hưởng phúc", hoặc "Bà ấy ăn ở thất đức nhưng được hưởng phúc nên đời sướng vậy"... Những câu than kiểu giải thích như thế nghe vẫn chưa được "hợp lý", chưa được "thỏa đáng", nên cổ nhân mới chua thêm rằng:

"Cây xanh thì lá cũng xanh
Cha mẹ hiền lành để phúc cho con"

Hay:

"Phúc đức tại Mẫu"
"Mồ mả làm khá người ta".

Khi Nho giáo thâm nhập vào nền văn hóa Việt Nam (Nho giáo là một hệ thống đạo đức, triết lý và tôn giáo do Khổng Tử (Trung Quốc) phát triển để xây dựng một xã hội thịnh trị, du nhập vào

Việt Nam những năm Bắc thuộc), đứng trước những trường hợp trên đã không đưa ra một lời giải thích, lại "đổ tuột" là do ông Trời đã an bài số mệnh nên con người mới gặp phải những nghịch cảnh trớ trêu như vậy. Nếu căn cứ vào thuyết Thiên Mệnh của Nho giáo thì "Ông Trời" đã được đẩy lên vị trí toàn năng, có quyền chi phối và quyết định mọi diễn biến của cuộc đời. Con người chỉ là "đồ chơi" trong bàn tay của tạo hóa: Phải chịu sự sắp đặt của ông Trời, dù chỉ là những điều nhỏ nhặt nhất, con người cũng phải "y án tuân theo số mệnh", không được tự do hành động, càng không được phép "cãi lại Mệnh Trời":

"Ngẫm hay muôn sự tại trời
Trời kia đã bắt làm người có thân
Bắt phong trần phải phong trần
Cho thanh cao mới được phần thanh cao"

(Nguyễn Du - *Truyện Kiều*)

Nho giáo đã không đi tìm căn nguyên của sự "bất công" đó mà dùng thuyết Thiên Mệnh để trốn tránh trách nhiệm, cho rằng Trời đã quyết định mọi sự thành công hay thất bại của con người, dù cố gắng đến đâu, muốn "cải số" thế nào thì con người cũng không thể vượt ra ngoài "khuôn thiên của số mệnh.". Tất tật mọi chuyện, từ sức khỏe, tuổi thọ đến hạnh phúc gia đình, công danh, tài lộc.... đều do ông Trời cầm cân nảy mực.



Quan điểm "tại Trời" của Nho giáo đã làm "tê liệt" ý chí phấn đấu vươn lên của con người, "ru ngủ" con người trong tư tưởng an phận, trông chờ sự đổi thay của số mệnh vào đấng thần linh tối cao là thượng đế (ông Trời). Đây là quan điểm tiêu cực, thụ động, triệt tiêu mọi nỗ lực phấn đấu của con người, gián tiếp làm nhụt tính hướng thiện, tiến thủ trong bản tính của con người. Và đấy cũng là điều trái ngược với nếp sống tình cảm của người Việt, đối lập với quan niệm về phúc - đức trong tín điều của người Việt, vì thế ông cha ta mới có câu: *"Đức năng thắng số"* hay *"Xưa nay nhân định thắng thiên cũng nhiều"* (Nguyễn Du) để gián tiếp phủ định phần nào tư tưởng Thiên Mệnh của Nho giáo.

Trong khi Nho giáo đề cao yếu tố Trời và khẳng định con người bị chi phối tuyệt đối bởi số mệnh, thì Phật giáo lại không chấp nhận việc con người chịu sự an bài của số phận, mà cho rằng sự chuyển hóa của con người đều do Nghiệp mà ra: *"Con người là chủ nhân của Nghiệp, là kẻ thừa tự Nghiệp..." (Kinh Tiểu Nghiệp phân biệt - Trung Bộ III)*, nên đương nhiên con người sẽ không thể và không bao giờ thoát được những Nghiệp do mình tạo ra.

Lý giải về sự khác biệt giữa quan niệm Nghiệp - Báo của Phật giáo với quan điểm Thiên Mệnh của Nho giáo, sách Phật giáo viết: *"Điểm khác nhau cơ bản giữa Nghiệp và Số mệnh ở chỗ, Nghiệp do chính con người tạo tác, có tính chất duyên sinh, bất định tính và vô ngã nên Nghiệp có thể chuyển hóa được. Do đó, con người có thể thay đổi, chuyển hóa Nghiệp báo của chính mình từ xấu thành tốt, từ ác thành thiện hoặc ngược lại"*. Như thế, quan điểm về Phúc - Báo của Phật giáo là do tự mình làm tự mình chịu, dẫu là cha con cũng không ai chịu thay cho ai được, càng không liên quan gì đến tổ đức (Kinh Nê Hoàn). Việc tích đức của tổ tiên chỉ có thể tạo được nghiệp đồng cảm khiến cho người có phúc sẽ sinh làm quyến thuộc chứ không truyền được phúc đức cho con cháu mà con cháu muốn được hưởng lâu dài cái phúc của mình thì phải tự chăm lo, gieo trồng nhân thiện, luôn tạo nghiệp lành, từ bi, hỉ xả...

Luật Nhân Quả của Phật giáo không bị thời gian hạn chế, có khi

đời trước gieo nhân, đến đời này gặp đủ nhân duyên thì kết thành quả, có khi gieo nhân ở đời này nhưng phải tới mấy kiếp sau, khi hội đủ nhân duyên mới kết thành quả (Kinh Nhân Quả). Đây chính là câu trả lời, là cách lý giải cho những nghịch cảnh: *"Ông ấy ăn ở hiền lành, đức độ nhưng toàn gặp phải chuyện oan trái",* hoặc *"Bà ấy gian tham, độc ác mà cuộc đời lại toàn may mắn, hạnh phúc"...*

Như vậy, thuyết Luân Hồi - Nhân Quả của Phật giáo ngoài việc đã đáp ứng được bản tính hướng thiện của người Việt, lý giải những "bế tắc" mà văn hóa bản địa "bất lực", còn khúc xạ và hóa thân vào với tín điều của người Việt nên không ít người mới tin rằng Phúc - Đức là một biến thể của thuyết Luân Hồi - Nhân Quả.

Xét về giá trị giáo dục đạo đức thì quan niệm Phúc - Đức của người Việt và thuyết Luân Hồi - Nhân Quả của Phật giáo xem ra khá gần gũi, tương đồng và cả 2 đều đề cao tính hướng thiện của con người, nhưng không vì thế mà cho rằng: Phúc Đức là biến thể của thuyết Luân Hồi - Nhân Quả. Bởi lẽ quan niệm "đời cha ăn mặn, đời con khát nước", "mồ mả làm khá người ta" là nếp nghĩ truyền thống của người Việt, và phúc đức ấy chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố, nhiều mối quan hệ, trong khi thuyết Luân Hồi - Nhân Quả của Phật giáo khẳng định Phúc - Báo là do tự mình làm, tự mình chịu.

Do đặc tính nổi bật của Phật giáo là tính tổng hợp và tính linh hoạt nên khi Phật giáo được truyền vào Việt Nam, được các thiền sư người Việt bản địa hóa, Phật giáo đã sớm uyển chuyển hòa quyện vào văn hóa truyền thống của người Việt, cùng song hành với sự phát triển của dân tộc, nhưng vẻ tinh khiết vốn có của kinh điển Phật giáo vẫn giữ được và chưa từng gián đoạn trong việc truyền thừa nên Phật giáo (Việt Nam) ngày càng cắm rễ sâu chắc trong văn hóa tín ngưỡng của người Việt và trở thành tôn giáo có sức ảnh hưởng sâu rộng nhất ở Việt Nam.

Phải chăng chính vì thế mà không ít người mới cho rằng Phúc Đức là một biến thể của thuyết Luân Hồi - Nhân Quả.

(Trích trong VÀO CHÙA LỄ PHẬT - NHỮNG ĐIỀU CẦN BIẾT của Đặng Xuân Xuyến, Nhà xuất bản Văn hóa Thông tin 2006)

Kinh Bách dụ (chuyển thơ)

TRÍ MINH ĐẶNG HÙNG ANH

BÀI 23: KẺ TRỘM VẢI GẤM ĐỂ BỌC ĐỒ RÁCH

Ngày xưa có một tên ăn trộm
Vào nhà giàu lấy của người ta
Đồ nhiều quơ vội, lẻn ra
Biết đâu phân loại, đâu là kém, hơn
Hắn lấy tấm vải trơn nguyên vẹn
Bọc áo quần cũ đã rách toang
Nào hay vải gấm hạng sang
Mà đem bọc thứ tồi tàn bên trong
Mang bên mình, hắn rong đây đó
Muốn khoe đồ hiếm có trên đời
Người trí nghe liền bật cười
Cho rằng tên đó trí khờ, lại tham...
Người ở trong cõi phàm cũng vậy
Trên đường tu phải trải nghiệm qua
Tự mình tu chứng mới là
Trộm nghe nào biết chi mà vênh vang.





365 NGÀY đều là Vu lan

ĐẶNG TRUNG THÀNH

Mỗi khi mùa Vu Lan về, rất nhiều người con bày tỏ lòng hiếu thảo của mình đối với đấng sinh thành. Điều đó rất ý nghĩa, thể hiện tinh thần uống nước nhớ nguồn. Tuy nhiên, không ít người, sau mùa Vu Lan thì đi ngược lại với những gì mà mình từng bày tỏ với cha, với mẹ. Những đóa hồng tươi thắm, hay những món quà vô cùng thiết thực mà cha mẹ nhận được bỗng trở nên vô nghĩa khi con cái bất hiếu. Con cái xem cha mẹ chỉ là công cụ để thể hiện bản ngã, điều đó càng buồn hơn rất nhiều.

Đã có nhiều câu chuyện mà truyền thông đưa tin về lòng hiếu thảo giả tạo. Đơn cử một trường hợp: Lúc nào có mặt chồng, nàng dâu tỏ ra hiếu thảo với mẹ chồng, cơm bưng nước rót tới tận giường, ngọt ngào với mẹ. Nhưng khi chồng vắng nhà thì mọi việc quay quắt 360 độ. Nhờ gắn camera lén mà chồng phát hiện vợ đánh đập người mẹ già đáng thương của mình... Có trường hợp, các con trong gia đình giành nuôi cha mẹ mình cho bằng được không phải để chứng minh rằng mình hiếu thảo mà chỉ làm cái cớ cho cha mẹ thấy mình phụng dưỡng, từ đó sẽ cho đất đai, tài sản mà người già đã tích cóp cả đời. Khi có các anh chị em đến thăm thì luôn tỏ ra một người con hiếu thảo đúng nghĩa, lo lắng cho cha mẹ từng muỗng cháo, từng ly nước, cốt là để khẳng định rằng mình có đủ khả năng để lo cho ba mẹ. Thậm chí, lúc không có anh chị em ở đây, họ vẫn sẵn sàng "diễn sâu" để làm vừa lòng đấng sinh thành. Nhưng một khi gia tài đã được chia, hoặc không chia, thì mọi chuyển sẽ thay đổi đến chóng mặt.

Cũng có tình huống, họ thể hiện sự hiếu thảo trong những ngày lễ đặc biệt như Vu Lan, 8/3, 20/10, sinh nhật đấng sinh thành... chỉ để khoe hình với bạn bè trên mạng xã hội, theo phong trào báo hiếu, để người khác nhìn nhận rằng mình là người con hiếu thảo, biết quan tâm đến cảm xúc của cha mẹ, ông bà. Nhưng họ lại quên rằng, một người con thật sự hiếu thảo thì không ai phô trương và đặt nặng hình thức như vậy. Một khi đã là một người con yêu thương cha mẹ thì đâu cần người khác biết. Chỉ cần tình cảm thiêng liêng ấy xuất phát từ tâm thiện, lặng lẽ thể hiện, lặng lẽ duy trì, bao nhiêu đó là đủ. Người ngoài có thể sẽ không hiểu, nhưng cha mẹ sinh ra mình am tường từng chi tiết một. Và một khi điều mình hướng đến đã được giải quyết rõ ràng, thì cần chi bên ngoài xã hội nói gì?

Cần nhắc lại, việc con cái thể hiện lòng hiếu thảo với cha mẹ mình trong mùa Vu Lan là một việc nên làm. Vì đây là một lễ lớn, mang tính biểu tượng, giáo dục, nhằm nhắc nhở con cháu biết yêu thương ông bà, cha mẹ. Tuy nhiên, đừng mượn lễ mà phô trương hình thức, khoe mẽ để cho thiên hạ biết mình hiếu thảo, điều đó hoàn toàn không nên. Đặc biệt, thể hiện lòng hiếu thảo không chỉ riêng tháng 7 Âm lịch, mà cần phải 365 ngày trong năm. Vì đối với cha mẹ, thì sự hiếu thảo là cả một đời người.





THÍCH HUYỀN LAN

Mùa báo hiếu lấp lánh gương đại hiếu Bồ tát Mục Kiền Liên, đóa hoa hiếu tử ngàn đời tô đẹp bản sắc cội nguồn dân tộc Đông phương. Còn chúng ta mỗi lần đón lễ Vu Lan thì cảm thấy ân tình cha mẹ ngày một cao sâu vời vợi hơn biển trời.

Thời gian trôi lênh đênh, không gian thì buồn tênh cho những đứa con viễn xứ. Ân tình cha mẹ mãi dạt dào biển khơi, mượt mà như đồng lúa quê hương. Trong sâu thẳm cõi lòng, ai cũng luôn ẩn hiện hình bóng thân thương của mẹ cha, đã một đời gieo neo, khó khổ nuôi lớn thân con… Và đong đầy tình tự dân tộc trong lời ru ca dao của mẹ thấm vào máu thịt những đứa con đi xa, mỗi lần nhớ về là mềm lòng với nỗi nhớ quê xưa có bóng hình mẹ thân thương như La Mai Thi Gia cảm nhận:

"… Nhớ xưa còn ở quê nhà
Đêm đêm ngủ, có mẹ già hát ru
Giờ đây nơi tít xa mù
Đêm nhớ mẹ, tự mình ru giấc mình…"

Tuổi áo trắng chúng ta khi còn sống bên mẹ thì lại quá vô tư đến nỗi hóa ra vô tình trước bao sự lo toan của mẹ khi bắt đầu thấy con mình khôn lớn, mẹ cứ lo đêm lo ngày cho con trai con gái, vậy mà lúc đó chúng ta chẳng đoái hoài gì đến nỗi lo lắng của mẹ. Là con trai chúng ta cảm thấy bực bội khi vừa dắt chiếc xe định đi đâu đó là nghe mẹ nhắc: "Cẩn thận nghe con, đường sá xe cộ đông, con nên chạy chậm cho an toàn…"; là con gái chúng ta cảm thấy mẹ mình lạc hậu, đôi khi còn cằn nhằn buồn mẹ nữa chứ, bởi mẹ thường nhắc: "Là con gái đi, đứng, nằm, ngồi phải giữ ý giữ tứ, không khéo sau này vào đời người ta chê cười có mà mang nhục…". Ân tình của mẹ là vậy đó, kinh nghiệm từng trải bản thân trong cuộc sống đời thường lo cái ăn, cái mặc, nuôi con khôn lớn, rồi phải lấy bản thân mình ra làm tấm bản đồ mà dạy cho con học làm người, biết tránh cái ác điều xấu, mà hướng đến cái tốt điều thiện. Cho nên thật cảm động làm sao khi chúng ta trải lòng ra với dòng thơ của Đinh Lăng:

"… Mẹ cho con cả cuộc đời
cho con trang sách làm người hôm nay
Cánh chim bạt gió ngàn mây
Khoảng trời - lòng mẹ con bay bay hoài…"

Tuổi áo trắng chúng ta khi bắt đầu xa mẹ cha để vào đời, mưu sinh cuộc sống cho riêng mình, thì mới thấm thía những lời cha mẹ dạy xưa kia mà ta cho là "chuyện nhỏ" giờ trên bước đường chông gai, đá sỏi hơn thua trường đời, ta mới có phút giây nhớ về những gì mà cha mẹ đã uốn nắn, hun đúc cho tâm tính chúng ta toàn diện nhân cách một con người, nhất là những tình cảm dịu dàng của mẹ dành trọn cho ta một thời hoa niên mà chỉ có làm nũng, nhõng nhẽo mà thôi. Một chút ấm đầu khi trời trở gió trái mùa là mẹ cứ hỏi han, chăm chút cho ta từng giờ từng phút, khi ta ho mẹ cảm thấy đau rang cả lồng ngực, khi ta sốt mẹ như lửa cháy trong lòng, rồi nài nỉ ta uống từng muỗng sữa, ăn một miếng cháo thì mẹ mới an lòng. Bởi vậy, bất cứ ai không khỏi ngậm ngùi khi đọc câu thơ này của Lê Công:

"… Đi học về con đi chợ, nấu cơm
No đói gì, đời sinh viên là thế
Những bát cơm giữa lòng thành phố
Bao vui buồn con lại nhớ mẹ hơn…".

Suốt cuộc đời của mẹ sống tất cả vì con, dành cho con những gì con muốn để cho con ngẩng cao đầu nhìn thiên hạ, nếu gặp phải chuyện gì, thì mẹ cũng đành cam chịu, miễn là con có được niềm vui hạnh phúc. Thuở còn thơ dại, mẹ ẵm bồng nâng niu con như hoa như trứng. Rồi khi con đòi ăn, mẹ là người nhai cơm để mớm cho con với bao ngọt bùi chất liệu tình thương mà mẹ gởi gắm vào từng miếng cơm nhai, để sau này con lớn lên không đánh mất cội nguồn, tổ tiên. Rồi từng giấc con ngủ mẹ trải lòng ra như biển cả mênh mông với từng tiếng hát ru con ngủ, rồi trái tim mẹ dạt dào mát tươi như dòng suối, mẹ hôn lên trán, lên má con và mẹ mỉm cười vui sướng với đôi mắt hiền như bụt nhìn con trẻ say nồng trong giấc ngủ thiên thần bé nhỏ của mẹ. Con cứ thế mà ngủ ngon, dù ngoài trời có cuồng phong bão tố, gió mưa thâu đêm và nếu không may nhà mẹ nghèo, thì con vẫn được tròn yên giấc ngủ tuổi thơ, vì bên ướt mẹ nằm để chở che, dành cho con bên khô ráo. Vậy mà có mấy ai trong đời như nỗi niềm da diết nghĩ về mẹ của Lê Phước Trịnh:

"… À ơi, tiếng mẹ ru đưa
Khúc ru từ thuở con chưa hiểu gì
Bây chừ mỗi bước con đi
Lời ru quê mẹ thầm thì, mẹ ơi…"

Tuổi áo trắng chúng ta lớn lên bay ra khỏi tổ ấm yêu thương của cha mẹ để tìm hiểu đời, đôi khi làm cho mẹ phải khổ hơn, phiền lòng hơn. Nhưng mẹ không bao giờ trách móc lấy một câu, than oán một lời là con không nhớ ơn mẹ, con không có hiếu với mẹ… có chăng mẹ chỉ thầm trách là mẹ không dạy được con, không uốn nắn cho con nên khuôn mẫu nhân cách đạo đức để hữu ích cho gia đình, xã hội. Mẹ sanh con ra mười phần chết, một phần sống. Rồi bao gian truân nhọc nhằn nuôi con khôn lớn, mà nhằm phải đứa con

ngỗ nghịch, bất nhân bất hiếu, thì đời mẹ coi như đã hết, trái tim mẹ dần héo mòn trong đau khổ vì đứa con của mình rứt ruột sinh ra, giờ không dạy được, thì mẹ chỉ còn có biết ngửa mặt lên trời than van ôi đứa con của tôi và những bà mẹ đó khóc - khóc cho đến mù cả mắt. Ước gì trong đời đừng có những đứa con bất hiếu mà chỉ toàn là những đứa con hiếu thảo như Đơn Phương Thạch Thảo:

"… Mẹ là bến, mẹ là bờ
Cho con êm ấm tuổi thơ của mình
Cả đời mẹ đã hi sinh
Để con nên vóc nên hình mẹ ơi…"

Tình mẹ thương con hơn quả địa cầu, nhưng không vì thương con mà mẹ cứ giữ con hoài bên mình. Là con trai, mẹ muốn con mình đi đó đây để mở rộng tầm nhìn cho thỏa chí làm trai. Là con gái, mẹ muốn con mình đừng khổ lụy vì yêu như nhi nữ thường tình, mà phải có một mái ấm gia đình đàng hoàng để con mình có được đong đầy hạnh phúc. Bởi vậy, nuôi đàn con bao nhiêu năm khổ cực trăm bề, nhưng được chúng quanh quẩn bi bô gọi mẹ và dìu dắt chúng từng bước đi chập chững, vậy mà vui với bao đầm ấm tình mẫu tử. Đến khi chúng ta khôn lớn mỗi đứa đi một nẻo, thì mẹ lại cô đơn độc bóng nơi mái nhà xưa quạnh hiu ra vào hết trông đứa này đến trông đứa khác. Tình mẹ là vậy đó, còn chúng ta thì có mấy ai trên bước đường danh vọng mà thường tưởng nhớ về quê nhà có ân tình mẹ đang chờ những đứa con từng ngày từng giờ trong mỏi mòn thương nhớ, rưng rưng hạt lệ và sẽ không phũ phàng lỗi đạo làm con, nếu chúng ta ai cũng chạnh lòng luôn tưởng nhớ về quê mẹ như Dương Văn Thi:

"… Chị đi, em cũng ra đi
Thời gian nhòa nhạt những gì ngày xưa
Chiều nay dừng bước trú mưa
Giật mình thương mẹ, nhà thưa… một mình…"

Chiều xa quê xứ người mưa rả rích, thành phố lưa thưa người qua lại trong gió lạnh. Nhớ mẹ một thoáng… Rồi cuộc vui sinh nhật của anh bạn lại kéo tôi vào say sưa tình bạn cho đến thâu

đêm. Song có một chuyện là cô gái, người yêu của anh bạn tôi đến dự sinh nhật trễ, trên tay cô ấy cầm bó hoa phong lan thật đẹp và cô tươi cười nói trong sự bỡ ngỡ của tôi và anh bạn: "Anh yêu! Đây là lần đầu tiên em tặng hoa cho người bạn trai, mà không phải là hoa hồng. Anh thứ lỗi cho em vì đến dự tiệc trễ sinh nhật của anh, bởi hôm nay cũng là ngày sinh nhật của mẹ em và riêng em đã từ lâu lấy bông hồng tặng mẹ…", tôi nghe choáng váng trước một nhân cách hiếu thảo của cô gái người yêu anh bạn tôi. Suốt đêm ấy, tôi không sao ngủ được, trong căn gác nhỏ cuối phố ven con sông Sài Gòn, tôi nghe lòng tái tê nhớ về mẹ hơn bao giờ hết. Có lẽ bắt đầu từ nay, tôi sẽ như cô gái bạn tôi, sẽ không tặng hoa hồng cho người tình mà chỉ để dành riêng tặng cho mẹ mà thôi. Vì tôi cảm thấy rằng: Bông hồng cho tình đầu không ý nghĩa bằng bông hồng cho tình mẹ, lại càng cảm động thấm thía vào lòng người khi chúng ta đọc câu thơ của Cao Hiền:

"… Bỗng thấy mình chợt vui
Trước một người xa lạ
Bỗng thấy mình bé nhỏ
Trong vòng tay mẹ hiền…"

Trong cuộc hành trình làm người, nếu ai đó đi hết vòng trái đất, thì có lẽ không đâu đẹp bằng hình ảnh bà mẹ Việt Nam trong dải đất mang hình chữ S. Mẹ lom khom dáng cò bên ruộng vườn, mẹ đi chân đất, oằn vai gánh nặng bán hàng rong, mẹ ngồi hàng giờ nhặt thóc bên hiên nhà, tất cả chỉ để vì tương lai sáng đẹp cho xứ sở và gìn giữ cội nguồn. Còn con thì rong ruổi đi tìm mải miết công danh bỏ lại bóng hình mẹ ngày một héo hon nơi quê nhà, đôi khi nhớ quá thì lại thổn thức viết thành mấy câu thơ như Thùy Trang:

"… Lệ rơi trong giấc ngủ vùi
Vì thương nhớ mẹ bùi ngùi nỗi xa
Lặng thầm cơn gió thổi qua
Ngỡ như tiếng vọng quê nhà gọi con…"

Ở xa mà thương tưởng, nhung nhớ về quê nhà có bóng hình mẹ thì chúng ta sẽ không bao giờ đánh mất mình trong cuộc mưu

cầu danh vọng, và chắc chắn rằng trong tâm hồn chúng ta vẫn vẹn nguyên tình cảm như Bùi Nguyễn Trường Kiên:

"… Mẹ cho con
Một tấm lòng son
Xa vạn dặm
Vẫn nhớ con đường về
Đêm nay dưới ánh trăng thề
Có thằng bé khóc
Khi về
Làng xưa…"

Làm sao chúng ta không khóc được khi mà chân ta chạm đất mang đầy ân tình của mẹ. Con đường làng có lũy tre xanh, mẹ đã đi về năm tháng từ thuở còn là con gái cho đến khi làm vợ, làm mẹ. Ở quê nhà, mẹ tảo tần gieo neo đi về đội nắng mưa, để có được đồng tiền cho ta yên bề học vấn mà bước vào con đường tương lai rực rỡ. Tất cả chúng ta, ai cũng thấy hãnh diện ngồi trên ghế trường đại học, nhưng các bạn ơi hãy nhớ thật nhiều như nỗi niềm của Nguyễn Ngọc Hạnh:

"… Tảo tần đời mẹ chân quê
Bao năm lặn lội đi về triền sông
Nón che không hết mùa đông
Phố che không hết nỗi buồn trần gian…"

Thuở còn nhỏ dại thì vô tư sống bên mẹ, đến lúc khôn lớn thì lại sống xa mẹ, nên ít có ai trong chúng ta có dịp ngồi lại để chiêm ngưỡng chân dung mẹ bao giờ. Càng đau lòng hơn và suy tưởng cho cùng, thì có những đứa con trong chúng ta chỉ thích nhìn ngắm người tình, hoặc làm thơ viết văn tả về nét đẹp của người yêu, mà chẳng đoái hoài gì đến mẹ cả. Cho đến lúc bị tình đời hắt hủi, đổi trắng thay đen thì mới quay đầu tìm lại bóng hình mẹ mà vẫn nghe lòng dâng lên bao nỗi xót xa như Huỳnh Duy Lộc:

"… Con lặng chìm ký ức xa xôi
Nghe bất hiếu tháng năm xa xứ
Búi tóc má xòa bay trong gió
Xa trên đồng trắng một mùa lau…"

Tuổi trẻ chúng ta có cái bệnh là nhìn đời cao ngạo, một khi đã gặt hái được chút công danh và càng sai lệch hơn, cứ mê muội nghĩ rằng: Ta kiếm cho thật nhiều tiền rồi cưới vợ lấy chồng, đón mẹ về để mướn người lo phụng dưỡng mà vui vầy với con cháu. Nhưng các bạn ơi, đời mẹ đã từng trải nhục vinh, khổ đau, đắng cay, ngọt bùi, mẹ đã sống mà không sợ hãi để nuôi con đến lúc trưởng thành. Tiền bạc mẹ không cần, giàu sang mẹ không cầu, mẹ chỉ cần nơi chúng ta sự chân thành trong cuộc sống đạo đức đúng nghĩa một con người. Nếu chúng ta cứ quan niệm nông cạn cho là có tiền mới có hiếu, thì đã làm tổn thương trái tim của mẹ rồi, vì mẹ nuôi con biển hồ lai láng nào có tính tháng tính ngày. Chúng ta đừng sống theo lối sống thực dụng và luôn cho người đi trước đã lạc hậu, lỗi thời, nhất là ông bà, cha mẹ của mình, đến khi hiểu ra thì ân hận đã muộn màng, để rồi mãi nghe lòng rưng rức nỗi đau như Đào Phong Lan:

"… Những mùa giông bão đi qua
Một mình mẹ một hiên nhà vắng tanh
Con nghe lá gãy trên cành
Mà không hàn được cho lành vết đau…"

Hiện nay, vẫn có một số bạn trẻ tuổi áo trắng chúng ta làm cho cha mẹ phải chết dần chết mòn vì sự bất hiếu của con, có bạn sống và lớn lên trong chăn êm nệm ấm, nhà sang cửa rộng, rồi lợi dụng lòng thương của mẹ, chạy theo dục vọng cá nhân tầm thường của mình, bỏ học sống thác loạn trong nhà hàng vũ trường, tập tành theo con nghiện đến thân tàn ma dại bởi chất độc ma túy tàn phá cơ thể và tinh thần. Có một hôm đi công tác về khuya qua con phố lạnh buốt trời đông, bỗng một tốp đua xe làm náo động cả đường phố, đến nỗi mấy người công nhân vệ sinh quét rác phải bỏ chạy lánh xa bọn hung thần xa lộ rồi bỗng bên cạnh tôi có tiếng khóc và khi hiểu ra thì người khóc đó lại là một bà mẹ tuổi đã ngoài năm mươi, đã làm công nhân quét rác đường phố hơn ba mươi năm. Bà mẹ này đã mất một đứa con khi nó vừa tròn mười tám tuổi, chỉ vì mẹ lo đi làm ngày làm đêm cho có tiền đóng học phí, nó đã nhẹ dạ nghe lời bạn xấu tham gia cuộc đua xe cá độ tử thần và cuối cùng nó đã bỏ mẹ ra đi mãi mãi. Bây giờ, mỗi

lần thấy con nhà ai đua xe thì mẹ lại khóc thương nhớ đến đứa con của mình. Không biết những đứa con mỗi lần qua phố có nghe chân mình ấm lại bởi vô tình giẫm lên những giọt nước mắt của các bà mẹ khóc con đã khờ dại đến mất cả thân mạng trong các cuộc chơi. Đi giữa đường phố đêm đông Sài Gòn giá buốt, lạnh thấu xương, nhưng tôi vẫn nghe lòng ấm áp tình thương yêu mẫu tử khi thầm đọc mấy câu thơ thật cảm động của Lương Đình Kha:

"…Con nằm trong chăn ấm
Biết ngoài kia giá băng
Thương mẹ bao nhọc nhằn
đêm đông đi quét rác…"

Bên cạnh tình mẹ mát tươi ngọt ngào như dòng suối, dịu dàng như ngọn gió mùa thu mỗi lần gần gũi con, chúng ta còn có một ân tình cao như núi và cứ như cây thông đứng hiên ngang giữa đời, lặng thầm chịu đựng bao nắng mưa thay đổi kiếp người mà chở che, đùm bọc cuộc đời những đứa con. Nếu mẹ là từ mẫu với lời ru dạt dào tình quê hương để cho con biết yêu tổ quốc đồng bào, thì cha lại là nghiêm phụ với đôi mắt nghiêm khắc để uốn nắn, dạy dỗ cho con có đầy đủ tài năng, hiền đức trong phẩm chất một con người khi tuổi trưởng thành. Mẹ dỗ dành cho ngọt cho bùi, cha răn đe cho cay cho đắng để chúng ta cương nghị không ỷ lại mà đứng lên nhìn đời nhiều khía cạnh. Khi mẹ dịu dàng âu yếm bên con thì cha âm thầm với nét mặt lạnh lùng như đài tượng cao nghiêm nghị nhìn đàn con và chỉ cho chúng một cái nhìn đời đầy trí tuệ, một khi dấn thân vào cuộc sống không bị vấp ngã, bạc nhược, bi lụy, lệ thuộc vào một ai cả. Khi chúng ta còn có mẹ bên cạnh và được mẹ dành cho tất cả những gì êm ái nhất, dễ thương nhất cho chúng ta, thì cha cắn răng chịu đựng tất cả những gì mà con không thích, không ưa để giáo dục cho con lấy đó làm những bài học vào đời. Chúng ta phải sáng suốt nhìn nhận như một chân lý về tình cha, lúc nào ân tình ấy cũng giống như vùng sa mạc nóng bỏng, khô cằn để khi ta đi qua đó bị bỏng chân, cháy da. Song

chính nhờ sa mạc bỏng chân ấy, sau này ta mới khí phách đạp lên chông gai thử thách cuộc đời. Bởi vậy, mỗi lần nhìn thấy một đám tang nào đó con khóc mẹ, chồng xa vợ, là tôi càng tôn kính cha nhiều hơn, đã vậy còn có những người cha ở vậy làm mẹ dưỡng nuôi đàn con khôn lớn, đến nỗi quên cả thời trai trẻ xuân xanh tình riêng của mình. Chúng ta sẽ không cầm được nước mắt khi chung một nỗi lòng với Đàm Lan:

"… Ngày mẹ… hạc về trời gãy cánh
Những vành khăn nghiệt ngã thắt lòng cha
Út trên tay, cha khản tiếng à ơi
Và năm tháng muối pha tràn râu tóc…"

Tình cha tình mẹ trong mùa báo hiếu Vu Lan như ánh trăng thu tràn đầy tình thương yêu cho tất cả những người con diễm phúc trân trọng cài lên ngực áo một bông hồng thắm tươi ân tình trời biển của cha mẹ. Tuổi áo trắng chúng ta hãy luôn gìn giữ trong trái tim mình bóng hình cha như núi cao, bóng hình mẹ như biển rộng, để chúng ta khỏi lạc lối bước đi vào đời đầy dẫy những cám dỗ trong thế giới tội ác nhiễu nhương luôn rình rập, vây lấy chúng ta. Đã mang ơn thì chúng ta phải nhớ ơn, mà nhớ ơn thì chúng ta không đánh mất cội nguồn tổ tiên, ông bà. Trong cuộc mưu sinh trường đời, chỉ xin các bạn đừng lãng quên ân tình cha mẹ trong những cuộc vui phù phiếm, những hạnh phúc hư ảo và luôn nhớ ngày giỗ kỵ ông bà, ta về dù chỉ thắp một cây nhang thôi, cũng đã cho ta còn đó vẹn nguyên cội nguồn, để muôn ngàn đời ta nhớ hoài lời ru như Nguyễn Tú Nhã:

"… Mẹ ru lời hát xanh cây
Giấc hồng con ngủ cho mây phiêu bồng
Mẹ ru lời gió ngoài đồng
Cho con yêu ngọn cỏ hồng quê hương …"

Ân tình mẹ, ân tình cha, thế đứng đạo đức, thánh thiện che mát cả đời con. Chúng con xin nuôi dưỡng trong lòng một tấm lòng thảo hiếu, một trái tim yêu thương để trong cuộc đời đẹp mãi những mùa hoa Báo Hiếu thơm ngát hương Vu Lan.



Vu lan dâng mẹ mát màu nhớ thương

MÃ LAM

Tháng ngày chuông gió reo tơ
Nhớ thương càng đói giấc mơ căng tràn
Xót cây gỗ lũa thời gian
Đục xuyên vũ trụ tơ đàn sắc không

Bông hồng đỏ áo thơm hoa
Trái tim nóng cháy mơ xa đong tình
Đơn phương cầu tự bóng hình
Hai vai mưa nắng hành trình lẻ loi

Đời sen cần mẫn bùn nâu
Trái tim trồi ngược lên đầu nở hoa
Búp xòe hương thắm trèo qua
Lá non cất tiếng xanh òa xót thương

Treo cao trăng rạng giếng chùa
Hoa cài thanh tịnh thêu thùa trắng phau
Thả đăng theo nước phơi màu
Tâm hương vái Phật dâng mau đáp đền

Rót trà chữa trái tim khô
Soi trăng gột sạch áo thô bạc màu
Phật ban bình sữa chữa đau
Vu Lan dâng mẹ mát màu nhớ thương./.



PHẬT PHÁP GIỮA ĐỜI THƯỜNG

CAO THĂNG BÌNH

Nhớ ba má ngày Vu lan

Con đã lớn mà vẫn chưa khôn, có đi Đông đi Tây nhưng đâu hiểu hết nỗi lòng ba má...

Tháng 7 mùa Vu lan. Sài Gòn cơn mưa chiều đến rồi đi bất chợt. Hôm nay, sắp đến Rằm tháng 7, con nhớ ba má nhiều.

Dòng đời cuồn cuộn chảy, cuốn phăng người ta vào cuộc mưu sinh không hồi kết. Cho nên dẫu nhớ ba má nhiều, nhưng nhớ rồi lại thôi chớ có làm được gì?

Thời gian trôi nhanh như dòng sông. Ngày xưa, hôm nay cũng thành ký ức. Con đã lớn mà vẫn chưa khôn, có đi Đông đi Tây nhưng đâu hiểu hết nỗi lòng ba má.

Cha mẹ là tài sản lớn nhất, vậy mà mấy ai đã biết giữ gìn? Để rồi ta mãi đi tìm. Hôm nay, nhờ có ngày Vu lan mới bồi hồi nhớ lại. Ba má giờ đã già, con đã vô tình hay quá vô tư?

Không cha mẹ nào muốn ràng buộc bước chân con, nên lòng dù muốn con ở gần nhưng miệng vẫn nói không, để cho nước mắt cha mẹ thầm chảy vào trong, miễn sao cho con khỏi bận lòng lo nghĩ.

Chuyển đau khổ thành hạnh phúc

Không ai thay đổi được quá khứ, nhưng phải biết gác nó lại để thấy niềm vui hạnh phúc ở ngày hôm nay...

Có câu chuyện cảm động về người cha cõng đứa con tật nguyền hơn 10 năm trời, gõ cửa khắp nơi để chữa bệnh cho con. Là cha mẹ ai mà không khổ khi thấy con mình thiệt thòi. Nhưng người cha đó đã biết chấp nhận sự thật để làm hết sức cho con, để thấy được mỗi ngày con mình khá hơn, chỉ cần hôm nay tốt hơn ngày hôm qua một chút cũng là hạnh phúc lắm rồi.

So sánh nhiều chỉ làm người ta thêm đau khổ. Hãy biết chấp nhận mỗi con người là một hoàn cảnh, có người may mắn nhưng cũng có người kém may. Nếu cứ so sánh, hối tiếc thì cũng chẳng lợi ích gì mà chỉ thấy khổ chồng thêm khổ. Nếu biết chấp nhận quá khứ để tìm hạnh phúc từ trong chính sự đau khổ đó thì sẽ chuyển được khổ thành hạnh phúc, như người cha tìm thấy hạnh phúc khi được chăm sóc con mình.

Ai cũng có những nỗi khổ riêng, nhưng tu hành giúp ta sáng suốt và mạnh mẽ hơn để chiến thắng các hoàn cảnh. Không ai thay đổi được quá khứ, nhưng cần biết gác nó lại để thấy niềm vui hạnh phúc ở ngày hôm nay. Hãy khoan nghĩ đến ngày mai vì nào ai biết được tương lai sẽ như thế nào? Hãy vững tin với cách sống tích cực của mình thì đau khổ chắc chắn sẽ qua, để dần nhường cho hạnh phúc từ những việc ta làm ngày hôm nay.





DI TÍCH CẤP QUỐC GIA
Đình thần Linh Đông

HÀNG CHÂU

Trong những năm đất nước tôi khói lửa ngất trời từ ven đô đến nông thôn, người người ánh mắt đầy lo âu, hạt cơm chưa vào miệng, đã lo chuẩn bị xuống hầm tránh pháo.

Phường Linh Chiểu nằm trong huyện Thủ Đức là huyện ven thành phố Sài Gòn. Từ ngã tư Hàng Xanh ra xa lộ về Đồng Nai, Biên Hòa, hai bên đường là ruộng lúa, có nơi xen lẫn cỏ dại, dọc theo con rạch nhỏ là hàng dừa nước sâu vào bên trong, đôi ba căn nhà lá lụp xụp mát rượi là dân nghèo cư ngụ.

Từ chợ Thủ Đức lên dốc nhà thờ đến ngã ba Chương Dương, nhìn thẳng đi bộ vài trăm thước, ẩn hiện ngôi đình cổ với tên cổ kính Đình làng Linh Đông. Hai bên con đường Chương Dương,

bấy giờ là hai dãy phố trệt, nóc tôn xi măng, lính thủy quân lục chiến đóng. Ngoài đầu đường có một lô cốt tường gạch bốn lỗ với cây chắn ngang, không người dân nào được đi qua con đường đó để vào đình. Ngay ngã ba đình bên tay trái đi đến cô nhi viện thời gian sau là Trường Phục hồi nhân phẩm, bên tay phải là khu chung cư vợ con lính ở.

Ngoài đầu đường Chương Dương, tay phải có một căn biệt thự cũ quét vôi trắng lâu ngày loang lổ bạc màu xây từ thời Pháp thuộc. Ngôi nhà thật im lìm, gần như không thấy có người. Đằng sau nhà là một bãi cỏ lún phún đất màu đỏ thật rộng, ước chừng khu này đến 5.000m^2. Ban đêm, những ngôi nhà đối diện bên kia đường Võ Văn Ngân, dân nghe tiếng người la thét kinh hoàng, hấp hối. Sau năm 1975, nước nhà được thống nhất, người ta mới được biết, ngôi biệt thự khủng khiếp ấy là nơi tra tấn tù binh quân giải phóng, của những tên tình báo hỗn hợp Việt Mỹ. Khi tiếp quản địa bàn huyện Thủ Đức, chị phụ trách ngành văn hóa phát hiện ra hai ngôi mộ đắp đất, cỏ mọc lum lúp mà bây giờ là sân tập thể dục thẩm mỹ trung tâm thể dục thể thao.

Khu tình báo bây giờ xây dựng lại thành ngôi nhà Truyền thống huyện Thủ Đức, căn villa thành nền khắc họa hình tượng bà mẹ Việt Nam anh hùng. Sau lưng tượng đài ấy giữ nguyên cầu thang xuống hầm tối tra tấn giam giữ tù vẫn còn di tích mảnh chiếu màu sọc rằn, tấm mền nỉ rách chỉ đủ đắp tấm thân co quắp.

Khi tiếng súng còn rền rỉ, bom đạn úp chụp giết người, bọn thủy quân lục chiến, nước da đen tái với ánh mắt hầm hừ bặm trợn, ngôi đình Linh Đông vắng lặng, hiếm có người dân lai vãng vào ngày rằm trăng lung linh huyền ảo.

***

Đình thần Linh Đông làm lễ kỷ niệm xây dựng vào năm 1823-2020, tính đến nay được 197 năm. Hằng năm lễ cúng Kỳ Yên ngôi đình Linh Đông vào ngày 16 tháng 10 âm lịch, năm nay vào ngày 30 tháng 11 năm 2020 dương lịch.

Đứng trước cổng đình dưới hàng cây thẳng tắp cao vút, ngôi

đình in nét dáng cổ xưa, trông hiền hòa tuyệt đẹp, ngây ngất lòng người. Đình Linh Đông có hiện vật giá trị lịch sử đó là sắc phong do vua Tự Đức ban năm 1852 chữ Hán Nôm, ý nghĩa như sau: "Thần Thành Hoàng Linh Chiểu đông là Thần Bảo An Chánh Trực, giúp nước cứu dân. Ta vâng theo lệnh của Trời, gia tặng cho Thần là Thần Bảo An Chánh Trực Hưu Thiện Đôn ngày 29 tháng 11 năm 1852".

Tiếng trống múa lân vang vang ngoài Trung tâm nhà Văn hóa quận. Tiếng vỗ tay của người dân khu phố vang trời. Hai bên đường các loại xe chầm chậm ngừng. Ánh mắt họ chăm chú nhìn hai con kỳ lân khoác áo lông đỏ vàng rực rỡ nhảy từng bước, chân quay bên này, quay bên kia rộn rã hướng vào ngôi đình cổ đường Chương Dương.

Dài dài lũ lượt theo sau là cán bộ quận, học sinh trường Trung học phổ thông Lê Quý Đôn. Các anh chiến sĩ công an đứng dọc theo con đường lân múa, bảo vệ trật tự. Các em thiếu nhi tươi cười, ánh mắt chăm chú, vỗ tay reo như đón chào nàng xuân thướt tha sắp trở về trên đất nước Việt Nam hòa bình thân yêu.

Trước cổng đình, hàng cờ Phật giáo đủ màu sắc phất phới theo tấm băng rôn với hàng chữ đỏ:

- "Mừng kỷ niệm 197 năm xây dựng đình thần Linh Đông - 16 tháng 10 âm lịch (30-11-2020)".

Tấm băng rôn tiếp theo:

- "Mặt trận Tổ quốc đình thần Linh Đông - Số 40/1A phường Linh Chiểu".

Kìa! Đoàn lân đã vào trong sân đình. Hai em học sinh áo sơ mi trắng khăn quàng đỏ kính cẩn nâng chiếc bảng xếp hạng với khung chữ lớn:

- "Di tích quốc gia - Đình thần Linh Đông.

Phường Linh Chiểu, quận Thủ Đức

Ngày 4-11-2020

Bộ trưởng Bộ Văn hóa thông tin - Thể thao - Du lịch

Nguyễn Ngọc Thiện

Mọi người hướng mắt nhìn trên sân khấu bức phông trắng tinh với hàng chữ đỏ thắm:

- "Bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa dân tộc là nhiệm vụ then chốt của chiến lược phát triển văn hóa.

- Di sản văn hóa Việt Nam là tài sản quý giá của cộng đồng các dân tộc Việt Nam và là một bộ phận của di sản văn hóa thế giới"

Giới thiệu thành phần trong ban quản lý đình trang phục lượt là nghiêm trang đón nhận bằng di tích quốc gia đình thần Linh Đông. Các bạn học sinh Lê Quý Đôn cầm cờ đỏ sao vàng phất phới tung bay rực rỡ. Hàng trăm ánh mắt như reo vui với bằng khen của Bộ Văn hóa Việt Nam.

Ông Ngô Mực, Trưởng ban quản lý đình với nụ cười khả ái, đôi mắt dịu hiền, tấm lòng người dân Thủ Đức hôm nay thật vinh dự, hạnh phúc, gần 200 năm vua Minh Mạng đã đến vùng ngoại ô Sài Gòn xa xôi này ngưỡng mộ ngôi đình kiến trúc cổ mà công lao rất lớn của vị thần bảo vệ quốc thái dân an.

Các vị quý tế đình áo dài gấm xanh dương, kính cẩn thắp nhang khấn lạy vị Thần Hoàng. Trong đình, ngoài sân người dân lũ lượt đến dự lễ, giây phút càng đông. Trời sang thu, ánh nắng dịu dàng, ngọn gió đong đưa lao xao cành lá.

Ôi! Việt Nam, Việt Nam trong Hòa bình, không còn tiếng bom rơi đạn nổ. Hình ảnh ngôi đình để lại trong tim tuổi thơ ngọt ngào tình yêu quê hương đất nước.

Tháng 12-2020



THÔNG TIN

Tin ảnh: **TRÍ BÁ - TRÍ TÂM - NHUẬN KIÊN**

KIỀM CHẾ CẢM XÚC TIÊU CỰC



Ni sư Thích Nữ Hương Nhũ



Đông đảo Phật tử đã lắng nghe bài pháp của Ni sư Thích Nữ Hương Nhũ

Tối ngày 24/4/2021, tại Giảng đường Chánh Trí Chùa Phật học Xá Lợi, Ni sư Thích Nữ Hương Nhũ, Tiến sĩ Phật học, UV Ban Hoằng pháp Trung ương, đã đến thuyết pháp với chủ đề *"Cảm xúc tiêu cực"*. Đông đảo Phật tử, trong đó có các thành viên Hội Người mù đã đến dự.

Với chất giọng trong sáng, truyền cảm Ni sư đã thuyết giảng:

- Về những cảm xúc, cụ thể là những cảm xúc tiêu cực, nếu cảm xúc tiêu cực thường xuyên xuất hiện trong cuộc sống thì chúng ta sẽ khó thoát khỏi tình trạng tồi tệ và ảnh hưởng đến mọi mặt của cuộc sống. Các cảm xúc tiêu cực sẽ che mờ lý trí làm giảm khả năng ứng xử khôn ngoan của chính chúng ta trong giao tiếp, dẫn đến những lời nói, hành động không đúng mực, không hợp lý. Cảm xúc tiêu cực không làm tiêu tan những đau buồn trong dĩ vãng mà chỉ xua tan ý chí hành động của hôm nay.

- Khi chúng ta muốn thành công phải tập thói quen khống chế, làm chủ các cảm xúc tiêu cực của mình và chuyển hóa chúng thành các cảm xúc tích cực. Chúng ta cần luôn luôn giữ thái độ lạc quan, tự tin, xây dựng mối quan hệ tốt với những người xung quanh, có cái nhìn khoan dung độ lượng, có trách nhiệm về những gì mình làm và tập trung vào mục tiêu đề ra. Càng tập trung suy nghĩ vào những yếu tố tích cực thì

càng dễ kiềm chế cảm xúc tiêu cực phát sinh. Thái độ sống vui vẻ, hài hước, giúp bạn có những cảm xúc tốt nhất có thể ngay cả trong hoàn cảnh bi đát nhất.

- Khi đã làm chủ được cảm xúc của mình sẽ giúp bản thân bạn vượt qua được những tình huống khó khăn trong cuộc sống. Dù cho đây không phải là điều dễ dàng gì, nhưng chỉ cần chúng ta cố gắng, quyết tâm và hướng đến những điều tích cực thì thành công ắt sẽ đến.

Với những dẫn chứng đơn giản, dí dỏm, Ni sư đã dẫn dắt mọi người thấu hiểu được ý nghĩa này.

LỄ HÚY KỴ LẦN THỨ 48
CƯ SĨ CHÁNH TRÍ MAI THỌ TRUYỀN

Ngày 26-4-2021 (15-3 Tân Sửu), Chùa Phật học Xá Lợi tổ chức lễ giỗ lần thứ 48 Cụ Cư sĩ Chánh Trí Mai Thọ Truyền, thành viên sáng lập Hội Phật học Nam Việt, Hội trưởng Hội Phật Học Nam Việt.

Chư Tăng nội tự, Ban Quản trị Chùa Phật học Xá Lợi, các thành viên Ban Phật học, các đạo tràng Chùa Phật học Xá Lợi, gia đình cố Hội trưởng và đông đảo Phật tử đã về dự lễ húy kỵ.

Cư sĩ Chánh Trí đã cống hiến trọn đời cho việc phụng sự Phật pháp. Ông là một người cư sĩ mẫu mực, uyên thâm giáo lý, tận tụy với đạo, dù đang ở những địa vị cao của quan trường. Ông là một điển hình cho sự tích cực của hàng cư sĩ lợi đạo ích đời theo tinh thần đạo Phật, và là điểm sáng chói ở miền Nam trong phong trào chấn hưng và thống nhất Phật giáo, góp phần lớn lao trong sự nghiệp truyền bá tri thức Phật học, nhất là phát triển hệ thống Phật học cư sĩ do ông sáng lập vẫn còn duy trì hoạt động cho đến ngày nay.





Nghi thức lễ húy kỵ

LỄ TẮM PHẬT
TẠI CHÙA PHẬT HỌC XÁ LỢI



HT.Thích Đồng Bổn, trụ trì Chùa Phật học Xá Lợi bạch Phật mở đầu nghi thức tắm Phật.



Chư Tăng nội tự tắm Phật

Lễ tắm Phật tại Chùa Phật học Xá Lợi (89 Bà Huyện Thanh Quan, Q.3, TP.HCM) đã trang nghiêm diễn ra sáng ngày 19-5-2021 (8-4 ÂL), PL 2565.

Năm nay, do phòng chống dịch Covid-19, nên việc tổ chức nghi lễ tắm Phật tại chùa Phật học Xá Lợi được Ban Quản trị chùa tổ chức lễ 2 nơi: Chánh điện và Giảng đường Chánh Trí để giãn cách theo chủ trương chung. Tất cả chư tăng nội tự và Phật tử tham dự đều thực hiện hướng dẫn của Bộ Y tế như đeo khẩu trang, khử khuẩn tay, giữ khoảng cách xa,…

HT.Thích Đồng Bổn, trụ trì Chùa Phật học Xá Lợi đã dâng hương, bạch Phật mở đầu nghi thức tắm Phật.

Tiếp đó, chư Tăng và Phật tử chùa Xá Lợi cùng nhau tụng bài sám tắm Phật, và thực hiện nghi thức tắm Phật kính mừng Phật đản sanh PL.2565.

LỄ KHÁNH ĐẢN ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI
PL. 2565

Sáng 26-5-2021 (15-04 Tân Sửu), Ban Quản trị Chùa Phật học Xá Lợi đã tổ chức trang nghiêm Lễ Khánh đản Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lần thứ 2565.



7 giờ sáng tại sân tượng Quan Âm mới

Mùa Phật đản Phật lịch 2565 diễn ra trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp ở hầu khắp các nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Vì thế, GHPGVN chủ trương tổ chức Đại lễ Phật đản 2021 an lạc, trang nghiêm, gọn nhẹ, không tập trung đông người. Thực hiện văn bản số 1641/UBND-VX ngày 21-5-2021 của

UBND TP, Ban Quản trị Chùa đã tổ chức lễ Phật đản ở 3 địa điểm nội tự, ở 3 khung giờ khác nhau để tránh tập trung không quá 20 người. Phật tử dự lễ đều thực hiện 5K theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

Sau nghi lễ niệm Phật cầu gia hộ, chư Tăng và Phật tử tiến hành tụng Sám khánh đản Đức Phật và cầu nguyện quốc thái dân an, thế giới hoà bình, chúng sinh an lạc.



8 giờ sáng
tại phía sau tượng Quan Âm cũ



9 giờ sáng
tại Giảng đường Chánh Trí.

TRAO ĐỔI CHUYÊN ĐỀ:
"TÌM HIỂU ĐỨC TIN TRONG PHẬT GIÁO"

Sáng 17/4/2021 (nhằm ngày mùng 6 tháng 3 năm Tân Sửu), tại Chùa Phật học Xá Lợi đã có buổi trao đổi về đề tài *"Tìm hiểu đức tin trong Phật giáo"*. Nhà nghiên cứu Trần Đình Sơn, Trưởng Ban Phật học Chùa Phật học Xá Lợi, chủ trì buổi trao đổi.

Buổi trao đổi dành phần lớn thời gian để các thành viên nêu lý do mình tin và theo đạo Phật. Đa số vì tin vào luật nhân quả mà Đức Phật đã truyền dạy. Có thành viên tin và theo đạo Phật vì theo truyền thống gia đình. Có trường hợp lúc đầu chưa hiểu về đạo Phật nhưng qua thời gian nghiên cứu, học hỏi nhận thấy đạo Phật rất trí tuệ, càng học càng thích nên tin và theo đạo Phật.

Ông Trần Đình Sơn cho rằng đức tin của Phật giáo là chánh tín và nương tựa vào tam bảo Phật, Pháp, Tăng. Người Phật tử cố gắng giữ 5 giới cho thật tốt chính là thể hiện đức tin của mình. Có nhiều Phật tử 5 giới giữ chưa tròn mà muốn vượt lên thọ Bồ tát giới, như vậy rất khó đạt được tinh tấn trong tu tập.



Nhà nghiên cứu Trần Đình Sơn

Ngoài ra, ông Trần Đình Sơn còn giải thích vài ý kiến của các thành viên như có thể quy y nhiều lần được không, Tịnh độ có phải là Niết bàn không,…

CHIA SẺ KINH NGHIỆM HỌC PHẬT



Cư sĩ Đạo diễn Kha Thùy Châu

Sáng 15/5/2021 (nhằm ngày mùng 4 tháng 4 năm Tân Sửu), tại Chùa Phật học Xá Lợi, Cư sĩ Đạo diễn Kha Thùy Châu (Nguyễn Tấn Thành) đã có buổi chia sẻ về kinh nghiệm học Phật. Theo cư sĩ Kha Thùy Châu, trong quá trình học Phật, ông nhận thấy có nhiều vấn đề cần thảo luận. Những vấn đề cư sĩ Kha Thùy Châu đặt ra rất gần gũi và hữu ích. Tuy nhiên, do thời gian có hạn nên phần lớn thời gian các thành viên chỉ tập trung thảo luận vấn đề *"Đạo Phật có phải là một tôn giáo?"*.

Theo ông Châu, đạo Phật không phải là một tôn giáo theo như mọi người vẫn nghĩ. Đạo Phật không chấp nhận rằng có một thế lực, sức mạnh, thần linh, ông trời, thần thánh, lễ nghi, tục lệ nào có thể quyết định vận mệnh của chúng ta. Do vậy, đạo Phật không có các tập quán lễ nghi nào tỏ thái độ tin tưởng và tôn sùng sức mạnh, thế lực nào đó.

Các thành viên góp ý thêm: Theo đạo Phật, mọi vật vận hành theo luật nhân quả. Do ta gieo nhân là các hành động (hành nghiệp) có chủ ý ở quá khứ mà chúng ta sẽ gặt hái các quả trong hiện tại hay trong tương lai; tương tự, hành động có chủ ý ở hiện tại sẽ cho quả ở tương lai. Hành động ở đây bao gồm ý hành, thân hành và khẩu hành. Ý hành là các suy nghĩ trong tâm, thân hành là các hành động bằng thân thể và khẩu hành là lời nói. Quả ở hiện tại hay ở tương lai có cơ hội trổ ra hay không còn tùy thuộc vào các điều kiện (duyên) cần thiết. Khi nhân duyên chín muồi thì quả chắc chắn sẽ trổ mà không thể ngăn cản được. Khi nhân đã được gieo và quả đã được trổ ra trọn vẹn thì nhân ấy không còn tồn tại nữa.

Do vậy mà không có các thế lực, sức mạnh siêu nhiên, thần linh, thần thánh, lễ nghi nào quyết định số phận, vận mệnh của ta. Nếu có tồn tại một vị thần linh có thể tác động đến vận mệnh của ta thì đó chính là nghiệp của ta. Nhưng vì nghiệp là do ta tạo ra và ta không thể thay đổi được nghiệp quá khứ nên không thể có vị thần linh nào cả.

Tuy nhiên, nếu xét theo tiêu chí của ngành Tôn giáo học thì đạo Phật là một tôn giáo vì nó hội đủ điều kiện: Niềm tin vào cái thiêng, được biểu đạt bằng thực hành gắn kết với niềm tin đó, tạo thành cộng đồng người có cùng niềm tin vào cái thiêng, trước hết là cộng đồng luân lý. Các yếu tố đó tạo ra các hệ thống được gọi là tôn giáo.

Do đó, có thể nói rằng đạo Phật là một tôn giáo theo nghĩa thế tục nhưng mang tính triết lý sâu sắc. Đạo Phật không có sự ràng buộc tín đồ, khác hoàn toàn so với các tôn giáo khác. Đức Phật không phải là một đấng tối cao quyết định vận mạng của chúng ta. Đức Phật ra đời và dạy chúng ta bốn chân lý cao thượng là Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế. Vì lý do như vậy mà chúng ta tôn kính Đức Phật, vì đó là vị thầy tối thượng: Thiên Nhân Sư, vị thầy của chư thiên và nhân loại./.

TIN BUỒN

Nhận được tin buồn NNC Đinh Hữu Chí, bút danh Hữu Chí, cộng tác viên thường xuyên Phật học Từ Quang và Trung tâm Nghiên cứu Phật giáo Việt Nam vừa thất lộc vào ngày 12/7/2021 (nhằm ngày ba tháng sáu năm Tân Sửu), hưởng thọ 84 tuổi.

Ban Biên tập Phật học Từ Quang thành kính báo tin buồn đến Ban Phật học Xá Lợi cùng bạn đọc Từ Quang. Xin thắp nén tâm hương hồi hướng về hương linh anh Hữu Chí sớm được an trú nơi miền lạc cảnh.

Ban Biên tập Phật học Từ Quang kính báo

Trang web chùa Phật học Xá Lợi: chuaxaloi.vn

Thư từ bài viết xin gửi về địa chỉ: Ban biên soạn Tủ sách Phật học Từ Quang, 89 Bà Huyện Thanh Quan, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh. Email: phathoctuquang@gmail.com

Địa chỉ phân phối: Thư viện chùa Phật học Xá Lợi, 89 Bà Huyện Thanh Quan, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.



QUỸ ẤN TỐNG HOA SEN

Với tâm nguyện pháp thí, đưa kinh sách đọc và nói đến với mọi người mọi nhà, nhằm phổ biến Phật pháp bằng hình thức *không kinh doanh*

Chúng tôi hoan nghênh sự tham gia ủng hộ rộng rãi
của mọi giới vào công tác thiện nguyện này

Liên hệ: Tỳ kheo **Thích Đồng Bổn**

Chùa Xá Lợi, 89 Bà Huyện Thanh Quan, phường 7, Quận 3, TP. HCM

Điện thoại: 098 904 2114 Email: dongbon@gmail.com

Tài khoản: Nguyễn Thành Nam

Số tài khoản: 042.0101.0897.693 tại ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - chi nhánh Đô Thành, 169-171 Cách Mạng Tháng Tám, Quận 3, TP.HCM

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
65 Tràng Thi - Quận Hoàn Kiếm - Hà Nội
Email: nhaxuatbanhongduc65@gmail.com
Điện thoại: 024.39260024 Fax: 024.39260031

PHẬT HỌC TỪ QUANG - TẬP 37

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc Bùi Việt Bắc
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng biên tập Lý Bá Toàn
Biên tập: Phan Thị Ngọc Minh
Sửa bản in: Minh Như
Trình bày bìa: Khánh Lê

In 1.000 cuốn, khổ 16cm x 24cm tại Công ty CP In Khuyến Học Phía Nam
Địa chỉ: Lô B5-8, đường D4, KCN Tân Phú Trung, Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
Số XNĐKXB: 174-2021/CXBIPH/125 - 04/HĐ
Cục Xuất bản, In và Phát hành ký ngày 15/01/2021
Số QĐXB của NXB: 172/QĐ-NXBHĐ
In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2021
Mã ISBN: 978-604-321-308-9